NĂM THỨ MƯỜI LĂM • # 179 • MARCH 2004

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

VÀI ĐIỀU VỀ ĐIÊU KHẮC GIA MAI CHỬNG

HUỲNH HỮU ỦY

SUNG MÃN VÔ HẠN ĐỊNH

HỒNG KHẮC KIM MAI

VIẾT VỀ XUÂN VŨ

LÊ VÂN • TRƯƠNG ANH THỤY • NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

DELTA ALARM
SECURITY SYSTEM, INC

12912 Brookhurst St. # 375, Garden Grove, CA 92840

1-866-NEED-ADT
633-3238

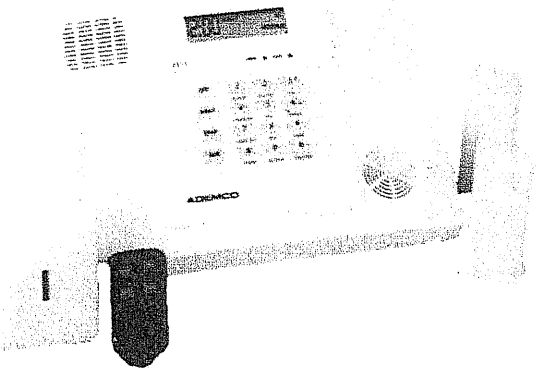

MIMI VO / Branch Manager
Direct: (562) 244-8810

Office:
714-210-4911

Fax:
714-210-5911

* Công ty Alarm Việt nam đầu tiên là đại diện cho ADT cung cấp hệ thống báo động khắp Hoa Kỳ & Châu Âu.
* Quý vị cần 1 người giữ nhà tuyệt đối trung thành và hữu hiệu.
* Quý vị cần 1 người bảo vệ an ninh cơ sở khi vắng mặt.
* Xin hãy giao phó công việc đó cho công ty DELTA / ADT 24/24 trực tiếp với sở Cảnh Sát bao gồm các trường hợp khẩn cấp: Y Tế, Hỏa Hoạn.v.v.

MIỄN PHÍ:	**Hệ thống báo động không dây**
FREE:	Wireless System
MIỄN PHÍ:	**Định Giá**
FREE:	Estimation
MIỄN PHÍ:	**Thiết kế và lắp đặt**
FREE:	Installation

Giảm giá bảo hiểm từ 5% - 25%

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

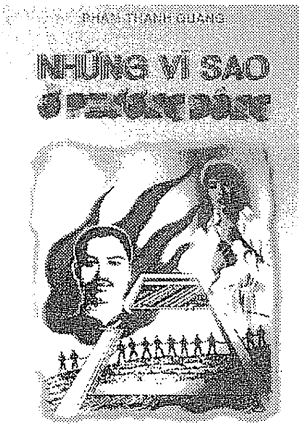

NHỮNG VÌ SAO Ở PHƯƠNG ĐÔNG
Lịch sử tiểu thuyết của
PHẠM THANH QUANG
Đây là một cuốn tiểu thuyết viết về lịch sử Việt Nam Quốc Dân Đảng, khởi đi từ lúc đảng trưởng Nguyễn Thái Học còn là một cậu học sinh. Cả một giai đoạn dài thành lập đảng, hoạt động chống Pháp, rồi thất bại, đã được tác giả tiểu thuyết hóa tuy vẫn dựa một cách chặt chẽ vào các sự kiện lịch sử. Có lẽ đây là cuốn tiểu thuyết lịch sử đầu tiên được viết về Việt Nam Quốc Dân Đảng. Giá 16 Mỹ kim.

BÚT NGHIÊN
Ký sự tiểu thuyết của **CHU THIÊN**
Suốt trong lịch sử của mình, dân tộc Việt Nam học hành thi cử đều bằng chữ Hán cả, mãi đến cuối thập niên 10 của thế kỷ 20 mới chuyển qua dùng chữ quốc ngữ. Cuốn Bút Nghiên là một cuốn ký sự tiểu thuyết diễn tả lại chuyện học và thi của thời còn dùng chữ nho, xuất bản lần đầu năm 1942 ở Hà Nội. Đây là tài liệu quý để hiểu việc giáo dục và tuyển chọn nhân tài thời xưa của nước ta.
Giá 12 Mỹ kim.

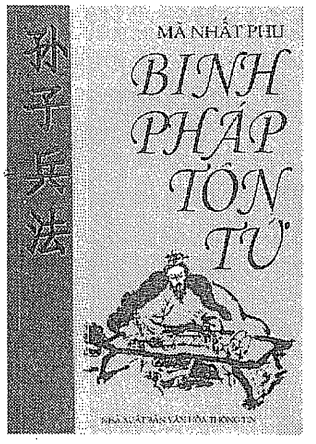

BINH PHÁP TÔN TỬ
Tác giả **MÃ NHẤT PHỤ,**
dịch giả **NGUYỄN QUỐC THÁI**
Tôn Tử là một nhà quân sự Trung Hoa sống khoảng 500 năm trước công nguyên. Ông để lại một cuốn binh thư gọi là Binh Pháp Tôn Tử bây giờ nổi tiếng khắp thế giới, vì những quy tắc quân sự ông đưa ra thời thượng cổ, thời nay vẫn đắc dụng. Thậm chí nhiều người áp dụng quy tắc của ông trong "cuộc chiến" của thương trường thế giới, mà vẫn thành công! Giá 10 Mỹ kim.

NHẬP MÔN DỰ ĐOÁN THEO TỨ TRỤ
TRẦN VIÊN biên soạn,
bản dịch của **NGUYỄN VĂN MẬU**
Theo kinh Dịch, người Tàu có môn đoán mạng số của con người dựa trên bốn yếu tố mà họ gọi là "tứ trụ": năm, tháng, ngày, giờ sinh của một người. Dùng thiên can, địa chi của năm, tháng, ngày, giờ sinh để biểu thị quy luật khác nhau của sinh mệnh con người. Xem sách này, độc giả sẽ học được phương pháp xem số mệnh dựa vào tứ trụ, được trình bày từ dễ tới khó. Giá 12 Mỹ kim.

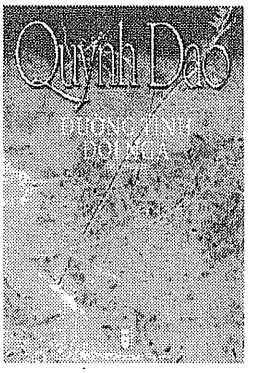

ĐƯỜNG TÌNH ĐÔI NGẢ
Tiểu thuyết của **QUỲNH DAO,**
bản dịch của **LIÊU QUỐC NHĨ**
Quỳnh Dao và Liêu Quốc Nhĩ giống như một cặp bài trùng đối với độc giả Việt Nam nhiều chục năm qua. Tiểu thuyết của Quỳnh Dao, qua ngòi bút dịch của Liêu Quốc Nhĩ, đã là món ăn tinh thần và tình cảm của đông đảo người đọc miền Nam trước đây, và bây giờ cho độc giả Việt Nam trong nước và hải ngoại. Đường Tình Đôi Ngả là một tiểu thuyết tình cảm xã hội rất gần gũi với cảnh sống và tâm lý các dân tộc Á Đông. Giá 11 Mỹ kim.

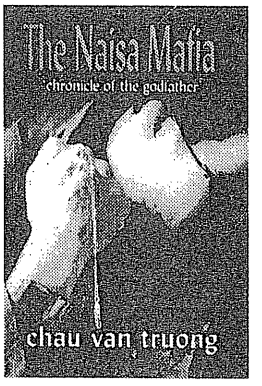

THE NAISA MAFIA:
The Chronicle Of The Godfather
Tiểu thuyết tiếng Anh của
CHAU VAN TRUONG
Truyện thế giới tội ác viết bằng Anh ngữ do một tác giả Việt Nam. Tác giả nói rõ đây là một tiểu thuyết giải trí cho người đọc, hoàn toàn hư cấu dựa trên một số kinh nghiệm riêng của cá nhân mình, không nhằm vào bất cứ người nào. Thế giới tội ác nhìn và viết bởi một người Việt Nam hẳn mang vẻ "độc đáo châu Á" của nó. Giá 12 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel.: (417) 585 - 4666, (714) 839 - 8746
Email: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky21@kicon.com (biên tập)

Tạp chí THẾ KỶ 21: Một tặng phẩm đầy ý nghĩa

PHIẾU ĐẶT MUA/GIA HẠN/TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận/Full name:_____

Địa chỉ/ Address: _____

_____

Phone/Fax/E-mail:_____

Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order #:_____

Số tiền/Amount: _____

	1 năm/1 year	2 năm/ 2 years	Ghi chú/Notes
Media Mail (AirMail)	US $50.00	US $90.00	
Hạng nhất / First class	US $64.00	US $120.00	
Canada	US $68.00	US $130.00	
Châu Âu/Europe(Air Mail)	US $88.00 $90.00 US	US $170.00 US $170.00	 Mới (New)
Châu Á, Châu Úc/Asia, Australia(Air Mail)	US $98.00 US $106.00	US $185 US $196.00	 Mới (New)

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 11 năm 2002 (Effective Nov. 1, 2002)

DELTA ALARM
SECURITY SYSTEM,INC

12912 Brookhurst St. # 375, Garden Grove, CA 92840

1-866-NEED-ADT
633-3238

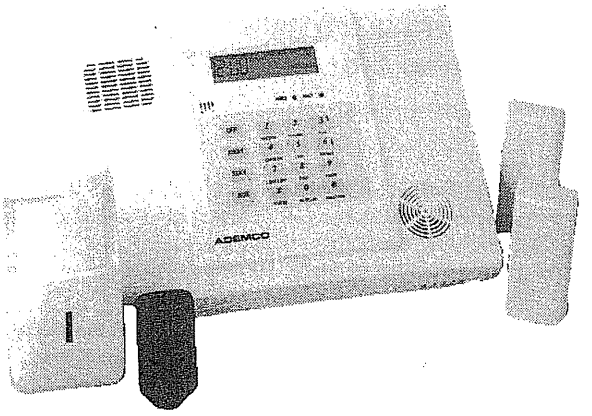

MIMI VO / Branch Manager
Direct: (562) 244-8810

* Công ty Alarm Việt nam đầu tiên là đại diện cho ADT cung cấp hệ thống báo động khắp Hoa Kỳ & Châu Âu.
* Quý vị cần 1 người giữ nhà tuyệt đối trung thành và hữu hiệu.
* Quý vị cần 1 người bảo vệ an ninh cơ sở khi vắng mặt.
* Xin hãy giao phó công việc đó cho công ty DELTA / ADT 24/24 trực tiếp với sở Cảnh Sát bao gồm các trường hợp khẩn cấp: Y Tế, Hỏa Hoạn.v.v...

Office:
714-210-4911
Fax:
714-210-5911

MIỄN PHÍ:	**Hệ thống báo động không dây**
FREE:	Wireless System
MIỄN PHÍ:	**Định Giá**
FREE:	Estimation
MIỄN PHÍ:	**Thiết kế và lắp đặt**
FREE:	Installation

Giảm giá bảo hiểm từ 5% - 25%

Cuốn sách ai cũng cần đọc để có giải đáp tất cả các thắc mắc về Canh Dưỡng Sinh:

* *Nên hay không nên uống Canh Dưỡng Sinh? Vì sao?*
* *Nấu canh với liều lượng nào mới đúng?*
* *Các nguyên liệu nấu canh có những dược chất gì? Chữa được những bệnh nào? Ai đã khỏi bệnh? Ai bị phản ứng?*
* *Tác giả Lập Thạch Hòa hiện nay đang ở đâu?*

Tìm hiểu về Canh dưỡng sinh

do nhà báo Tiểu Ký,
một dược sĩ biên soạn.

Một phần sách gồm những bài ***"Cơn Sốt Canh dưỡng sinh"*** trên nhật báo Người Việt, đã được sửa chữa.
Có thêm phần nghiên cứu kỹ lưỡng về dược tính của củ cải, củ cà-rốt và nấm Shitake.

Phần phụ lục gồm các bài về ***Cách chữa trị và sống với bệnh nan y*** *của Chân Huyền (dịch giả các cuốn Sống Hạnh Phúc Chết Bình An, Chuyển Hóa Tâm, v.v... của Đạt Lai Lạt Ma).*

Tiền bán sách sau khi trừ chi phí sẽ được dùng vào việc tặng bữa ăn trưa cho các trẻ em mẫu giáo tại Nha Trang

Ngoài tòa báo Người Việt và các nhà sách,
quý vị có thể gửi thư mua trực tiếp tại:
Chân Huyền
10746 El Rubi circle
Fountain Valley - Ca 92708.
(Giá 5$. Nếu mua 1- 2 cuốn, xin gửi thêm 2$ tiền bưu phí.
Từ 3 - 5 cuốn : thêm 3$)

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm

Bìa: tranh của họa sĩ **Nguyễn Đồng**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Vũ Thái Hòa, Thái Tuấn, Đinh Cường**
Hý họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC

Số 179 - Tháng Ba 2004

CHÍNH TRỊ – THỜI SỰ
9. Những sự kiện nổi bật trong năm 2003 – **Nguyễn Mạnh Hùng**
12. Hội nhập chính trị hay đồng hóa – **Huỳnh Hùng**
15. Ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm tại Á châu – **Hoàng Quế**
19. Thế giới thế kỷ 21 đi về đâu – **Cổ Lũy**
TƯỞNG NIỆM XUÂN VŨ
40. Xuân Vũ: cây bút lớn trui rèn trong kinh nghiệm sống – **Lê Vân**
47. Một chút kỷ niệm với nhà văn Xuân Vũ – **Trương Anh Thụy**
50. Như một lời chia tay với Xuân Vũ – **Nguyễn Thị Thanh Bình**
LỊCH SỬ – NGHỆ THUẬT
27. Chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa – **Nguyễn Nhã**
32. Vận suy chúa Nguyễn – **Trần Gia Phụng**
70. Vài điều về điêu khắc gia Mai Chửng – **Huỳnh Hữu Ủy**
98. Thơ họa sứ lam thời Lê Nguyễn – **Phan Trần Sơn**
101. Sáng Thế Ký đọc bởi một người Việt Nam (phần 2) – **Nguyễn Hoài Vân**
VĂN
76 . Sung mãn vô hạn định – **Hồng Khắc Kim Mai**
87. Mỏ Cày, thị trấn tuổi thơ – **Xuân Vũ**
110. Đầu năm khỉ, nói chuyện người (và ngựa) – **Tưởng Năng Tiến**
112. Từ một miền không đáy – **Nguyễn Thị Thanh Bình**
116. Ăn thịt chó, nói chuyện "Trời" - **Khổng-Có-Chi**
THƠ
43. Trăng vô tình quá đi đâu biệt – **Lê Nhiên Hạo**. 45. Khung cửa – **Lê Thị Kim**. 49. Nụ tầm Xuân – **Chu Vương Miện**. 79. Lòng nàng như chén cổ – **Trần Mộng Tú**. 89. Nắm tay em mình đón Xuân – **Thảo Chi**. 103. Nhấn dỗi – **Nguyễn Văn Cường**. 107. Chuông khuya – **Hoàng Huy Khánh**. 111. Xông đất – **Luân Hoán**.
MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
8. Tòa soạn và Bạn đọc, Thư Trị Sự
52. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
58. Đời sống quanh ta – **Trần Quán Niệm, Từ Nguyên**
64. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**
90. Đọc sách: Việt Nam cần đổi mới thật sự – **Nguyễn Quốc Khải**
97. Đọc sách: The Hermit and the Well – **Phạm Xuân Đài**

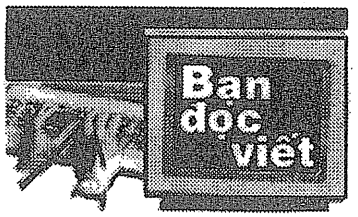

Sáng Thế Ký

Thế Kỷ 21 số xuân vừa qua quy tụ nhiều bài xuất sắc. Riêng bài *Sáng Thế Ký đọc bởi một người Việt Nam* của bác sĩ Nguyễn Hoài Vân là một bài đặc biệt. Tôi đọc đi đọc lại mấy lần vẫn thích.

Qua bài viết, người đọc thấy ông có những nhận định tinh tế của một học giả với một ngòi bút vui tính. Ông không bị lệ thuộc vào những trói buộc như tâm cảnh kính nể của tín đồ hay cách viết phản bác của những ngòi bút công kích. Tác giả đứng trên và đứng ngoài những trói buộc đó.

Vượt qua được những tranh chấp thông thường của bao nhiêu học giả về vấn đề hư thực của những huyền thoại sáng tạo trong phần Cựu ước, tác giả đã trình bày một cái nhìn sâu sắc của mình về những vấn đề triết lý nan giải, như quan niệm về tốt, xấu, cũng như những điểm phụ như thứ tâm lý "male chauvinism" của người viết kinh. Tác giả đã rất thành công trong nghệ thuật trình bày câu chuyện, đó là cùng người đọc nêu lên những câu hỏi khéo, không phải để phản bác, nhưng để phân tích tìm hiểu và để lý trí sâu xa bình tĩnh lên tiếng trả lời.

Thú vị hơn nữa, trong suốt bài, nhiều đoạn không tránh khỏi những vấn đề có tính cách triết lý khô khan đã được tác giả nhấn mạnh một cách khôi hài, và cách khai triển vấn đề hấp dẫn qua những diễn tiến rời rạc và vô lý của huyền sử. Đây là một điều khó khăn cho người viết kinh thời xưa lẫn tác giả Nguyễn Hoài Vân thời nay. Không biết những ai còn thấy chuyện đọc kinh thánh là một hấp dẫn mới lạ thời buổi 2004 này?

Sách Cựu ước chẳng qua là một tổng hợp góp nhặt những huyền thoại xa xưa về sự tạo dựng ra vũ trụ, sự sống, vạn vật và con người. Nó còn là lịch sử riêng tư của một vài sắc dân vùng Trung Đông. Những chuyện cổ tích này đã được tác giả phân tích với nghệ thuật diễn tả để trở thành những kinh nghiệm mới nhìn theo tinh thần của một người thấm nhuần triết lý Đông phương. Với quan điểm ấy, người đọc thấy ra được sự hình thành của một thứ văn hóa của những nền văn minh du mục cũ và những nỗ lực tưởng tượng của người xưa trong việc tạo dựng nên -cũng như việc quy hết trách nhiệm vào- một nhân vật huyền thoại xuyên lịch sử: Thượng Đế, hay nói đúng ra: sự hình thành của lý trí, lương tri và dục vọng con người qua bao thời đại.

(Người đọc dường như cũng nhận ra được rằng chính nhân vật Thượng Đế mờ mờ ảo ảo đầy quyền uy và phẫn nộ trong Cựu ước này cũng đã được những ngòi bút giầu tưởng tượng trong Tân ước cụ thể hóa thành một nhân vật lịch sử khác: Jesus. Cái chết của Jesus trên thập tự giá sau này chỉ có thể làm cho người đọc sách đi đến một kết luận mang vẻ triết lý: Con người căm thù Thượng Đế cũng như căm thù chính cái tôi khó hiểu của nó. Và cái chết của Jesus là một sự giải thoát và thỏa mãn cho những dục vọng thầm kín muôn thuở trong con người. Cái chết của Jesus, vì thế, không hề là một sự cứu chuộc, nó chỉ có thể là một sự giải thích.)

Câu kết luận của bác sĩ Vân làm tôi nhớ đến câu nhận định đáng suy ngẫm của một học giả tiến sĩ công giáo người Mỹ: *Thượng Đế là Chúng ta*!

Ai chưa từng đọc kinh thánh nên thưởng thức bài này như món quà đầu xuân. Độc giả nào tự nhận mình đã đọc kinh thánh lại càng nên đọc để nhớ lại những gì mình đã đọc, đã hiểu lầm và đã quên.

Đối với tôi đây là một món quà xuân ý nghĩa. Ai đã nói Đông và Tây không bao giờ gặp nhau?

Xin cám ơn tác giả.

Nguyễn Hùng Vũ

Thiên cổ và ngày nay

Những hình ảnh về cuộc khai quật thành Thăng Long dĩ nhiên làm chúng ta xúc động. Người Tàu có thể nhìn thấy những chứng tích quá khứ của chính họ từ nhiều nghìn năm, người Ai Cập, người Hy Lạp và nhiều dân tộc khác cũng thế, chỉ riêng dân Việt Nam thì di tích lịch sử thật hiếm hoi. Chỉ đây đó đôi cái vụn vặt, mà nói ra cũng không chắc người ta tin, chẳng hạn cây đa trước miễu Mỵ Châu trong thành Cổ Loa có người nói do Ngô Quyền trồng, nhưng nghe thì nghe thế, như một truyền thuyết, chứ chẳng có gì để thuyết phục cả.

Cuộc khai quật Thăng Long bỗng nhiên đem chúng ta ngược về ít ra hơn một nghìn năm. Đối với dân Việt Nam được thế là một "thắng lợi" lớn lắm rồi! Các trang hình ảnh khai quật trên Thế Kỷ 21 Xuân vừa rồi đáng giá lắm. Rõ ràng, màu sắc sống động in như thật cho ta cảm giác nghìn năm chỉ là một chớp mắt. Hình ảnh làm tôi xúc động nhất là hình cái giếng ở trang 111 với câu chú thích không theo kỹ thuật khảo cổ, trái lại rất thơ: *Giếng xưa, mặt nước lại soi trời xanh*. Cũng mặt nước ấy một nghìn năm trước, bao nhiêu bóng người đã soi dưới ấy? Bao nhiêu gàu nước đã được múc

lên? Bao nhiêu người đã tắm giặt, nấu ăn, pha trà với nước giếng ấy? Và đã bao nhiêu trăm năm lớp sóng phế hưng đã khép miệng giếng lại, vùi sâu dưới đất để đến ngày nay "mặt nước lại soi trời xanh"? Bức ảnh ấy là một chứng tích khảo cổ đã đành, nhưng đồng thời cũng là một tác phẩm nghệ thuật nối cái thiên cổ với hôm nay.

Lê Hàn Châu (Texas)

Ăn mất ngon

Bài 'Cái bếp của dân tị nạn' của Phạm Xuân Đài nêu được một số đặc điểm của tình hình ăn uống của dân tị nạn Việt Nam tại Mỹ. Nhưng tôi không đồng ý một vài nơi tác giả ưa liên hệ việc này (ăn uống) với chính trị, mà mục đích không gì khác hơn là để "nói khía" phía Cộng sản Việt Nam. Vẫn biết những điều tác giả viết không có gì sai, chẳng hạn nhà cầm quyền cộng sản đổi giọng điệu đối với người Việt tị nạn khi thụ hưởng được nguồn tài chánh lớn lao của họ chuyển về nước, hoặc ví cái "nhiệm vụ quốc tế" của ông Hồ Chí Minh với cũng vai trò đó của phở, nhưng theo tôi những điều đó không nên đem vào một bài viết như thế này, với một đề tài vốn phi chính trị và nặng về các nhận xét về văn hóa và tập tục. Chuyện ăn uống, dù là đầy mắm muối, cũng cần một không khí "sạch sẽ," chêm những chuyện đó vào e làm... mất ngon.

***Xuân Mai** (Huntington Beach CA)*

Hình màu rất đẹp

Lần đầu tiên báo Thế Kỷ 21 có những trang màu rất đẹp – tôi nói "rất đẹp" với nghĩa chính xác và đắn đo của lời nói. Hãy nhìn các đồ cổ ngoạn trong bài "Thơ Họa Sứ Lam thời Lê, Nguyễn" hình ảnh ánh lên từng chi tiết và màu sắc, không thua các tạp chí chuyên về đồ cổ in trên giấy láng của Âu Mỹ. Nếu bài viết hay chú thích ca tụng vẻ đẹp tuyệt vời của món đồ mà hình ảnh lại lem nhem đen đủi thì không những chẳng chứng minh gì lời viết, ngược lại khiến cho người xem phân vân: đẹp ở chỗ nào? Vì vậy chúng tôi rất hoan nghênh và cám ơn Tòa soạn Thế Kỷ 21 đã chẳng quản ngại tốn kém, thực hiện được những trang báo rất là xứng đáng.

Phạm Chương (Internet)

"Huyền truyện miền thanh lãng"

Loạt bài về Phạm Duy Khiêm tôi cho là có ích cho người đọc. Đó là một nhân tài của Việt Nam, mà lớp người Việt có học từ khoảng 55, 60 tuổi trở lên có nghe nói đến, nhưng phần lớn đều không hiểu "tài" như thế nào. Mấy ai được đọc và đọc được tác phẩm của ông? Bản thân tôi thời đi học trung học trong thập niên 1950 thì có thấy sách của ông bán ở Sài Gòn, cũng có đọc một số truyện, nhưng không chắc hiểu hết cái hay trong văn tiếng Pháp của ông. Thời đó tiếng Pháp còn tương đối thịnh hành mà còn vậy, huống hồ gì giai đoạn suy vi của tiếng Pháp về sau này. Bây giờ thì tiếng Pháp đối với người Việt Nam gần như... cổ ngữ, "nhắc chi ngày xưa đó đến se buồn lòng ta!" (Văn Cao – Thiên Thai). Đọc những bài viết về Phạm Duy Khiêm trong số Xuân vừa rồi, tôi tiếc sao không có một số bài văn tiêu biểu của ông để độc giả có cơ hội hiểu biết trực tiếp thêm về ông, nhưng nghĩ lại, dịch được văn của ông ra tiếng Việt không phải là dễ. Ngay chỉ mới cái tên truyện *Légendes des terres sereines* mà Thụy Khuê dịch là "Huyền truyện miền thanh lãng" thì riêng tôi đã không nghe gợi một cảm tưởng hay cảm giác gì đặc biệt, ngoài một mớ âm thanh lạ tai. Dù tiếng Pháp của tôi chỉ thuộc vào loại "dừa đủ xài," nhưng cái tên tiếng Pháp đó vẫn gợi được một tình cảm thanh cao, xa thẳm, còn tên tiếng Việt mới được dịch, có lẽ mới mẻ quá, chẳng đem lại gì cho cảm thụ của tôi. Có phải vì những chữ "huyền truyện, thanh lãng" ít được dùng quá trong ngôn ngữ của chúng ta, nên có thể chúng chuyên chở được về nghĩa nhưng không gợi được về tình. Mới cái tựa đề đã vậy, dịch vào văn của ông, mà nhiều đoạn tôi nhớ như thơ, chắc còn gay go hơn nữa.

Nhưng đó có lẽ là số phận chung của những nhà văn viết bằng tiếng nước ngoài: sẽ không bao giờ được thưởng thức trọn vẹn bởi đại đa số đồng bào của mình.

***Trần Thanh** (Úc châu)*

Ý tưởng lớn gặp nhau

Trong bài "Cái bếp của dân tị nạn" đăng trên số Xuân vừa rồi, nơi trang 198 bàn về tình hình người Tây phương ngày càng chuộng ăn chay, tôi đọc thấy câu này: *"Có mấy lý do: đạo Phật ngày càng có ảnh hưởng trong xã hội Tây phương, người ta tìm thấy ở đó những phương pháp tu tập cụ thể và hữu hiệu – trong đó hẳn có việc ăn chay – để ra khỏi các bế tắc mà người ta cảm thấy ngày càng nhiều trong đời sống khoa học hóa cao độ."* Xin có vài lời về ý này.

Quan sát xã hội từ Tây Âu sang Bắc Mỹ, quả là có hiện tượng "đạo Phật ngày càng có ảnh hưởng trong xã hội." Nhưng có chắc là người ta đến với đạo Phật chỉ vì muốn "ra khỏi các bế tắc mà người ta cảm thấy ngày càng nhiều trong đời sống khoa học hóa cao độ" không? Thế nào là khoa học hóa cao độ? Theo tôi, khoa học phát triển đồng nghĩa với trí tuệ, tri thức phát triển, đó là một điểm

vô cùng tích cực của thế giới loài người hiện nay (nếu nói có bế tắc là nhìn ở một vài góc độ khác, thuộc dạng tổ chức xã hội, chứ không thể ở chỗ tri thức được phát triển). Đạo Phật là một đạo dựa trên trí tuệ chứ không dựa trên đức tin vô điều kiện, vì thế nó có thể "match" với tình hình phát triển trí tuệ của khoa học, và đến một lúc, như người Pháp nói, "les grands esprits se rencontrent," (đại khái là những tư tưởng lớn thì gặp nhau), người Tây phương với tinh thần khoa học phát triển lại thấy tinh thần đạo Phật gần gũi với mình hơn là những truyền thống tôn giáo độc thần khác. Đơn giản đó là sự gặp ngỡ của những kẻ "đồng điệu," thế thôi. Nói rằng họ đến với đạo Phật vì đạo này có những phương pháp giúp họ thoát những cái khổ do đời sống hiện đại mang lại thì cũng không phải là sai, nhưng đó không phải là điểm chính. Nói như thế là chỉ nhìn ở khía cạnh thực dụng của đời sống, trong khi sự đến với nhau giữa đạo Phật và tinh thần khoa học thì tự bản chất, nằm trong trình độ trí tuệ rất cao của con người.

Những loại đức tin áp đặt một cách chặt chẽ, xiềng xích, không giúp trí tuệ phát triển. Hãy xem chủ nghĩa cộng sản, tất cả người dân trong chế độ bị ép phải tin vào một khuôn mẫu nhất định do đảng chế ra, ai đi ra ngoài là "tà đạo" thay vì phải lên giàn thiêu thì vào trại cải tạo không có ngày ra. Nhưng nhân loại ngày nay là nhân loại của trí tuệ, đến một lúc chính người cộng sản cũng phải "giác ngộ" và kiếm đường thoát ra khỏi cảnh xiềng xích ấy.

Và cuối cùng thì mọi dòng sông phải đổ vào cái biển trí tuệ thôi. Con người phải gặp nhau ở đó, chứ không phải tại... tiệm cơm chay!

Nguyễn Văn Bính (Paris)

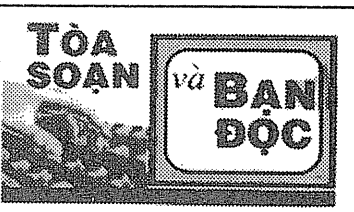

Thưa quý bạn đọc và văn hữu,

Thế Kỷ 21 lại đến với quý vị và các bạn sau cả một "tháng Giêng là tháng ăn chơi" dài đăng đẳng. Bắt tay lại với công việc, Tòa soạn có một vài thay đổi lịch trình đã định trước đây: **tháng Tư sẽ là số đặc biệt về Sài Gòn** (thay vì tháng Ba), **tháng Sáu số đặc biệt về Thạch Lam** (thay vì tháng Tư). Sự sắp xếp trở lại này hợp tình hợp lý hơn: kỷ niệm của chúng ta đối với Sài Gòn vào tháng Tư ra sao thì ai cũng biết rồi, riêng Thạch Lam thì gia đình nhà văn cho chúng tôi biết ông qua đời vào tháng Sáu, vậy nên làm số kỷ niệm ông vào tháng này.

Về hình thức tờ báo mà chúng tôi đã thưa chuyện với quý vị trong số tháng Mười Hai, là nên in trên giấy trắng hay tiếp tục in trên giấy báo, chúng tôi nhìn ra một con đường dung hòa: các số thường sẽ in trên giấy báo, những số đặc biệt cần in tranh ảnh màu thì sẽ dùng giấy trắng. Về cách trình bày, cũng theo con đường trung dung: cách tân vừa phải, hình thức cần linh hoạt nhưng phải hòa hợp với nội dung.

Ý kiến bạn đọc và văn hữu rất cần thiết cho Tòa soạn, chúng tôi luôn luôn chờ đợi lắng nghe từ quý vị, để nội dung, hình thức tờ báo nhờ đó được cải tiến mỗi ngày một tốt hơn.

Riêng số Tân Niên này, chắc quý vị còn thấy phảng phất không khí Tết. Đó là vì người Việt Nam mình ăn Tết kỹ lắm, hết Tết nhưng nhà nào cũng còn bánh mứt rượu chè, và cứ thế lai rai "ăn chơi" cho hết tháng Giêng. Thế Kỷ 21 cũng thế, đến số này vẫn còn một số bài vở thuộc về Tết, về Xuân: truyền thống dân tộc mà! Cũng vì lý do này, chúng tôi xin cáo lỗi cùng một số văn hữu vì đã phải gác bài của quý vị lại, nhất là những bài không liên quan mấy đến thời sự, không đăng ngay trong số này như đã dự định. Tết nhất thì rất vui nhưng sắm Tết dồi dào quá đôi khi cũng gây một vài phiền phức như vậy, xin quý vị thông cảm.

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Nguyen Quoc Khai MD – Nguyen Dinh CA – Ha Thuc Chu WA – Vuong Loi FL – Nguyen Ngoc Thanh CA – Nguyen Duc Luy NV – Hoang Ho CA – Hoang Tan CA – Hoang Tam Hilton MD – Nguyen Tri Thuc MN – Ly Minh Nguyen IL – Nguyen Quang Minh CA – Phan Manh Luong CA – Ly Hai Nguyen IL – Thich Tam Chau CANADA – Pham Thi Hoan FRANCE – Vu Van Thanh GERMANY – Hoang Giang IL – Truong Toan CA – Nguyen Gia An CANADA – Nguyen Quang Binh CA – Ha Thi Bich MD – Do Van Thu IL – Dang Hieu Kinh VA – Nguyen Tung CANADA - LIB: City Maribymong AUSTRALIA.

ĐỘC GIẢ MỚI

Bui Trong Chuong OR – Nguyen Tri Thuc MN – Le Thanh Phong FRANCE - LIB: City Of Charles Sturt LI ,AUSTRALIA.

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Tran Thanh ID – Bui Thanh MD – Lib: Melhus Bibliotek Norway – Vu Thi An TX – Lam Vinh The Canada – Truong Toan CA.

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2003

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sự kiện nổi bật nhất trong năm 2003 là việc Hoa Kỳ, thi hành chủ thuyết "tiên hạ thủ," tấn công, chiếm đóng và bắt giam Saddam Hussein. Sự kiện này gây ra những tranh luận lớn trên thế giới cũng như trong nội bộ Hoa Kỳ.

Mỹ

Đối với nước Mỹ, việc bắt được Saddam Hussein và những chỉ dấu cho thấy kinh tế đang phục hồi —ít nhất trong một thời gian có thể thấy được- đã khiến tư thế chính trị của Tổng Thống George W. Bush lên cao, và cứ như đà này thì ông là một địch thủ gần như không thể đánh bại trong cuộc tuyển cử năm 2004. Ngoài ra, một số diễn biến khác cũng đã giúp cho ông Bush tăng uy thế. Chẳng hạn như bên Gia Nã Đại, ông Jean Chrétien, sau hơn mười năm nắm quyền, đã phải nhường chức Thủ Tướng cho ông Paul Martin. Sự thay đổi này ảnh hưởng nhiều đến chính sách ngoại giao của Gia Nã Đại đối với Mỹ; bởi vì trong khi ông Jean Chrétien sẵn sàng, đôi khi còn thích nữa, gây hiềm khích với Mỹ thì ông Martin tuyên bố sẽ làm mọi cách để cải thiện bang giao với nước láng giềng phương Nam. Tư thế mới của ông Bush cũng khiến nhiều quốc gia trước kia chống hành động đơn phương của Hoa Kỳ ở Iraq tìm cách xích lại gần lại với Mỹ, như Pháp và Đức.

Trong nội bộ Mỹ, những khó khăn tại Iraq và áp lực chính trị mùa tranh cử buộc Tổng Thống Bush phải nhờ cựu ngoại trưởng James Baker xuống núi đi du thuyết Âu Châu để xin giảm nợ cho Iraq. James Baker, một nhân vật có vai vế trong đảng Cộng Hòa và là người thân tín của hai đời Tổng Thống Bush, là một người chủ trương đường lối ngoại giao đa phương. Sự xuất hiện của ông đã giảm phần nào quyền lực đang lên của nhóm Tân Bảo Thủ thiên về cách hành động đơn phương và có tham vọng biến Iraq và cả vùng Trung Đông thành một vùng dân chủ và hòa bình.

Một sự cố chính trị bất ngờ khác trong năm qua là việc cử tri California bỏ phiếu bất tín nhiệm Thống Đốc Gray Davis vì tình trạng ngân sách thâm thủng cùng với những khó khăn kinh tế bắt nguồn từ cuộc khủng hoảng kỹ nghệ tin học và điện tử. Do đó, qua sự đắc cử của tài tử điện ảnh Arnold Scharzenegger, đảng Cộng Hòa đã chiếm được ghế Thống Đốc tiểu bang California, một tiểu bang nổi tiếng là có khuynh hướng cấp tiến.

Trong lĩnh vực kinh tế-tài chính, năm 2003 là năm phát hiện ra những lạm dụng của các nhà lãnh đạo các công ty và ngân hàng lớn gây tổn hại cho khách hàng và giới đầu tư nhỏ. Một số Chủ Tịch/Tổng Giám Đốc đại công ty bị đưa ra tòa, một số khác phải từ chức. Định chế tài chính ngân hàng Mỹ đang ở dưới áp lực phải cải tổ sâu rộng. Thị trường chứng khoán Nửu Ước, trung tâm tài chính thế giới, cũng mới thay chủ. Richard Grasso phải ra đi, nhường chỗ cho John Thain.

Nga

Tại Nga, sự kiện nổi bật nhất trong năm qua là việc chính quyền Putin bắt giam và truy tố nhà tỷ phú dầu hỏa Mikhail Khodorkovsky vì tội trốn thuế và biển thủ. Việc này đã gây ra rất nhiều sự chỉ trích từ bên ngoài về vấn đề vi phạm nhân quyền ở Nga. Nhưng tại Nga, ảnh hưởng của nó là làm cho phe đối lập bị suy yếu, vì Khodorkovsky cũng có tham vọng tranh cử tổng thống và đang tài trợ cho mấy đảng đối lập có khuynh hướng tự do chống lại ông Putin.

Cuộc bầu cử tháng 12 vừa qua đã đem lại thắng lợi lớn lao cho đảng thân chính Quốc Gia Thống Nhất (United Russia). Trong khi đó phe tự do — nhóm Yabloko của Grigory Yavlinski và đảng Liên Hiệp Lực Lượng Hữu Phái (Union of Rightist Forces) của Boris Nemtsov bị thất bại nặng nề, không chiếm đủ số phiếu tối thiểu 5% để được chia ghế trong Quốc Hội.

Nhìn vào tình trạng này, nhiều người cho rằng, dưới thời Tổng Thống Putin, độc tài đã thắng dân chủ. Sự thật không hẳn là như vậy, vì kết quả cho thấy đảng Cộng Sản Nga cũng mất một nửa số ghế trong Quốc Hội. Do đó, có thể nói rằng, vì nhu cầu ổn định và bất mãn với tình trạng tham nhũng và làm giàu bất chính của một số tư bản

gộc, dân Nga đã bỏ phiếu cho một chế độ độc đoán (authoritarian) do ông Putin lãnh đạo, chống lại đường lối chính trị dân chủ tự do của các ông Yavlinski và Nemtsov và đồng thời chống cả sự phục hồi một chế độ toàn trị (totalitarian) mà đảng Cộng Sản là đại diện.

Trung Quốc

Nhìn sang Trung Quốc, người ta thấy có một số sự kiện nổi bật. Trước hết, hồi đầu năm 2003, ông Hồ Cẩm Đào, Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản, đã được bầu vào chức vụ Tổng Thống thay thế ông Giang Trạch Dân. Như vậy, Trung Quốc đã thành công trong việc chuyển quyền êm thấm từ thế hệ lãnh đạo thứ ba sang thế hệ lãnh đạo thứ tư, đúng như dự tính của cố lãnh tụ Đặng Tiểu Bình. Rồi đến cuối năm, Quốc Hội Trung Quốc chuẩn bị tu chính Hiến Pháp để ghi vào đó những điều khoản bảo vệ quyền tư hữu và chấp thuận thuyết "Ba đại diện" của Giang Trạch Dân. Thuyết này khẳng định Đảng Cộng Sản Trung Quốc đại diện cho đại đa số nhân dân, kể cả giới tư bản, chứ không phải chỉ đại diện cho giới công nông. Nó mở ra triển vọng một ngày kia các doanh nhân tư bản có thể trở thành giới lãnh đạo đảng Cộng Sản và, do đó, sẽ làm biến đổi bản chất của đảng Cộng Sản và chế độ chính trị ở Trung Quốc.

Trong mối quan hệ với Mỹ, Thủ Tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo thành công trong chuyến công du Hoa Kỳ lần đầu tiên từ khi lên nắm quyền. Ông không phải nhân nhượng nhiều trong vấn đề kinh tế, thương mại, nhưng lại giải tỏa được điều ông rất quan tâm trước khi lên đường sang Mỹ, đó là vấn đề Đài Loan. Trong cuộc họp báo chung với Tổng Thống Bush tại Bạch Cung, ông đã trả lời khôn khéo các câu hỏi, tạo cho mình hình ảnh của một chính khách khôn ngoan và ôn hòa, có thể là một đối tác tin cậy của Mỹ và, do đó, chiếm được cảm tình của chính giới và báo chí Mỹ, ngoại trừ những người chỉ trích tình trạng đàn áp nhân quyền ở Hoa Lục. Quan trọng hơn, Tổng Thống Bush đã công khai phát biểu ý kiến thuận lợi cho Trung Quốc về vấn đề Đài Loan. Ông Bush tuyên bố chống lại mọi hành động đơn phương làm thay đổi nguyên trạng tại eo biển Đài Loan, nhưng đồng thời cũng biểu lộ mối quan tâm của Hoa Kỳ đối với thái độ của nhà cầm quyền Đài Loan trong việc tiến hành cuộc trưng cầu dân ý sắp tới về tình hình eo biển Đài Loan. Với chuyến viếng thăm này, mối quan hệ Mỹ-Hoa được cải thiện một cách rõ rệt, khác hẳn với giai đoạn thù nghịch khi ông Bush mới lên nắm quyền và, do đó, góp phần không nhỏ vào việc ổn định tình hình trên thế giới nói chung, và trong khu vực bán đảo Triều Tiên, nói riêng.

Hiểm họa phổ biến võ khí tiêu diệt hàng loạt

Trong năm qua, cùng với hiểm họa khủng bố, hiểm họa phổ biến võ khí có khả năng tàn sát tập thể là một thách thức khác của thế giới. Điểm nóng nhất trong năm 2003 là việc Bắc Hàn nhìn nhận có chương trình sản xuất nguyên liệu để chế tạo võ khí nguyên tử. Đây là một hành động vi phạm luật quốc tế và những ngăn cấm của Liên Hiệp Quốc. Vì thế, nhiều quốc gia phải mở các cuộc vận động ngoại giao ráo riết để gỡ ngòi nổ ấy. Mỹ đã phải dùng đến mối quan hệ với Trung Quốc để nhờ Trung Quốc góp tay giải quyết hồ sơ Bắc Hàn.

Một bất ngờ thích thú là việc Lybia, một quốc gia nằm trong danh sách các quốc gia ngỗ nghịch của Mỹ, đột nhiên bằng lòng hủy bỏ chương trình chế tạo võ khí nguyên tử và chịu sự giám sát khắt khao của Cơ Quan Nguyên Tử Lực Quốc Tế.

Những ngày tháng cuối năm được đánh dấu bằng cuộc điều tra một số khoa học gia Hồi Quốc bị nghi là đã chuyển giao kỹ thuật chế tạo vũ khí nguyên tử cho Bắc Hàn và Ba Tư. Trong số những người bị điều tra có cả nhà khoa học được coi như cha đẻ của chương trình chế tạo vũ khí nguyên tử của Hồi Quốc.

Cũng trong khoảng thời gian đó, chính quyền Ba Tư, trước sự thuyết phục của các ngoại trưởng Nga, Đức và Pháp, đã đồng ý chấp nhận trên nguyên tắc sự kiểm soát của Cơ Quan Nguyên Tử Lực Quốc Tế đối với các lò nguyên tử của Ba Tư.

Đó là những bước tiến khá quan trọng trong việc hạn chế việc phổ biến vũ khí có khả năng sát hại tập thể trên thế giới, nhất là ngăn chặn được tình trạng chuyển nhượng kỹ thuật chế tạo vũ khí có khả năng tàn sát tập thể đến những quốc gia có thành tích bảo trợ quân khủng bố.

Trung Đông

Sự kiện nổi bật nhất trong năm qua là việc Hoa Kỳ tấn công, chiếm đóng Iraq và bắt giữ cựu Tổng Thống Saddam Hussein. Đây là đề tài gây tranh luận sôi nổi trong suốt năm qua trên thế giới cũng như trong nội bộ Mỹ.

Sự kiện nổi bật thứ hai là việc ký kết "Thỏa Ước Geneva" giữa cựu Bộ Trưởng Tư Pháp Do Thái Yossi Belin và cựu Bộ trưởng Thông Tin

Palestine Yasser Abed Rabbo. Đây không phải là một hiệp ước giữa hai chính quyền, mà là kết quả của những vận động cá nhân muốn tìm một lối thoát cho cuộc xung đột đẫm máu kéo dài giữa Do Thái và dân Palestine, và muốn tạo sức đẩy cho "Bản lộ trình hòa bình" do bốn phía (Hoa Kỳ, Nga, Liên Hiệp Âu Châu, Liên Hiệp Quốc) đưa ra đang bị vô hiệu hóa vì các hành động võ lực và khủng bố của cả hai bên. Dù với tư cách cá nhân, những người ký vào thỏa ước đều có uy tín đối ở cả hai phía. Thỏa ước Geneva không những được sự ủng hộ của một số tướng lãnh và những người từng chỉ huy ngành tình báo Do Thái mà còn được sự ủng hộ của Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc Kofi Anna, cựu Tổng Thống Mỹ Jimmy Carter, và cựu Tổng Thống Nam Phi Nelson Mandela. Trước sự kiện này, lãnh tụ Palestine Yasser Arafat tuy không ủng hộ nhưng ông cũng không chống, và còn tuyên bố rằng đó là một việc làm tốt. Về phía chính quyền Mỹ, dù gặp phải sự chống đối của chính quyền Sharon và những phần tử thân Do Thái tại Mỹ, Ngoại trưởng Colin Powell vẫn gặp gỡ những người đề xướng bản thỏa ước. Trên phương diện lý thuyết, đây là cố gắng dùng ngoại giao nhân dân (people's diplomacy) để thay thế cho đường lối ngoại giao cưỡng chế (coercive diplomacy) của chính quyền Sharon.

Việt Nam

Ở Việt Nam trong năm qua có một số sự kiện đáng để ý mà chính quyền coi đó là những thành công. Thứ nhất là Việt Nam đã tổ chức thành công và các lực sĩ Việt Nam đã đạt được số huy chương vàng kỷ lục trong Giải Đông Nam Á vận hội lần thứ 22. Thứ hai, không phải chỉ đối với đồng bào tại quê nhà mà còn đối với cả những người Việt sinh sống ở hải ngoại, là việc khám phá và khai quật vô số di tích lịch sử của kinh thành Thăng Long từ nghìn năm trước trải qua bao nhiêu đời vua. Thứ ba là vụ xét xử tham nhũng và băng đảng Năm Cam đã đưa đến việc trừng phạt và khiển trách một số các đảng viên cao cấp, kể cả ủy viên bộ chính trị và trung ương đảng. Một sự kiện khác làm người ta kỳ vọng để rồi thất vọng, là việc ông Thủ Tướng Phan Văn Khải đột nhiên tiếp Hòa Thượng Thích Huyền Quang, người lãnh đạo Giáo Hội Thống Nhất Việt Nam mới được nhà nước bỏ lệnh quản chế. Cuộc gặp gỡ này cùng với việc thả Hòa Thượng Thích Quảng Độ tưởng chừng có thể dẫn đến việc nới lỏng những biện pháp kiềm tỏa đối với Giáo Hội Việt Nam Thống Nhất, nhưng sau đó chính quyền lại tăng gia đàn áp và quản chế các vị lãnh đạo của Giáo Hội.

Về phương diện đối ngoại, lần đầu tiên kể từ khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt năm 1975, Bộ Trưởng Quốc Phòng Việt Nam, tướng Phạm Văn Trà đã hướng dẫn một phái đoàn quân sự hùng hậu đến Hoa Thịnh Đốn để đánh dấu một khúc quanh quan trọng mới trong mối quan hệ giữa hai nước. Rồi, hai tuần sau đó, chiến hạm Mỹ USS Vandegriff ghé thăm thành phố Hồ Chí Minh. Đây là lần đầu tiên kể từ khi người lính Mỹ cuối cùng rút khỏi Việt Nam Cộng Hòa ba mươi năm trước, năm 1973, các thủy thủ Mỹ đã trở lại Việt Nam trong một cuộc viếng thăm hòa bình chứ không phải để tham chiến như ngày xưa. Ngoài ra, người ta thấy Việt Nam cũng ráo riết chuẩn bị với hy vọng hội đủ điều kiện gia nhập Tổ Chức Mậu Dịch Quốc Tế (WTO) vào năm 2005. Đó là một thử thách rất lớn của Việt Nam.

Tình hình Việt Nam trong năm 2003 cũng có một số điểm tiêu cực. Trong tháng 11 vừa qua, Transparency International phổ biến bản phúc trình thứ hai về tệ nạn tham nhũng trên thế giới đã xếp Việt Nam hạng vào loại các nước tham nhũng nhất trên thế giới: Việt Nam xếp hạng 100 trong số 133 nước (số hạng càng cao càng tham nhũng), với chỉ số 2.4. Bốn năm trước, cơ quan nói trên xếp Việt Nam hạng 75 trên tổng số 99 nước, với chỉ số 2.6. Như vậy, tình trạng tham nhũng ở Việt Nam năm 2003 còn tồi tệ hơn năm 1999, là năm mà cựu Tổng Bí Thư đảng Cộng Sản Việt Nam, tướng Lê Khả Phiêu, phát động chiến dịch hai năm chống và tận diệt tham nhũng.

Ngoài ra, Hoa Kỳ, Liên Hiệp Âu Châu và các quốc gia cấp viện cho Việt Nam, kể cả nước cấp viện nhiều nhất cho Việt Nam là Nhật Bản, đã lên tiếng chỉ trích tình trạng vi phạm nhân quyền và đàn áp tôn giáo tại Việt Nam. Các tổ chức tài trợ quốc tế thì phàn nàn về sự cách biệt quá nhiều giữa mức sống của dân thành thị với những người sống ở miền quê, nhất là các sắc dân thiểu số.

Nhìn sang Trung Quốc để so sánh, người ta thấy, trong khi Trung Quốc đã chuyển êm thắm được quyền từ thế hệ lãnh đạo thứ ba sang thế hệ lãnh đạo thứ tư thì ở Việt Nam, qua nhiều đại hội Trung Ương Đảng, đảng Cộng Sản vẫn chưa hoàn tất được mục tiêu đã đề ra, là chuyển quyền từ thế hệ già sang thế hệ trẻ.

Hội nhập chính trị hay đồng hoá

Intégration politique ou assimilation

Il ne faut pas s'attacher au détachement ni se détacher de l'attachement

Đừng chú tâm tới xuất thế, đừng dửng dưng với nhập thế

Tenzin Gyatso, Dalai Lama 14

HUỲNH HÙNG

Làn sóng nhập cư những năm 1960, 1970 đã tạo thành hàng trăm cộng đồng Hồi giáo trên toàn nước Pháp và nước này có số người Ảrập lớn nhất châu Âu với con số 5 triệu. Đó là những người đi tiên phong của xu hướng xác lập lại châu Âu, từ Thụy Điển đến Tây Ban Nha. Dân số cựu lục địa đang già và giảm đi nhanh chóng khiến việc mở cửa cho những người nhập cư trở nên cần thiết. Áp lực về nhân chủng học là nguyên nhân chính khiến người Hồi giáo dẫn đầu làn sóng nhập cư. Theo ước tính, đa phần trong số 300 triệu người Hồi giáo hiện sống tại bờ nam Địa Trung Hải là dưới tuổi 20 và con số này vẫn tiếp tục tăng.

Vào thập niên 80, khi đảng Xã hội của cố Tổng thống Francois Mitterrand cầm quyền nước Pháp, đời sống của cộng đồng Hồi giáo tại Pháp, nhất là những thanh thiếu niên được người Pháp gọi là ''Beur'' [1], gặp rất nhiều khó khăn, ngay cả những người có quốc tịch Pháp. Để đánh động dư luận Pháp, một cuộc biểu tình của thanh thiếu niên nhập cư lấy tên là cuộc *"Diễn hành cho bình đẳng và chống kỳ thị chủng tộc (Marche pour l'égalité et contre le racisme),"* bắt đầu từ tháng mười 1983, xuất phát từ thành phố Marseille, đã đi khắp nước Pháp.

Ngày 3/12/1983, khi đến Paris, cuộc biểu tình đã quy tụ 100 000 người, như một biển người tràn ngập phố phường kinh đô ánh sáng. Những người lãnh đạo cuộc biểu tình đã được tổng thống Pháp thời bấy giờ, Francois Mitterrand, tiếp kiến tại điện Élysée. Đó là màn kết thúc thành công rực rỡ của cuộc "Diễn hành cho bình đẳng và chống kỳ thị chủng tộc," khiến cho dân chúng Pháp ý thức được rằng một phần công dân trẻ của họ gốc bắc Phi. Cuộc diễn hành đã gây một niềm hứng khởi trong cộng đồng Ảrập tại Pháp và sự nở rộ của các hội đoàn phường (association de quartier).

Đảng Xã hội Pháp cầm quyền lúc bấy giờ đã mở cửa phủ tổng thống đón tiếp những người diễn hành, đã tiến hành một cuộc vớt vát chính trị bằng cách thành lập phong trào SOS-Kỳ thị chủng tộc (SOS-Racisme) để ủng hộ cánh tả trong các cuộc bầu cử, nhưng đã không mở cửa các tòa thị chính cho dân nhập cư. Cha Christian Delorme, một người tổ chức cuộc *''Diễn hành cho bình đẳng và chống kỳ thị chủng tộc,''* trong cuộc phỏng vấn thực hiện bởi ký giả Philippe Bernard đăng trên nhật báo *Le Monde* (nhật báo buổi chiều nổi tiếng đứng đắn có khuynh hướng thiên tả, phát hành tại Paris) ngày 3/12/2003, cho rằng lý do của sự thờ ơ này là vì một phần những người dân cử cánh tả, vì không sống tại các ngoại ô nghèo, nên đã không hiểu biết tâm trạng của dân nhập cư. Một phần khác xử sự như một cách ban ơn, xem những thành phần trẻ xuất xứ từ các cuộc nhập cư như là những ca xã hội chứ không như những công dân. Với sự gia tăng thất nghiệp và sự bành trướng của cánh cực hữu, những người trẻ nhập cư bị xem như là một *''vấn đề''*. Nhãn hiệu ''beur'' tưởng rằng gây thiện cảm, thực ra đã làm thiệt hại cho những người trẻ Ảrập vì tính chất tha hóa của nó.

Trái lại, cánh hữu đã biết cách thu hút những người trẻ Ảrập, một cách rất cận nhân tình. Một thí dụ nhỏ. Một thiếu nữ trẻ Ảrập sống tại ngoại ô Paris, con gái một người thợ gốc An-giê-ri (Algérie) - một nước bắc Phi, cựu thuộc địa Pháp-, hăng say hoạt động trong các hội đoàn từ 20 năm, vốn là cử tri của cánh tả, sau một ngày làm việc mệt nhọc, chen lấn trong xe điện hầm, khi về đến nhà, đã nhận một bao thư trong đó đựng một bức thư có tiêu đề (en-tête) phủ Tổng thống và chữ ký bằng tay của Tổng thống Jacques Chirac, cho biết cô ta được đề nghị trong cuộc thăng thưởng sắp tới của *''Huân chương toàn quốc cho công trạng (Ordre national du Mérite)''* vì những phục vụ mà cô ta đã đem lại cho đất nước và sự tận tụy của cô ta cho sự nghiệp nhân quyền. Vô cùng xúc động, cô ta cho biết: *''Ai muốn nghĩ tốt xấu gì về các huy chương, thây kệ họ, nhưng bức thư này đã làm cho tôi vui sướng vô cùng. Tôi liên tưởng đến đoạn đường đời gian khổ của cha*

mẹ tôi, nghĩ đến những cay cực của chính bản thân tôi, tất cả những điều đó làm tôi xúc động. Một huy chương không cấm tôi có một cái nhìn chỉ trích và cho phép tôi kiếm được công ăn việc làm, nhưng sự kính trọng đã thay đổi tất cả. Trong quá khứ, tôi đã từng yêu cầu những người trong đảng Xã hội giúp đỡ, nhưng họ không bao giờ trả lời'' [2].

Ngoài ra, một số nhân vật gốc Hồi giáo được mời giữ những vai trò quan trọng trong chính phủ của Thủ tướng Jean Pierre Raffarin. Chẳng hạn Tokia Saifi, được mời làm thứ trưởng bộ Phát triển bền vững (Développement durable).

Tokia Saifi được mời làm thứ trưởng không phải chỉ vì lý do độc nhất là bà ta gốc bắc Phi. Thật ra, bà ta đã có những thành tích hoạt động chính trị và hội đoàn. Chẳng hạn, năm 1987-1999, sáng lập và điều hành hội *"Không gian hội nhập (Espace Intégration)"* một phong trào cho quyền dân sự, cộng hoà và thế tục [3], năm 1988-1996, phối trí một phong trào bảo vệ thế tục, trong những biến cố liên hệ đến việc choàng khăn hồi giáo tại trường học [3], năm 1992-1998 tổ chức hoà giải giữa giới trẻ và những nhà lãnh đạo xí nghiệp để khuyến khích thành lập các xí nghiệp, năm 1999-2002 sáng lập hội *"Phong trào nghiệp đoàn cho bình đẳng và tham dự (Mouvement syndical pour l'égalité et la participation)"*, năm 1999 dân biểu Quốc hội châu Âu, năm 1999-2002 thành viên của "Đảng Bình dân châu Âu (Parti Populaire Européen)", từ năm 1999 đến năm 2002 đã giữ các vai trò quan trọng trong nhiều Ủy ban của Quốc hội châu Âu.

Morgane Benyamina, -cố vấn kỹ thuật của Tokia Saifi, và cũng là bí thư toàn quốc của đảng *''Liên hiệp cho một phong trào quần chúng (Union pour un Mouvement Populaire [UMP])''*, đặc trách hội nhập -, đã giúp Amo Ferhati, -người bạn đời của Tokia Saifi, công cán ủy viên tại bộ Phát triển bền vững - , vạch ra kế hoạch đưa một người trẻ *''beur''* hoặc con của *''harki''* [4] ra ứng cử trong 18 trên tổng số 22 cuộc bầu cử vùng vào tháng ba 2004.

Ngoài ra, một cuộc họp chủ tọa bởi Tokia Saifi tại phòng Médicis của Thượng viện (Sénat), do *''Phong trào toàn quốc dân cử địa phương (Mouvement national des élus locaux)''* tổ chức đã quy tụ 300 dân cử và lãnh đạo các hội đoàn xuất thân từ dân nhập cư gốc bắc Phi, để chuẩn bị cho cuộc tranh cử sắp tới, đã nghe lời kêu gọi của Thủ tướng Jean Pierre Raffarin: *''Hãy đưa lên hàng đầu các tài năng mới đại diện cho tính đa dạng của xã hội Pháp (mettez en avant de nouveaux talents représentatifs de la diversité de la société francaise)''* hoặc của Alain Juppé, cựu Thủ tướng và đương kim chủ tịch UMP: *''UMP sẽ sát cánh trong trận đấu này, mà cuộc ăn thua (enjeu) không gì khác hơn sự gắn bó xã hội (cohésion sociale) và sự thống nhất quốc gia (unité natinale).''*

Cộng đồng người Việt chúng ta suy nghĩ gì về những thành tích hội nhập chính trị này của cộng đồng Hồi giáo?

Một cách khách quan chúng ta đã có một thái độ rất xuất thế (détaché). Điều đó dễ hiểu. Sau biến cố 1975 của đất nước Việt Nam, đại đa số người Việt, tả hay hữu, đều rơi vào trạng thái mà giáo sư chính trị học đại học Paris, Maurice Duverger, gọi là trạng thái giải chính (état dépolitisé). Một trạng thái giải chính, vẫn theo Maurice Duverger, chấp nhận nền trật tự đã qui định, tình trạng bất động, tinh thần bảo thủ.

Một số người Việt khác mang tâm trạng của nhà thơ Phương Anh [5]:

Hai mươi năm sống không Tổ quốc
mười lăm năm mang quốc tịch người
hát Quốc ca người sao vẫn ngượng
ngỡ ngàng tim khóc. Việt Nam ơi!

Đời sống con người có ba thành tố: thành tố ham muốn (partie désirante), thành tố lý luận (partie raisonnante) và thành tố tinh lý của cuộc đời (esprit de vie). Sự ham muốn lôi kéo con người tìm kiếm những điều ở ngoài bản thân, lý luận giúp họ thấy những phương tiện tối hảo để đạt được những điều họ tìm kiếm. Nhưng con người còn tìm kiếm sự công nhận hoặc thừa nhận (reconnaissance) nhân phẩm, những giá trị của chính mình, hoặc của dân tộc mình, thành tố này được gọi là tinh lý của cuộc đời và được Platon, triết gia Hy lạp (428-348 trước Công nguyên) gọi là *''thymos.''* Một cách tương tự, một cộng đồng sống trong một quốc gia định cư tìm kiếm sự thừa nhận những giá trị văn hóa của cộng đồng mình. Blandine Kriegel, chủ tịch *''Thượng hội đồng Hội nhập (Haut Conseil à l'Intégration)''*, không nói gì khác hơn khi tuyên bố: *''Cộng hòa Pháp phải quan tâm đến đa dạng văn hóa đến cả nhân quyền bị loại trừ (La république doit s'intéresser aux diversités culturelles jusqu'aux droits de l'homme exclus).''*

Nhưng ở đời không có gì cho không. Muốn những giá trị văn hóa, nghĩa là cái *''thymos''* của cộng đồng, được thừa nhận, thì phải có tiếng nói chính trị, một trọng lượng chính trị (poids politique). Nếu cộng đồng người Việt dửng dưng với đời sống chính trị của Cộng hòa Pháp, thì Cộng hòa Pháp sẽ dửng dưng với cái *''thymos''* của cộng đồng người Việt.

Một vài thí dụ về việc những giá trị văn hóa của cộng đồng Việt bị Cộng hòa Pháp ''dửng dưng.''

Trước đây, dưới thời cố Tổng thống Francois Mitterrand, bộ Giáo dục không cho phép dạy tiếng Việt như là một sinh ngữ tại một số trường trung học Pháp. Cộng đồng người Việt đã phải viết kiến nghị (pétition) gởi lên Bộ trưởng Giáo dục để phản đối.

Bernard Stasi, chủ tịch của *''Hội đồng về thế tục trong Cộng hoà (Commission sur la laicité dans la République)''* [3] trong bản phúc trình cho Tổng thống, đã đề nghị cho phép học sinh được nghỉ hai ngày lễ Yom Kippour (cho học sinh Do thái) và Aid el-Kébir (cho học sinh Hồi giáo). Bernard Stasi chỉ nghĩ đến cộng đồng Do thái và Hồi giáo và *''dửng dưng''* với ngày Tết của cộng đồng Việt Nam. Rất may là Tổng thống Jacques Chirac đã không chấp nhận đề nghị này.

Nhân dịp đầu năm, ngày 6/01/2004, phủ Tổng thống tổ chức chúc mừng năm mới các nhà lãnh đạo tôn giáo (autorités religieuses) tại điện Élysée. Trong số quan khách, phóng viên Xavier Ternisien của nhật báo *Le Monde* cho biết có sự hiện diện của Dalil Boubaker, chủ tịch ''Hội đồng Pháp về tín ngưỡng hồi giáo (Conseil français du culte musulman)'', Hồng y Jean Marie Lustigier, đại diện Giáo hội Công giáo, Mục sư Jean Arnold de Clermont, Chủ tịch ''Liên đoàn Tin lành Pháp (Fédération protestante de France'', và Đại Giáo trưởng Do thái giáo Pháp (Grand Rabbin de France) Joseph Sitruk. Người ta không thấy tên của đại diện Phật giáo, tôn giáo của đa số cộng đồng Việt Nam nói riêng và cộng đồng châu Á nói chung. Hoặc hành pháp của Cộng hòa Pháp ''dửng dưng'' không mời đại diện Phật giáo hoặc có mời nhưng đệ tứ quyền [6] là giới báo chí truyền thông đã ''dửng dưng'' không đề cập đến.

Với làn sóng nhập cư của các nước láng giềng và sự mở rộng của Liên hiệp châu Âu cho các nước đông Âu, nước Pháp trong tương lai vài thập niên nữa sẽ là một nước đa chủng tộc và đa văn hóa, sẽ là một melting pot như Hiệp chủng quốc Hoa kỳ, hiển nhiên với một mức độ nhỏ hơn. Các cộng đồng sẽ có nhu cầu bảo vệ cái *''thymos''* của mình để tránh sự hội nhập (intégration) biến thành sự đồng hoá (assimilation). Điều đó đòi hỏi một hội nhập chính trị (intégration politique). Sự hội nhập chính trị này không phải để kiếm quyền lợi, chức tước cho chúng ta, mà là để cho con cháu chúng ta không bị đồng hóa.

Nhưng làm thế nào để hội nhập chính trị? Chúng ta không cần tổ chức những cuộc biểu tình diễn hành hoặc thành lập những đảng phái chính trị như *''Đảng người Hồi giáo tại Pháp (Parti des musulmans de France)''*. Cuộc hội nhập chính trị của cộng đồng người Việt có thể nhẹ nhàng hơn nhiều. Tiến trình hội nhập chính trị tùy thuộc vào hoàn cảnh cá nhân của từng người và có thể đi theo lộ trình sau đây:

1- Ghi tên vào danh sách cử tri (liste électorale).

2- Tham dự đều đặn tất các cuộc bầu cử.

3- Gia nhập các đảng chính trị. Nên chọn các đảng có nhiều triển vọng cầm quyền như UMP, PS.

4- Ủng hộ các ứng cử viên gốc Việt (candidat d'origine vietnamienne) trong các cuộc bầu cử, nếu có.

5- Ra tranh cử trong các cuộc bầu cử.

Chú thích

[1] Beur: danh từ để gọi thế hệ thứ hai của dân nhập cư bắc Phi.

[2] *Le Monde* 3/12/2003

[3] Ngày 9/12/1905 nước Pháp đã ban hành luật phân lập (séparer) Nhà nước (Etat) và Giáo hội (Eglise), bãi bỏ Thỏa ước Hoà hợp (Concordat) ký kết vào ngày 16/7/1801, giữa Napoléon Bonaparte và Giáo hoàng Pie VII. Từ năm 1905, nước Pháp (Đệ tam Cộng hoà) trở thành một cộng hoà thế tục (république laique), không còn ràng buộc với Giáo hội như trước.

Giáo dục trở thành thế tục, điều này đã được tổng trưởng Giáo dục Jules Ferry công bố trước năm 1905. Môn học giáo lý Cơ đốc (catéchisme) không còn bị bắt buộc, trừ tại các trường tư dưới quyền quản trị của Giáo hội.

Nhưng với sự nhập cư của người Hồi giáo, với phong tục choàng khăn như là một dấu hiệu tôn giáo tại trường học, tính chất thế tục của nhà trường không còn được tôn trọng. Đại đa số giáo sư đều chống hiện tượng choàng khăn này và một số học sinh đã bị đuổi vì sau khi bị cảnh cáo vẫn tiếp tục choàng khăn đến trường. Các học sinh này đã kiện các trường khi bị đuổi viện cớ không có luật cấm họ choàng khăn khi đi học.

Để giải quyết vấn nạn (problématique), Tổng thống Pháp đã thành lập " Ủy ban về thế tục trong Cộng hoà (Commission sur la laicité dans la République)" và phong ông Bernard Stasi làm chủ tịch Ủy ban này. Bernard Stasi có nhiệm vụ điều tra, thăm dò các giới tôn giáo, giáo dục, xã hội v.v... của Pháp để đề nghị cho Tổng thống những biện pháp hầu giải quyết một cách ổn thoả vấn nạn choàng khăn Hồi giáo. Bernard Stasi đã đề nghị ban bố luật cấm choàng khăn tại trường học và đề nghị cho phép học sinh được nghỉ hai ngày lễ Yom Kippour (cho học sinh Do thái) và Aid el-Kébir (cho học sinh Hồi giáo).

[4] Harki : danh từ Ảrập để gọi quân nhân các nước bắc Phi phục vụ trong quân đội Pháp, lúc các nước này còn là thuộc địa của Pháp.

[5] *"Cháu bé bán hoa góc phố Sài gòn,"* Phương Anh, Đặc san Quảng Đà, năm Nhâm Ngọ, 2002

[6] Trong một nước dân chủ, luôn luôn có ba quyền phân lập là lập pháp (législatif), hành pháp (ex écutif) và tư pháp (judiciaire). Nhưng với sự phát triển của các phương tiện truyền thông tại các nước dân chủ tự do, báo chí có ảnh hưởng rất lớn, có thể làm cho ba quyền kia không được lạm quyền, nhiều khi có thể đánh đổ được ba quyền kia. Chẳng hạn Tổng thống Mỹ Nixon đã phải từ chức năm 1974 vì bị báo chí phanh phui vụ Watergate. Do đó báo chí được xem như là quyền thứ tư trong một chế độ dân chủ tự do.

ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH CÚM GIA CẦM TẠI Á CHÂU

Hay: Tình trạng thiếu một xã hội công dân mạnh

HOÀNG QUẾ

Hiện nay dịch cúm gà đang hoành hành trên 10 nước trong vực Á châu trong đó có Cambốt, Hong Kong, Indonesia, Lào, Nam Hàn, Nhật, Pakistan, Việt Nam, Thailan, Trung Quốc và Đài Loan. Tại Mỹ cúm gà đã được tìm thấy ở tiểu bang Delaware, New Jersey và Pennsylvania nhưng thuộc loại H7, ít nguy hiểm cho người. Virus tại Pakistan, Nam Hàn và Đài Loan thuộc loại H5N2 không mấy nguy hiểm cho người. Nghiêm trọng nhất là tại Việt Nam và Thái Lan với loại virus gây bệnh cho gà thuộc loại H5N1, có độc tính cao, lây sang người và có thể gây chết người. Đến nay đã có trên 20 trường hợp tử vong chính thức được công bố, trong đó 14 trường hợp tại VN và sáu tại Thái Lan. Tại Thái Lan có một con cọp bị chết tại sở thú vì nghi ăn gà đã nhiễm bệnh trong khi đó, virus gây bệnh gia cầm tại Pakistan và Đài Loan được xác định là chủng H5N2, không có độc tính mạnh như H5N1 và không đe doạ sinh mạng của người.

Dịch cúm gia cầm năm nay lần đầu tiên được công bố tại Nam Hàn khi họ phát hiện gà chết hàng loạt tại 16 trại nuôi gà. Nam Hàn đã tiêu huỷ trên 2.5 triệu con gà. Sau đó dịch bệnh được phát hiện tại Nhật và lần lượt tại các nước khác. Cho đến nay đã có tổng số trên 80 triệu gia cầm bị tiêu huỷ, thiệt hại kinh tế ước lượng hàng tỉ đôla Mỹ.

Khó khăn trong việc ngăn chặn dịch bệnh là gia cầm có thể bị lây từ các đàn chim di cư trong khi chúng di chuyển từ nước này qua nước khác, sau đó gia cầm nhiễm virus lại có thể truyền sang những người tiếp xúc trực tiếp với chúng hoặc truyền qua các loại thú khác.

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã khuyến cáo rằng có thể phải mất vài năm mới thanh toán được dịch cúm gia cầm do virus H5N1 gây ra vì hiện chưa có vaxin hữu hiệu. Theo chuyên gia của WHO và của Tổ chức Nông Lâm thế giới (FAO), cách ngăn chặn tốt nhất là tiêu huỷ triệt để và trong thời gian nhanh nhất toàn bộ gia cầm trong vòng bán kính 3 Km quanh ổ dịch. Theo họ việc xử lý triệt để dịch là một điều kiện tiên quyết để ngăn ngừa dịch cúm lây sang người. Các cơ quan quốc tế rất e ngại vì các kinh nghiệm đầu thế kỷ 20 với dịch "cúm Tây Ban Nha" với 20 triệu người chết và dịch "cúm Á châu" năm 1957, "cúm Hong Kong" năm 1968 đã cho thấy virus có thể biến dạng mau chóng.

Trong đợt này, WHO đã chỉ trích một số nước, trong đó có Thái Lan, Việt Nam, Trung Quốc, Lào, Indonesia đã "chậm trễ" trong việc thông báo dịch bệnh, thậm chí còn giấu thông tin, làm tình hình nghiệm trọng hơn. Có những nguồn tin nói rằng dịch cúm gia cầm đã xuất hiện tại Trung Quốc từ mùa hè năm ngoái, nhưng bị "ỉm đi." Hiện tại nhà chức trách Trung Quốc vẫn chưa giải thích trường hợp một người Hong Kong chết năm ngoái và được xác định nhiễm virus H5N1. Tờ "New Scientist" của Anh mới đây cho rằng nguồn gốc của dịch cúm gà có thể từ TQ vì đầu năm ngoái TQ đã cho chích ngừa hàng loạt. Nhưng có thể thuốc không đúng bệnh nên dịch vẫn bùng phát. Mãi gần đây, TQ mới công nhận là có dịch cúm gà tại một tỉnh, là Quảng Đông, có biên giới chung với Việt Nam. Trong khi đó, có nguồn tin Trung Quốc lại cho rằng gia cầm của họ bị lây nhiễm virus từ những đàn chim di cư từ vùng Viễn Đông.

Tại TQ dịch này lan truyền mau chóng từ Quảng Đông sang tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc, An Huy, Quảng Tây, Tân Cương ở miền Bắc, Bắc Kinh, Thượng Hải và nhiều tỉnh khác kể cả Tây Tạng,

ở nơi cao 3600 m trên mặt biển. Hiện nay có 13 tỉnh trên 31 tỉnh bị nhiễm.

TQ đã ra lệnh cho giết gà vịt nhưng việc này khó khăn là nguyên tỉnh Quảng Đông đã có 1.3 tỷ gà. Dịch cúm gà lan tràn một cách nhanh chóng tại TQ cho thấy là các biện pháp ngăn cản của TQ chưa có mấy hiệu quả. Hơn nữa chưa có báo cáo nào cho thấy là TQ có người bị chết vì cúm gà mặc dù TQ có trên 8 tỷ gia cầm, có công nghiệp gia súc lớn thứ nhì trên thế giới. TQ là một trong những nước xuất khẩu gia cầm lớn trên thế giới vì vậy dịch cúm gia cầm gây nhiều tổn hại nhiều cho kinh tế.

Các tổ chức quốc tế đã chỉ trích TQ về những yếu kém của hệ thống theo dõi và phòng ngừa dịch và việc che giấu tin tức. Quốc tế nói là chưa có vaxin chống cúm gà H5N1. TQ vẫn cho là họ chưa thấy có trường hợp nhiễm người nhưng các cơ quan truyền thông France 2 của Pháp, BBC của Anh và ARD của Đức bị cấm không được thăm các vùng bị dịch. TQ công nhận hệ thống y tế phòng ngừa yếu kém nhưng không chấp nhận có sự che giấu.

Tại Thái Lan, báo chí đã chỉ trích chính phủ vì giấu thông tin. Cho mãi đến giữa tháng giêng, Thái Lan vẫn nói rằng gà ở nước này bị chết vì dịch tả và viêm phổi...Thái Lan có ngành công nghiệp nuôi và biến chế thịt gà khá hùng mạnh với mức xuất khẩu trên $1.25 tỷ, chủ yếu sang hai thị trường Nhật và Âu châu. Nếu dịch cúm gà tiếp tục, tăng trưởng GDP Thái Lan có thể giảm từ 0.7 – 0.8% cho năm 2004. Trước mắt các công ty chăn nuôi gà Charoen Pokpland Foods và GFPT đã mất giá.

Tại hội nghị tổ chức ở Bangkok hôm 28/1 để bàn biện pháp đối phó với dịch cúm gà với sự tham gia của đại diện 10 nước mà dịch bệnh đang hoành hành, TT Thaksin Shinawatra đã "nhận lỗi" là đã không có biện pháp kịp thời để ngăn chặn dịch ngay từ đầu, nhưng bác bỏ việc ông đã che giấu thông tin. Đến nay, Thái Lan đã huỷ trên 35 triệu con gia cầm. Hiện nay EU và Nhật đã ra lệnh cấm nhập khẩu thịt gà từ Thái Lan. Tuy nhiên, TT Thaksin vẫn khuyến khích dân chúng ăn thịt gà với lý do nếu có biện pháp vệ sinh an toàn khâu chế biến và nấu đúng cách thì ăn thịt gà vẫn an toàn. Ông còn cam kết dùng tiền túi để bồi thường cho bất cứ nạn nhân nào ăn thịt gà đã nấu kỹ mà vẫn bị virus với mức bồi thường là 3 triệu baht một người (US$ 75.000).

Năm ngoái Ngân Hàng Phát Triển Á châu (ADB) đã ước lượng những thiệt hại trực tiếp vệ bệnh SARS là $ 18 tỷ – do giảm du lịch và giảm chuyên chở – và $ 60 tỷ nếu tính về phương diện mất đầu tư. Dịch SARS đã ảnh hưởng đến tăng trưởng của các nước: -1.5% GDP đối với Thái Lan và -2% GDP đối với Singapore và Hong Kong.

Đến ngày 17/2/04, Thái Lan đã mau chóng huy động các cơ quan và quân đội và đã giết trên 35 triệu con gà trong các vùng bị dịch nhưng đến nay còn nhiều ổ dịch mới được phát hiện kể cả trên các gà đá. Nay dịch cúm đã lan trên 40 tỉnh trên tổng số 76 tỉnh tại Thái Lan.

Tại Indonesia thì trên 5 triệu con gà đã chết vì bị virus cúm và một em bé chết tại Bali. Ông chủ tịch Hiệp Hội chăn nuôi gia cầm Anton Supit đã chỉ trích chính phủ không mau chóng hành động trong vụ cúm gà. Bộ trưởng nông nghiệp Bungaram Saragih cũng thừa nhận là bộ đã phản ứng chậm chạp trước các tin tức về cúm gà. Bộ trưởng phối hợp phụ trách phúc lợi nhân chúng Jusuf Kalla hứa rằng chính phủ sẽ bồi thường thiệt hại về cúm gà. TT Megawati Sukarnoputri bị chỉ trích là lo tranh cử nhiều hơn lo sức khoẻ dân chúng. Cũng nên nhớ là Indonesia trong thời kỳ tranh cử, lần đầu tiên dân được bầu trực tiếp Tổng thống, và họa cúm gà này có thể gây nhiều tổn thất cho đảng cầm quyền về mặt chính trị.

Việt Nam là một trong những khu vực bị cúm gia cầm nghiêm trọng nhất. Trong số 10 nước có dịch gia cầm, chỉ có VN và Thái Lan là có người tử vong vì nhiễm virus cúm gà. Theo FAO thì nhiều báo cáo cho thấy dịch cúm gà đã xẩy ra từ tháng 7 năm 2003 tại tỉnh Vĩnh Phúc và các viên chức địa phương cho là chỉ có dịch tả gà và đã cho hủy diệt hàng loạt gà nhưng lại giấu tin tức này vì VN đang sửa soạn tổ chức SEA games. Việc thiếu hợp tác giữa các cơ quan hữu trách trong guồng máy chính quyền tại VN cũng như việc không thông báo kịp thời cho các cơ quan quốc tế như FAO, WHO đã cho thấy nhiều kẽ hở trong cách làm việc của Việt Nam.

Báo *Tuổi Trẻ* cho biết có 311 người bị nghi nhiễm virus cúm gà H5N1 trong khi đã có 31 trường hợp tử vong. WHO công nhận số tử vong ít hơn (16 người) vì cần phải thử nghiệm. Tại VN vào ngày 17/2/04 theo báo cáo của cục Thú Y, có

381 huyện, 2411 xã của 57 tỉnh có dịch cúm gà trên tổng số 64 tỉnh thành và theo họ số gia cầm bị huỷ lên đến 34 triệu con gà trên tổng số 254 triệu gà tại VN.

Thời gian đầu khi dịch mới bùng phát, do thiếu hiểu biết và chưa đánh giá hết mức độ nguy hiểm của dịch bệnh, đa số dân chúng và thậm chí cả một số cơ quan chức năng các nghành coi thường và không có ngay các biện pháp cấp bách và kịp thời để ngăn chặn dịch, vì vậy dịch đã bùng phát lan tràn mau chóng và gây tử vong cho người.

Trong việc tiêu hủy gà, nhà nước VN hỗ trợ 6.000 đồng/con (5.000 đồng mỗi gia cầm, 1000 đ cho chi phí tiêu hủy) trong khi trị giá gà là từ 30-50,000 đồng. VN cũng tăng trợ cấp cho nhân viên y tế lo về các vụ cúm gà. Theo chỉ thị thì các vùng dịch và phụ cận, việc tiêu hủy phải kết thúc chậm nhất trong vòng bảy ngày, nhưng thực tế là một việc khác. Các tiệm ăn, công nghiệp chế biến gà, gà đông lạnh, nước soup gà v.v. bị tổn thất có thể lên đến hàng chục hay trăm triệu đô

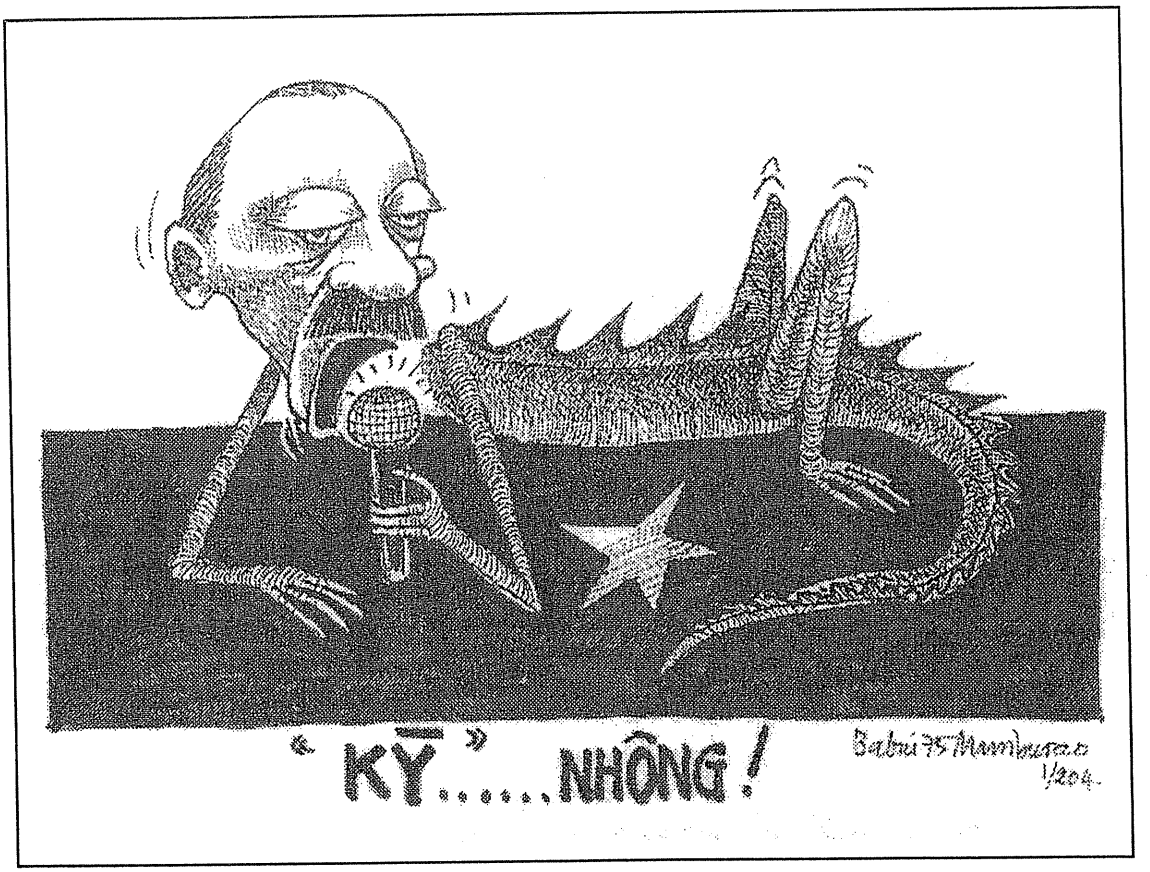

Các phương tiện phòng ngừa tại VN còn sơ sài. Cơ quan Lương Nông thế giới (FAO) đã mở tài khoản $ 0.4 triệu giúp VN, ADB $ 0.5 triệu, WB cho vay $10 triệu và EU một triệu Euro. Nhật gởi thuốc Tamiflu, các y phục bảo toàn và thuốc khử trùng chống virus. VN đã ra lệnh cách ly và huỷ diệt gia cầm trong chu vi 3.5 km chung quanh các vùng bị dịch. Sự vận chuyển gia cầm bị cấm.

Mặc dù VN hầu như không xuất khẩu gia cầm, do đó cúm gà không gây tổn thất tới xuất khẩu nhưng đối với các gia đình chăn nuôi thì tổn thất là, chưa kể mạng sống của nhiều người. Hiện nay các công ty du lịch Nhật và thế giới bắt đầu hủy bỏ nhiều chuyến đi thăm VN. Ước tính sơ khởi tổn thất do dịch cúm gà có thể lên đến $ 170 triệu đôla và phí tổn diệt dịch cúm là $ 4 triệu/ngày. Mới đây tại Hà Nội, FAO cho biết là tìm thấy virus H5N1 ở heo và đây là sự kiện cực kỳ nguy hiểm. Tổn thất còn có thể lớn hơn nếu bệnh dịch này không được ngăn chặn hữu hiệu.

Nếu dịch cúm không quá kéo dài thì thiệt hại và ảnh hưởng kinh tế có thể ước lượng từ 0.5%

cho tới 1.5% GDP.

Nếu dịch cúm gà không kiểm soát được thì có thể tai hại hơn SARS vì lan tràn mau chóng, nhất là ở miền quê thiếu phương tiện y tế và môi trường sống người và súc vật rất gần gũi nhau.

Dịch cúm gà chưa được dập tắt nhưng sơ khởi, nó cho thấy hai bài học: hậu quả tai hại của việc che giấu tin tức, và sự yếu kém của hệ thống y tế công cộng phòng ngừa tại VN.

* Các nước giấu tin tức vì sợ bị ảnh hưởng nền công nghiệp chăn nuôi hay có hại đến kỹ nghệ du lịch của họ. Tại các nước "mở" như Thái Lan và Indonesia thì chính các cơ quan truyền thông quốc nội và các tổ chức xã hội công dân đã lên tiếng làm chính phủ phải thay đổi thái độ, phải công nhận sự thật trước sức ép của công luận. Tại các nước như TQ hay VN thì dịch cúm đã lan tràn nhanh vì không có sự hiện diện của một xã hội công dân đòi hỏi chính phủ nói thật. Các nước này chỉ thừa nhận có dịch khi không còn có thể giấu được nữa. Hiện nay chỉ có hai nước VN và Thái Lan có người chết và vì vậy, nhiều chuyên gia còn nghi TQ đã không thành thực báo cáo, nhất là lại cấm ký giả các cơ quan truyền thông quốc tế đến các vùng bị dịch. Việc che giấu tin tức sẽ tai hại hơn vì đến khi tình hình trở nên nặng thì không xử lý kịp thời.

* Tại VN Hệ thống quản lý hành chính làm việc chậm chạp, lỗi thời, không hiệu quả, nhiều tỉnh đã không thực thi đúng mức chỉ thị của trung ương. Bộ máy hành chính y tế – thú y làm việc chưa tốt, thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan. Bên cạnh đó, VN cũng không thông báo kịp thời với các cơ quan FAO và WHO về dịch. Bộ Y tế và bộ Nông nghiệp làm việc theo hàng dọc, không trao đổi tin tức lẫn nhau. Trước đây bộ Ytế đã biết có virus H5N1 nhờ kết quả xét nghiệm của cơ quan CGC Mỹ tại Atlanta nhưng họ không chia sẻ tin tức này với bộ Nông nghiệp đặc trách về thú y để có biện pháp phòng ngừa. Lực lượng cán bộ thú y khoảng 50.000 người nhưng chỉ ở cấp cơ sở, trình độ chuyên môn thấp, hơn nữa họ cũng không có thực quyền nên thời gian đầu họ hầu như không thể làm được công việc tiêu huỷ gia cầm trong vùng dịch vì sự bất hợp tác của các người chăn nuôi.

* Tổ chức y tế công cộng và thú y chưa đủ mạnh về kỹ thuật, tổ chức và tài chính. Hệ thống hành chính y tế hàng ngang hàng dọc chưa tốt, mạng lưới báo động y tế phòng ngừa không có. Khi mới hay tin có dịch, người ở hải ngoại gọi điện thoại về VN hỏi thăm thì nhiều người địa phương còn không hay biết hoặc tỏ ra lơ là. Cũng nên nhớ là y tế là một lĩnh vực VN đầu tư rất ít, đa số dân chúng phải tự lo về y tế.

Kinh nghiệm cúm gà tại Hong Kong cho thấy là họ mau chóng giết hết gà trong một thời gian rất ngắn. Việc này đã giúp chặn đứng dịch cúm gà. Trong năm 2003, Hà Lan cũng bị dịch gia cầm nhưng họ đã tiêu huỷ khẩn cấp hơn 30 triệu gia cầm trong thời gian rất ngắn. Các nước Á châu kỳ này, trừ Nam Hàn, Đài Loan và Nhật, đã không làm việc này nên dịch đã lan tràn mau chóng gây thêm nhiều thiệt hại kinh tế.

Nhìn chung tại Việt Nam nền hành chính y tế còn kém, các cơ quan không có phương tiện, việc báo cáo chậm chạp. Giá cả bồi thường gia súc thấp cho nên nông dân không mấy hồ hởi giết gà. Ngoài ra chính quyền vẫn ưu tiên về chính trị hơn mọi việc khác, kể cả sức khỏe của dân chúng, và vẫn giữ độc quyền không cho phép ai kiểm soát việc làm của mình. Tại Indonesia và Thái Lan, chính quyền còn sợ các đảng phái đối lập và lá phiếu người dân cho nên khi các tổ chức xã hội công dân lên tiếng thì họ phải mau chóng nghe theo và kịp thời hành động.

Dịch cúm gà chưa chặn được và vụ này có trở nên trầm trọng hay không phần nào còn tuỳ thuộc vào một yếu tố ngoài tầm kiểm soát của VN, đó là các cố gắng chống dịch tại Trung Quốc. Đến bây giờ các cơ quan quốc tế cũng chưa nhận được các tin chính xác về dịch cúm gà cũng như dịch SARS tại TQ.

Nhân vụ dịch cúm này, liệu VN có học thêm bài học xây một hệ thống theo dõi và phòng ngừa y tế và thu ý tốt hơn? Cải cách hành chính không chỉ sửa đổi về thủ tục, mà còn trong lề lối làm việc và cách phối hợp giữa các cơ quan. Chính vì sự phối hợp và thông tin còn rất kém cho nên người dân bị thiệt thòi vì sức khỏe không được mạng lưới y tế bảo vệ hữu hiệu và đầy đủ. Bao giờ chính quyền vì dân hơn là vì đảng, biết đặt sức khỏe của dân chúng lên ưu tiên hàng đầu? Bao giờ VN sẽ có một xã hội công dân tốt để tránh các việc giấu tin tức gây rất nhiều thảm họa?

Việt Nam đang rất cần có một xã hội công dân mạnh, và từ đó, có đảng phái đối lập đúng nghĩa.

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU:
MỘT NĂM TRƯỚC BẦU-CỬ TỔNG-THỐNG MỸ

CỔ LŨY

Tháng Mười-một năm tới bầu-cử tổng-thống Mỹ sẽ diễn ra với bao nhiêu hy-vọng và lo-sợ quanh khắp nước Mỹ và thế-giới. Dù có lý-luận thế nào người ta không thể phủ-nhận tầm quan-trọng của cuộc bầu-cử này. Sau bốn-mươi năm Chiến-tranh Lạnh đế-quốc Nga Xô-viết đã tan-rã; trên thế-giới chỉ còn một nước mà chính giới thức-giả bảo-thủ Mỹ cũng gọi là đế-quốc Hoa-Kỳ (một "Pax Americana," tên đặt bởi Giáo-sư Ronald Steel gần bốn thập-niên trước để mô-tả đế-quốc Mỹ đồng-hóa toàn-cầu, to lớn gấp bội đế-quốc La-Mã "Pax Romana" ngày xưa và cả đế-quốc Anh "Pax Britanica" trong thế-kỷ 19), với sức mạnh bao-trùm về quân-sự, kinh-tế, chính-trị và văn-hóa—và, đây là lần đầu tiên trong lịch-cử thế-giới, hoàn-toàn không có đối-thủ. Lần đầu tiên trong lịch-sử nhân-loại Tổng-thống Mỹ đương nhiên trở thành người có quyền-uy hơn bất cứ ai trên mặt trái đất. Tổng-thống Mỹ là ai và sử-dụng quyền-uy này như thế nào là mối bận tâm của cả thế-giới.

Sau cuộc tấn-công khủng-bố vào Nữu-Ước và Ngũ-giác-đài ngày 11 tháng Chín năm 2001, tổng-thống George W. Bush, thường tự xưng là người "bảo-thủ nhân-ái" ("compassionate conservative," trong ngôn-ngữ chính-trị Mỹ có nghĩa là một người bảo-thủ ủng-hộ quyền-lợi của giới giầu-có, giới thương-mại lớn, mạnh về quốc-phòng và thiên về tôn-giáo cũng như bảo-thủ về mặt xã-hội—nhưng cũng biết nghĩ đến giới trung-lưu và nghèo-khó) biến thành người tân-bảo-thủ (neo-conservative) hung-hăng hiếu-chiến. Sau cuộc tấn-công "chống khủng-bố" vào A-Phú-Hãn (Afghanistan), rồi đến xâm-lăng Iraq không có đồng-ý của Liên-Hiệp-Quốc và những đe-dọa "thay đổi chế-độ" nhằm vào Bắc-Hàn và Ba-Tư (Iran) và Syria, cả thế-giới lên tiếng phản-đối thái-độ và chính-sách kẻ cả đơn-phương hành-động (unilateralism) coi thường công-pháp quốc-tế và khuôn cách ngoại-giao của chính-quyền Bush.

Cùng với ngọn triều lo-sợ và căm-hận khủng-bố trong dân-chúng Mỹ chính-quyền Bush gia-tăng những biện-pháp cứng-rắn về mặt đối ngoại, hạn-chế cũng như vi-phạm những quyền tự-do căn-bản có hiến-pháp bảo-vệ cho người sống trên đất Mỹ, và thi-hành những chính-sách kinh-tế cực-kỳ bảo-thủ. Trong hai năm sau khủng-bố đa-số người Mỹ (có khi lên đến bảy-mươi phần trăm) ủng-hộ những biện-pháp và chính-sách này, tạm quên đi những khó-khăn kinh-tế mỗi ngày một gia-tăng. Nhưng gần đây, từ giữa tháng Bảy và hơn một năm trước bầu-cử tổng-thống, những nứt-rạn bắt đầu đe-dọa chính-quyền Bush. Cuối tháng Chín một thăm-dò dư-luận dân-chúng đáng tin-cậy do công-ty truyền hình CNN (Cable News Network), nhật-báo USA Today và viện nghiên-cứu dư-luận quần chúng Gallup cho thấy mức ủng-hộ ông Bush chỉ còn năm-mươi phần trăm, mức thấp nhất từ khi ông Bush đắc-cử tổng-thống năm 2000. Năm cuộc thăm-dò dư-luận khác mới đây cũng cho thấy mức ủng-hộ chính-quyền nằm giữa 49 đến 55 phần trăm. Thăm-dò dư-luận đặt ông Bush cạnh một ứng-viên Dân-chủ đối-lập (hiện có chín người chính), hoặc hỏi dân có bầu cho ông Bush một nhiệm-kỳ nữa, đều cho thấy kết-quả một nửa phản-đối, một nửa ủng-hộ. Giống như trong cuộc bầu-cử năm 2000, dân-chúng Mỹ hiện nay chia làm hai khối tương-đương nhưng khác-biệt hẳn nhau—và bầu-cử năm tới lại mang đến bao nhiêu hy-vọng cũng như lo-sợ cho tất-cả mọi người.

CỔ-LŨY

(Tiếp theo. Xin xem từ số 176)

III. IRAQ: LỢI-ĐIỂM HAY NHƯỢC-ĐIỂM?

Vốn chính trị lớn nhất của chính quyền Bush là sự ủng hộ mạnh mẽ lâu đời của dân chúng cho đảng Cộng-hòa về mặt quốc phòng và chiến tranh nói chung. Đảng này vẫn được xem là mạnh về quốc phòng so với đảng Dân-chủ rụt rè hơn, và ông Bush được điểm cao sau khi tỏ ra cứng rắn và cương quyết chống khủng bố sau tấn công 11 tháng Chín: cử tri phái nam thường ủng hộ thái độ cứng rắn; sau khủng bố cử tri phái nữ cũng cứng rắn hơn vì đe dọa trực tiếp đến an ninh gia đình. Tuần báo *Nesweek* từng mô tả ông Bush như "người được lợi nhiều nhất vì khủng bố." Nhưng sau khi những xung đột lớn tạm ngừng từ

đầu tháng Năm ở Iraq, và nhất là từ tháng Bảy những đầu tư lớn của chính quyền Bush vào chiến thắng ở Iraq và Afghanistan như đang đi đến chỗ phá sản với những khó khăn quân sự và chính trị ở hai nơi này cũng như những tiến thối lưỡng nan trên trường quốc tế và nội bộ Hoa-Kỳ. Với những tấn công ba-mươi lần một ngày vào quân đội Mỹ và số thương vong trung bình hai ba binh sĩ một ngày ở Iraq, với những chống đối bạo động lẫn bất bạo động mỗi ngày một lớn rộng của người Iraq đủ mọi giới, với những thiếu hụt ngân sách và công cuộc tái thiết không mấy kết quả, với sự tảng lờ lạnh nhạt của "đồng minh" và các nước bạn, với dư luận thế giới không ngừng phản đối, mức kiên nhẫn và ủng hộ chiến tranh của dân chúng Mỹ đã suy giảm rõ rệt.

A. Những câu hỏi về lý do cuộc chiến

Trước khi vội vã và đơn phương tấn công Iraq không có sự đồng ý của Hội-đồng Bảo-an Liên-hiệp-quốc chính quyền Bush đưa ra ba lý do chính: vũ khí có tầm tác hại lớn lao (WMD), liên hệ giữa Saddam Hussein và khủng bố, và xiển dương dân chủ ở Iraq và Trung-Đông (xin xem chi tiết về những lý do này trong bài *Dầu-Hỏa, Khủng-Bố Và An-Ninh Của Mỹ* , THẾ-KỶ 21, tháng Năm, *Nhìn Lại Chiến-Tranh Của Mỹ Ở Iraq,* THẾ-Kỷ 21, tháng Bảy, và *Chiến-Tranh Iraq Và Chính-Trị Mỹ* , THẾ-KỶ 21, tháng Mười 2003, cùng người viết).

Đầu tuần lễ tháng Mười, sau hơn sáu tháng chiếm đóng Iraq, với gần 150 ngàn lính chiếm đóng, 1,400 chuyên viên tình báo và khoa học gia truy lùng WMD dưới quyền tiến sĩ David Kay (trong phái đoàn chuyên viên truy lùng WMD của LHQ trước đây) và tướng tình báo Keith Dayton (thuộc Defense Intelligence Agency, DIA) đưa ra báo cáo tiên khởi về WMD của Iraq. Mặc dù chính quyền Bush có vặn vẹo bóp méo báo cáo theo chiều hướng có lợi cho mình, dư luận các chuyên viên và thế giới tỏ ra rất bi quan: không có bằng chứng nào về WMD mà chính quyền thường mạnh miệng rêu rao trước chiến tranh. Phái đoàn truy lùng WMD xin thêm từ sáu đến chín tháng và sáu chục triệu đô-la nữa để tiếp tục công tác truy lùng WMD. Bây giờ đa số dân chúng Mỹ tin rằng chính quyền đã phóng đại hoặc ngay cả nói dối, hay mập mờ đánh lận về mối đe dọa WMD để đơn phương vội vã đi vào chiến tranh. Chính quyền tiếp tục nói về "chương trình" hay kế hoạch WMD của Iraq chứ không dám nhắc lại xác quyết "25 ngàn lít anthrax, 38 ngàn lít chất độc botulinum và 500 tấn hơi độc mù-tạc, sarin và VX," như tổng thống đã công khai tuyên bố trước chiến tranh để thúc đẩy dân chúng và qua mặt LHQ. Phó tổng thống Cheney không nói đến vũ khí nguyên tử ở Iraq nữa, và tổng trưởng quốc phòng Rumsfeld không nhắc đến đe dọa tấn công bằng hơi độc vào quân lính Mỹ nữa. Những phủi tay đổ lỗi trong nội bộ chính quyền cũng tạm ngưng khi phe Dân-chủ tạm ngưng tố cáo những tuyên bố "láo khoét" (chữ của các nghị sĩ Dân-chủ Ted Kennedy, Massachusetts; Bob Graham, Florida; và Robert Byrd, West Virginia) trước và sau chiến tranh. Nhưng đây không có nghĩa là chuyện này sẽ được phe Dân-chủ bỏ qua trong kỳ bầu cử tới. Phe Dân-chủ chắc chắn thấy rõ là họ có nhiều cơ hội và bằng chứng về những lừa gạt dư luận của chính quyền Bush để đi vào chiến tranh; những bằng chứng này có đủ giá trị pháp lý để bắt đầu thủ tục nhằm bãi nhiệm tổng thống —với trở ngại duy nhất là phe Dân-chủ hiện nay không nắm đa số ở cả thượng viện lẫn hạ viện. Tuy nhiên, dù không đủ đa số để có thể bãi nhiệm tổng thống, đe dọa bãi nhiệm có thể sẽ gây nhiều dư luận bất lợi cho ông Bush trong thời gian tranh cử như đám mây mù ở bất cứ nơi nào ông Bush xuất hiện — nhất là nếu tình hình ở Iraq không cải thiện.

Như đã trình bày nhiều lần ở các số THẾ-KỶ 21 trước, chuyện liên hệ giữa Saddam Hussein hay Iraq với khủng bố nói chung và Al Qaeda cùng Bin Laden cũng là lý do bào chế để ảnh hưởng dư luận dân chúng không tỉnh táo (có đến ba-phần-tư người Mỹ tin chuyện này có thực). Sau khi đánh lừa dư luận và tấn công Iraq tổng thống Bush tuyên bố cần có thì giờ để "phân tích hàng núi tài liệu" để xem có liên hệ hay không. Tháng Chín vừa qua tổng thống tuyên bố tỉnh bơ là không có liên hệ giữa Saddam Hussein hay Iraq với khủng bố Al Qaeda và Bin Laden. Một điều thấy rõ là sau khi Hoa-Kỳ tấn công Iraq, khủng bố gia tăng khắp mọi nơi nhằm vào người Tây phương ở Á châu, Phi châu và Âu châu như đáp lại kêu gọi của người Hồi giáo tham gia thánh chiến chống lại người xâm lăng da trắng Ki-tô giáo. Khủng bố ở Iraq leo thang rộng lớn từ bắn sẻ, phóng lựu đến mìn và pháo kích; sang đến tháng Mười và Mười-một có ít nhất năm máy bay trực thăng bị bắn hạ với gần bốn-mươi lính Mỹ thương vong. Từ tháng Tám có đến ít nhất tám vụ nổ bom cảm tử nhằm vào không những quân đội

Mỹ chiếm đóng mà còn tất cả cá nhân hoặc tổ chức, định chế quân sự hay dân sự kể cả tôn giáo hợp tác với Hoa-Kỳ. Khủng bố đã ám sát một tùy viên quân sự và tình báo Tây-Ban-Nha, một lãnh tụ phái Hồi giáo Shiite (có em thuộc thành phần Hội đồng Nhà nước do Hoa-Kỳ đặt để), một nhân vật trong Hội-đồng Nhà nước; ngoài ra hai nhân vật Hội-đồng nữa vừa bị ám sát hụt. Sau khi lính đồng minh Tây-Ban-Nha bị nổ bom tấn công sát hại đến đồng minh Ý bị bom nổ chết gần hai-mươi người; và sau đó Ấn-Độ, Thổ-Nhĩ-Kỳ, Nam-Hàn, Nhật-Bản và Hồi-Quốc suy nghĩ lại chuyện gởi quân đến Iraq. Nhiều ngày khủng bố công khai tấn công quân đội Mỹ ; quân lính Mỹ không dám vào thành phố Al Fallouja (hay Fallujah) của người Hồi giáo phái Sunni cách thủ đô Bagdhad ba-mươi-lăm dặm về phía Tây, và những khu "tự trị" (cấm quân đội Mỹ vào ra) của người phái Shiite ở ngay thủ đô. Cả chính quyền Bush nay đưa ra lý do mới sau khi tấn công đơn phương và vội vã vào Iraq, "không thể ngồi yên chờ Saddam Hussein tấn công trước" —mặc dù không có bằng cớ là Iraq có âm mưu hoặc khả năng tấn công một nước láng giềng trong vùng, chứ đừng nói gì đến một nước cỡ Hoa-Kỳ với quân lực hùng mạnh nhất thế giới, và với ngân sách quốc phòng bốn trăm tỉ (lớn hơn ngân sách quốc phòng Iraq bốn trăm lần, và lớn hơn ngân sách quốc phòng của tổng cộng gần hai-mươi nước có ngân sách quốc phòng cao nhất sau Hoa-Kỳ). Giống như những đế quốc khác trong lịch sử nhân loại chính quyền Bush đã định nghĩa an ninh của Mỹ rộng đến độ thậm vô lý.

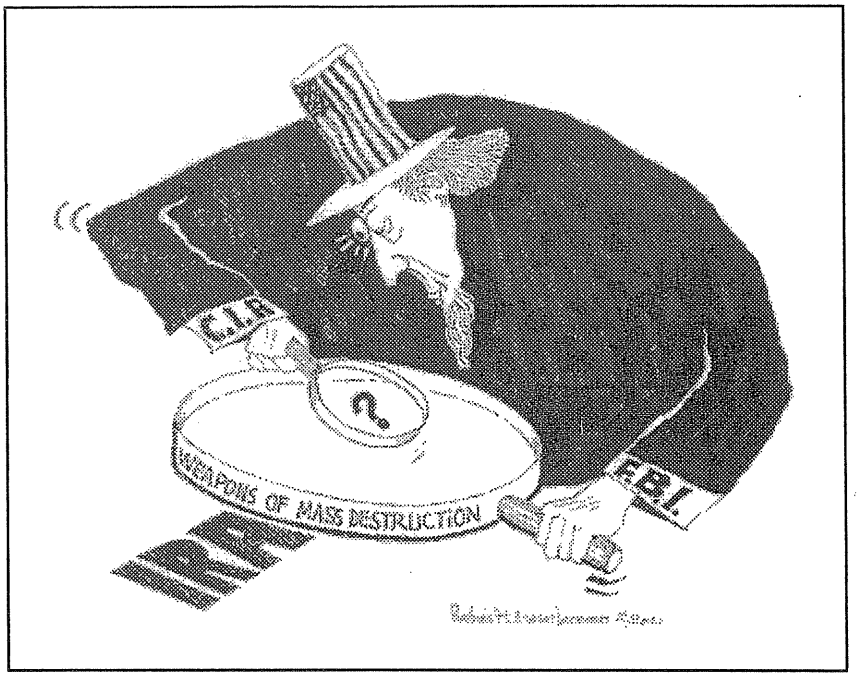

Lý do thứ ba đưa ra để tấn công Iraq là xiển dương dân chủ ở Iraq và rộng hơn trong vùng Trung-Đông cũng bị những sự thật phũ phàng phủ nhận (xin xem lại các số THẾ-KỶ 21 nói trên). Hội đồng Nhà nước do "toàn quyền" Mỹ ở Iraq L. Paul Bremmer chọn lựa (với chín người thay phiên nhau làm "tổng thống" mỗi tháng) và "nội các" từ đây ra đều không được LHQ và Liên-đoàn các Nước A-Rập (Arab League) công nhận. Một phái Shiite lớn ở thủ đô Bagdhad đang sửa soạn đưa ra chính phủ Hồi giáo riêng ở các khu "tự trị." Trong khi đó lộ trình hòa bình từng chặng ("road map") giữa Do-Thái và Palestine do Hoa-Kỳ đưa ra như bị xé bỏ hoàn toàn với những leo thang đẫm máu giữa hai bên —và Do-Thái bắt đầu tấn công Syria đồng thời phô trương sức mạnh nguyên tử có khả năng tấn công bất cứ nước A-Rập Hồi giáo nào bằng đường bộ, hàng không cũng như đường thủy. Mới đây, lần đầu tiên trong lịch sử, quân kháng chiến Palestine tấn công leo thang giết chết ba người Mỹ tư nhân có giao kèo công tác "chìm" với chính phủ Mỹ ở khu Gaza thuộc quyền Palestine.

B. "Cuộc chiến sau cuộc chiến"

Giới truyền thông Mỹ hiện nay dùng chữ "cuộc chiến sau cuộc chiến" để tả những vấn đề gai góc chính quyền Bush phải đối phó sau khi những giao tranh vũ trang lớn tạm ngưng cuối tháng Tư. Cuộc chiến sau cuộc chiến gồm những tấn công du kích hàng ngày và nhất là cuối tuần nhắm vào quân đội Mỹ cùng những người và tổ chức hợp tác hay trợ giúp Mỹ ở Iraq —dù chính quyền Bush không nhận là có chiến tranh du kích— và

đi đôi với những chập choạng chính trị ở đây như đã nói trên. Cuộc chiến sau cuộc chiến còn bao gồm những vấn đề gay go khác.

Công cuộc tái thiết những cơ cấu hạ tầng ở Iraq sau chiến tranh dưới sự điều khiển của đại sứ L. Paul Bremmer và lãnh đạo của bộ Quốc phòng bị chỉ trích nhiều nhất vì mức tiến triển ì ạch sau sáu tháng, cũng chẳng khác mấy mức tiến triển ở Afghanistan sau hai năm trời với hàng chục tỉ đô-la viện trợ tái thiết. Lý do chính là thiếu kế hoạch hòa bình và kiêu căng đánh giá quá thấp sức phản kháng chống đối chiếm đóng Mỹ của Saddam Hussein và dân chúng Iraq. Lại nữa, giới truyền thông từng chỉ trích và cho dân chúng thấy nhiều nghi vấn về việc tổng trưởng quốc phòng Rumsfeld và phó tổng thống Cheney ký giao kèo cho hai siêu công ty Halliburton và Bechtel với hàng chục tỉ đô-la độc quyền và lâu dài phụ trách tái thiết —cả hai đều có liên hệ mật thiết với hai nhân vật chính quyền này qua thời các tổng thống Cộng hòa, từ Nixon, Gerald Ford, Ronald Reagan, tới ông Bush bố và ông Bush hiện nay (ông Cheney nguyên là chủ tịch và tổng giám đốc Halliburton; lương và phụ cấp trước đây của ông lên tới cả trăm triệu đô-la). Giới truyền thông cũng khắt khe chỉ trích bộ Quốc phòng, dành vai trò tái thiết không thuộc chuyên môn của mình, và tổng trưởng Donald Rumsfeld— người được mô tả là "kiêu căng" không chịu nghe lời ai ngoài nhóm phụ tá tân bảo thủ hiếu chiến và không bao giờ nghĩ là mình có thể sai lầm. Trong bối cảnh này, chính quyền đòi thêm 87 tỉ đô-la (khoảng 21 tỉ cho tái thiết Iraq và Afghanistan; số còn lại cho ngân sách quân sự ở đây) cho tài khóa năm tới.

Phản ứng dữ dội bùng ra từ nhiều phía. Trong hoàn cảnh kinh tế không sáng sủa dân chúng Mỹ không dễ gì chịu thuyết phục nên bỏ tiền viện trợ nước ngoài. Phe Dân-chủ, thường dễ dãi với tài trợ giúp nước ngoài cũng như người trong nước, nay thay đổi hẳn và đưa ra những phân bì nhằm xách động dân chúng: đường xá, điện nước, cầu cống, trường học, nhà thương, người thất nghiệp, phụ cấp cho người già, vân vân, ở Mỹ cần phải được chú ý hơn là Iraq. Thêm nữa, nghị sĩ Ted Kennedy tố cáo nặng nề rằng chính quyền không cho biết tiền viện trợ được sử dụng như thế nào —với nghi vấn là chính quyền bỏ ra hàng triệu đô-la để mua chuộc giới lãnh đạo các nước mà người Mỹ trung bình không biết nằm ở đâu trên bản đồ thế giới, để giới này gởi quân ủng hộ chiến tranh Iraq giúp chính quyền có vẻ thêm chính nghĩa là có "đồng minh." Đồng minh Cộng-hòa của chính quyền trong quốc hội Mỹ, vốn không ưa tài trợ giúp đỡ ai trừ Do-Thái, người giầu có và giới đại thương nghiệp ("welfare for the rich" và "corporate welfare"), cũng không muốn trợ giúp tái thiết nước ngoài— và chỉ muốn tổng thống cho vay tái thiết rồi Iraq phải trả lại bằng dầu hỏa. Chính quyền khó làm hài lòng khối Cộng-hòa bảo thủ vì sợ đòi Iraq trả nợ bằng dầu sẽ chứng minh điều cả thế giới vẫn nghi ngờ: chính quyền Bush tấn công chiếm đóng Iraq chỉ vì lý do muốn chiếm dầu hỏa ở đây. Trận chiến ngân sách viện trợ đang giằng co tiếp diễn ở quốc hội. Dĩ nhiên khi dư luận dân chúng chống chiến tranh và chính quyền chưa chín mùi, theo truyền thống nước Mỹ lúc lâm chiến chính quyền đã lấy được ngân sách mong muốn. Nhưng khi dư luận dân chúng có đến gần sáu-mươi phần trăm, và đến ba-phần-tư người Dân-chủ, chống viện trợ Iraq giới đại diện dân chúng và phe đối lập không thể làm ngơ hoặc bỏ qua cơ hội làm khó dễ chính quyền. Giữa tháng Mười khi ngân sách đề nghị đi tới thượng viện, các nghị sĩ Dân-chủ (kể cả hai ứng viên tổng thống John Edwards và John Kerry, từng ủng hộ chiến tranh và có tiếng là thận trọng) đòi Iraq phải chịu trách nhiệm tái thiết hoàn toàn, và phe Cộng-hòa nhất định đòi Iraq phải góp phần vào tái thiết tới ít nhất là một nửa số tiền Hoa-Kỳ ứng trước. Phe Dân-chủ và người Cộng-hòa bảo thủ truyền thống sẽ kéo dài những giằng co và xem đây là cơ hội để làm khó dễ và mặc cả với chính quyền để đạt nhân nhượng ở những tranh chấp khác—và nhất là lấy điểm trong bầu cử sắp tới.

Ở ngoài nước những khó dễ ân oán chính trị cũng không phải là nhỏ và khó nhận thấy. Sau khi coi thường và qua mặt LHQ đơn phương tấn công vào Iraq, và nay với "sa lầy" chính trị và quân sự cũng như ngân sách chính quyền Bush phải quay trở lại đây để xin trợ giúp về quân sự và ngân sách. Các nước và cả LHQ phản đối chiến tranh nay có dịp hạch hỏi Hoa-Kỳ. Nhưng cũng giữa tháng Mười, sau những vận động áp lực ráo riết của Hoa-Kỳ và những khiển trách thái độ trịch thượng kiểu Mỹ từ tổng thư ký LHQ Kofi Annan, người thường rất nhu mì, Hội-đồng Bảo-an đồng ý quyết nghị ủng hộ tái thiết Iraq. Đây là chiến thắng chính trị lớn cho chính quyền Bush: chính quyền có thể nói nỗ lực ở Iraq được quốc tế hóa, và nhà nước Iraq hoàn toàn do Hoa-

Kỳ chọn ra có hy vọng được hợp thức hóa; những chính quyền từ trước đến nay phản đối chiến tranh vì áp lực của dân chúng (như Ấn-Độ, Thổ-Nhĩ-Kỳ) cũng dễ biện minh việc tham gia vào tái thiết Iraq. Nhưng chiến thắng này có thể chỉ mang tính cách tượng trưng vì các nước chính như Pháp, Nga, Đức, Trung-Hoa và cả nước Hồi (Pakistan, chịu ơn ông Bush rất nhiều) đều tuyên bố làhọ sẽ giữ mức ủng hộ như cũ —có nghĩa là không trợ giúp tài chánh và cũng không gửi quân đội đến Iraq như Hoa-Kỳ mong đợi. Các nước nhỏ khác có thể sẽ gửi quân tượng trưng, nhưng với điều kiện là Hoa-Kỳ phải tài trợ cho những đơn vị viễn chinh như Tây-Ban-Nha, Nicaragua đã có sẵn ở Iraq hiện nay.

Với số thương vong Mỹ mỗi ngày một lớn (đã đi quá mức 500 chết và 5000 bị thương), nhất là với cả chục trực thăng bị bắn hạ và số thương vong cả Mỹ lẫn "đồng minh" lên đến tám-mươi người trong hai tuần lễ đầu tháng Mười-một, và thêm vụ nổ bom lần thứ nhì ở thủ đô Riyadh của Saudi Arabia mà giới truyền thông tin chắc là do bàn tay Al Qaeda và Bin Laden, chính quyền Bush đã hốt hoảng tìm cách rút khỏi Iraq mà không mất mặt và xúc tiến "Iraq hóa" (phân vân giữa hai chữ "Iraquification" hay "Iraquization," như "Vietnamization" trước đây) cuộc chiến và Hội-đồng Nhà nước do Hoa-Kỳ đặt để cũng như hiến pháp càng nhanh càng tốt (hạn chót là tháng Sáu năm tới) trước bầu cử năm 2004. Trong vòng một tháng trời, từ tuần lễ đầu tháng Mười đến tuần lễ đầu tháng Mười-một, "quân lực" Iraq mới được phóng lên từ 60 ngàn (theo ông Bremmer) đến 130 ngàn (theo Tổng tham mưu trưởng quân lực Richard Myers và tổng trưởng quốc phòng Rumsfeld)!

C. Những xì-căn-đan liên quan đến Iraq

Từ đầu tháng Mười đến nay xì-căng-đan lớn nhất vẫn liên quan đến những điều không có thực mà chính quyền rêu rao về WMD ở Iraq trước và sau chiến tranh, nhưng với một khúc ngoặt mới rất nguy hiểm cho chính quyền. Từ loạt bài viết về chiến tranh của Mỹ ở Iraq qua những số THẾ-KỶ 21 nói trên, nhân vật nguyên đại sứ kỳ cựu ở châu Phi Joseph Wilson IV đã thành quen thuộc với người đọc. Tháng Hai năm 2002 ông Wilson được đề cử bởi giám đốc CIA George Tenet, với yêu cầu của phó tổng thống Cheney, qua Nigeria, Phi châu để điều tra về nguồn tin Saddam Hussein tìm mua uranium nhằm sản xuất bom nguyên tử (một phần quan trọng của WMD). Sau chuyến công du điều tra ông Wilson đã báo cáo về Bạch-ốc, phó tổng thống, CIA, bộ quốc phòng và ngoại giao là chuyện này không có thực, nhưng tổng thống, phó tổng thống và tổng trưởng quốc phòng vẫn công khai xác nhận là đe dọa vũ khí hạch nhân có thực cho mãi tận ngay trước và cả sau chiến tranh (và đa số dân chúng Mỹ tin điều này và ủng hộ chiến tranh).

Ngày 6 tháng Bảy ông Wilson bạch hóa chuyện này trên nhật báo *New York Times* và sau đó trên đài truyền hình toàn quốc NBC (National Broadcasting Corporation), gây cơn lốc chính trị WMD lớn nhất cho chính quyền từ trước đến nay. Tám ngày sau đó nhà bình bút bảo thủ Robert Novak chống đỡ cho chính quyền với xác quyết rằng Bạch–ốc không biết gì về chuyến Phi du của ông Wilson, và có lẽ ông được gửi đi Phi châu vì vợ ông là một "nhân viên chìm" (hoạt động bí mật) cho CIA. Ông Novak nói rõ tên vợ ông Wilson là Valerie Plame Wilson, và ông lấy được tên này qua "hai viên chức cao cấp" trong chính quyền. Sáu ký giả báo chí và truyền hình khác cũng nhận được tiết lộ danh tính, chi tiết tương tự. Nếu chuyện này đúng như những người trên xác nhận hai viên chức cao cấp (tuy chưa biết rõ là ai nhưng giới truyền thông đều nghi là ông Karl Rove, chiến lược gia và kiến trúc sư sự nghiệp chính trị của ông Bush từ thời ông còn là thống đốc Texas, và ông Lewis Libby, nguyên phụ tá của ông Rumsfeld và hiện là đổng lý văn phòng của phó tổng thống Cheney, hoặc ông Stephen Hadley, người của ông Cheney gài vào phụ tá cho cố vấn an ninh của tổng thống Rice — và cũng là người đã "quên" không báo cho tổng thống về hai văn thư của CIA xác nhận không có WMD trước khi tổng thống khẳng định có WMD ở Iraq trước dân chúng Mỹ và toàn thế giới) đã vi phạm tội tiết lộ danh tánh nhân viên tình báo chìm —một tội hình với án tù có thể đến mức mười năm, vì tiết lộ loại này khiến nhân viên chìm bắt buộc phải chấm dứt sự nghiệp tình báo và còn đe dọa tính mạng nhân viên và những người có liên hệ với nhân viên trước đây. Về mặt chính trị điều này mang nhiều hệ quả ghê gớm hơn: nhìn theo khía cạnh cá nhân đây có thể là đòn độc của chính quyền căm hận người đã lột tẩy của mình, và tệ hơn nữa là trả đũa hèn mọn bằng cách đánh vào người trong gia đình người tố cáo mình. Nhìn theo mặt khác đòn độc này có thể vi phạm hiến pháp vì đây là hành động của nhà nước với mục tiêu

trừng phạt và cảnh cáo những người muốn thực hành quyền tự do ngôn luận, nhất là người phản đối chính sách ngoại giao của chính quyền. Lại nữa đây cũng chứng tỏ chính quyền rất đau đớn và lo sợ chuyện bị tố cáo là "láo khoét" về WMD.

Tòa Bạch-ốc của ông Bush có tiếng là nghiêm khắc gắt gao với những người để lọt tin chính quyền không muốn lọt ra ngoài: chính quyền thường phản ứng rất nhanh và gay gắt với những người để lọt tin ra ngoài dù vô tình hay cố ý. Trong chuyện ông Wilson tổng thống Bush đợi đến gần ba tháng sau khi tin lọt ra ngoài mới bắt đầu lên tiếng, và cũng chỉ lên tiếng khi không thể im lặng được nữa. Nghị sĩ Cộng hòa Pat Roberts (Kansas), chủ tịch Ủy-ban Tình-báo Thượng viện, tuyên bố đáng lẽ chính quyền phải phản ứng nhanh chóng hơn và, "Bình thường ai cũng muốn xúc tiến chuyện này và làm ra lẽ. Tôi nghĩ rằng chính quyền đã quá chậm chân." Nghị sĩ hàng thứ nhì trong cùng Ủy-ban, ông Carl Levin (Dân-chủ, Michigan) cũng lên tiếng chỉ trích chậm trễ của Bạch-ốc trong khi "[đây] là một vi phạm không những ở mức tội hình mà còn có thể đe dọa sinh mạng của nhiều người."

Giới tình báo nói chung rất là công phẫn cho đồng nghiệp bị tiết lộ danh tính; giám đốc CIA George Tenet đã chính thức yêu cầu bộ Tư pháp mở điều tra. Phe Dân-chủ nhất định đòi tổng trưởng Tư pháp John Ashcroft không được điều tra vì ông có liên hệ chặt chẽ với chính quyền, nhất là tổng thống, phó tổng thống cùng hai ông Karl Rove và Lewis Libby, và do đó không được khách quan (ví dụ như ông đã báo miệng cho Bạch-ốc biết bộ Tư-pháp sẽ truy thu tất cả tài liệu viết và điện thoại của nhân viên Bạch-ốc để điều tra một đêm trước khi trao văn thư chính thức đòi hỏi chuyện này — cũng như cho bộ quốc phòng và ngoại giao hai ngày sau— đủ thì giờ để những nơi này có cơ hội tiêu hủy những bằng chứng nguy hiểm hoặc bất lợi). Họ muốn ông Ashcroft phải bổ nhiệm một luật gia uy tín và độc lập (independent counsel) cầm đầu cuộc điều tra. Một thăm dò dư luận dân chúng của nhật báo *Washington Post* cho thấy bảy-mươi phần trăm dân chúng đồng ý phải có luật gia độc lập điều tra. Ông Wilson, tuy xác nhận là người độc lập nhưng có khuynh hướng Dân-chủ rõ rệt, gặng chính quyền phải bảo vệ an ninh cho gia đình ông, và thêm nữa đe dọa sẽ đích thân đi kiện cá nhân ông Karl Rove và có lẽ cả ông Libby —để chắc chắn bộ Tư pháp không cho "chìm xuồng" vụ điều tra và có lẽ để kéo dài xì-căng-đan này càng đến gần bầu cử càng có lợi cho phe Dân-chủ.

Những xung đột về chính sách đường lối và phương cách hành động quân sự, chính trị và tái thiết ở Iraq luôn luôn xảy ra ở Hoa-Thịnh-Đốn và Iraq giữa ngoại trưởng Colin Powell (được xem là ôn hòa), cố vấn an ninh của tổng thống Condoleezza Rice với hai nhân vật Cheney, rất chìm, và Rumsfeld, rất nổi (trong vai trò cầm đầu phái chủ chiến với các phụ tá tân bảo thủ). Tổng thống rất khó chịu với chuyện này vì ông là người kín đáo và không thích cho bên ngoài thấy xung đột nội bộ. Hai nữa ông không phải là người thông hiểu hay kinh nghiệm về ngoại giao, và cũng không muốn tìm hiểu (ông tự hào là không bao giờ đọc báo, dù chỉ những tựa đề lớn, và không theo dõi tin tức truyền hình); những xung đột công khai được giới truyền thông khai thác chỉ làm bên ngoài thấy rằng ông như người ngồi làm vì, bị giật dây bởi phó tổng thống cùng những nhân vật tân bảo thủ cực đoan và thân Do-Thái. Tuần báo bảo thủ có thế lực lớn ở Hoa-Kỳ, tờ *US News and World Report* (hơn thập niên nay tờ này quay hẳn sang khuynh hướng cực bảo thủ và thân Do-Thái ra mặt) mới đây ra một số đặc biệt về phó tổng thống Cheney với tiêu đề là "Người sau Hậu trường," cũng phải xem ông là "Phó tổng thống uy quyền nhất từ trước đến nay trong lịch sử Hoa-Kỳ." Nhiều người trong giới truyền thông không nghĩ ông là phó tổng thống mà là tổng thống thực sự, hay "thủ tướng" Mỹ đầu tiên —với ngụ ý rằng tổng thống chỉ có tước hiệu, người cầm quyền chính là thủ tướng như ở nhiều nước khác.

Người ta thấy rõ vai trò và uy quyền của ông Cheney trong xung đột bùng nổ mới đây. Sau những thất bại cùng với cuộc chiến sau cuộc chiến ở Iraq, những than phiền và chỉ trích từ bên ngoài nhắm vào hai ông Rumsfeld và Cheney, Bạch-ốc có ý như muốn dành lại quyền cho cố vấn an ninh Rice và ngoại trưởng Powell với một ủy ban điều hợp Iraq mới dưới quyền bà Rice. Giới truyền thông ồn ào lên xem đây như một hình thức "hạ từng công tác" bộ quốc phòng và cá nhân ông Rumsfeld ở Iraq. Trong vòng một tuần ông Rumsfeld ra mặt thách đố, và chắc chắn với uy quyền âm thầm của ông Cheney bên trong, ủy ban điều hợp mới như đã "chìm xuồng" không thấy Bạch-ốc nhắc nhở tới nữa. Hai nhân vật cao cấp nhất trong Ủy-ban Ngoại-giao Thượng-viện, nghị sĩ Richard Lugar (Cộng-hòa, Indiana) và

Joseph Biden (Dân-chủ, Delaware) đều lên tiếng than phiền tổng thống Bush đã mất khả năng cho thấymột chính sách Iraq thuần nhất. Ông Lugar tuyên bố, "Tổng thống phải là tổng thống. Và đây có nghĩa là tổng thống đứng trên phó tổng thống và trên các tổng trưởng dưới quyền ông." Ông cũng than phiền rằng ông Bush, Cheney, bà Rice, ông Powell mới đây đều đọc những diễn văn hoàn toàn khác hẳn nhau về chính sách ở Iraq. Về Iraq ông tiên đoán quân đội Mỹ phải ở lại đây tám năm nữa với phí tổn quân sự nặng nề và công cuộc tái thiết sẽ cần đến hơn năm-mươi tỉ đô-la. Phe Dân-chủ dĩ nhiên là không tiếc lời phê phán; nghị sĩ John Rockefeller (West Virginia), phó chủ tịch Ủy-ban Tình-báo nói, "Ngân sách Mỹ hiện nay không tìm đâu ra 87 tỉ mà tổng thống đòi hỏi. Chắc chắn chúng ta sẽ phải đi vay số tiền này, và đưa cho tổng thống, nhưng dân chúng Mỹ chắc chắn sẽ vô cùng bất mãn." Nghị sĩ và ứng viên tổng thống John Kerry (Massachusetts) nhắm ngay vào nhân vật hậu trường, "Ông Cheney phải xin lỗi vì những lãnh đạo sai lầm, vì không giữ lời hứa hợp tác với cộng đồng quốc tế, không xây dựng một liên minh có chính nghĩa quốc tế [và] không để cho chuyên viên LHQ hoàn tất công tác [truy lùng khám xét WMD]."

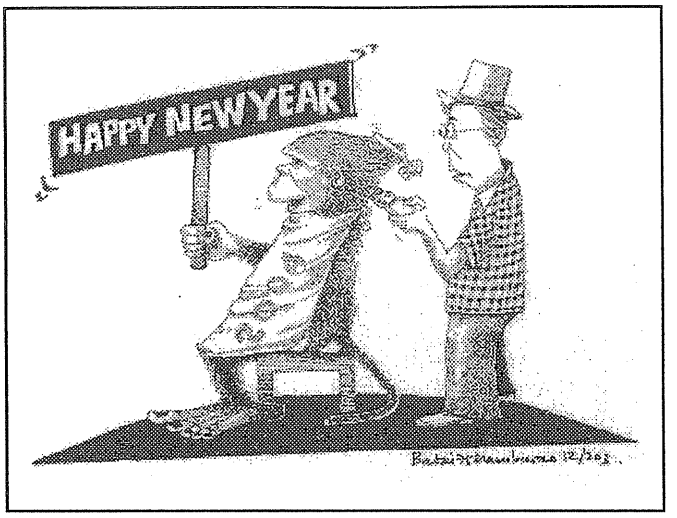

Giữa những than phiền chỉ trích gay gắt này, như đổ thêm dầu vào lửa, một xì-căng-đan mới lại bùng ra giữa tháng Mười. Tướng William Boykin, một tướng biệt kích có thành tích mới được ông Rumsfeld tăng thêm một sao và đặt lên chức ngang cấp phụ tá thứ trưởng quốc phòng chuyên về tình báo (và đặc trách truy lùng Saddam Hussein và các lãnh tụ khủng bố như Bin Laden cùng phụ tá Zawahiri), vừa bị tướng tình báo hồi hưu William Arkin phát giác trên nhật báo *Los Angeles Times* là người thường công khai phát ngôn xem cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ như một thánh chiến giữa thế giới Do-Thái và Ki-tô giáo chống lại quỉ Satan Hồi-giáo —điều mà người Hồi giáo khắp thế giới vẫn buộc cho chính quyền Bush và ông Bush vẫn phải chật vật tránh né. Giới truyền thông sau đó đưa ra nhiều bằng chứng nữa. Tướng Boykin còn mặc quân phục xuất hiện tại các nhà thờ, những hội họp công cộng của giới Tin-lành ở khắp nước với những phát ngôn như "Chúa của tôi lớn hơn chúa của họ [người Hồi-giáo]. Tôi biết chúa của tôi là chúa thật, chúa của họ chỉ là một thần tượng thôi," hoặc "Tôi biết tổng thống Bush bước vào tòa Bạch-ốc vì chúa đặt ông vào đây, chứ không phải vì ông chiếm được đa số phiếu bầu." Ai cũng thấy ngay những phát ngôn này đi ngược hẳn lại nỗ lực của tổng thống nhấn mạnh rằng Hoa-Kỳ chỉ nhắm vào khủng bố chứ không phải người Hồi giáo hay văn hóa Hồi. Tướng Boykin có thể giải thích, như ông Rumsfeld đang cố giải thích, rằng ông phát biểu với tư cách cá nhân. Nhưng, như giới truyền thông khẳng định, trong tư thế lãnh đạo của ông mọi phát ngôn "ngoài phòng khách của ông" đều được xem như phát ngôn chính thức của giới quân sự và chính quyền Mỹ —ít nhất trong mắt của thế giới Hồi giáo. Và họ kết luận ông Rumsfeld phải hồi hưu Boykin trước khi tướng này gây thêm những thiệt hại to lớn hơn nữa! Một lần nữa chuyện liên quan đến Iraq và nhân vật dính liền đến đây, ông Rumsfeld, lại thành cái gai nhức nhối cho tổng thống.

Những khó khăn của chính quyền Bush ở Iraq từ đầu năm mới còn nghiêm trọng hơn nữa, ảnh hưởng mạnh mẽ vào mùa tranh cử 2004 — và sẽ được phân tích trong một kỳ tới.

D. Thay lời kết

Xem ra có lẽ phe Dân-chủ có đủ ba điều kiện cần thiết —theo như ông Patrick Buchanan vạch ra ở đầu bài này— để có thể ngang ngửa với tổng thống Bush trong kỳ tranh cử sắp tới. Vấn đề

còn lại là ai sẽ đứng đầu liên danh Dân-chủ đây? Như đã nói trên, trong năm ứng viên còn lại (nghị sĩ Bob Graham, Carol Braun và Joe Lieberman, dân biểu Richard Gephardt đã rút lui) người ta có thể phân chia ra hai nhóm —thiếu hy vọng nhất là mục sư Al Sharpton và dân biểu Dennis Kucinich. Có hy vọng nhiều là nghị sĩ John Edwards, và hy vọng nhất là nghị sĩ John Kerry. Ông Howard Dean có tiền ủng hộ cao nhất với ưu điểm có thật là ông khai thác đúng nguồn nước ngầm nhưng mạnh mẽ của giới cử tri thật sự khinh thường và ngay cả oán hận việc ông Bush đắc cử không chính đáng năm 2000 và nhất là đường lối ngoại giao đế quốc và chính sách kinh tế cũng như xã hội và môi sinh cực kỳ bảo thủ sau đó. Giới cử tri nói trên không chỉ hạn chế trong cánh tả của đảng Dân-chủ mà đã lan rộng thêm đến giới Dân-chủ nói chung và một phần giới cử tri độc lập bất mãn vì chiến tranh Iraq và tình hình kinh tế trì trệ. Nhưng nhiều giới quan sát chính trị cũng lo ngại rằng ông Dean không lôi cuốn đủ số cử tri để đánh bại phe đại thương nghiệp, bảo thủ tôn giáo và xã hội đã tìm ra (sau 11 tháng Chín) và đổ dồn tiền bạc (hơn 130 tỉ đô-la tính đến nay) và dĩ nhiên là phiếu vào một ông Bush rất khả ái với họ. Nhược điểm của ông Dean: ông "bị" xem là ứng cử viên của giới trung lưu trí thức ("lái xe Volvo và ăn phó-mát Brie của Tây"), và dù ông đã nhận được ủng hộ rất quan trọng và cần thiết của ba nghiệp đoàn công nhân lớn nằm trong liên đoàn lao động khổng lồ AFL-CIO ở Hoa-Kỳ ông đã không đạt đến ủng hộ rộng lớn hơn. Ông Dean cũng bị xem là thiếu kinh nghiệm ngoại giao quốc tế và không có hình ảnh người hùng cựu chiến binh. Sau bầu cử sơ bộ ở gần 20 tiểu bang ông cũng đã rút lui. Ông Kerry được lợi thế rõ rệt là cựu chiến binh với nhiều huân chương từ chiến tranh Việt-Nam và có thể đưa ra bộ mặt người Dân-chủ cũng cứng rắn về chiến tranh và khủng bố nếu cần. Ông tương đối ôn hòa hơn ông Dean, và nhất là có tài sản vĩ đại của riêng mình cũng như của bên vợ (Teresa Heinz, góa phụ của chủ nhân đại công ty thực phẩm Heinz, với tài sản hàng tỉ đô-la—ông Heinz từng là nghị sĩ và tử nạn máy bay riêng). Là người sáng giá thứ nhất hiện nay phía Dân-chủ, ông Kerry có khi bị phê bình là quá thận trọng, như ông Al Gore trong năm 2000 —có thể là một nhược điểm, nhưng mới đây ông đã mạnh dạn lên tiếng chỉ trích chính quyền Bush về mặt kinh tế và chính sách ở Iraq. Ngôi sao bốn sao Wesley Clark là người mới đến chính trường đã nhẩy ngay vào chiến trận máu lửa đi vào Bạch-ốc, và do đó gây nhiều hứng khởi và phản ứng sôi nổi. Ông là người văn võ toàn tài: sĩ quan tác chiến ở Việt-Nam lên cấp tá khi ba-mươi tuổi, một tướng lãnh trẻ tuổi nhất, và tổng chỉ huy lực lượng quốc tế Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương (NATO). Như tổng thống Clinton, ông là người Arkansas, có thể lấy phiếu miền Nam nước Mỹ (chiếm hai-phần-năm số phiếu cử tri đoàn cần thiết để đắc cử; thường bảo thủ và ít khi chọn tổng thống Dân-chủ ngoài vùng). Nhiều người so sánh ông với danh tướng Dwight Eisenhower, tổng chỉ huy lực lượng Đồng-minh chiến thắng ở châu Âu trong Thế chiến II và, dù không có kinh nghiệm chính trị, sau đó làm tổng thống hai nhiệm kỳ thời thập niên 1950. Ông Clark cũng đã rút lui sau khi thắng cử sơ bộ ở Oklahoma mà thôi. Ông cũng đã lên tiếng ủng hộ ông Kerry, và giới truyền thông đã ngắm nghía một liên danh Kerry-Clark. Cũng trong chiều hướng cần một người miền Nam, nghị sĩ John Edwards, thuộc tiểu bang North Carolina và hàng nhì sau ông Kerry, đang thành ứng viên sáng giá cho chức vụ phó tổng thống Dân chủ. Ngoài ra, luôn luôn như một mối lo sợ cho nhiều người tranh cử và hy vọng cho nhiều người bầu cử phe Dân-chủ là nghị sĩ Hillary Clinton (New York), phu nhân của ông Clinton, với ý định tranh cử tổng thống năm 2008 — nhưng không phải là không sẵn sàng cho kỳ bầu cử tới, ít nhất là trong vai trò phó tổng thống. Những giả thiết bầu cử 2004 đều cho thấy bà có thể là người thu được nhiều phiếu không kém ứng cử viên Dân-chủ sáng giá nhất hiện nay. Trở ngại lớn nhất là nước Hoa-Kỳ dân chủ tự do có sẵn sàng chấp nhận một phụ nữ trong Bạch ốc chưa?

Sau kỳ bầu cử sơ bộ , cùng với những tiến triển ở Iraq và kinh tế nước Mỹ, ta có thể nhìn thấy một liên danh Dân-chủ với ông Kerry đứng đầu —liên danh này có thể gồm một trong hai nhân vật sáng chói hiện nay với gốc miền Nam. Cũng có thể sẽ có một liên danh Dân-chủ gồm một nam một nữ. Về phía Cộng hòa tổng thống Bush không có ai thách thức; nhưng từ đầu năm mới dư luận bảo thủ Mỹ bắt đầu thả bong bóng chính trị đề nghị loại bỏ phó tổng thống Dick Cheney (một nhược điểm cho ông Bush vì những xì-căng-đan Iraq) và thay ông bằng chủ tịch Thượng viện, bác sĩ Bill Frist.

Tranh cử tổng thống năm 2004 sẽ vô cùng gay go và sinh động khắp nước Mỹ cùng thế giới— và cả thế giới sẽ để mắt theo dõi.

QUÁ TRÌNH XÁC LẬP **CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM** TẠI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA

NGUYỄN NHÃ, Tiến Sĩ Sử Học

Giáo Sư Nguyễn Nhã

Trước đây, trong một thời gian dài, người Việt và người Phương Tây đều tưởng ở giữa Biển Đông chỉ có một quần đảo dài, đều gọi một tên chung, rất nhất quán. Người Việt gọi là Bãi Cát Vàng hay Cồn Vàng hoặc Hoàng Sa, hoặc có khi gọi là Đại Trường Sa hay Vạn Lý Trường Sa.

Mãi đến năm 1787-1788, khi đoàn khảo sát Kergariou Locmaria xác định rõ ràng và chính xác vị trí của quần đảo Paracel hiện nay, người Phương Tây mới bắt đầu phân biệt quần đảo Paracel ở Phía Bắc với quần đảo ở Phía Nam mà sau này đến thập niên 40 trong thế kỷ XX, người Pháp mới gọi là Spratlys, tức quần đảo Trường Sa. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm trong Biển Đông mà nhiều thập niên qua đã có nhiều nhà khoa học khẳng định sự hình thành nền văn hóa hàng hải có những sắc thái hoàn toàn khác với văn hóa lục địa Trung Hoa.

Một điều hết sức đặc biệt là có sự nhất quán hết sức rõ ràng giữa danh xưng quần đảo tên Việt và tên Phương Tây, khi Giám Mục Taberd ghi rất rõ ràng ở bản đồ *An Nam Đại Quốc Họa Đồ* với hàng chữ : "Paracel seu Cát Vàng" (Paracel còn gọi là Cát Vàng; từ Latin "seu" = hay là = "ou").

Không có một vùng biển nào trên Thế Giới với diện tích tương đương 3/4 Địa Trung Hải mà lại có tầm mức quan trọng về phương diện giao thông và chiến lược quân sự như Biển Đông.

Sự xác lập chủ quyền Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được minh chứng bằng những tư liệu lịch sử không những của Việt Nam, mà còn của chính người Trung Quốc cũng như của Phương Tây, đồng thời bằng quá trình chiếm hữu thật sự, hòa bình và thực thi liên tục của các nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử từ đầu thế kỷ XVII sang thế kỷ XIX.

Những tư liệu của Trung Quốc minh chứng chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa:

Trước tiên là *Hải Ngoại Kỷ Sự* của Thích Đại Sán (người Trung Quốc) năm 1696. Trong quyển 3 của *Hải Ngoại Kỷ Sự* đã nói đến Vạn Lý Trường Sa tức Hoàng Sa và đã khẳng định Chúa Nguyễn đã sai thuyền ra khai thác các sản vật từ các tàu đắm trên quần đảo Vạn Lý Trường Sa.

Các bản đồ cổ Trung Quốc do chính người Trung Quốc vẽ từ năm 1909 trở về trước đều minh chứng Tây Sa và Nam Sa chưa thuộc về Trung Quốc. Khảo sát tất cả các bản đồ cổ của Trung Quốc từ năm 1909 trở về trước, người ta thấy tất cả các bản đồ cổ nước Trung Quốc do người Trung Quốc vẽ không có bản đồ nào có ghi các quần đảo Tây Sa, Nam Sa. Tất cả các bản đồ cổ ấy đều xác định đảo Hải Nam là cực Nam của biên giới phía Nam của Trung Quốc.

Sau khi Trung Quốc dùng vũ lực chiếm đóng Hoàng Sa tháng 1 năm 1974, nhiều đoàn khảo cổ Trung Quốc đến các đảo thuộc quần đảo này và gọi là "phát hiện" nhằm nhiều cổ vật như tiền cổ, đồ sứ, đồ đá chạm trổ trên các hòn đảo này, song đều không có giá trị gì để minh xác chủ quyền Trung Quốc, trái lại họ lại phát hiện ở mặt Bắc ngôi miếu "Hoàng Sa Tự" ở đảo Vĩnh Hưng, tức đảo Phú Lâm (Ile Boisée), lại là bằng chứng hiển nhiên vết tích của việc xác lập chủ quyền

của Việt Nam.

Tư liệu Phương Tây lại rất rõ ràng xác nhận chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Nhật ký trên tàu Amphitrite (năm 1701) trong *Lettres Edifiantes et Curieuses* của Archives des Missions Étrangères de Paris, 1838, 4 vols xác nhận Paracels là một quần đảo thuộc về nước An Nam.

"Le Mémoire sur la Cochinchine" của Jean Baptiste Chaigneau (1769-1825) viết vào những năm cuối đời Gia Long (hoàn tất năm 1820) đã khẳng định năm 1816 vua Gia Long đã xác lập chủ quyền Việt Nam trên quần đảo Paracels, vì đây là lần đầu tiên Việt Nam sử dụng chính quy tức thủy quân thay vì lực lượng bán quân sự: đội Hoàng Sa kiểm soát quần đảo Hoàng Sa.

"Univers, histoire et description de tous les peuples, de leurs religions, moeurs et coutumes" của giám mục Taberd xuất bản năm 1833 cho rằng hoàng đế Gia Long chính thức khẳng định chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa năm 1816.

An Nam Đại Quốc Họa Đồ của giám mục Taberd xuất bản năm 1838 khẳng định Cát Vàng (Hoàng Sa) là Paracels và nằm trong vùng biển của Việt Nam.

"The Journal of the Asiatic Society of Bengal," Vol. VI đã đăng bài của giám mục Taberd xác nhận vua Gia Long chính thức giữ chủ quyền quần đảo Paracels.

"The Journal of the Geographycal Society of London" (năm 1849) GutzLaff ghi nhận chính quyền An Nam lập ra những trưng thuyền và một trại quân nhỏ để thu thuế ở Paracels.

Chính đại diện nhà nước Việt Nam là vua và triều đình như thời Minh Mạng, *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*, đệ nhị kỷ, quyển 104 chép, *"Năm 1833 Vua (Minh Mạng) bảo Bộ Công rằng Đảo Hoàng Sa nằm trong hải phận Quảng Ngãi"* hoặc năm 1836, *Đại Nam Thực Lục Chính Biên,* đệ nhị kỷ, quyển 165 chép: *"Bộ Công tâu: Xứ Hoàng Sa thuộc cương vực mặt biển của nước ta, rất là hiểm yếu."* Hoặc năm 1847, tờ phúc tấu của Bộ Công trong tập châu bản tập 51, trang 235 ghi rõ: *"Bộ Công tâu lên vua (Thiệu Trị): "Hàng năm, vào mùa xuân, theo lệ phái binh thuyền vãng thám Hoàng Sa thuộc hải cương nước nhà."* Như thế vua và triều đình nhà Nguyễn đã nhiều lần khẳng định Hoàng Sa và Trường Sa là thuộc Việt Nam.

Trong suốt thời chúa Nguyễn, triều Tây Sơn và nhà Nguyễn liên tục từ đầu thế kỷ XVII đến khi có sự xâm phạm chủ quyền của nước ngoài, năm 1909, Hoàng Sa luôn được các sách địa lý như *Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ* của Đỗ Bá tự Công Đạo hay *Địa Dư Chí* của Phan Huy Chú, *Hoàng Việt Dư Địa Chí* của Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Việt Sử Cương Giám Khảo Lược* của Nguyễn Thông, *Đại Nam Nhất Thống Chí* của Quốc Sử Quán đều xác định quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một, luôn được quản lý hành chánh bởi Quảng Nghĩa hay Quảng Ngãi (thời Tây Sơn gọi là Hòa Nghĩa) tức là phủ, khi là trấn hay tỉnh tùy theo thời kỳ lịch sử.

Hoàn cảnh địa lý tự nhiên, từ vị trí, địa thế, cũng như nhân văn của vùng cửa biển Sa Kỳ - Cù Lao Ré khiến dân cư ở đó giỏi đi biển, thường đi tìm những hải sản quí như hải sâm ngay ở vùng kế cận Cù Lao Ré, khiến "Cù Lao Ré – cửa biển Sa Kỳ" là cái nôi ra đời của đội Hoàng Sa.

Việc thành lập đội Hoàng Sa phải có trước hoặc trong thời Chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687), tức là trước hoặc trong thời ra đời cuốn sách *Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư* (năm 1686), và đội Hoàng Sa khi trở về đất liền vào tháng tám âm lịch vào cửa Eo hay Tư Hiền rồi nộp sản vật tại chính dinh ở Phú Xuân. Như thế, chúng ta có cơ sở để kết luận đội Hoàng Sa ra đời sớm nhất từ thời chúa Nguyễn Phúc Lan (1635-1648), hay chắc chắn từ thời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687).

Từ tháng ba âm lịch đi từ Cù Lao Ré đến nơi bắt đầu hoạt động ở Hoàng Sa là ba, bốn ngày đêm; đến tháng 8 đội Hoàng Sa trở về đất liền. Do điều kiện khí hậu lúc bấy giờ không cho phép đội Hoàng Sa trú cả năm mà phải theo mùa, kéo dài từ đầu thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX.

Thu lượm các sản vật từ các tàu đắm, các hải sản quí từ vùng biển phía Bắc quần đảo Hoàng Sa, kiêm quản, trông coi đội Bắc Hải ở phía Nam, thám vãng, trình báo về các bọn thổ phỉ ngoài biển và sau còn đo đạc thủy trình, đội Hoàng Sa là một tổ chức dân binh vừa mang tính dân sự vừa mang tính quân sự, vừa mang tính tư nhân vừa mang tính nhà nước, vừa có chức năng kinh tế, vừa có chức năng quản lý thời ấy ở Biển Đông.

Đội Hoàng Sa đã thu lượm trước hết những hải vật quí lạ ở Hoàng Sa như hải sâm, ốc hoa, ốc tai voi. Quan trọng nhất là các hàng hóa từ các tàu đắm, phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ, súng ống.

Việc đi biển xa (viễn dương) khiến các thành viên đội Hoàng Sa rất giỏi đi biển, sau được cử đi hướng dẫn hải trình cho thủy quân triều Nguyễn.

Các chúa Nguyễn vẫn để đội Hoàng Sa kiêm

Trích đoạn An Nam Đại Quốc Họa Đồ của Taberd năm 1838 cho thấy ở góc phải dưới, có ghi đảo Paracel hay Cát Vàng.

quản hầu có một đầu mối, để có thể dễ dàng nắm tình hình ở Biển Đông. Đội Bắc Hải không định trước bao nhiêu suất. Hoặc chọn người thôn Tứ Chính (ở gần bờ biển) thuộc phủ Bình-Thuận, hoặc chọn người làng Cảnh-Dương lấy những người tình nguyện bổ sung vào đội Bắc-Hải. Ai tình nguyện đi thì cấp giấy sai đi và chỉ thị sai phái đội ấy đi làm công tác.

Thủy quân bắt đầu từ năm 1816 xem xét và đo đạc thủy trình... để vẽ bản đồ. Việc đo đạc thủy trình và sau đó vẽ bản đồ ở Hoàng Sa do Bộ Công chỉ đạo thủy quân phối hợp với giám thành, với địa phương Quảng Ngãi.

Đến năm Minh Mạng thứ 14 (1833), vua Minh Mạng đã chỉ thị cho Bộ Công đẩy mạnh việc dựng bia chủ quyền, cắm cột mốc ở Hoàng Sa. Mỗi năm cột mốc đều khắc rõ niên hiệu, năm, chức vụ, họ tên viên chỉ huy "lực lượng thủy quân đặc nhiệm," được phụng mệnh ra Hoàng Sa và ghi dấu để nhớ. Công tác trên thành lệ từ năm 1836.

Vua Minh Mạng rất quan tâm đến việc dựng chùa miếu và trồng cây tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trồng cây cốt làm dấu dễ nhận ra đảo mà tránh thuyền bị tai nạn đâm vào đảo.

Trong suốt hơn ba thế kỷ (đầu thế kỷ XVII đến năm 1909), Việt Nam chiếm hữu thật sự, liên tục, hòa bình, không có nước nào tranh chấp, phản đối sự chiếm hữu hợp pháp ấy đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Chính quyền thuộc địa Pháp đã có những hành động cụ thể củng cố, khẳng định và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và

Trường Sa từ khi bị Trung Quốc xâm phạm lần đầu tiên vào năm 1909, khi Trung Quốc cho các tàu chiến đến thám sát, làm thủ tục chiếm đóng theo kiểu hải quân Phương Tây vì Trung Quốc cho rằng quần đảo Hoàng Sa là vô chủ.

Đáng tiếc là về phía Pháp, theo hiệp ước 1884, lẽ ra phải có nhiệm vụ lên tiếng phản đối ngay những hành động của Trung Quốc, song lại im lặng một thời gian. Sau khi người Trung Quốc sáp nhập quần đảo Paracels vào tỉnh Quảng Đông vào năm 1921 thì chính quyền thuộc địa Pháp mới bắt đầu quan tâm đến Hoàng Sa.

Mãi đến năm 1925, người Pháp mới bắt đầu nghiên cứu sâu quá trình xác lập chủ quyền của "vương quốc Việt Nam." Người Pháp cho rằng Hoàng Sa vốn đã thuộc chủ quyền Việt Nam, không cần một hành động chiếm hữu chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa nữa, nên Viện Hải Dương Học Và Nghề Cá Nha Trang đã thực hiện cuộc khảo sát đầu tiên năm 1925 bởi tàu khảo sát kéo lưới Chalutier De Lanessan do M.A. Krempt điều khiển; tháng 7 năm 1927 khảo sát ở Trường Sa (Spratley).

Chính dư luận báo chí thời đó khiến chính quyền thuộc địa Pháp không thể làm ngơ. Ngày 29 tháng 4 năm 1932, chính phủ Pháp gởi kháng nghị nêu rõ các bằng chứng về sự chiếm hữu của Việt Nam. Sau đó, lần đầu tiên Pháp đề nghị đưa vụ tranh chấp ra các tòa án quốc tế và Trung Quốc đã phản đối đề nghị này.

Ngày 13 tháng 4 năm 1933, một hạm đội nhỏ thuộc các lực lượng hải quân Pháp đến chiếm hữu theo phương thức Phương Tây quần đảo Trường Sa. Từ đó chính quyền Pháp có nhiều hành động tái khẳng định, xác định chủ quyền của "vương quốc An Nam" tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ngày 21 tháng 12 năm1933, Pháp quyết định sáp nhập Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa.

Ngày 29 tháng 2 năm Bảo Đại thứ 13 (30 Mars 1938), Hoàng đế Bảo Đại của nhà Nguyễn đã ký dụ số 10 có nội dung: Hoàng Sa do tỉnh ThừaThiên quản hạt. Năm 1938 một bia chủ quyền được dựng trên đảo Pattle (Hoàng Sa) với dòng chữ: "République Francaise- Royaume d' An nam – Archipels des Paracels – 1816 – Ile de Pattle 1938."

Cùng năm này, một hải đăng, một trạm khí tượng (OMM đăng ký số 48860) được đặt ở đảo Hoàng Sa (Pattle), số 48859 ở đảo Phú Lâm (Ile Boisée), một trạm vô tuyến TSF trên đảo Hoàng Sa (Pattle). Cùng một bia chủ quyền, một hải đăng, một trạm khí tượng và một trạm vô tuyến cũng được đặt trên đảo Ba-Bình (Itu-Aba). Tháng 6 năm 1938, một đơn vị bảo an lính Việt Nam tới Hoàng Sa.

Ngày 5 tháng 5 năm 1939, Toàn Quyền Dông Dương Jules Brévié đã ra nghị định số 3282, sửa đổi nghị định trước và thành lập hai sở địa lý trên quần đảo Hoàng Sa.

Lợi dụng lúc quân đội viễn chinh Pháp và chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đang bận đối phó với cuộc chiến tranh toàn diện sắp xảy ra, thì ngày 26 tháng 10 năm 1946, hạm đội đặc biệt của Trung Hoa Dân Quốc gồm bốn chiến hạm đến chiếm trái phép Hoàng Sa và Trường Sa.

Chính phủ Pháp chính thức phản đối sự chiếm đóng bất hợp pháp trên của Trung Quốc và ngày 17 tháng 10 năm 1947 thông báo hạm Tonkinois của Pháp được phái đến Hoàng Sa và gửi một phân đội lính trong đó có cả quân lính Quốc Gia Việt Nam đến đóng một đồn ở đảo Pattle (Hoàng Sa). Chính phủ Trung Quốc lại tiếp tục từ chối việc nhờ trọng tài quốc tế giải quyết.

Vào tháng 4 năm 1950, quân lính Trung Hoa Dân Quốc rút hết khỏi quần đảo Hoàng Sa, trước đó đã rút khỏi Trường Sa. Ngày 14 tháng 10 năm 1950, chính phủ Pháp chính thức chuyển giao cho chính phủ Bảo Đại quyền quản lý các quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 7 tháng 9 năm 1951, Thủ Tướng kiêm Ngoại Trưởng Trần Văn Hữu của chính phủ Bảo Đại long trọng tuyên bố rằng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của Việt Nam, không có ý kiến nào phản đối.

Theo Hiệp định Genève, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở Biển Đông ở dưới vĩ tuyến 17 sẽ đặt dưới sự quản lý hành chánh của chính quyền ở miền Nam vĩ tuyến 17.

Tháng 4 năm 1956, khi quân viễn chinh Pháp rút khỏi Miền Nam Việt Nam, Philippines nêu vấn đề chủ quyền.

Trong thời gian trên cho đến năm 1956, quân đội Quốc Gia Việt Nam sau gọi là Việt Nam Cộng Hòa đã chiếm đóng các đảo phía Tây của quần đảo Hoàng Sa. Ngày 1 tháng 6 năm 1956, Ngoại Trưởng chính quyền Việt Nam Cộng Hòa Vũ Văn Mẫu ra tuyên bố tái khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Vài ngày hôm sau, Pháp cũng nhắc lại cho Philippines biết những quyền hạn mà Pháp đã có đối với hai quần đảo trên từ năm 1933.

Ngày 22 tháng 8 năm 1956, lục hải quân Việt Nam Cộng Hòa đổ bộ lên các đảo chính của quần đảo Trường Sa và dựng bia, kéo cờ.

Ngày 13 tháng 7 năm 1961, sắc lệnh số 174-NV của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đặt quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam và thành lập tại quần đảo này một xã lấy tên là xã Định Hải trực thuộc quận Hòa Vang.

Ngày 6 tháng 9 năm 1973 Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã sửa đổi việc quản lý hành chính của Trường Sa vào xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy mà trước đây vào năm 1956 thời chính quyền Ngô Đình Diệm đã có sắc lệnh gọi quần đảo Spratly là quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 19 tháng 1 năm 1974, Trung Quốc cưỡng chiếm quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 20 tháng 1 năm 1974, quan sát viên của Việt Nam Cộng Hòa bên cạnh Liên Hiệp Quốc yêu cầu Hội Đồng Bảo An xem xét việc Trung Quốc dùng vũ lực đánh chiếm Hoàng Sa.

Trong dịp này, Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam công bố lập trường của mình cho rằng: *"Vấn đề chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ là vấn đề thiêng liêng đối với mỗi dân tộc. Trong vấn đề biên giới lãnh thổ, các nước láng giềng thường có sự tranh chấp do lịch sử để lại, có khi rất phức tạp, cần được nghiên cứu. Trước sự phức tạp của vấn đề, các nước có liên quan cần xem xét vấn đề này theo tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hữu nghị và láng giềng tốt, và giải quyết bằng thương lượng."*

Ngày 14 tháng 2 năm 1975, Bộ Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa công bố Sách Trắng về Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 9 tháng 9 năm 1975, đại biểu chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam tại hội nghị khí tượng thế giới tiếp tục đăng ký đài khí tượng Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 12 tháng 5 năm 1977, chính phủ Việt Nam tuyên bố về các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam.

Ngày 30 tháng 12 năm 1978, người phát ngôn Bộ Ngoại Giao nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ra tuyên bố bác bỏ luận điệu nêu trong tuyên bố ngày 29 thng 2 năm 1978 của người phát ngôn Bộ Ngoại Giao Trung Quốc về vấn đề quần đảo Trường Sa, khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nhắc lại lập trường của Việt Nam chủ trương giải quyết mọi tranh chấp hoặc bất bình bằng thương lượng hòa bình.

Ngày 30 tháng 7 năm 1979, Trung Quốc đã công bố tại Bắc Kinh tài liệu để chứng minh rằng Việt Nam đã "thừa nhận" chủ quyền Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 7 tháng 8 năm 1979, Bộ Ngoại Giao nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ra tuyên bố về quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, bác bỏ sự xuyên tạc của Trung Quốc trong việc công bố một số tài liệu của Việt Nam liên quan đến các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, khẳng định lại chủ quyền của Việt nam đối với hai quần đảo này, nhắc lại lập trường của Việt Nam về việc giải quyết sự tranh chấp về hai quần đảo giữa hai nước bằng thương lượng hòa bình.

Quá muộn màng, gần một nửa thế kỷ sau khi xảy ra sự xâm phạm của Trung Quốc về chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa, các nước ở Đông Nam Á khởi đầu bằng Philippines, tiếp tới Malaysia, Brunei mới bắt đầu đặt vấn đề xâm phạm chủ quyền trên một phần của quần đảo Trường Sa. Philippines bắt đầu xâm phạm chủ quyền Việt Nam tại Trường Sa đầu tiên từ năm 1956, Malaysia từ năm 1979, Brunei từ năm 1982.

Luận điểm của Philippines nói chung dựa vào "thuyết kế cận," cho rằng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa gần nước ấy hơn và là những hòn đảo vô chủ. Còn các nước Malaysia, Brunei đặt vấn đề vùng đặc quyền kinh tế dựa vào qui định của Công Ước Về Luật Biển năm 1982. Trong khi trên thực tế Việt Nam đã có chủ quyền trên quần Đảo Trường Sa từ rất lâu trước khi có Công Ước Về Luật Biển. Từ khi có Luật Biển năm 1982, các nước trên cho rằng mình áp dụng luật này về thềm lục địa, về vùng đặc quyền kinh tế (EEZ).

Song Luật Biển năm 1982 cũng đã qui định khi có chồng lấn với nước đã có chủ quyền ở các hải đảo thì phải giải quyết bằng con đường thỏa thuận theo đúng pháp luật quốc tế như đã được nêu ở điều 38 của quy chế Tòa Án Quốc Tế, để đi đến một giải pháp công bằng (điều 74, 83).

Từ những năm thập niên 80, các nước Philippines, Malaysia đã dùng vũ lực chiếm đóng và có những hành động khiêu khích đối với lực lượng bảo vệ của Việt Nam tại quần đảo Trường Sa, là vi phạm Công Ước của Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982 cũng như Hiến Chương Liên Hiệp Quốc./.

VẬN SUY CHÚA NGUYỄN

TRẦN GIA PHỤNG

1.- HOÀN CẢNH LỊCH SỬ

Năm 1558 (mậu ngọ), được phép vua Lê Anh Tông (trị vì 1556-1573) và Trịnh Kiểm, Nguyễn Hoàng từ Thanh Hoa (1) vào trấn nhậm Thuận Hóa, thay Luân Quận Công Tống Phúc Trị. Năm 1570 (canh ngọ), Nguyễn Hoàng được giao kiêm nhiệm luôn đất Quảng Nam (lúc đó Quảng Nam rộng xuống tới Bình Định ngày nay).

Cuộc nội chiến Lê Mạc chấm dứt năm 1593 (quý ty), Trịnh Tùng (1549-1623) đưa vua Lê Thế Tông (trị vì 1573-1599) về Thăng Long. Nguyễn Hoàng (1525-1613) từ Thuận Hóa ra kinh đô mừng vua Lê. Bị Trịnh Tùng giữ ở lại Thăng Long, Nguyễn Hoàng âm thầm tìm cách trở về nam. Ông lập kế xui các tướng Phan Ngạn, Ngô Đình Nga (hay Hàm), và Bùi Văn Khuê nổi lên ở cửa Đại An (Nam Định) năm 1600 (canh tý). Sau đó, Nguyễn Hoàng xin vua Lê mới lên ngôi là Lê Kính Tông (trị vì 1600-1619) và Trịnh Tùng, cho mình đem quân đi đánh dẹp, rồi phóng thuyền thẳng ra biển, trở về Thuận Quảng.(2)

Lúc đó, còn nhiều việc phải giải quyết ở ngoài bắc, nhất là phải tiếp tục dẹp các cuộc nổi dậy của gia đình họ Mạc, nên Trịnh Tùng làm ngơ vụ Nguyễn Hoàng về nam. Chẳng những thế, vua Lê Kính Tông cử người vào Thuận Hóa phủ dụ Nguyễn Hoàng, giao cho ông trấn thủ Thuận Quảng và nhắc nhở hàng năm nạp đầy đủ thuế má. Kèm theo sắc chỉ của vua Lê là thư của Trịnh Tùng gởi cho Nguyễn Hoàng nói rõ Nguyễn Hoàng đã tự tiện bỏ về mà không có lệnh, nhưng không kết án Nguyễn Hoàng. (3)

Trở về nam lần nầy, Nguyễn Hoàng quyết tâm xây dựng miền nam làm căn cứ để tính kế hoạch lâu dài, nhưng không tỏ lộ ra mặt chuyện chống họ Trịnh ở đất bắc. Năm 1602, Nguyễn Hoàng cử thế tử Nguyễn Phúc Nguyên vào đóng dinh ở làng Cần Húc, (lúc đó thuộc Duy Xuyên, sau thuộc Điện Bàn, Quảng Nam), phụ trách xứ Quảng Nam, tổ chức kinh tế, kiểm soát việc buôn bán với người nước ngoài, và canh chừng phương nam.

Từ đó, vừa chống cự thành công chúa Trịnh ở ngoài bắc, vừa mở mang bờ cõi về phía nam, sự nghiệp các chúa Nguyễn càng ngày càng lẫy lừng. Sau cuộc chiến kéo dài từ 1627 đến 1672, không ký kết bất cứ hình thức hiệp ước hòa bình nào, hai họ Trịnh Nguyễn mặc nhiên lấy sông Gianh (Linh Giang) ở Quảng Bình làm ranh giới phân chia bắc nam. Phía bắc là Bắc hà hay Đàng Ngoài do vua Lê làm vì, chúa Trịnh nắm thực quyền; phía nam là Nam hà hay Đàng Trong, do chúa Nguyễn cai trị. (4)

Sử sách gọi chung những nhà lãnh đạo họ Nguyễn trong nam là chúa, giống chúa Trịnh ngoài bắc, vì các ông được con cháu đời sau truy phong. Thật ra, ở ngoài bắc, vua Lê phong vương cho Trịnh Tùng năm 1599 (kỷ hợi), rồi từ đó được cha truyền con nối. Ở trong nam từ Nguyễn Hoàng đến Ninh Vương Nguyễn Phúc Thụ hay Trú (cầm quyền ở Đàng Trong 1725-1738), thường chỉ xưng tới Thái phó quốc công, và các nhà lãnh đạo họ Nguyễn không được vua Lê phong vương, cũng như chưa tự xưng vương.

Qua thế kỷ thứ 18, họ Nguyễn trở nên vững vàng ở Đàng Trong, lãnh thổ mở rộng gần như ngày nay. Lúc đó, con của Nguyễn Phúc Thụ là Nguyễn Phúc Khoát (cầm quyền ở Đàng Trong 1738-1765) chính thức xưng vương hiệu năm 1744 (giáp tý) tức Võ Vương, dựng tông miếu, sửa đổi phép tắc luật lệ, và cải tổ hệ thống hành chánh. Võ Vương chia Đàng Trong làm 12 dinh: Chính dinh (Phú Xuân),(5) Cựu dinh (Ái Tử), Quảng Bình dinh, Vũ Xá dinh (Lưu Đồn), Bố Chính dinh, Quảng Nam dinh, ba dinh thuộc đất Chiêm Thành cũ là Phú Yên dinh, Bình Khang dinh, Bình Thuận dinh, và ba dinh thuộc đất Chân Lạp cũ là Trấn Biên dinh, Phiên Trấn dinh, và Long Hồ dinh. Đứng đầu mỗi dinh là trấn thủ, cai bạ và ký lục. Chính dinh Phú Xuân được gọi là đô thành. Hai phủ Quảng Ngãi và Quy Nhơn lệ thuộc dinh Quảng Nam thì đặt tuần phủ và khám lý cai trị. Hà Tiên được sắp là trấn biệt lập do một đô đốc đứng đầu.

Năm 1744 đánh dấu cao điểm hưng thịnh của sự nghiệp chúa Nguyễn ở phương nam, nhưng

cũng từ đây bắt đầu vận suy vong của chúa Nguyễn. Nguyên nhân đầu tiên là sự xuất hiện của quyền thần Trương Phúc Loan trên sân khấu chính trị Đàng Trong.

2.- QUYỀN THẦN TRƯƠNG PHÚC LOAN

Nếu ở Đàng Ngoài có loạn kiêu binh hay lính Tam phủ **(6)** làm rối loạn trật tự xã hội, thì ở Đàng Trong, quyền thần Trương Phúc Loan làm cho triều đình chúa Nguyễn chia rẽ, suy yếu và chao đảo. Trương Phúc Loan thuộc dòng dõi có công với triều đình. Ông tổ bốn đời của Loan là Trương Công Gia người Thanh Hoa, theo Nguyễn Hoàng vào nam. Khi Trịnh Tráng kéo quân vào đánh miền Nam năm 1627, Gia đã bày mưu cùng Nguyễn Hữu Dật phao tin ngoài bắc có nội loạn, khiến Trịnh Tráng lo ngại lui quân. Nhờ thế, Sãi Vương cho đổi họ từ Trương Công Gia qua Trương Phúc Gia. Gia là phụ thân của Trương Phúc Phấn. Ông Phấn cùng con đầu là Trương Phúc Hùng có công giúp chúa Nguyễn cố thủ lũy Trường Dục. Con thứ nhì của ông Phấn là Trương Phúc Cương. Ông Cương làm đến chưởng cơ, cố thủ lũy Trấn Ninh năm 1672, được phong chưởng dinh, trấn thủ Cựu dinh (Ái Tử). Ông Cương sinh Trương Phúc Phan. Phan là chồng của công chúa Ngọc Nhiễm, con gái thứ ba của Nghĩa Vương Nguyễn Phúc Thái. Ông Phan làm chưởng dinh Trấn Biên, đã dùng mưu đánh bại người Anh ở Côn Lôn năm 1703. **(7)** Phan có con gái là Trương Thị Thư, làm vợ Ninh Vương Nguyễn Phúc Thụ và là mẹ của Võ Vương. **(8)** Trương Phúc Loan là con trai thứ là Trương Phúc Phan.

Triều Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, Trương Phúc Loan giữ chức ngoại tả, một trong tứ trụ đại thần. **(9)** Ông vừa là cậu ruột, vừa là sui gia với Võ Vương nên ảnh hưởng rất lớn. **(10)** Để có thể thao túng triều chính, Trương Phúc Loan xúi giục Võ Vương ăn chơi xa xỉ, say mê tửu sắc, và giao việc triều đình cho họ Trương lo liệu. Trương Phúc Loan còn chia những chức vụ quan trọng trong triều cho bà con và thuộc hạ nắm giữ, đồng thời kiếm cách tiêu diệt tất cả những ai chống đối lại mình, kể những người trong gia đình chúa Nguyễn.

Ngày 20-5 ất dậu (7-7-1765), Võ Vương từ trần. Nguyên khi sinh thời, Võ Vương lập người con trai thứ chín là Nguyễn Phúc Hạo (hay Hiệu) làm thế tử. Nguyễn Phúc Hạo sinh năm 1739 (kỷ mùi), nhưng chẳng may từ trần năm 1760 (canh thìn), để lại một con trai là Nguyễn Phúc Dương.

Hoàng trưởng tử của Võ Vương là Nguyễn Phúc Chương, sinh năm 1732 (nhâm tý), và từ trần năm 1763. Sau khi cả thế tử lẫn con trai đầu đều từ trần, Võ Vương định chọn người con trai thứ nhì là Nguyễn Phúc Côn (hay Luân, 1733-1765) làm thế tử. Võ Vương giao Nguyễn Phúc Côn cho Nội hữu Ý Đức Hầu Trương Văn Hạnh và Thị Giảng Lê Cao Kỷ chăm lo dạy dỗ.

Khi từ trần năm 1765, Võ Vương để di chiếu lập Nguyễn Phúc Côn lên kế vị. Lúc bấy giờ Côn đã 32 tuổi, khôn ngoan và hiểu biết nhiều, lại có thầy là Trương Văn Hạnh làm cố vấn, mà lâu nay Trương Văn Hạnh lại ngấm ngầm chống Trương Phúc Loan. Trương Phúc Loan thấy khó có thể điều khiển và sai bảo được Nguyễn Phúc Côn nên âm mưu cùng thái giám Chử Đức và chưởng dinh Nguyễn Cửu Thông, tổ chức đổi di chiếu, lập người con thứ 16 của Võ Vương mới 11 tuổi tên là Nguyễn Phúc Thuần lên ngôi chúa tức Định Vương. Định Vương Nguyễn Phúc Thuần là con của Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát và bà Nguyễn Phúc Ngọc Cầu. Bà Ngọc Cầu là con của Nguyễn Phúc Điền. Nguyễn Phúc Điền là con thứ 12 của Minh Vương Nguyễn Phúc Chu,

Một vị quan thời Nguyễn

và là em của Ninh Vương Nguyễn Phúc Thụ. (Ninh Vương là thân phụ cuả Võ Vương). Nói cách khác, Võ Vương và bà Ngọc Cầu là anh em chú bác ruột, cùng một ông nội, (11) lại kết hôn với nhau. Việc nầy giống như việc nhà Trần (1225-1400) cho phép anh em bà con gần trong hoàng tộc kết hôn với nhau, nhưng đi ngược với truyền thống luân lý cổ truyền người Việt.

Trương Phúc Loan bắt giam Nguyễn Phúc Côn, giết hại Nội hữu Ý Đức Hầu Trương Văn Hạnh (12) và Thị Giảng Lê Cao Kỷ, vì hai người nầy biết rõ ý định của Võ Vương là truyền ngôi cho học trò mình là Nguyễn Phúc Côn. Buồn rầu, Nguyễn Phúc Côn bị bệnh nặng. Ông được thả ra bốn tháng sau đó, nhưng về đến phủ đệ thì từ trần. Nguyễn Phúc Côn là phụ thân của Nguyễn Phúc Ánh (sau nầy là vua Gia Long).

Định Vương lên làm chúa mới 11 tuổi, hoàn toàn bất lực, quyền hành trong triều nằm hết trong tay Trương Phúc Loan. Định Vương phong Trương Phúc Loan làm quốc phó (thật ra Trương Phúc Loan tự phong), tức phó quốc vương, nhân vật thứ nhì trong chính quyền ở Đàng Trong sau chúa Nguyễn. (13) Trương Phúc Loan vơ vét tài sản, nhận của hối lộ, bán chức tước để làm giàu, tăng sưu cao thuế nặng khiến cho dân tình oán thán, thế nước suy đồi nhanh chóng. Sau đây là lời của *Đại Nam liệt truyện tiền biên* (bộ sử của nhà Nguyễn) về Trương Phúc Loan: "*Lại bán quan bán ngục để làm giàu, vàng bạc châu ngọc gấm lục chứa đầy như núi. Ruộng vườn, cửa nhà nô bộc trâu ngựa không biết bao nhiêu mà kể. Loan có biệt thự ở xã Phấn Dương, năm gặp mùa thu lụt, hòm rương bị ướt, đến lúc hết lụt, phơi vàng ở giữa ban ngày, một sân sáng rực...*"(14)

Lúc đó, nhà du lịch người Pháp là Pierre Poivre qua các nước Viễn đông, đến Đàng Trong, về Pháp viết lại một bài du ký tường thuật sự giàu có của Đàng Trong và ca tụng hải cảng Hội An là nơi Pháp có thể đặt thương quán làm ăn buôn bán. Công ty Đông Ấn [Pháp] gởi Poivre qua Đàng Trong vào cuối năm 1748 để thương lượng việc buôn bán, mở thương cuộc và xin độc quyền xuất cảng hương liệu. Poivre đến Đà Nẵng, rồi ra Huế, dâng tặng phẩm lên Võ Vương. Poivre gặp nhiều khó khăn tại Huế và phúc trình về Pháp rằng "*việc mua bán đôi thứ hàng hóa quý giá như vàng, trầm hương, ngà voi, tơ lụa, không được tự do, muốn mua được phải lập mưu mẹo hoặc có quan quyền che chở, chính thể của nước và cách cai trị xấu, chúa quan tham lam và dốt nát, đó là những trở ngại lớn cho sự mở mang thương mại...*"(15)

3.- KINH TẾ SUY SỤP

Trong tình hình khó khăn như thế, chính sách ngoại thương của các chúa Nguyễn vào cuối thế kỷ 17 đầu thế kỷ 18 lại thay đổi. Nguyên khi mới vào nam lập nghiệp, các chúa Nguyễn đầu tiên thi hành chính sách ngoại thương rộng rãi. Các ông muốn tạo điều kiện cho dân chúng làm ăn sinh sống, phát triển thương mãi, mới có thể đóng thuế cho ngân sách trung ương. Sự phát triển kinh tế sẽ giúp làm gia tăng dân số Đàng Trong cho kịp với dân số Đàng Ngoài. Đồng thời, để chuẩn bị chiến tranh, qua việc giao dịch với người nước ngoài, các chúa Nguyễn nhập cảng những nguyên vật liệu cần thiết cho kỹ nghệ sản xuất vũ khí, nhất là súng thần công để chống lại quân Trịnh.

Khi người Tây phương đến buôn bán, thường có các giáo sĩ Thiên Chúa giáo La Mã đi theo để truyền bá Phúc âm. Lúc đầu, các chúa Nguyễn rất cởi mở đối với việc truyền đạo Thiên Chúa, nhắm lôi cuốn người Tây phương và nhất là muốn nhờ sự giúp đỡ của các giáo sĩ có khả năng chuyên môn và hiểu biết khoa học kỹ thuật. Một người vợ thứ của Nguyễn Hoàng, vương phi Minh Đức, đã làm lễ rửa tội theo đạo Thiên Chúa. (16)

Tuy nhiên qua đến đời Thượng Vương Nguyễn Phúc Lan (cầm quyền ở Đàng Trong 1635-1648), cháu nội của Nguyễn Hoàng, chính sách đối với Thiên Chúa giáo bắt đầu có sự thay đổi và đôi khi có phần khe khắt. Vụ án giết thầy giảng người Việt tên thánh là André tại Quảng Nam năm 1644 có thể nói báo hiệu giai đoạn bách hại Thiên Chúa giáo ở Đàng Trong. Sau thầy giảng André, giáo sĩ Đắc Lộ bị trục xuất rời Đàng Trong ngày 3-7-1645, và hai thầy giảng Việt dưới tên thánh là Ignace và Vincent bị xử tử năm 1646. (17) Từ đó, các giáo sĩ cũng như giáo dân đạo Thiên Chúa phải hoạt động lén lút để tránh sự truy đuổi, bắt bớ, tuy có khi được dễ dãi ở một vài địa phương.

Sự thay đổi chủ trương của chúa Nguyễn bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân phức tạp, như phản ứng của một số người cực đoan đối với tôn giáo mới, cách hành xử thiếu khôn khéo của một số thương nhân và giáo sĩ nước ngoài, sự lo ngại của các chúa Nguyễn về ảnh hưởng chính trị của các nhà truyền giáo Tây phương, nhất là từ khi giáo hoàng La Mã ra lệnh thành lập hai giáo phận Đàng Ngoài và Đàng Trong năm 1659, và cử mỗi nơi một giám mục cai quản, tức tập trung thần

quyền vào tay một vị đại diện tòa Thánh, khiến cho các chúa cả Trịnh lẫn Nguyễn đều lo ngại ảnh hưởng đến quyền lãnh đạo của chính họ, vì trong chế độ quân chủ, chỉ có vua (hay chúa) nắm quyền lãnh đạo vừa thế quyền, vừa thần quyền (có quyền phong thần). Ngoài ra vào năm 1672, chiến tranh với chúa Trịnh kết thúc, các chúa Nguyễn không còn cần đến sự giúp đỡ của các giáo sĩ phương Tây, cũng như không còn cần nhập cảng các nguyên vật liệu quốc phòng.

Từ đó, chúa Nguyễn không còn rộng rãi trong chính sách ngoại thương và ngoại giao với Tây phương là một trong những nguyên nhân làm cho tàu thuyền quốc tế ít đến Hội An trao đổi buôn bán với người Việt. Sự cứng rắn với người Tây phương thể hiện rõ nhất trong việc đối xử với người Anh. Vào cuối thế kỷ 17, công ty The English East India Company (Công ty Đông Ấn Anh Quốc) đã gởi đại diện đến Hội An năm 1695 đề nghị giao thương với Đàng Trong nhưng bị thất bại vì cả hai bên đều đưa ra những điều kiện khó khăn. **(18)**

Vì không được chúa Nguyễn chấp thuận, năm 1702 (nhâm ngọ), Công ty Đông Ấn Anh Quốc tự động gởi Allen Cacthpole đem tám chiếc thuyền và 200 người đến Côn Lôn lập một thương quán, mà không xin phép chính quyền Đàng Trong. Trấn thủ dinh Trấn Biên là Trương Phúc Phan (phụ thân của Trương Phúc Loan) trình về Phú Xuân. Minh Vương Nguyễn Phúc Chu (cai trị ở Đàng Trong 1691-1725) ra lệnh cho ông Phan tìm cách dẹp bỏ. Ông Phan chiêu mộ 15 người Chà Và (Java, thuộc Indonesia ngày nay), rồi bí mật gởi đến xin làm việc với người Anh. Vào một buổi tối tháng 10 năm quý mùi (1703), những người Chà Và phóng lửa đốt thương quán, giết một số người Anh, có một số bị bắt và một số trốn thoát. Điều đặc biệt trong vụ tiêu diệt thương quán Anh là theo tài liệu Tây phương, người Anh cho rằng những người Chà Và bị giữ lại quá hạn giao ước, nên tức giận nổi lên đốt phá, chứ hoàn toàn không biết đến âm mưu về phía người Việt. **(18)**

Sự thay đổi chính sách của chúa Nguyễn làm cho nền ngoại thương gặp khó khăn, ảnh hưởng đến việc buôn bán của dân chúng, nhưng yếu tố chính làm cho nền kinh tế Đàng Trong suy sụp do quyết định về tài chánh của chúa Nguyễn.

Năm 1746 (bính dần), hai năm sau khi Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát xưng vương (1744), Võ Vương đã nghe theo ý kiến của một người Hoa họ Hoàng (không biết tên), mua kẽm trắng của người Tây phương để đúc tiền, và mở cục đúc tiền tại xã Lương Quán.**(19)** Sau đó, Võ Vương lại đúc loại tiền "Thiên Minh thông bảo," pha nhiều kẽm xanh, vành mỏng, có thể bẻ gãy. Dân chúng chê xấu không dùng, nên tiền mất giá. Khi mới phát hành, một đồng tiền kẽm trị giá bằng một đồng tiền đồng, nhưng sau đó ba đồng mới ăn một. Những nhà giàu và nhà nông có lúa không chịu bán lúa lấy tiền kẽm. Thuyền buôn ngoại quốc không nhận tiền kẽm, chỉ đổi hàng hóa lấy gạo, muối và các loại hàng hóa nội địa. Họ lại đem kẽm đến bán và nhiều tư nhân mua kẽm về bí mật đúc tiền bất hợp pháp. **(20)**

Sau đây là lời của ông Ngô Thế Lân, một hiền sĩ ở ẩn tại Thuận Hóa, dâng lên Định Vương năm 1770 (canh dần) một bài sớ, có đoạn viết: "*Ngày nay thiên hạ bình tĩnh đã lâu, đất rộng dân đông, những đất trồng luá đã khai khẩn hết. Hơn nữa ruộng ở Phiên Trấn* [vùng Gia Định ngày nay] *và Long Hồ* [vùng Vĩnh Long ngày nay] *lại không bị hạn lụt bao giờ. Thế mà từ năm mậu tý* [1768] *tới nay, giá thóc cao vọt, nhân dân đói kém, là cớ làm sao? Không phải là thiếu thóc mà chính vì đồng tiền kẽm gây nên vậy. Nhân tình ai không ưa cái bền chắc, ghét cái chóng hư mà thay tiền đồng bền chắc, cho nên dân đua nhau chứa thóc mà không chịu chứa tiền....*" **(20)** Ngoài ra, Ngô Thế Lân đề nghị lập "kho thường bình" ở các địa phương. Nếu thóc rẻ thì theo giá mà mua vào; nếu thóc đắt thì xuất kho ra bán, giữ giá thóc không cao quá làm hại dân, cũng đừng thấp quá làm hại cho nhà nông. Sau khi giải quyết nạn đói thì sẽ dần dần sửa đổi tệ nạn tiền kẽm. Lúc đó, triều đình chúa Nguyễn do quyền thần Trương Phúc Loan thao túng nên chẳng xét gì đến đề nghị của Ngô Thế Lân. Khi Nguyễn Huệ đem quân ra Phú Xuân năm 1786, Ngô Thế Lân tham gia chính quyền Tây Sơn. **(20)**

Cuộc khủng hoảng tiền tệ kéo dài, nền kinh tế xáo trộn. Nạn hạn hán mất mùa lại diễn ra trong nhiều năm liền, đưa đến nạn đói trầm trọng đến nỗi vào tháng 10 năm giáp ngọ (1774) "*...Thuận Hóa bị đói to., ... ngoài đường có xác chết đói, người nhà có khi ăn thịt nhau...*" **(20)** Điều nầy được xác nhận trong lá thư giáo sĩ Thiên Chúa giáo La Mã thuộc Hội Thừa sai Paris tên là La Bartette gởi về Pháp năm 1776: "*Chiến tranh và đói kém đã làm hại rất nhiều ở đây, đến nỗi dân trong miền chết mất hơn nửa. Đôi khi nhiều gia đình chết cả một lúc, vì họ uống thuốc độc mà*

chết, cho khỏi phải chết đói... Thường thấy thịt người bày bán ra ở chợ..." (21)

Triều đình rối loạn, dân chúng đói khổ là hoàn cảnh thuận tiện nổ ra các cuộc nổi loạn. Vào năm 1769 (kỷ sửu), sao chổi xuất hiện, đuôi tự phía đông bắc chỉ sang phía tây nam. Quan Hàn lâm trong triều đình chúa Nguyễn ở Phú Xuân là Nguyễn Quang Tiền, nhân xem thiên văn, đã nói với các đồng liêu rằng trong sáu năm nữa, ở Quảng Nam sẽ có loạn. (22) Không biết quan Hàn lâm Nguyễn Quang Tiền căn cứ theo thiên văn hay dựa trên thực tế xã hội bất ổn, để đưa ra nhận xét trên đây, nhưng thời gian tiên liệu như thế là hơi dài, vì ngay năm sau (1770) tại phủ Điện Bàn (dinh Quảng Nam), đã xảy ra một cuộc nổi dậy khiến triều đình phải sai Trần Phúc Thành vào đánh dẹp mới yên. Năm tiếp theo, tức năm tân mão (1771), cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Nhạc bùng nổ tại Tây Sơn (Quy Nhơn, cũng thuộc dinh Quảng Nam), là một cơn lốc chính trị sẽ làm đảo lộn toàn bộ xã hội Đại Việt vào cuối thế kỷ 18.

Thời Tây Sơn khởi nghĩa, tinh thần quân đội chúa Nguyễn xuống thấp đến độ theo *Đại Nam thực lục tiền biên* "*tướng sĩ không quen trận mạc, khi phải đi đánh, phần nhiều thác cớ cầu miễn. Trương Phúc Loan thì lại ăn hối lộ mà sai thay người khác, mọi người đều căm oán, ra trận là chạy ngay. Do đó, thế giặc* [chỉ quân Tây Sơn] *càng thịnh...*" (22) Chẳng những dân chúng trong nam mới biết triều đình chúa Nguyễn bất lực, thối nát, mà chúa Trịnh ở ngoài bắc cũng biết rất rõ điều nầy. Năm 1774, lấy cớ là để diệt quyền thần Trương Phúc Loan, Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm đã động binh, gởi quân vào tấn công Phú Xuân.

4.- CHÚA NGUYỄN BÔN TẨU

Xâm chiếm Đàng Trong là giấc mộng lớn của các chúa Trịnh. Mộng nầy không thành sau bảy lần đánh nhau từ 1627 đến 1672. Tuy không chiếm được Đàng Trong, nhưng các chúa Trịnh ở Đàng Ngoài luôn luôn theo dõi tình hình ở Đàng Trong. Có tài liệu cho rằng, Tôn Thất Văn, con của Tôn Thất Dục, oán hận Trương Phúc Loan hãm hại cha mình, đã trốn ra bắc thuật chuyện cho chúa Trịnh nghe. (22) Sóng gió ở triều đình chúa Nguyễn cùng với các cuộc nổi dậy của dân chúng, nhất là cuộc khởi nghĩa của anh em Tây Sơn năm 1771, là cơ hội thuận tiện để chúa Trịnh mở lại cuộc tiến đánh miền nam sau hơn một trăm năm hai bên hưu chiến.

Chúa Trịnh lúc bấy giờ là Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm (cầm quyền 1767-1782) cử Hoàng Ngũ Phúc làm thống tướng, Bùi Thế Đạt làm phó tướng, lãnh đạo quân đội miền bắc, cùng Phan Lê Phiên, Uông Sĩ Điển, Hoàng Phùng Cơ, Hoàng Đình Thể đem ba vạn quân vượt sông Gianh tháng 10 năm giáp ngọ (1774), trong khi ở Thuận Hóa đang xảy ra nạn đói.

Quân Hoàng Ngũ Phúc đi đến đâu, quân Nguyễn khiếp sợ đầu hàng đến đó. Triều đình chúa Nguyễn túng thế, cử Tôn Thất Huống và Nguyễn Cửu Pháp bắt Trương Phúc Loan giải giao cho Hoàng Ngũ Phúc, kèm thêm cống phẩm gồm vàng bạc và voi chiến. Cống phẩm càng dồi dào, càng gợi thêm lòng ham muốn chiếm đoạt của đối phương. Hoàng Ngũ Phúc tuyên bố là mới chỉ bắt được Trương Phúc Loan, ông ta còn phải hợp tác với Phú Xuân để đánh dẹp Tây Sơn, nên tiếp tục tiến quân. Quân Trịnh đến địa phận Phú Xuân ngày 28 tháng chạp năm giáp ngọ (29-1-1775).

Ngày 29 tính thành 30 tháng chạp năm giáp ngọ (30-1-1775), Định Vương cùng triều thần bỏ Phú Xuân, lên thuyền vào Quảng Nam lánh nạn. Lẫn lộn trong đoàn người tháp tùng theo Định Vương, có một thiếu niên gọi Định Vương bằng chú, là Nguyễn Phúc Ánh, con của Nguyễn Phúc Côn. Nguyễn Phúc Ánh sinh năm 1762 (nhâm ngọ), lúc đó mới 13 tuổi.

Khi vào Quảng Nam, Định Vương vào Cửa Đại, ngược sông Thu Bồn, dừng chân ở Bến Giá (tên chữ là Giá Tân) thuộc Duy Xuyên, nhìn qua Gò Nổi (tên chữ là Phù Kỳ thuộc Điện Bàn). (22) Được tin Định Vương Nguyễn Phúc Thuần vào Quảng Nam lánh nạn quân Trịnh, Nguyễn Nhạc chia quân Tây Sơn thành hai cánh tiến đánh. Trước sức tấn công của Tây Sơn, phía bên Nguyễn, từ Bến Giá, Nguyễn Cửu Dật rút quân ra bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng ngày nay); hoàng tôn Dương (con của thế tử Nguyễn Phúc Hạo), lúc đó mới được phong làm Đông cung, lui về Cu Đê (vị trí chiến lược trong vùng vịnh Đà Nẵng, gần Nam Ô, thuộc Hòa Vang ngày nay); còn Định Vương chạy về Liên Chữ (Liên Chiểu, thuộc Hòa Vang), phía bắc Cu Đê vài cây số.

Tại Liên Chữ (Liên Chiểu), Định Vương quyết định vào Gia Định, để Đông cung Dương ở lại giữ Quảng Nam. Định Vương cùng Nguyễn Cửu Dật giong buồm vào nam ngày 12 tháng 2 năm ất mùi (1775), nhưng chẳng may gặp bão, thuyền của Nguyễn Cửu Dật bị đắm mất tích. Thuyền

của Định Vương, trên có chở theo người cháu của nhà chúa là Nguyễn Phúc Ánh, được thoát nạn, tới dinh Bình Khang (vùng Khánh Hòa ngày nay), và sau đó đi tiếp vào Sài Côn an toàn cũng trong tháng nầy. Đông cung Dương kiếm cách đi đường núi trốn vào nam, bị quân của Nguyễn Nhạc bắt được, đem về giam tại Quy Nhơn. Năm sau, trong lúc gia đình Tây Sơn bận rộn với công việc quân sự, Đông cung Dương nhờ một người tên là Quý tổ chức đưa đến cửa biển Thị Nại (Quy Nhơn), trốn xuống thuyền tối mồng 5 tháng 10 năm ất mùi (15-12-1776), và vào đến Gia Định cuối tháng đó.

Về phía Tây Sơn, sau khi chiếm Quảng Nam vào đầu năm 1776, Nguyễn Nhạc nghĩ ngay đến việc truy đuổi chúa Nguyễn ở trong Nam, cử Nguyễn Lữ làm tiết chế, đem thủy binh đánh Gia Định tháng 2 năm bính thân (1776). Định Vương yếu thế, bỏ chạy đi Trấn Biên (Biên Hòa ngày nay), và cho người ra Bình Khang (Khánh Hòa ngày nay) gọi Tống Phúc Hiệp vào cứu viện. Phúc Hiệp chưa vào kịp, thì Đỗ Thanh Nhân đem quân chống cự Nguyễn Lữ. Trong trận đánh nầy các sách đều nói rằng Nguyễn Lữ khi rút lui đã chở về 200 thuyền đầy thóc gạo ra Quy Nhơn, nhưng có một chi tiết rất ít được chú ý là Nguyễn Lữ đã bắt được Võ Văn Nhậm, tiết chế bên Nguyễn, trong trận nầy. Võ Văn Nhậm chịu hàng phục Tây Sơn, về sau làm rể Nguyễn Nhạc và được nắm giữ binh quyền, giúp Nguyễn Huệ rất đắc lực trong chiến dịch bắc tiến năm 1686. **(23)**

Tại Gia Định, tướng Lý Tài, vận động Định Vương nhường ngôi cho Đông cung Dương ngày mồng 1-11- bính thân (14-12-1776). Đông cung Dương nay trở thành Tân Chính Vương, còn Định Vương lên làm Thái Thượng Vương, như hình thức thái thượng hoàng thời nhà Trần. Tuy việc nhường ngôi có vẻ êm thắm nhưng đã tạo ra một sự rạn nứt toàn bộ trong lực lượng Gia Định. Đỗ Thanh Nhân không tham gia triều đình của Tân Chính Vương. Sự chia rẽ nầy làm cho lực lượng bên Nguyễn suy yếu và không chống đỡ nổi cuộc tiến đánh Gia Định lần thứ nhì của lực lượng Tây Sơn.

Tháng 3 năm đinh dậu (1777), Nguyễn Nhạc cử hai em Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ cùng cầm quân vào đánh Gia Định lần thứ nhì. Tân Chính Vương (tức Đông cung Dương) trốn xuống Định Tường, định trốn ra Bình Thuận, nhưng bị quân Tây Sơn bắt giết ngày 17 tháng 8 năm đinh dậu (18-9-1777). Thái Thượng Vương (tức Định Vương Nguyễn Phúc Thuần) chạy đi Cần Thơ, trốn xuống Long Xuyên. Tây Sơn cử một tướng tên là Thành tiến xuống Long Xuyên, bắt giết Định Vương ngày 18 tháng 9 năm đinh dậu (18-10-1777) cùng với Nguyễn Phúc Đồng, anh ruột của Nguyễn Phúc Ánh. **(24)**

Hai vị chúa Nguyễn cùng bị giết trong năm 1777 đánh dấu điểm tận cùng của vận suy các chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Như thế, sự nghiệp của chúa Nguyễn ở Đàng Trong có thể chia thành hai giai đoạn: Thứ nhất, từ năm 1558 đến năm 1744 là giai đoạn xây dựng thành công của các chúa Nguyễn. Thứ nhì, từ năm 1744 đến năm 1777 là giai đoạn suy vong của chúa Nguyễn. Sự nghiệp vĩ đại của các chúa Nguyễn (đi trước) bị chính hai chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát và Định Vương Nguyễn Phúc Thuần làm hư hỏng, chứ chẳng phải do những cuộc chống đối hay phá hoại từ bên ngoài.

Trước sự bất lực của triều đình Phú Xuân, nếu không có cuộc khởi nghĩa của gia đình Tây Sơn năm 1771, hoặc cuộc nam xâm của chúa Trịnh năm 1774 thì cũng sẽ có những cuộc khởi nghĩa khác nổi lên chống đối và lật đổ chúa Nguyễn. Ngoài ra, nếu triều đình Phú Xuân của Định Vương Nguyễn Phúc Thuần, dưới sự thao túng của quyền thần Trương Phúc Loan, tiếp tục cai

trị, thì không biết xã hội Đàng Trong sẽ đi về đâu sau thảm cảnh đói rách người ăn thịt người? Đáng chú ý là tình trạng tham nhũng ở triều đình Phú Xuân thời Võ Vương cũng như thời Định Vương, và thảm cảnh người ăn thịt người, đều do chính các sử quan triều đình nhà Nguyễn ghi lại trong *Đại Nam thực lục tiền biên*, chứ không phải từ những tài liệu thiếu căn cứ hay tuyên truyền của các phe phái đối lập.

Trong số các con cháu gia đình họ Nguyễn Phúc còn sống sót sau cuộc tàn sát do lực lượng Tây Sơn gây ra năm 1777, Nguyễn Phúc Ánh là người con trai lớn nhất, sinh năm nhâm ngọ (1762), con thứ ba của Nguyễn Phúc Côn, em của Nguyễn Phúc Hạo (tử trận trước 1777, không biết năm) và Nguyễn Phúc Đồng (bị Tây Sơn giết cùng một lần với Định Vương). Trước đây, đáng lẽ Nguyễn Phúc Côn là người lên kế vị Võ Vương năm 1765, nhưng lại bị Trương Phúc Loan bắt cầm tù, rồi Loan đưa Nguyễn Phúc Thuần lên ngôi tức Định Vương.

Từ điểm tận cùng thấp nhất của vận hạn suy vong gia đình Nguyễn Phúc, rút kinh nghiệm về những sai lầm của hai vị tiền bối, Nguyễn Phúc Ánh, lúc đó mới 15 tuổi, sẽ đứng lên trung hưng nhà Nguyễn và là người anh hùng thống nhất đất nước vào năm 1802, cai trị một giải giang sơn rộng hơn bao giờ cả, từ Cao Bằng, Lạng Sơn xuống tới Cà Mau.

CHÚ THÍCH:

1.Thanh Hoa: Thanh Hóa vốn tên là Thanh Hoa. Khi vua Thiệu Trị lên làm vua năm 1840, Thiệu Trị (trị vì 1840-1847) ra lịnh kỵ húy chữ "Hoa," vì mẹ của nhà vua tên là Hồ Thị Hoa, từ trần khi ông mới sinh (1807). Do đó, tất cả những gì mang tên "Hoa" đều phải đổi ra chữ khác. Ví dụ: Thăng Hoa đổi thành Thăng Bình (Quảng Nam), Mộ Hoa đổi thành Mộ Đức (Quảng Ngãi), Thanh Hoa đổi thành Thanh Hóa.

2. Đại Việt sử ký toàn thư, Bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Hà Nội: bản dịch của Nxb. Khoa học Xã hội, tập 3, tr. 208. Sự việc nầy cũng được ghi lại trong *Trịnh Nguyễn diễn chí*, một bộ tiểu thuyết lịch sử của Bảng Trung Hầu Nguyễn Khoa Chiêm (1659-1736), người huyện Hương Trà (Thừa Thiên), làm quan dưới đời Minh Vương Nguyễn Phúc Chu (cầm quyền 169-1725). Tuy là bộ diễn chí, nhưng sách nầy có nhiều chi tiết lịch sử khá chính xác, nên có người xem đây là bộ sách sử. Đoạn thuật chuyện Nguyễn Hoàng mưu về nam, thuộc hồi thứ 3 trong sách nầy.(Bản dịch tập 1 của Ngô Đức Thọ, Sở văn hóa Thông tin Bình Trị Thiên, Huế, 1986, tt. 97-119.) Về việc Nguyễn Hoàng ra Thăng Long và ở lại bảy năm, có hai câu hỏi: hoặc ông bị Trịnh Tùng lưu giữ vì Trịnh Tùng sợ ông về Nam sẽ nguy hại về sau, hoặc chính Nguyễn Hoàng muốn ở lại để tìm kiếm một chức vụ hay vai trò quan trọng trong triều đình nhà Lê (mới đem binh quyền hùng hậu ra ngoài đó), nhưng không được nên cuối cùng phải bỏ về.

3. Trong thư, có đoạn viết: "*Mới rồi, bọn nghịch thần Phan Ngạn, Bùi Văn Khuê, Ngô Đình Nga manh tâm phản bội, nổi quân làm loạn, cháu đương cùng với cậu trù tính việc binh, truy quét đảng nghịch, chẳng ngờ cậu không đợi mệnh, tự tiện bỏ về, làm dao động lòng dân địa phương. Không biết đó là bản ý của cậu, hay là nghe lầm kế của bọn phản nghịch. Nay Bùi Văn Khuê, Phan Ngạn đánh lộn lẫn nhau, và đều bị giết cả. Thế mới biết đạo trời sáng rõ; tai hoạ không kịp trở gót, chắc cậu cũng biết cả rồi. Việc đã như thế, nếu cậu quả biết tỉnh ngộ ra, hối lại lỗi trước, nghĩ đến công nghiệp của tiên tổ, nên sai người mang thư đến hành tại lạy trình, rồi đốc nộp tiền thuế để cung việc chi dùng của nhà nước thì lấy công trừ lỗi, triều đình đã có pháp điển, mà công lao ngày trước của cậu lại được toàn vẹn, huân danh sự nghiệp bao đời, bền lâu mãi mãi. Nếu không thế, thì lấy thuận đánh nghịch, triều đình dùng binh đã có cớ rồi, danh tiết của cậu sẽ ra làm sao? Cậu trong việc quân thường vẫn lưu ý đến kinh sử, xin hãy nghĩ kỹ, đừng để hối hận về sau.*" (*Toàn thư*, bd tập 3, *sđd*. tt. 209-210.)

4. Bắc hà, Nam hà: hà = sông. Bắc hà là bờ bắc của sông; Nam hà là bờ nam của sông. Sông ở đây chỉ sông Gianh. **Đàng Ngoài, Đàng Trong**: Cho đến nay, chưa có giải thích cụ thể xuất xứ hai chữ Đàng Ngoài và Đàng Trong. Chỉ biết : 1) Trong *Từ điển Việt – Bồ – La* của Alexandre de Rhodes, ấn hành năm 1651 tại Rome, đã có hai chữ Đàng Ngoài và Đàng Trong. 2) trong *Từ điển Việt – La* của Pigneau de Béhaine năm 1772 cũng có hai chữ nầy. 3) Năm 1999, Nxb Trẻ TpHCM tái bản *Dictionarium Annamitico – Latinum 1772-1773* của Pigneau de Béhaine do Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên dịch và giới thiệu. Trong phần đầu, "Thay lời giới thiệu" (tr. 4), ông Nguyễn Đình Đầu đã so sánh cách giải thích địa danh Đàng Ngoài và Đàng Trong của hai quyển từ điển của A. de Rhdes và P. de Béhaine. Tuy nhiên, cả hai tác giả từ điển cũng như ông Nguyễn Đình Đầu đều không giải thích xuất xứ của hai địa danh trên. Chỉ có một điểm đáng lưu ý là quyển từ điển của A. de Rhodes xuất hiện năm 1651 đã có hai địa danh nầy rồi. Lúc đó, Trịnh Nguyễn mới đánh nhau lần thứ tư năm 1648, và chiến tranh Trịnh Nguyễn chưa kết thúc. Lúc đó, giáo phận Đàng Ngoài và Đàng Trong cũng chưa được thành lập. Vậy hai địa danh nầy có thể xuất hiện từ thời điểm chiến tranh Trịnh Nguyễn phát khởi năm 1627, vì chiến tranh nầy đã chia nước ta thành hai khu vực với hai chính quyền đối địch nhau. Trong tiếng Việt, chữ "đàng" nghĩa là đường, còn dùng để chỉ một vị trí, ví dụ: đàng kia, đàng nọ, đàng ấy. Người Việt cũng có thói quen gọi ngoài bắc, trong nam, trên núi, dưới biển... Vì vậy khu vực do chính quyền phía bắc (ngoài bắc) cai trị thì gọi là Đàng Ngoài, còn khu vực do chính quyền phía nam (trong nam) cai trị thì gọi là Đàng Trong.

5. Lúc đầu, khi mới đến Thuận Hóa năm 1558, Nguyễn Hoàng đặt dinh ở xã **Ái Tử**, huyện Vũ Xương (còn gọi là Đăng Xương, nay thuộc huyện Triệu Phong tỉnh Quảng

Trị). Năm 1570, kiêm nhiệm đất Quảng Nam, ông dời dinh qua xã **Trà Bát** cũng thuộc huyện Vũ Xương, cách Ái Tử không bao xa. Sau khi ra Thăng Long mừng vua Lê trở về năm 1600, Nguyễn Hoàng dời dinh qua phía đông dinh Ái Tử, gọi là **dinh Cát**. Năm 1626 (bính dần), Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên dời lỵ sở từ dinh Cát và xã **Phước Yên** hay Phúc An (trên sông Chợ Kệ, một nhánh cuả sông Bồ, đổ vào sông Hương), thuộc huyện Quảng Điền, Thừa Thiên ngày nay. Từ nay, **dinh** chúa được đổi danh xưng thành **phủ** chúa. Tháng 12 năm ất hợi (qua năm 1636), Thượng Vương dời phủ chúa từ Phước Yên (Quảng Điền) vào xã **Kim Long** (huyện Hương Trà). Vừa mới lên cầm quyền đầu năm 1687 (đinh mão), Nghĩa Vương Nguyễn Phúc Thái dời phủ đến xã **Phú Xuân** (huyện Hương Trà). Năm 1712 (nhâm thìn), Minh Vương Nguyễn Phúc Chu dời phủ đến xã **Bác Vọng** (huyện Quảng Điền). Vừa mới lên cầm quyền, Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát dời phủ trở lại **Phú Xuân** năm 1739, gần vị trí phủ cũ, cho đến khi Định Vương Nguyễn Phúc Thuần bị quân Trịnh tiến đánh, phải bỏ chạy vào nam năm 1775.

6. Lính tam phủ: Từ thời Lê Kính Tông (trị vì 1600-1619) trở đi, quân túc vệ dùng để phục vụ ở triều đình, bảo vệ kinh đô, đều được tuyển từ ba phủ ở Thanh Hoa và 12 huyện ở Nghệ An, là vùng phát tích đồng thời là căn cứ trung hưng của nhà Lê. Ba phủ ở Thanh Hoa là: Thiệu Thiên, Hà Trung, và Tĩnh Gia. Mười hai huyện ở Nghệ An gồm có sáu huyện thuộc phủ Đức Quang: Thiện Lộc, La Sơn, Chân Phúc, Thanh Chương, Hương Sơn, Nghi Xuân; hai huyện thuộc phủ Diễn Châu: Đông Thành, Quỳnh Lưu; hai huyện thuộc phủ Anh Đô: Hưng Nguyên, Nam Đường; và hai huyện thuộc phủ Hà Hoa: Thạch Hà, Kỳ Hoa. Lính tam phủ ỷ công nên rất lộng hành, đã gây cuộc đảo chánh ở Đàng Ngoài năm 1782 (nhâm dần), lật đổ Trịnh Cán và đưa Trịnh Khải lên ngôi chúa. Lính Tam phủ còn cướp bóc phá phách khắp nơi, truất bỏ ngôi đông cung của hoàng tử Lê Duy Cận, đập nhà tham tụng Nguyễn Khản, bắt cậu ruột của Trịnh Khải là Dương Khuông khiến mẹ của Trịnh Khải phải bỏ tiền ra chuộc lại, giết tướng Nguyễn Triêm... Tình trạng bất ổn vô luật pháp kéo dài làm cho dân chúng xôn xao, mất tin tưởng ở triều đình, nên khi Nguyễn Huệ kéo quân ra bắc năm 1786 (bính ngọ), thế lực họ Trịnh tan vỡ nhanh chóng.

7. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện tiền biên* (viết tắt *ĐNLTTB*), Huế: bản dịch cuả Nxb. Thuận Hóa, 1993, tt. 123-127.

8. Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc, *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, viết tắt *Thế phả*, Huế: Nxb. Thuận Hóa, 1995, tr. 160.

9. Tứ trụ đại thần do Thượng Vương Nguyễn Phúc Lan (trị vì ở Đàng Trong 1635-1648) lập ra năm 1638 (mậu dần) gồm có: nội tả, ngoại tả, nội hữu, và ngoại hữu. (Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Hà Nội: bản dịch của Nxb. Giáo dục, 2002, tập 1, phần Tiền biên, tr. 53. Viết tắt: *ĐNTL*). Bốn nhân vật nầy đứng đầu chính quyền trung ương, giúp chúa trị nước, nhưng không phân công nhất định theo chức vụ (ví dụ: Nội hữu làm công việc gì? Nội tả làm công việc gì?), mà chỉ do sự tín nhiệm cuả chúa Nguyễn khi giao việc.

10. Con trai trưởng của Trương Phúc Loan là Trương Phúc Thăng lấy con gái thứ nhì của Võ Vương là Ngọc Nguyện, và mà một người con trai khác của Trương Phúc Loan là Trương Phúc Nhạc lấy con gái thứ bảy của Võ Vương là Ngọc Thụ. (*Thế phả*, tt. 189-190.) Theo *ĐNTL*, bd. tập 1, tr. 174, Loan có con gái gả cho Tôn Thất Dục, con cuả Võ Vương, nhưng Dục không chịu sự sai phái của Loan, nên Loan bãi chức. Cũng theo *ĐNTL*, bản dịch tr. 179, có thuyết cho rằng con của Tôn Thất Dục là Tôn Thất Văn oán hận Trương Phúc Loan hãm hại cha mình, đã trốn ra bắc thuật chuyện cho chúa Trịnh nghe.

11. Thế phả, tt. 175, 183.

12. Vì việc nầy, một môn khách của Trương Văn Hạnh là Giáo Hiến chạy trốn vào phủ Quy Nhơn, mở trường dạy học tại ấp An Thái, Quy Ninh. Trong số những người đến học có anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ. Giáo Hiến là cố vấn cho anh em nhà Tây Sơn khi họ nổi lên khởi nghĩa năm 1771.

13. Quốc phó là chức vụ được ông Loan tự đặt ra, và sử dụng một lần duy nhất trong suốt triều đại chúa Nguyễn và nhà Nguyễn.

14. ĐNLTTB, bản dịch đã dẫn, tt. 202-203.

15. Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong* [Sài Gòn], Houston: Nxb. Xuân Thu tái bản không đề năm, quyển hạ, tt. 558-561.

16. Phan Du, *Quảng Nam qua các thời đại*, Đà Nẵng: Cổ Học Tùng Thư, 1974, tt. 103-104.

17. Tài liệu Internet: VietCatholic Net: "Lịch sử Giáo hội Việt Nam."

18. Phan Khoang, *sđd.* tt. 550-556.

19. Lương Quán: nằm trên hữu ngạn sông Hương, thuộc huyện Hương Thuỷ. (Đường đi Long Thọ, Nguyệt Biều, rồi đến Lương Quán.)

20. ĐNTL, bản dịch tập 1, *sđd.* tt. 154, 173, 175, 179.

21. Nguyễn Phương, *Việt Nam thời bành trướng: Tây Sơn*, Sài Gòn: Khai Trí , 1967, tr. 26. Nguyễn Phương trích dẫn từ "Le mur de Đồng Hới" của Léopold Cadière, đăng trong *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient* (*B.F.E.O.*) [Tập san Trường Viễn Đông Bác Cổ], tập VI, 1906, tr. 238.

22. ĐNTL, bản dịch tập 1, *sđd.* tt. 173, 177-178, 179, 182.

23. Hoa Bằng, *Quang Trung Nguyễn Huệ*, Đại Nam, Hoa Kỳ, tái bản không đề năm, tr. 136. Ở đây, tác giả Hoa Bằng lầm năm Nhâm đầu hàng. Ông viết là tháng 5 năm bính ngọ (1786). Năm nầy, anh em Tây Sơn ra đánh Thuận Hóa, chứ không đánh Gia Định. Nguyễn Lữ cầm quân Tây Sơn đánh Gia Định lần đầu tháng 5 bính thân (1776). (Có lẽ ông lầm bính thân ra bính ngọ). Có thế Võ Văn Nhậm mới có thời gian được tín nhiệm giao binh quyền và làm rể Nguyễn Nhạc.

24. Thế phả, tr. 183.0

Xuân Vũ

XUÂN VŨ: cây bút lớn trui rèn trong kinh nghiệm sống

LÊ VÂN

Người ta từ mọi phía đều công nhận Xuân Vũ là một cây bút nổi tiếng. Anh vừa nằm xuống. Với 74 cuốn sách chính thức, Xuân Vũ đúng là một nhà văn có sức sáng tác cực kỳ phong phú! Anh đã cầm bút viết đều không nghỉ như chuyện lao động chân tay, có lẽ còn hơn thế nữa...

Bút cày trên giấy "đẻ ra chữ," giấy trắng "chuyển dạ thành tiểu thuyết" !

Dùng chữ "cây bút lớn" để gọi Xuân Vũ không là một xưng tụng mà là một xứng đáng. Tôi nói vậy theo nghĩa đen và nghĩa bóng:

Bạn bè thân cận đều nói anh Xuân Vũ (tên thật là **Bùi Quang Triết**, sanh năm 1930) quen "cầm bút viết" mỗi ngày tám tiếng đằng đẵng, ngày này qua ngày khác ròng rã hàng chục năm trời. Gọi đùa anh là một Lê Văn Trương thứ hai hay một Victor Hugo Việt Nam, anh cười khì. Vào thời đại dùng computer cho việc chữ nghĩa, Xuân Vũ vẫn duy nhất cầm bút viết trên mặt giấy những giòng chữ khá đẹp nhỏ nhắn đều đặn như hột bắp. Anh bạn Hứa Hoành "tiến bộ" hơn nhưng chỉ gõ cọc cạch trên máy chữ sau đó bỏ dấu tiếng Việt bằng tay. Bạn Hồ Trường An viết văn bằng Computer thì nguồn văn tắc tị! Đó là những tật dễ thương của những cây bút lớn.

Sáng tác như Xuân Vũ quả là "dùng tay cầy trên giấy ra chữ" lao động vừa bằng óc vừa bằng tay. Người thường khi cầm bút viết một lá thư dài cả chục trang thường thì tay cóng, mắt hoa, đầu nặng, đó là chưa kể khi đầu óc tắc tị, rặn hoài không ra một chữ... Còn Xuân Vũ thì không, cứ khỏe re mà tuôn ra chữ nghĩa giống như mở vòi cho nước tuôn ra, đẻ ra từng lứa tác phẩm như loài thỏ sanh con... Nghe nói học giả Nguyễn Hiến Lê cũng ghép mình vào một thời khóa biểu viết lách nhiều pho sách theo giờ giấc qui định, nhưng viết biên khảo chứ không phải "đẻ" ra tiểu thuyết.

Xuân Vũ đã noi đúng lời khuyên của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng: *"Nên viết, viết càng nhiều càng tốt. Thành công càng tốt, mà thất bại càng tốt. Khi in được một trang, mình đã viết mười trang, hoặc cả trăm trang, có ai biết cho đâu! Không có cách nào trở thành nhà văn được nếu các cậu không viết. Cứ ngồi" suy nghĩ", cứ xem người này, ngắm người kia hoài, không trở thành nhà văn được."* (Những bậc thầy của tôi).

Truyện bịa y như thật !

Truyện bịa y như thật! Câu nói của nhà văn Nguyễn Công Hoan đã ghi khắc trong đầu Xuân Vũ.

Đối với Xuân Vũ, hình như trước khi dàn dựng một truyện dài, anh đã vạch sẵn trong đầu một cái sườn hay cái khuôn cố định rồi cứ theo đó mà đổ chữ nghĩa vào như thợ nề đúc xi-măng. Viết cuốn *Cô Ba Trà*, anh chỉ nghe theo lời kể cốt truyện của Hứa Hoành và vài tài liệu biên khảo về bùa ngải xin Lê Văn Lân tôi cung cấp, chỉ trong vòng ít tuần anh đã đẻ ra một cuốn sách dày hơn 400 trang chữ in kể lể mô tả về cuộc đời của nhân vật Trà Hoa Nữ trong Nam bộ Việt nam. Xuân Vũ đã quá quắt chế biến ra chuyện vẽ bùa bằng chót lưỡi trên thân thể của kiều nữ của thầy bùa làm cho câu chuyện mê ly lạ lùng. Xuân Vũ

có một trí nhớ vô song như thâu băng, chỉ nghe ông Duy Xuyên , hậu duệ bốn đời của Phó Bảng Nguyễn Huy Hiệu kể lại giai thoại về Hường Hiệu theo gia phả, cọng với chút tài liệu sử của Hứa Hoành, anh đã hoàn tất cuốn *Bữa tiệc thịt chó dưới vòm trời Cần Vương* dày 300 trương trong một thời gian ngắn. Tóm lại, Xuân Vũ đã "đẻ chữ nghĩa ra" đều đặn như gà đẻ trứng: Cuốn *Đồng bằng gai góc* của anh trọn bộ năm cuốn, cuốn *2000 ngày đêm trấn giữ Củ Chi* trọn bộ bảy tập, cuốn *Văn nghệ sĩ Miền Bắc như tôi biết* viết thành hai tập...

Tuy năm nay 74 tuổi với bao nhiêu chứng huyết áp cao, cholesterol, phải lọc thận thế mà Xuân Vũ mới khởi sự đăng đều đặn trên bán nguyệt san Tự Do truyện dài lịch sử về Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ qua cuốn *Thất Sơn, địa linh nhân kiệt*... Còn anh bạn Hứa Hoành, dù bị ung thư phổi vẫn cố gắng hoàn tất cuốn *Trí thức miền Nam theo Mặt trận Giải Phóng*. Đúng là kiếp tằm nhả tơ cho đến chết.

Trong hàng ngũ cây bút viết tiểu thuyết trường giang trên nhật báo, Xuân Vũ rất đáng nể với cách viết văn như người ta bán kẹo kéo... dài ngắn tha hồ mà kéo! Hình như văn Lê Xuyên cũng là loại kẹo kéo... với cảnh trai gái đồng quê hôn hít ái ân trong bụi cứ kéo thành hai ba số báo nhưng giải rút quần chưa mở... Cái khác là kẹo kéo của Xuân Vũ pha phách thêm đậu phọng hay bỏ vanille đúng liều lượng như chêm theo những kiến thức thu thập qua sách vở làm câu chuyện thêm ngọt ngào có duyên thêm như trong cuốn *Tấm lụa đào* Xuân Vũ kể ra tên những thứ bánh như Cánh tay Vệ nữ, Giếng Tình yêu... rút ra từ cuốn dạy làm bánh của bà Quốc Việt. Hoặc giả Xuân Vũ kể ra vanh vách tên những lá bùa, cách chơi ngải trong cuốn *Cô Ba Trà* làm cho câu chuyện ly kỳ huyền bí thêm ...

Thói quen "viết tay" những feuilletons này đã luyện quen nếp từ khi anh chàng Xuân Vũ trẻ măng mầm non, hăm mấy tuổi đầu làm phóng viên chiến trường đánh đồn Pháp trên tờ báo *Tiếng súng kháng địch* của Khu IX. Anh thú nhận: *"Có ai dạy cho ngày nào mà cứ phóng ào... Trên lưng mang ba lô, vai mang sắc cốt, túi giắt bút máy, ghi ghi chép chép. Bên trong sắc-cốt toàn là giấy trắng, tưởng có thể viết bài cả trăm trang."* (Những bậc thầy của tôi). Có lần đi công phá đồn Tây bị bắn rát quá, đồng đội chém vè trước, Xuân Vũ chạy sau, ba lô sắc-cốt bị vướng mắc tòng teng trên kẽm gai nên khi về đơn vị đành phải "tường thuật miệng."

Khi chỉ là một cậu bé 17 tuổi, Xuân Vũ đã làm những vần thơ sặc mùi kháng chiến *"Ngày mai em lớn cầm súng bắn Tây"* từng được phổ thành nhạc do nhạc sỹ Phan Vân, người hùng từ đô thành mới ra khu chiến trong đó có đoạn kết là:

...
Bây giờ em còn bé,
Em ôm đỡ súng cây
Ngày mai này em lớn
Cầm súng thiệt bắn Tây... (1947)

Thiên khiếu và học đời, học bạn

Kiến thức về chữ nghĩa văn chương thu thập trên ghế học đường cấp quận Mỏ Cầy, cấp tỉnh Mỹ Tho của Xuân Vũ theo những trang hồi ký của ông không nhiều, nhưng ngược lại anh rất mê đọc sách:

Tiếu lâm, tiểu thuyết vùi trong cặp
Tây Du, Tam quốc thuộc hơn bài!
(Mơ lại trường xưa quận Mỏ Cày)

Xuân Vũ đúng là "sống để viết, và viết theo sự sống." Anh là trường hợp điển hình về đầu óc linh lợi thành công nhờ tự học và học từ những người khác qua những tiếp xúc để khiến giấy trắng trở thành tiểu thuyết. Anh quen lặp lời của Léon Tolstoi: *những chi tiết nhỏ làm nên những tiểu thuyết lớn.*

Vốn liếng ngoại ngữ của anh để đọc chạy tiểu thuyết Pháp trong thời gian học tại trường tư thục Institution Trung Châu ở Mỹ Tho chưa chắc dồi dào. Nhưng ai cấm anh gồng mình tán một chị bạn học đồng lớp lớn tuổi hơn bằng một câu xanh rờn: *Ô ma belle, je t'adore* (Người đẹp ơi, tôi yêu nàng) và biết đóng kịch giả Tây để phun ra một câu tiếng Tây toàn tên thuốc Tây: *Ô la là ! Quinine, Strychnine, Prémarine, Quinobleu. Non, non, Teinture d'iode, Mercurochrome, Alcool de Menthe et Streptomycine... ha ha!* Nhưng sau này, khi ra ngoài Bắc được gần gũi những nhà văn Việt Nam tiền chiến nổi tiếng như Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Huy Tưởng... chú nhà văn mầm non Nam bộ Xuân Vũ mới hăm mấy tuổi đã tạo dịp học lóm thêm nhiều kinh nghiệm quí báu của họ và nhân đó mầy mò đọc bổ túc thêm những văn thi sĩ Pháp cổ điển như Lamartine, Chateaubriand, Guy de Maupassant, Honoré de Balzac... như anh thành thực viết lại trong cuốn hồi ký: **Những bậc thầy của tôi.** Trong sách này, anh viết thuộc làu làu như húp cháo nhiều nguyên tắc viết văn mà anh

học được từ những văn nghệ sĩ ngoài Bắc mà chính anh đã trung thành áp dụng khi anh sáng tác.

Sự thành công của cây bút Xuân Vũ chứng tỏ không có trường nào đào tạo ra văn thi sĩ ngoài trừ tài năng thiên phú và kinh nghiệm sống giữa trường đời.

Đất Nam Kỳ là đất tiểu thuyết

Đất Nam kỳ là đất tiểu thuyết! Đó là câu của Nguyễn Huy Tưởng, nhà văn có uy tín ở miền Bắc đã nói với Xuân Vũ. Đối với ông này, đám nhà văn mầm non Nam bộ *"ngơ ngáo trước ngưỡng cửa nghệ thuật"* (chữ của Xuân Vũ) thường xuyên đi lại giao du nhậu thịt cầy và qua men rượu, Nguyễn Huy Tưởng thao thao giảng về những kỹ thuật mánh lới của nghệ thuật cầm bút. Theo đúng lời khuyên của nhà văn đàn anh này, Xuân Vũ không những là một cây bút viết hồi ký phong phú trứ danh có một không hai của văn giới Việt Nam mà còn là một tiểu thuyết gia viết hàng chục cuốn tiểu thuyết mà hơn phân nửa xây dựng bối cảnh trên quê hương và con người miền Nam như *Sông nước Hậu giang, Ngọn rạch Bằng Lăng, Xóm Cái Bần, Buồng cau trổ ngược, Những độ gà nòi, Cô Ba Trà v.v..* Noi theo dấu Hồ Biểu Chánh, Sơn Nam, Lê Xuyên, Xuân Vũ đã tỏ ra rất phong phú qua nhiều nét chấm phá mô tả những cá tính đôn hậu chân chất, xốc nổi, ăn nhậu, buồn giận, yêu đương của người dân miền phù sa Sông Cửu. Những độc giả đọc Xuân Vũ thắc mắc là Xuân Vũ đi tập kết ngoài Bắc khi còn khá trẻ và lúc trở về Nam lại thì khá luống tuổi, rồi sau đó chạy tỵ nạn qua Mỹ thì trở nên già háp, thế mà những kỷ niệm về đồng quê thời thơ ấu như chuyện mò cua bắt ếch, chuyện lèo lái thuyền ghe, những tiếng lóng miền quê lại khiến anh viết về quê hương miền Nam một cách tự nhiên, đầy tình tự, tươi mát như những bức vẽ phấn tiên (pastel). Động lực bí ẩn nào trong ngòi bút của anh, phải chăng là một trí nhớ phi thường, một tình yêu sâu đậm dành cho nơi chôn nhau cắt rốn nhào nặn với một thiên khiếu văn chương.

Mầm non ươm trong máu lửa!

So với tên tuổi của những nhà văn gốc Nam bộ như Vũ Anh Khanh, Thẩm Thệ Hà, Sơn Nam, Hà Huy Hà, Tâm Điền (tức nhà văn Xuân Tước), Xuân Vũ vào thời đó chỉ là một" *Mầm non ươm trong khói lửa.*"

Nhưng sau khi tập kết ra Bắc, qua kinh nghiệm học hỏi liên tục và sự mê say viết văn, Xuân Vũ đã khiến dân viết lách nể vì có chân trong *Hội Nhà Văn* vào năm 1958 (cùng khóa với Phùng Quán). Thời gian sống ngoài Bắc được Xuân Vũ trang trải trong cuốn hồi ký *Mười năm mưa phùn gió bấc* đã cung cấp nhiều dữ kiện trung thực cho Xuân Vũ về sau viết thành cuốn *Văn Nghệ sĩ Miền Bắc như tôi biết* hé lộ cho độc giả miền Nam hiểu nhiều về thân phận cũng như tâm lý những người làm văn nghệ thuộc giới tuyến đối lập, ai trung, ai nịnh, ai nín thở qua cầu... nhất nhất đều được ngòi bút Xuân Vũ tường thuật, mô tả lại. (Hiện nay tôi còn lưu trữ nhiều trang giấy viết tay của anh về hung thần Tố Hữu với tên cúng cơm là Lành, người bị phần lớn văn nghệ sĩ gọi lén là anh Paul! (Bôn Lành).

Những cơn sốt rét thập tử nhất sinh, những cơn đói meo cùng các sự kiện mà Xuân Vũ dùng mắt của mình quan sát như chụp lại trên từng cây số của đường mòn Hồ Chí Minh khi đi B xâm nhập vô Nam đã trở thành những chất liệu sinh động quí giá vô song cho ngòi bút "đẻ ra chữ" của anh. Anh bắt chước Nguyên Hồng qua câu nói: *Khi tôi viết, tôi cấu thịt da tôi để trên giấy!*

Một ngã rẽ định mệnh

Nhưng một sự cố cực kỳ quan trọng đã xẩy đến cho Xuân Vũ, nếu không thì tên tuổi Xuân Vũ đã bị vùi dập như bụi cỏ hèn: đó là chuyện Xuân Vũ ra hồi chánh!

Cán bộ Bùi Quang Triết vào năm 1965 được điều đi B (đọc là đi "bê" nghĩa là theo đường mòn Trường Sơn xâm nhập vào Nam. Đường mòn này còn gọi đường mòn Hồ Chí Minh, nên "đi Bê" còn được những cán binh VC gọi là "đi Ông Cụ", và có rất nhiều dân "đi Bê" gặp toàn là cực khổ, thiếu thốn, sốt rét, chết chóc dọc đường bèn nổi lên chống đối , đòi "quay trở ra Bắc lại nên được gọi là "toán Bê quay."

Ông Xuân Tước rất thân với anh Xuân Vũ kể là Xuân Vũ đi "bê" một lượt với nhà văn VC Trần Bạch Đằng và công tác tại Tân Hào, Bến Tre.

Nhưng Xuân Vũ, con người với bầu nhiệt huyết của tuổi thanh xuân từng yêu nước đánh Pháp hăng hái tập kết ra Bắc đã trở nên vỡ mộng sau nhiều năm sống trong bầu không khí sinh hoạt giả dối nên đầu óc của anh đã manh nha con đường tìm tự do từ lâu. Tuy nhiên, con đường "hồi chánh" đâu phải giản dị như một món đồ không thích thì trả lại dễ dàng hoặc căng hơn như cưới một người vợ không hợp thì chọn con đường ly dị. Biết bao nhiêu cán binh trong Nam lỡ mê say

chiêu bài yêu nước của đảng Cọng sản đã ra đi tập kết bỏ lại vợ con mà ra Bắc, lúc tỉnh mộng thì thấy nhiều kẹt cứng, không đủ can đảm và thành thực nhận mình lầm mà chỉ ngậm đắng nuốt cay, sống để dạ, chết mang theo. Vả lại, họ còn sợ CS trả thù và nhất là còn hoài nghi rằng phía Quốc gia có thực lòng đón tiếp mình không hay bản thân sẽ chịu cảnh "hàng thần lơ láo, phận mình ra đâu!" Trên phương diện ngôn ngữ, quả là có sự tinh tế về tâm lý giữa hai danh từ: phía CS rêu rao tuyên truyền cho cán binh đừng để phe Quốc gia "chiêu hàng" vì sẽ bị khinh bạc nếu không là tù tội hay bị xử tử; còn phía Quốc gia thì nói "chiêu hồi" tức là dùng tay vẫy gọi (chiêu dụ), mời mọc sự trở về con đường phải (hồi chánh).

Trường hợp của Xuân Vũ chắc đã đắn đo cân nhắc suy nghĩ điều trên và anh chọn con đường hành động ra sao?

LÊ NHIÊN HẠO

Trăng Vô Tình Quá Đi Đâu Biệt

Đêm nay hình như trăng đi chơi. Trời cao. Sao thưa. Mây trôi trôi. Chút tia sáng của vì sao lạc, ta nhớ ai, buồn, chớp mắt thôi!

Đêm nay hình như buồn không đầy. Hồ xanh sương lên chưa gần mây. Nửa vời trời đất rưng rưng gió, vừa đủ chao mình những khóm cây...

Đêm nay sông nào sông tương tư? Ta nghe lao xao lau hai bờ. Tiếng con cuốc gọi trăng lên muộn mà mặt sông gờn chút ngẩn ngơ!

Đêm nay hình như đêm không khuya, đường đê không ai lang thang về. Những bàn rượu chắc còn đông khách. Con dế mèn trong cỏ tỉ tê...

Đêm nay buồn ơi ta tha hương. Chờ trăng, trăng đâu trong mây sương. Những vì sao hướng về phương nhớ. Ai thức chờ ai trên đỉnh non?

Ai đang chờ ai? Ai chờ ta? Mười năm ta xa! Mười năm xa! Năm châu ồ chỉ đường gang tấc, một nhớ thiên thu nỗi nhớ nhà!

Đêm nay đêm nao ta mơ màng. Ta chờ trăng lên chờ trăng tan. Trăng vô tình quá đi đâu biệt... rồi chắc bình minh cũng muộn màng?

Giác ngộ và giao cảm

Bác sĩ Hồ Văn Châm, nguyên Bộ trưởng Chiêu Hồi đã kể cho tôi rõ về trường hợp của Xuân Vũ nguyên văn như sau:

Vào thời điểm 1970- 1971, hạ tầng cơ sở Mặt Trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam hầu như tan rã. Xuân Vũ muốn bỏ ra đi, nhưng còn e ngại sợ bị chính quyền Cộng hòa ở địa phương khinh rẻ, đối xử như kẻ bại trận, phản bội. Vì vậy, Xuân Vũ nhờ người quen lặn lội lên Sài Gòn móc nối với đường giây bộ Chiêu Hồi để xin hồi chánh. Tôi bèn nhờ Trung tá Nguyễn Hữu Thiên là Giám đốc nha Công tác lái xe xuống Kiến Hòa đến điểm hẹn đón Xuân Vũ về Sài Gòn đưa vào gặp tôi. Những gì trao đổi giữa tôi và Xuân Vũ hôm đó, sau này Xuân Vũ viết thành ký sự ***"Phút giao cảm đầu tiên."***

Cốt lõi của câu chuyện hôm đó xoay quanh việc xác định lý lịch và tô đậm chân dung người yêu nước "quốc gia chủ nghĩa":

Họ không phải như hình ảnh người mác-xít lê-nin-nít rêu rao bịa đặt để xuyên tạc tuyên truyền bôi lọ.

Họ là người "không Cọng sản" nhưng không phải là Việt gian theo Tầu.

Họ là người "không Cọng sản" nhưng không phải là Việt gian theo Tây

Họ là người "không Cọng sản" nhưng không phải là ngụy bù-nhìn Mỹ.

Họ là người "không Cọng Sản" và vẫn có thể xuất phát từ hàng ngũ Cọng Sản như trường hợp Xuân Vũ.

Theo ông Xuân Tước, Xuân Vũ vẫn còn bị vài người còn thành kiến hoài nghi về tư cách hồi chánh viên" *chân phèn rửa chưa sạch* "hay là kẻ phản bội trở mặt với lý tưởng của mình. Những

lời tiết lộ trên và xuyên qua những tác phẩm của Xuân Vũ, thái độ còn hoài nghi sẽ không đứng vững. Xuân Vũ là một nhà văn có đầu óc suy nghĩ, văn tức là người, đọc anh ta thấy rõ tư cách xử sự quang minh của anh, bỏ Cọng sản không phải vì cực khổ vật chất mà chính vì lý tưởng tự do nên ra hồi chánh, anh muốn hành động quang minh chính đại đối diện trực tiếp với bộ trưởng Chiêu Hồi hơn là ra "đầu thú" với địa phương thường xét những cán binh hồi chánh là những kẻ trở cờ phản bội hay những kẻ cơ cực cần cơm áo.

Do đó, ta thấy chính bác sĩ Hồ Văn Châm vào năm 1971 là kẻ có mắt tinh đời đã nhìn ra cái tài nghệ và tư cách của Xuân Vũ bằng cách thâu nhận Xuân Vũ và bổ nhiệm anh làm Tham Nghị, một chức vụ dành cho người hồi chánh ngang hàng với Giám đốc Nha. Mà cũng có thể nói đây là một hạnh ngộ may mắn cho bộ Chiêu Hồi biết người biết của mà làm nên công trạng với Xuân Vũ. Năm 1972, Xuân Vũ được cử đi Bắc Âu (Thụy điển, Na Uy, Đan Mạch) làm công tác tuyên vận. Cùng đi với Xuân Vũ là nhạc sĩ Phan Thế, một cán binh văn nghệ hồi chánh, người từng sáng tác khúc nhạc dạo đầu cho những buổi phát thanh (openning tune) của đài Mặt trận Giải phóng Miền Nam. Sau đây là nguyên văn sự nhận định của bác sĩ Hồ Văn Châm về Xuân Vũ:

Kể từ "Phút giao cảm đầu tiên," Xuân Vũ đã tìm lại chỗ đứng trong lòng dân tộc, chen vai thích cánh với những người nặng lòng yêu nước thương dân, không còn cảm thế bơ vơ lạc lõng giữa giòng người bon chen danh lợi. Giã từ hàng ngũ Cọng sản, Xuân Vũ trở thành người không cọng sản, thậm chí trở thành người chống cọng sản, và điều này bản thân Xuân Vũ ý thức đầy đủ rõ ràng về cả hai mặt tư duy và hành động.

Tôi từng hỏi anh Xuân Vũ về sự giao tiếp với bác sĩ Hồ Văn Châm thì anh đã thành thật nói thẳng với tôi rằng: *Tôi chịu ơn ông ấy lắm. Nếu không có ông ấy dùng tôi, thì tôi chỉ đi bán nước mía là cùng!*

Sức mạnh của văn chương

Vào năm 1972, Xuân Vũ đã làm một món quà ý nghĩa cho nhân dân miền Nam với tác phẩm ***Đường đi không đến*** - một hồi ký viết với những chất liệu thực tế với một thể tài sống động sắc nét như lưỡi dao điêu khắc, một văn phong không trang điểm nhưng nóng hổi tình tiết, không chửi bới ai, mà cũng không đề cao ai.

Trong bao nhiêu năm, người ta nghiệm rằng kỹ thuật tâm lý chiến chống Cọng với những khẩu hiệu khuôn sáo chửi rủa không những vô hiệu quả mà đằng khác còn bị phản-tác-dụng làm cho quần chúng có cảm tình với đối phương. Do đó, người ta đã kháo nhau tìm đọc cuốn *Đường đi không đến* của một cây bút từ giới tuyến đối nghịch mà từ lâu vẫn e dè về tính chất trung thực. Qua cuốn này, tôi thấy rõ hiệu quả của văn chương và sức mạnh của ngòi bút đã làm xoay chuyển thái độ đầy cảm tình mù quáng của một số lớn người miền Nam đối với CS và cũng khiến cho bộ mặt của cuộc chiến tranh chống Cọng của miền Nam bắt đầu mang một ý nghĩa chính đáng! Cuốn sách *Uncle Tom's cabin* (Căn lều của bác Tom) của bà Harriet B. Stowe (1811- 1896) viết quá cảm động về thân phận người da đen đã khiến quần chúng Mỹ nổi giận với chế độ Hắc nô và tăng cường thái độ ủng hộ phong trào Bãi nô (Abolitionists).

Phải để cho cây bút gốc miền Nam như Xuân Vũ viết ra mặc dù trước đó từ năm 1954, dân di cư Bắc vô Nam có nói họ cũng cho là tuyên truyền. Cuốn *Đường đi không đến* được lãnh giải thưởng Văn Học Nghệ thuật Quốc gia 1973 là đúng. Văn phong của nó hồn nhiên nhưng sâu sắc không đăng đàn thuyết giảng với những lời chửi rủa trong toàn bộ. Hãy đọc một đoạn đối thoại nhẹ nhàng ở trang 177 trong cuốn *Đường đi không đến*:

Một chốc anh hỏi tôi:

- Tôi hỏi thật mà anh cũng phải trả lời thật nhé! Miền Bắc xây dựng xã hội chủ nghĩa có ngon hơn miền Nam mình không?

Tôi cười và tìm cách nói loanh quanh, không trả lời thẳng. Điều tôi muốn nói với anh là: Chế độ nào nhiều cơm gạo và thỏa mãn người đời nhiều nhất thì đó là chế độ ta cần bảo vệ và vun bồi. Chủ nghĩa cộng sản trên lý thuyết thì có vẻ hay thật nhưng nó chỉ thực hiện được khi nào nhân loại chỉ có một cái dạ dầy chung. Đừng nghe lý thuyết của bất kỳ ai, hãy nhìn vào nồi gạo của họ. Goethe nói một câu tuyệt hay: "Tất cả lý thuyết đều trở thành màu xám. chỉ có cây đời mãi mãi xanh tươi."

Nhân đây, chúng ta cũng không quên bao nhiêu hồi chánh viên khác trở về phục vụ trong tổ chức Xây dựng Nông thôn hay Cán bộ Võ trang tuyên truyền của VNCH. Sự hồi chánh của họ đã làm nao núng tiềm năng phá hoại của CS, vì tổ chức nằm vùng của CS tại những địa phương bị bại lộ. CS thời đó có câu loan truyền rằng:

Bắt được lính Mỹ còn tha,

Bắt được hồi chánh... lột da chặt đầu.

Sau 1975, trung tá hồi chánh Lê Xuân Chuyên đã bị bắt và xử tử không tha. Có nhiều người trước trong hàng ngũ CS trở về với Quốc gia cũng biết thân phận nên đã tự tử khi Cộng sản vào. Tôi còn nhớ bản yết thị dán ngoài phố của ban Quân quản CS vài ngày sau 30 tháng 4, 1975 kêu gọi Ngụy quân Ngụy quyền ra trình diện với chiêu Hòa hợp hòa giải dân tộc và chủ trương "Đánh kẻ chạy đi, chớ không đánh người chạy lại," nhưng chỉ ít lâu sau, cả nước thành một nhà tù vĩ đại...

Giai thoại quanh cuốn "Đường đi không đến"

Cụ Hoàng Văn Chí (tác giả cuốn *Từ Thực dân đến Cọng sản*) được anh Hà Kỳ Lam làm quà cuốn sách này khi anh đi học trường Fort Benning ở Georgia ghé thăm cụ ở Washington DC vào năm 1974 đã thốt lên và trách rằng cơ quan truyền thông của chính quyền quốc gia bỏ lỡ không nắm lấy cuốn này mà phổ biến rộng lớn cho thế giới biết giá trị đặc biệt của tác phẩm này. Anh Hà Kỳ Lam kể rằng cụ Hoàng Văn Chí nói sẽ dịch nó ra Anh ngữ dưới tựa đề: *No light at the other end of the tunnel* và lúc đó cụ đang việc cho một cơ sở ngoại giao của chính quyền Hoa Kỳ nên sẽ vận động họ dựng thành phim ảnh. Nhưng trễ rồi, miền Nam sụp đổ quá sớm!

Bạn Lạc Thủy Đỗ Quí Bái kể rằng nhà thơ Hà Thượng Nhân Phạm Xuân Ninh là một người trong những vị giám khảo đã chấm cho cuốn *Đường đi không đến* trúng giải. Một nhà văn quân đội đã trách rằng: Văn nghệ sĩ Tâm lý chiến thiếu gì, tại sao lại trao giải cho một "tên tập kết." Ông Hà Thượng Nhân đành cười khô và trả lời rằng: *Tôi chỉ là một tiếng nói, dù tôi không chấm cuốn 'Đường đi không đến' trúng giải thì những vị khác trong ban giám khảo cũng chấm nó trúng giải thôi!*

Con ngựa già và nắm cỏ non

Tiếc thay, hoàn cảnh đã thay đổi, miền Nam sụp đổ vào tháng 4, 1975 vì thế cờ chính trị, mặc dù tiềm năng và khí thế chiến đấu của VNCH hầu như chưa suy giảm. Tuy nhiên, hơn ba mươi năm sau

LÊ THỊ KIM

Khung Cửa

Có ánh mắt ai đó
Một buổi chiều
Thoáng qua
Khung cửa
Thoáng qua
Trái tim

Cứ thế
Một buổi chiều
Hai buổi chiều
Nhiều buổi chiều
Thoáng qua...
Dừng lại

Cùng lúc
Trái tim mở ra
Ngoài khung cửa hiển hiện
Tiếng ríu rít ban mai
Những cánh hoa vàng nhún nhẩy
Thảm cỏ xanh trữ tình
Giọt sương lung linh
Hát lời tình tự

Trái tim ngây dại
Tỉnh thức

Trái tim cấm cung
Bắt đầu mơ ước

Trái tim non nớt
Chập chững
Nỗi nhớ nhung

Muốn chạy những bước dài
Quàng vai
Ánh mắt

Đóa hồng nhung thơm ngát
Vụt nở
Ngọt lịm môi
Ngọt lịm trái tim dào dạt

Nhưng... khung cửa cao ngất
Ở giữa
Hai ánh mắt nhìn nhau

vào năm 2004 đọc lại *Đường đi không đến* viết vào 1972 (được tái bản tám lần) người ta lại thấy càng hay và đúng vì tác giả Xuân Vũ đã dùng ngòi bút nêu lên một cái nhìn xác thực vào cái lý tưởng điên rồ vô vọng của những người CSVN cam tâm lấy xương máu Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ quốc tế vô sản của mình, nhưng cuối cùng chẳng đi đến đâu ngoài kết quả hằng triệu người chết và đất nước liệt trong hàng nghèo đói nhất trên thế giới. Thành trì Liên Xô của xã hội chủ nghĩa bị xụp đổ và khôi hài nhất là trước đây chính miệng CSVN hô hào hung hăng "đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào" và "xây dựng đất nước hơn mười lần xưa" thì nay chính họ van lạy Mỹ bang giao, gọi dân tỵ nạn CS hải ngoại là "khúc ruột ngoài ngàn dặm" đem hàng tỉ đô la và chất xám trở về kiến thiết xứ sở. Và Con đường Trường Sơn xâm nhập miền Nam ngày xưa chôn vùi biết bao mạng người xương trắng một cách vô ích thì nay đang trở thành con đường chiến lược "Xa lộ Trường Sơn" của Mỹ. Những tác phẩm "viết tay" trên chục ngàn trang giấy do cây bút phong phú Xuân Vũ như *Xương trắng Trường sơn, Mạng người lá rụng, Đến mà không đến, Đồng bằng gai góc, 2000 ngày đêm trấn giữ Củ chi, The Survivor"* (Kẻ sống sót) là những hồi ký có giá trị lớn trong lịch sử chiến tranh Việt Nam viết ra cho hậu thế đọc. Riêng cuốn *The Survivor"* (Kẻ sống sót) thì Xuân Vũ đã bỏ ra tám năm để viết xong vì viết bằng Anh ngữ. Ngoài ra, Xuân Vũ còn dựng một vở kịch thơ là *Lệnh tấn công* và viết một thiên trường ca *Trả ta sông núi*.

Vào buổi sáng mà gia đình và bạn bè đưa Xuân Vũ ra lò thiêu, tôi bị đau nằm trên giường không xuống San Antonio đưa tiễn được, trong lòng trăn trở. Tôi bỏ một ngày đọc thật kỹ lại cuốn *Đường đi không đến* của anh và thấy anh đã dùng một hình ảnh này mà cô đọng ý nghĩa của toàn tập truyện, đó là dụ ngôn về đất nước Việt Nam dưới sự chỉ đạo của CS trong bài Tựa về một lão đánh xe đưa khách và con ngựa gầy ốm kéo xe của lão:

Nó chạy chậm nổi tiếng, Điều đó làm cho lão già không hài lòng. Lão ta dùng roi, nhưng roi không có kết quả. Thực ra không phải con ngựa chạy chậm vì lười mà chính vì nó kiệt sức.

Để lợi dụng cái sức còn lại trong con vật, lão già đã nghĩ ra một cách có vẻ nhân đạo hơn. Lão ta buộc một mớ cỏ non trên đầu cần câu và buộc chiếc cần câu dọc theo gọng xe... Nhưng tội nghiệp , con vật ngây thơ, cố ngay xương sống ra kéo chiếc xe đầy khách, mong rút ngắn cái khoảng cách giữa cái mồm và mớ cỏ. Cái mớ cỏ vẫn nhẩy múa trước mặt nó, quyến rũ vô cùng, giục nó chạy tới, chạy nhanh tới.

Con vật ngây thơ vẫn cố sức phi tới với chút sức tàn, mong đớp được mớ cỏ. Có bao giờ lão chủ xe lại giải thích cho con vật thân yêu của lão vì sao nó chạy hoài mà không ngoạm được mớ cỏ?

Một chỗ đứng trong văn học sử

Nhìn tổng kết lại thân thế và sự nghiệp của nhà văn Xuân Vũ, người ta thấy anh quả là "**một cây bút lớn**" ít ai bì kịp vừa nghĩa đen, vừa nghĩa bóng, vừa phẩm, vừa lượng, phản ánh trung thực cả một thời đại mà đất nước Việt Nam quằn quại trong khói lửa giao tranh Quốc- Cọng trong hậu bán thế kỷ 20.

Trong số sách khổng lồ của Xuân Vũ gồm 74 cuốn, riêng tôi đánh giá cao hai cuốn *Đường đi không đến* và *Những bậc thầy của tôi* vì tính cách tiêu biểu về thân thế và sự nghiệp của Xuân Vũ, kỳ dư những cuốn khác chỉ là những triển khai mà thôi. Cách dàn dựng và bút pháp trong *Đường đi không đến* rất kỹ lưỡng, gây tác dụng ban đầu rất mạnh, dựng thành phim ảnh thì rất tuyệt. Cuốn *Những bậc thầy của tôi* là một hồi ký tự truyện của đời Xuân Vũ hé lộ khá trung thực về con người không khoa trương của anh; và quí nhất là Xuân Vũ viết ra mạch lạc những nguyên tắc về kỹ thuật cầm bút mà Xuân Vũ học hỏi từ nhiều nhà văn tiền chiến lão thành ngoài Bắc (nhất là Nguyễn Huy Tưởng). Tuy nhiên, trong cuốn này, có lẽ vì trí nhớ của Xuân Vũ suy kém vì tuổi tác và cố tật phóng bút viết thao thao theo trớn hứng khởi nên có vài chút lầm lẫn nhỏ như nói về cái chết của Dũng (thay vì Thân) do Loan gây ra trong cuốn *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh (trang 192), về chuyện Les Etoiles (Những vì sao) của Alphonse Daudet (trang 276). Tôi nghĩ nếu Xuân Vũ dò kỹ lại và nhà xuất bản nhuận sắc bản thảo trước khi in thì tránh được các lầm lẫn. Chính Xuân Vũ cũng thú thực :"*Tôi có tật là viết phải lấy trớn một đoạn hoặc một vài đoạn rồi mới 'vô' được."* (trang 266)

Xuân Vũ là trường hợp điển hình của một nhà văn gốc nông dân miền Nam yêu nước với một bầu nhiệt huyết thực sự đã xây dựng sự nghiệp văn chương của mình với tâm hồn và thiên khiếu "trui rèn" trong kinh nghiệm sống dồi dào.

Văn học sử Việt Nam đương nhiên sẽ ghi tên và công nghiệp của nhà văn Xuân Vũ./.

MỘT CHÚT KỶ NIỆM VỚI NHÀ VĂN **XUÂN VŨ**

TRƯƠNG ANH THỤY

Tôi gặp Anh chỉ một lần nhưng sau đó, chúng tôi thư từ với nhau khá thường xuyên cho đến gần khi Anh mất. Chỉ một tháng trước khi Anh ra đi, tôi còn nhận được của Anh trang thư viết tay chữ li ti đề nghị một dự án sách, mà giờ đây sẽ không bao giờ còn thực hiện được nữa.

Tôi gặp Anh chỉ một lần nhưng từ đó ấn tượng chắc cũng in sâu nơi Anh cũng như nó đã lưu lại nơi tôi một cảm tình rất đẹp về Anh. Lần đó, gặp Anh ở nhà cậu mợ tôi, ông bà B.S. Nguyễn Như Lâm ở Houston, TX, tôi thấy toát ra từ Anh một đam mê lạ thường với văn chương chữ nghĩa. Anh say sưa kể chuyện về những nhà văn nhà thơ Hà Nội Anh đã gặp (mà ít nhiều cũng là những tác giả tôi từng ngưỡng mộ), chuyện Anh đã học được ở họ những gì trong cách viết văn, chuyện họ sống ra sao v.v... làm cho tôi đến khi chia tay, buột miệng nói là Anh phải nên ghi lại hết cả những chuyện lý thú đó, để chia sẻ với mọi người, nhất là để lại cho hậu thế, không thôi sau này anh quên đi thì phí quá, và chúng tôi ở Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ sẽ xin được in cho Anh.

Nói là làm, cái tính quyết liệt này —như đinh đóng cột— ở nơi Anh đã hơn một lần làm cho tôi sửng sốt. Nghĩa là nói chuyện với Anh phải để ý rất kỹ. Không thể bông lơn, nói đùa được vì lập tức Anh có thể đem thực hiện lời mình nói hay lời Anh nói.

Sau này có dịp nghĩ lại, tôi mới hiểu ra tại sao Anh đi theo kháng chiến (chống Pháp), đi theo cách mạng một cách dễ dàng như thế. Như bao người nông dân Nam Bộ thuần phác, Anh đi theo tiếng gọi của lương tâm, của cách mạng, của thời thế một cách thật tự nhiên, đơn sơ, không do dự. (Sau này, đọc hồi ký *Tôi Phải Sống* của Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ, tôi cũng thấy cái tính cách hồn nhiên, không rắc rối của người miền Nam, những sự chọn lựa của họ rất dứt khoát chứ không vòng vo tam quốc, đắn đo lên xuống như của mấy người trí thức.) Và chính cái vốn sống này của Anh đã đưa Anh đi vào những con đường mà không mấy người trong chúng ta đã có dịp đi qua, chỉ vì ta chậm chân, chần chừ, do dự.

Theo kháng chiến, dù chỉ là một cậu bé, Anh cũng hết mình. Anh lao vào chiến đấu đã đành, song Anh còn lao vào văn nghệ một cách nhiệt tình hơn nữa. Như một số đàn anh của Anh!

Đất nước chia đôi, Anh theo đơn vị tập kết ra Bắc!

Song có ra Bắc rồi, Anh mới có dịp chứng kiến tất cả những sự kỳ thị của Đảng và chính quyền

ngoài đó đối với các anh em tập kết, mà gần như bị tập trung ở một vài nơi như Hà Đông.

Chứng kiến những chính sách sai lầm giết người như Cải cách ruộng đất hay vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, trong đó nhiều anh em văn nghệ có tài, có nhiệt tình mà Anh quen, Anh quý mến bị trù dập, Anh bắt đầu thắc mắc. Cái vốn này, sau đó, trong những năm ở Mỹ, Anh khai thác một cách khá sâu sắc trong cuốn sách hai tập "Những Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết."

Nhưng sự tin tưởng của Anh vào Bác, vào Đảng vẫn chưa bị lung lay nhiều —cho đến khi Anh tình nguyện trở vào Nam ("đi B") để chiến đấu. Những kinh nghiệm kinh hoàng trên đường mòn Hồ Chí Minh, con đường 559 (xây dựng từ tháng 5/1959 để xâm nhập miền Nam), Anh đã gom lại sau khi về hồi chánh với chính quyền miền Nam trong một cuốn sách nổi tiếng, *Đường Đi Không Đến*, Giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc năm 1972.

Trên đường về với chính nghĩa, Anh đã khôn khéo không đi qua địa phương, mà tìm cách đi thẳng với trung ương ở Sài Gòn. Và ở đây Anh lại gặp sự thông cảm và hiểu biết của một người, Bộ Trưởng Chiêu Hồi Hồ Văn Châm, mà theo sự thú nhận của Anh, nếu như không gặp ông này, chắc Anh cũng chỉ đi "bán nước mía sống" là cùng. Cuốn Đường Đi Không Đến của Anh chính là do Bộ Chiêu Hồi nộp để dự thi Giải VHNT. Cuốn sách này, theo anh kể, đã bị cắt bớt 100 trang. Được giải năm đó, Xuân Vũ có lẽ là nhà văn độc nhất đã được lãnh giải văn học của cả hai miền (vì trước đó, khi còn ở ngoài Bắc, Anh cũng được lãnh một giải thưởng văn học cho một tác phẩm nào đó, mà cho đến nay Hội Nhà Văn Hà Nội chỉ muốn quên đi, không nhắc tới).

Sau khi gặp Anh ở Houston Texas về, tôi có hỏi quanh một số bạn bè để tìm hiểu thêm về Anh. Anh Ngô Vương Toại, lúc bấy giờ còn tờ Diễn Đàn Tự Do, một tờ báo được xem là có lập trường dứt khoát chống Cộng, cho hay là với Xuân Vũ, một lời là một lời. Anh đã nhận viết cho DĐTD là không bao giờ Anh vắng mặt trên báo trong một thời gian trải dài nhiều năm, dù báo không có nhuận bút. Không những thế, không những gửi bài mà anh còn kèm theo những lời cổ võ, khuyến khích, như sau này anh Ngô Vương Toại có dịp thổ lộ, nhân buổi ra mắt sách *Những Bậc Thầy Của Tôi* của Xuân Vũ do Tổ Hợp XBMĐ in ra.

Một người nữa biết Anh nhiều là anh Nguyễn Ngọc Bích, anh kể: "Hồi tôi làm Cục Trưởng Cục Thông Tin Quốc Ngoại, có lần Denis Warner, nhà báo nổi tiếng của Úc, bị Wilfred Burchett kiện về tội mạ lỵ khi ông nói Burchett là Cộng Sản và đã phản bội nước Úc khi ông này đề cao Việt Cộng trong khi nước Úc đang tham chiến bên cạnh Mỹ và VNCH để chống lại sự xâm lăng từ miền Bắc. Denis Warner cầu cứu đến tôi nhằm đưa ra được những chứng nhân về các hoạt động của Wilfred Burchett trong vùng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Sau khi thăm hỏi ở bên Bộ Chiêu Hồi, tôi tìm được hai người sẵn sàng làm chứng: anh Xuân Vũ và anh Tô Minh Trung, cũng gốc tập kết, và là một sử gia được huấn luyện khá kỹ càng ở ngoài Bắc. Thế là sau khi tôi nói chuyện với hai anh, nắm được những dữ kiện khá vững vàng về những lần họ gặp gỡ Wilfred Burchett, như anh Xuân Vũ là ở cục "R" v.v. tôi bèn xin cho hai anh sang Úc làm chứng. Những chứng-từ của hai anh, như họ đã từng thấy Burchett được những cấp cao nhất trong Mặt Trận GPMN đón tiếp long trọng như thế nào, được đưa đi ra các mặt trận để lấy tin tức, rồi được những người kia gọi là "đồng chí"...v.v... Những lời khai này đã làm cho Burchett cứng họng. Kết quả tòa xử ông Denis Warner không hề làm công chuyện mạ lỵ."

Sang đến Mỹ, anh Xuân Vũ không bao giờ than thân trách phận. Không có nghề chuyên môn, không có tiếng Anh, Anh rất thiết thực trong những sự lựa chọn: Anh nhận đi làm lao động trong các siêu thị để có thể nuôi thân, nuôi gia đình. Nhưng Anh không hề bỏ ý định trở lại với nghề văn, với ngòi bút. Đúng như ý định của Anh, sau một số năm làm việc "ra tiền" nhưng không "ra chữ" kia, Anh đã quay lại bàn giấy để chuyên tâm trở lại cái nghiệp của mình.

Sở dĩ Anh quyết định như vậy một phần không nhỏ cũng vì mẹ Anh mà Anh rất quý mến lúc bấy giờ đã cao tuổi (gần 90) và cần sự phụng dưỡng của Anh. Anh bèn ở nhà để chăm sóc cho mẹ, và trong những lúc rảnh rỗi, Anh đã cầm bút trở lại... với một sức mạnh của vũ bão.

Anh đánh Đông, chinh Tây, viết ào ạt, viết đủ thứ... từ tiểu thuyết đến biên khảo, và có lúc Anh đều đặn có mặt trên khoảng 20-30 tờ báo hải ngoại. Mà cứ có Anh là người ta tìm đến đọc. Sách của Anh được nhiều nhà xuất bản in liên tiếp hết cuốn này đến cuốn khác, hết bộ này sang bộ khác (vì sau một thời gian Anh bắt đầu viết những bộ nhiều tập, có bộ lên đến cả vài nghìn

trang, viết riêng cũng có mà viết chung cũng có, như bộ bảy tập về *2000 Ngày Trong Địa Đạo Củ Chi* là viết chung với Dương Văn Lợi), mà bán vẫn chạy như thường. Cuốn *Đường Đi Không Đến*, chẳng hạn, đã in lại đến lần thứ tám ở hải ngoại rồi vẫn còn được in lậu (in chui) ở trong nước, dưới ngay mũi các thầy kiểm duyệt.

Có người bảo Anh đẻ như vịt, nhưng không sao! Có lẽ chỉ có Anh ở hải ngoại, với theo sau không xa lắm là Hồ Trường An, là có thể so sánh được với những "núi lửa" như Honoré de Balzac hay Simenon ở Pháp, hoặc Charles Dickens ở Anh. Theo như một ước tính, có lẽ còn chưa kể các bản thảo hay những tác phẩm chưa hoàn tất, tổng tác phẩm của Anh cho đến nay đã lên tới 75 nhan sách, truyện ngắn, truyện dài, truyện vừa, truyện trường thiên, rồi hồi ký, biên khảo... Thậm chí như Quỳnh Dao về truyện tình cảm, Xuân Vũ có hẳn một lớp người trung thành theo đọc Anh, một phần cũng vì Anh viết rất hấp dẫn, đa dạng, rất ít khi trùng dụng. Biên khảo của Anh, như cuốn *Nửa Thế Kỷ Phạm Duy,* đọc cũng lôi cuốn như tiểu thuyết.

Nhân ở trên có nhắc đến cuốn *Đường Đi không Đến*, tôi không khỏi buồn và bất bình hộ tác giả cuốn sách, khi nghĩ đến các nhà xuất bản ở hải ngoại, tái bản sách của anh đến tám lần mà không trả cho anh một xu tác quyền, hay ít nhất một lời xin phép. Sau khi Tổ Hợp XB Miền Đông Hoa Kỳ cho ra trình làng cuốn *Các Bậc Thầy Của Tôi*, có lần anh tâm sự với tôi rằng Cuốn Đường Đi Không Đến của Anh do Bộ Chiêu Hồi đưa đi in, có cắt bớt của anh 100 trang, nay anh muốn viết lại trăm trang đó, và đề nghị chúng tôi cho tái bản. Nói rồi anh viết ngay 100 trang trong vòng có độ hơn một tuần, trong khi tôi còn đang chờ tham khảo ý kiến các nhà phát hành. Hỏi anh Võ Thắng Tiết thì anh cho biết là nhà Văn Nghệ sẽ không nhận phát hành, vì cuốn sách này đã tái bản quá nhiều lần, không còn bán được nữa. Khi tôi báo tin cho anh Xuân Vũ hay thì Anh chỉ buồn buồn nói: "Thế là đường đi vẫn chẳng bao giờ... đến!"

CHU VƯƠNG MIỆN

Nụ Tầm Xuân

tầm xuân trổ ra xanh biếc
em mãi chửa chồng [anh tiếc lắm thay]
mùi lâm thổ sản nào đây?
ngày lui ngày lại canh chầy chầy qua
ồ thì [hoa vẫn là hoa]
gặp chi quá xá tầm xa [cõi này]
thà rằng em chả tới đây
anh đâu đến nỗi day mây khắp rừng
sá gì một nụ tầm xuân.

Tiện đây tôi cũng xin kêu gọi, nếu có văn hữu hay mạnh thường quân nào muốn in cuốn sách này để làm quà cho anh Xuân Vũ cũng như yểm trợ cho gia đình tác giả, thì xin cho chúng tôi được biết. Bổn phận của chúng tôi ở Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ là "chọn mặt gửi vàng," sao cho xứng đáng công lao của người đã khuất.

Cuối cùng, Anh Xuân Vũ ơi! Anh ra đi nhưng "thác là thể phách, còn là tinh anh" như cụ Nguyễn Du đã nói. Anh ra đi nhưng chữ nghĩa, tác phẩm của Anh còn lại, không ai lấy đi được phần đóng góp này của Anh. Biết đâu đó, một ngày kia, CS sẽ vắng bóng trên quê hương và người dân, nếu có nhớ, cũng sẽ chỉ nhớ họ như một cơn ác mộng, còn tên Anh sẽ làm thơm quê mẹ, sách của Anh sẽ vào thư viện không tường —như cái "musée imaginaire" của André Malraux— trong ký ức tập thể của toàn dân. Ngày đó sẽ không xa, và Anh có thể hả hê, mỉm cười dưới Suối Vàng rằng Anh đã làm hết sức, như Anh đã ra đi kháng chiến ngày nào, với ước mong cho Đất Mẹ nhìn thấy được Tự Do Dân Chủ.

Như một lời chia tay với Xuân Vũ

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Dễ chừng một vài tuần nay ngòi bút trong tôi cứ như bị đông cứng lại. Ngồi vào bàn mấy lần mà lòng vẫn tê điếng không viết được một điều gì cho ông như đã định. Sao tôi vẫn chưa thoát được nỗi xúc động bàng hoàng, hệt như khi tôi vừa nghe bạn văn Hàn Song Tường báo tin: "Ông Xuân Vũ vừa mới đi rồi." Đi, mà đi đâu vậy cà. Đi về quê hương ăn Tết? Đi về thăm lại Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre nơi ông ấy đã sinh ra và lớn lên coi bộ cũng có lý lắm. Đi, lẽ nào ông Xuân Vũ lại quày quả ra đi như một câu thơ buồn của Du Tử Lê *"đi với về cũng một nghĩa như nhau"*? Đi, cũng là một cách tìm về nơi đến?

Nơi nào ông ta đã đến. Và nơi nào ông ta đã để lại vô số những dấu chân. Những dấu chân hằn lên cuộc đời để đến nỗi bây giờ, khi ông ta không còn có mặt ở chốn trầm luân, tôi cũng như bạn đều nhận ra một sự mất mát rộng lớn.

Vâng, khi tôi đang cố vuốt ve những bất ổn của lòng mình để thắp cho ông một nén nhang, thì ông cũng đã đi quá xa nơi tôi đang ở. Ông đã phiêu hốt và bay thênh thang vào một cõi vô cùng nào đó tôi chưa hề được biết tới và chỉ có thể mường tượng rất mơ hồ. Ở đó lòng ông có bình an không hay ông vẫn còn hơi bực mình là đã chưa viết xong cuốn thứ 78 (74 cuốn đã chính thức phát hành ngoài thị trường, còn bốn cuốn kia tôi thấy ông chưa kịp liệt kê tên sách vào bảng tổng kết sách của Xuân Vũ mặc dù có ghi thứ tự con số đến số 78).

Thôi thì thế này nhé, dòng chữ cuối cùng của Xuân Vũ đã khép lại, nhưng tôi biết sẽ mãi mãi được mở bùng ra. Như từ một thế giới khác. Dòng chữ của một ngòi bút không bao giờ cạn mực, đã miên man tuôn chảy không biết mệt trong suốt 50 năm qua. Và như thế cũng có nghĩa là: khi nhà văn đi rồi, những trang viết của ông ta đời đời vẫn còn ở lại. Một, hai, hay ba trăm năm sau thì nghĩa lý gì một lời "khóc Tố Như" muộn màng, hay nói cách khác: ông Xuân Vũ đâu cần phải lo xa như Nguyễn Du, trái lại trong "Bài Thơ Một Đời" (1998) chính ông đã hồ hởi tin rằng:

"...Sắc đẹp uy quyền đều hủy diệt
Thế gian còn lại chữ mà thôi
Cuộc sống trải ra trang giấy đẹp
Càng viết càng say nét mực người
Đất nước cho tôi cây bút phép
Viết đã lâu mà mực chửa vơi..."

Cây bút-phép, hay cây bút không bao giờ cạn mực thì điều đó quả thật không sai đối với một nhà văn đã ròng rã viết suốt chiều dài năm tháng của cuộc đời. Ông là nhà văn được xem là viết khỏe hàng đầu Việt Nam, và điều này vẫn luôn làm tôi khâm phục về lối làm việc hết sức kỷ luật đều đặn hằng ngày của ông. Cho đến giờ phút trước khi bỏ đi, ông vẫn cặm cụi từng hàng chữ chi chít rất nhỏ nhưng rất thẳng hàng và đặc biệt là hầu như không bao giờ bị gạch xóa như thể mạch văn trong ông cứ thế tha hồ lai láng... để gởi đi khá nhiều những tờ báo ở hải ngoại mà ông đang cộng tác như Làng Văn, Hồn Việt, BNS Tự Do, Tạp Chí Phương Đông... và ngay cả tờ báo văn học mà tôi đang làm chủ biên với Hàn Song Tường, Nguyễn Thị Ngọc Nhung... (ở khoản này xin độc giả Gió Văn nhớ tìm đọc vào số 3 truyện ngắn cuối cùng của Xuân Vũ). Cũng nên để ý thêm một điều nữa là vào buổi văn chương kiểu chợ chiều như hiện nay mà sách của Xuân Vũ vẫn tiếp tục được nhà xuất bản in và vẫn tiếp tục được đón nhận như những "best sellers." Thành ra nếu ông có ngạo mạn một cách đáng yêu cho rằng mình đang thủ trong tay một cây bút phép hay một cây bút thần thì âu cũng là một sự bông đùa hợp lý thôi. Điều này không dưng làm tôi liên tưởng đến một đàn anh nhà văn khác mà tôi cũng hằng yêu mến là Mai Thảo. Một Mai Thảo cũng đã biến bay vào chốn không cùng! Những ngày còn lê la qua cuộc đời hay qua từng trạm chờ xe buýt ở Bolsa, Mai Thảo đã có lần dấy lên ý tưởng đáng yêu ngạo mạn như trên: *"Ta thấy tên ta những bảng đường"* thì cũng vui thôi. Mai Thảo phút giây ấy có thể hoa mắt vì nắng vỡ Cali. Vừa say nắng, vừa ngà ngà men... thơ, hoặc vừa nốc cognac điểm tâm khai vị đầu ngày, ông Mai Thảo tha hồ hồn nhiên thơ mộng. Mà sao lại không chứ, một con đường rất thơ nào đó của Bolsa. Tên của Mai Thảo thay vì tên con đường ngoại quốc đánh vần xa lạ có hơn không. Tôi thoáng bật cười khi tình cờ qua vùng Great Falls của Virginia có con đường mang tên Saigon.

Một sự trùng hợp bất ngờ là Mai Thảo và Xuân Vũ cùng chọn tháng giêng để ra đi. Trong chuyến hành hương về một nơi nào xa lắc, tự hỏi không biết Xuân Vũ có mang sẵn chai rượu để mời Mai Thảo chăng? Mai Thảo bỏ đi vào ngày 11 tháng

giêng năm 1998 thì phải. Còn Xuân Vũ cũng biến mất vào tháng giêng nhưng là ngày mồng 1. Và như thế, cứ vào tháng giêng tôi lại phải thắp lên hai nén hương để tưởng nhớ hai nhà văn tôi hằng yêu mến một cách đặc biệt, dù có thể mỗi người ở một cách thế khác nhau. Cách nào đi nữa cũng phải công nhận họ là những nhà văn (đàn ông) vốn dành ưu ái cho những cây bút nữ lưu chúng tôi nhất. Có một thời gian nào đó cách đây một vài năm, tôi cũng không quên kỷ niệm đã từng đứng chung bên cạnh làm phụ tá (chủ bút) cho chủ bút nguyệt san Non Nước là Xuân Vũ. Vì ông là người lúc nào cũng hết lòng trân trọng công lao của người viết, nên ông nhất định đòi cô chủ nhiệm đáng mến Trần Vân Nga phải trả đều nhuận bút (dù chỉ là vài ba chục) cho tất cả mọi người đóng góp. Tôi vẫn đùa đùa là ở hải ngoại chỉ có một mình duy nhất nhà văn Xuân Vũ là còn sống được thuần túy với ngòi bút mà thôi. Đến khi Xuân Vũ về làm người Cai Vườn cho "Vườn Thơ Phương Đông" của Tạp Chí Phương Đông, Xuân Vũ cũng kéo tôi theo "tưới cây" cho vui cùng với nhà văn Nguyễn Thị Vinh (đúng là cho vui thật, vì tiếng là ở trong Ban Cai Vườn nhưng tôi có chăm lo gì đâu). Có một điều cho đến bây giờ tôi vẫn thấy hài lòng là ít ra đã hơn một lần viết một cái gì đó về Xuân Vũ và Mai Thảo. Những dòng chữ dù nhỏ nhoi thô thiển của mình nhưng ít ra cũng là món nợ tôi đã trả cho họ những ngày họ còn vui chơi trong cuộc đời để còn được chia sẻ, dán mắt mà tâm đắc với nhau. Còn những dòng chữ này? Tôi e rằng khi số tưởng niệm được in ra, tôi phải loay hoay làm lễ Hỏa Táng, đốt thành tro để thả vào hư vô... Xuân Vũ và Mai Thảo lúc ấy chắc chỉ có thể đọc bằng con mắt của hư vô. Và thật đáng tiếc thay nếu chúng ta không thể làm kịp những số đặc biệt vinh danh những nhà văn nhà thơ lúc họ còn tại thế.

Mai Thảo đã đi rồi. Mới đó mà đã sáu lần giỗ ông. Xuân Vũ cũng vừa mới đi rồi. Mới đó mà đã ba tuần trôi qua trong âm thầm thương tiếc. Nhớ lần cuối nói chuyện với Mai Thảo: "Năm nào mùa hoa anh đào Nhật hoặc mùa thu Virginia anh cũng về chơi, năm nay lẽ nào anh không về được?" "Không về. Về đếch gì được nữa. Không bao giờ." Mai Thảo đột nhiên trả lời như muốn gây hấn với cả Virginia. Còn với Xuân Vũ? Xuân Vũ thì bao giờ cũng nhẹ nhàng, giọng nói chân chất và lúc nào cũng trầm tĩnh (ông chỉ hơi sôi nổi khi đề tài tình cờ được chuyển đổi qua xã hội chủ nghĩa. Chả trách ông là nhà văn phản tỉnh nổi tiếng với bộ sách tái bản 10 lần ở Hoa Kỳ và in bí mật ở Việt Nam là: Đường Đi Không Đến (trọn bộ năm quyển) giải thưởng V.H.N.T. Quốc Gia năm 72-73 (cuốn I), Xương Trắng Trường Sơn (cuốn II), Mạng Người Lá Rụng (cuốn III), Đến Mà Không Đến (cuốn IV), Đồng Bằng Gai Góc (cuốn V).

Còn nhớ lần sau cùng nói chuyện với Xuân Vũ qua điện thoại (tôi và ông chưa một lần được gặp mặt nhưng Xuân Vũ còn giữ tấm hình "ăn gian tuổi" của tôi khi làm tờ Nguyệt San Non Nước để định in cùng với bài đăng trong số đặc biệt) là vào cuối tháng 11 năm ngoái, khi ông đang viết bài "Đọc Thơ Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ". Khoảng đầu tháng 12, tôi nhận được ngay bản thảo chín trang viết tay đã hoàn tất bài này của ông, định bụng sẽ gọi lại để cùng bàn bạc thêm về đề tài này. Bởi lần tâm tình cuối cùng đó, tôi thấy Xuân Vũ có vẻ như muốn nói với tôi về vấn đề tâm linh, Phật Giáo Hòa Hảo... nhiều hơn là văn chương. Tôi trách ông "viết chữ nhỏ quá, tòa soạn Gió Văn gõ bài của Xuân Vũ chắc mờ mắt luôn." Ông cười rất nhẹ và hứa sẽ viết chữ lớn hơn, nhưng rồi khi nhận được thư cùng bài viết mới nhất, tôi lại bắt gặp những nét chữ như cũ.

Lần cuối cùng tôi nhớ Xuân Vũ đã nói với tôi: "Cái nghề này chẳng có ai tài hơn ai, đó chẳng qua là trời ban cho." Ý của ông cho đến bây giờ tôi vẫn chưa hiểu rõ. Chỉ đoán là ông rất khiêm cung, chỉ muốn nhắn nhủ rằng sự thành công của ông là do ý trời, của trời ban cho, và như một sự may mắn từ trời rớt xuống. Dù vậy, ý của ông cũng được hiểu văn chương là phải có thiên phú, có năng khiếu. Xuân Vũ không thích tranh chấp với ai, một người một ngựa, và ông tin rằng mỗi nhà văn đều có một số độc giả riêng. Với Xuân Vũ, hình như lúc nào ông cũng chỉ muốn đóng cửa lại để được yên ổn viết. Ông có vẻ rất ít thích đàn đúm, nhậu nhẹt hoặc sinh hoạt ồn ào với nhiều người. Ông lúc nào cũng thấy như mình không còn nhiều thời gian để viết. Viết, viết, và viết, như thể ông vẫn còn quá nhiều điều để nói mà vẫn chưa nói hết. Lâu lâu tôi hỏi đùa ông và ông vẫn nói như thế.

Lần cuối, ông tự nhiên nổi hứng chúc... Tết tôi thật sớm! Như một điềm gở là ông sẽ ra đi trước khi thiên hạ mừng Tết con khỉ. Điều kỳ lạ là sau khi chúc tôi và gia đình này nọ, ông chêm vào một câu mà cho đến bây giờ nhớ lại tôi vẫn còn ứa nước mắt. Ông bảo: "Có gì khi về nước sẽ làm tiếp thơ văn em ạ."

Khi-về-nước, cuối cùng rồi bất cứ một nhà văn Việt Nam nào rồi cũng muốn được Về Nước. Chỉ một nơi còn được gọi là đồng bào là đất nước phải không nhà văn Xuân Vũ./.

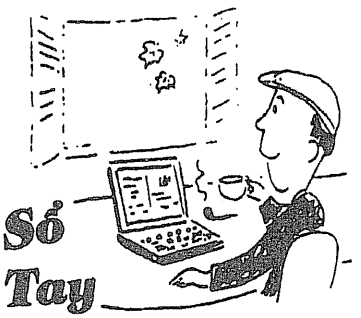

NGÔ NHÂN DỤNG

NÊN IN SÁCH THẢ CỬA HAY KHÔNG?

Một hiện tượng đáng chú ý là ở nước ngoài đã xuất hiện rất nhiều nhà văn tự xuất bản tác phẩm của mình, ra mắt sách, nhờ phát hành, phổ biến, gửi tặng thân hữu và các tờ báo để nhờ giới thiệu. Những sách này thuộc đủ loại, từ tiểu thuyết, truyện ngắn, tiểu luận, vân vân, nhiều nhất là những tập tiểu luận gom góp các bài của tác giả đã đăng báo. Tôi không đọc hết các tác phẩm đó nên không có ý kiến gì về giá trị văn học nghệ thuật vân vân. Nhưng nói chung, tôi thấy hiện tượng đó vui. Nhiều người còn muốn viết tiếng Việt Nam dù sống ở nước ngoài gần 30 năm, chẳng phải là một niềm vui hay sao?

Nhiều người sẽ than phiền rằng các cuốn sách trên nhiều cuốn không đủ trình độ, không đáng đem in, phí giấy. Tôi cũng là một người yêu thiên nhiên và muốn bảo vệ rừng, nhưng tôi thấy đem in thêm mấy ngàn cuốn sách cũng không có gì tai hại cho sinh môi trên trái đất, không hại bằng việc dùng giấy lau tay bừa bãi chẳng hạn. Tôi có tật là có khi dùng một cái giấy lau tay cho khô, rồi cất vào trong túi vì nghĩ có lúc mình sẽ dùng thêm vào việc khác. Chẳng hạn khi cần chùi mấy giọt cà phê rớt trên bàn, hay lau cái ống tẩu hút thuốc, dùng lại cái giấy đã đem lau tay rồi, không có cảm tưởng là mình đang phí giấy. Không góp phần vào việc tàn hại một cây thông nữa ở trong rừng. Nhưng một cuốn sách in ra không phí giấy bằng việc dùng giấy lau trong một tuần ở một tiệm phở khu Little Sài Gòn, hay những tờ giấy gói quà, trong một gia đình vào dịp cuối năm tặng quà lẫn nhau. Tại sao người ta cứ than phiền về các ấn phẩm mà bỏ qua các tiệm ăn và các vụ tặng quà? Như vậy chẳng phải là bất công, kỳ thị văn chương hay sao?

Còn một tội nữa hay được nói tới là các cuốn sách in ra dở quá, làm hư cả tiếng Việt Nam, nếu không phải là đã đầu độc người đọc với những chuyện lẩm cẩm, những ý kiến ngu dốt hoặc "phản động." Nhưng việc phê phán này hoàn toàn chủ quan. Đối với người viết thì những gì họ viết ra đều đáng lưu lại cho hậu thế. Biết đâu 300 năm nữa có người đọc sẽ nhỏ nước mắt khóc hương hồn tác giả ở dưới mồ? Nếu họ khóc chỉ vì, "Trời ơi! Viết như thế này mà cũng bỏ tiền ra in sao?" thì đó cũng là một nỗi thương tiếc chân thành cho một món tiền mấy ngàn mỹ kim khi in sách, đáng lẽ có thể đem đi ăn phở dần dần, hay gửi tặng Quỹ Nhi đồng Quốc tế. Gợi được mối thương tâm của độc giả như vậy cũng không phải dễ.

Cho nên tôi vẫn chủ trương là ai muốn in cái gì thì cứ in, đừng có cản người ta. Ngày xưa các cụ khuyên con gái "chớ kể Thúy Vân, Thúy Kiều." Nếu các nhà xuất bản cũng cứ tin theo lời khuyên đó mà không ai in Truyện Kiều thì có phải thiệt thòi cho nhiều người đọc hay không?

Nếu có những cuốn sách dở quá, ai cũng nghĩ là thật sự không đáng in, (trừ chính tác giả và vợ, con của ông ta — tôi không nói đến các nữ tác giả, do lòng kính trọng bẩm sinh;) và nếu chúng ta vô tình không biết mở cuốn sách đó ra đọc, hốt hoảng buông ra, súc miệng cả tháng chưa hết mùi, thì sao? Câu trả lời là: Đó là cái giá chúng ta phải trả khi muốn sống chung với nhân loại, và muốn trong nhân loại đó ai cũng được tự do bình đẳng, không có ai bình đẳng hơn người khác một tý. Nếu có ông hàng xóm nuôi chó nó bị bệnh sủa suốt đêm mình không ngủ được, chúng ta cũng phải chịu đựng như vậy khi sống với hàng xóm.

VIẾT THẾ NÀO ĐÚNG Ý CẤP TRÊN?

Tự do nuôi chó không phải là một thứ quyền thiêng liêng như quyền tự do in sách, chúng ta còn gọi là tự do ngôn luận, tự do phát biểu, tự do báo chí, hoặc một từ thiêng liêng tương tự. Tu chính án đầu tiên, mang số một, trong bản hiến pháp nước Mỹ bảo vệ cái quyền in sách đó, chứ không có điều nào trong hiến pháp Mỹ minh thị bảo vệ cái quyền nuôi chó cả.

Người Việt Nam chúng ta chưa nhiễm cái thói tự do đó, vì hiến pháp Việt Nam không có điều nào nói "quốc hội không được làm luật lệ hạn chế quyền tự do in sách" như trong hiến pháp Mỹ. Có lẽ vì vậy mới có vụ một cuốn sách ở Việt Nam mới bị thâu hồi.

Ngày 19 tháng Hai năm 2004 Cục Xuất bản đã gửi công văn cho Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin yêu cầu thu hồi cuốn sách "100 năm giải Nobel" trong vòng sáu ngày, trước ngày 25 tháng Hai. Lý do nêu ra trong

công văn là cuốn sách này "sai rất nhiều lỗi chính tả và kiến thức."

May mắn thay! Báo *Thế Kỷ 21* may mắn không nằm dưới sự kiểm soát của một cái cục nào như Cục Xuất bản ở Hà Nội. Vì mỗi tháng đọc báo này tôi đều thấy còn rất nhiều lỗi chính tả, đáng bị thâu hồi lắm. Còn về "kiến thức" thì sách đã thâu hồi rồi không kiếm ra để đọc, không ai hiểu Cục Xuất bản định nói đến những lỗi kiến thức nào để mà góp ý kiến. Nghĩa là độc giả Việt Nam, ở ngay trong nước, cũng đành phải chịu cho Cục suy nghĩ hộ mình, phán đoán giúp mình vậy.

Nhưng Cục là cái gì mà lại được suy nghĩ thay cho mình? Mình, tức là 80 triệu người Việt Nam có thể có ngày mở cuốn sách 100 năm Nobel ra đọc. Họ cũng có thể sẽ thấy cuốn sách có nhiều lỗi chính tả và nhiều sai lầm về sự kiện hoặc về ý kiến, bèn vứt sách vào thùng rác. Hoặc nếu thấy các lỗi lầm nguy hiểm quá, phải dặn con cháu: "Nhớ đừng có bao giờ mở ra đọc cái này, nghe con!" Nhưng tại sao không để cho các độc giả tương lai đó tự họ suy nghĩ lấy, phán xét lấy, mà lại phải có một cái Cục xuy xét hộ, cấm đoán hộ? Chỉ có thể giải thích là cái Cục này nhận trách nhiệm đóng vai trò cha mẹ chúng ta, tất cả chúng ta là con cháu. Họ lo lắng cho hạnh phúc an vui của chúng ta, cho nên không thể mất thời giờ dặn dò chúng ta, tất cả 80 triệu con người, rằng, "Nhớ đừng có bao giờ mở ra đọc cuốn sách 100 năm giải Nobel này, nghe con! Nó nhiều lỗi chính tả chết người đó!"

Bây giờ xin hỏi, 80 triệu con người Việt Nam có đồng ý nhận vai trò con cháu mãi hay không? Có chịu chấp nhận một số người trời sinh ra đã ngồi ngay trên đầu mình, suy nghĩ hộ mình, quyết định giúp mình, vì họ là cha, là chú của mình, mà mình thì là trẻ thơ, con nít, không biết gì, không thể suy nghĩ lấy, hay không? Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý. Chịu như vậy thì phải chịu cho họ quản lý và lãnh đạo mình như cha, như chú, còn cãi vào đâu được? Nhưng còn câu nói "Nhân dân làm chủ" thì sao? Các ông chủ, bà chủ, các cô cậu chủ nghĩ sao? Làm cách nào biết mình phải viết cái gì, đọc cai gì, viết và đọc như thế nào cho đúng ý các bậc cha chú?

NHỮNG QUYỀN TỰ DO CĂN BẢN

Chế độ dân chủ tự do giả thiết rằng mọi người dân đều có khả năng suy nghĩ như người lớn. Bởi vậy mới cho họ cái quyền đi bỏ phiếu chọn người nắm quyền hành trong xã hội. Thí dụ bây giờ có nhiều người bực mình vì chó nhà hàng xóm sủa suốt đêm, không ai ngủ được. Nếu chúng ta có một xã hội theo chủ nghĩa cha chú thì cứ để đấy, các cha các chú sẽ giải quyết. Chỉ cần ra một cái lệnh: "Cấm nuôi chó!" Hay là "Cấm chó sủa!" Thế là xong. Các cụ nhà ta có câu "Mồm chó, vó ngựa, đít trẻ con, miệng quan lớn!" Toàn là những thứ khó cấm: Con chó có miệng thì nó sủa, ai cấm được? Trẻ con năm bẩy tháng nó đi bậy ra giữa nhà, ai cấm được? Nhưng nếu các cha các chú cũng chính là người nuôi chó, họ sẽ không ra lệnh cấm, lúc đó dân rán chịu. Vì khi đó là "miệng quan lớn" nói, họ tha hồ nói, cũng không ai cấm được.

Thế trong một xã hội dân chủ tự do thì họ giải quyết vụ chó sủa này như thế nào? Người dân sẽ ký kiến nghị xin hội đồng thành phố làm luật không được gây tiếng động sau 10 giờ đêm, trong đó có chuyện hát Karaoke cũng như chuyện chó sủa. Ông, bà nghị viên hội đồng nhân dân thành phố muốn được dân bầu thì, khi tranh cử, đưa ra chủ trương mình sẽ làm cái luật đó. Như vậy, quyền lợi của những người nuôi chó được bảo vệ, vì không ai cấm nuôi chó hay cấm chó sủa cả. Mà quyền lợi của những người mất ngủ cũng được bảo vệ. Đó là cách giải quyết trong một xã hội dân chủ.

Chuyện xuất bản sách cũng giống như chuyện chó sủa (tôi xin lỗi các nhà văn.) Nếu trong xã hội nhiều người thấy có những chuyện không nên viết ra, và số người này đông quá, thì sẽ có những ứng cử viên đưa ra chủ trương cấm đoán khi tranh cử. Thí dụ không được hô hào người ta giết người. Hay là giết bò, nếu đa số người dân tin điều đó phải cấm. Nếu trong một nước mà mọi người dân đều muốn sợ viết sai Trính tả như sợ bệnh dịch hạch, thì quốc hội làm ra luật cấm in sách sai chánh tả! Xã hội muốn cấm đoán cái gì thì cũng do người dân quyết định theo thể thức bỏ phiếu, như vậy là công bằng hơn cả.

Tuy nhiên, cái gì cũng có giới hạn. Nếu tội viết sai chính tả không nguy hiểm như tội hiếp dâm, tội giết người, và cũng có những người chủ trương rằng khi viết không cần biết đến chính tả, ai muốn viết sao cũng được, thì sao? Có thể nào trong một nước 51% dân thù ghét việc viết sai chính tả, họ bỏ phiếu làm một đạo luật nói ai viết sai chính tả phải bị chém đầu, như vậy có được hay không? Người có lương tri chắc không đồng ý cho những chuyện như vậy xẩy ra.

Không nên để cho đa số trong xã hội bắt ép thiểu số một cách vô lý như vậy. Nếu tất cả những người cầm đũa tay phải trong nước làm luật chặt tay những người cầm đũa tay trái thì sao? Do đó, loài người mới đặt ra những thứ gọi là "nhân quyền." Đại ý nói rằng có những quyền căn bản của con người tất cả các xã hội phải tôn trọng, dù đa số người dân bỏ phiếu muốn bãi bỏ các quyền đó cũng không được. Trong số những quyền đó, tôi nghĩ có một thứ quyền là quyền viết chính tả sai. Viết chính tả sai không tác hại đến xã hội loài người như, hút thuốc lá chẳng hạn. Vậy mà nhiều quốc gia làm đủ thứ luật hạn chế quyền hút thuốc, cấm ở rạp hát, ở nhà thương, rồi cấm ở công sở, ở quán ăn, vân vân, nhưng không ai quá khích đến mức cấm hẳn không cho ai được hút thuốc ở bất cứ nơi nào, dù lúc ngồi ở trên núi hút cho một mình ngửi khói. Đã không triệt để cấm hút thuốc lá thì tại sao lại cấm người ta viết sai chính tả triệt để như vậy? Các nhà văn nghĩ sao?

Trở lại câu chuyện nhiều người được tự do xuất bản sách khiến cho trong xã hội có nhiều nhà văn quá, lạm phát đến mức có những người không dám nhận mình là nhà văn, không dám vào hội nhà văn nữa (nhất là khi hội ấy không bảo đảm cho mình tấm thẻ mua thịt nhiều hơn người không cầm bút.) Khi nhiều sách như vậy thì làm sao độc giả biết lựa chọn sách hay trong đống sách dở? Làm sao bảo đảm cho người dân không bị mất thời giờ mua những cuốn sách chẳng ra cái gì hết?

Đó là cái giá phải trả khi chúng ta muốn sống tự do. Quý vị có bao giờ đi dự một cuộc họp trong đó có những anh nó nói ngang phè phè mà cứ đòi nói hay không? Nếu mình muốn tôn trọng quy tắc mọi người đến họp đều bình đẳng thì mình phải chịu vậy chứ sao? Mình phải tin rằng cuối cùng thì độc giả là những người phán xét. Họ sẽ biết lựa chọn cuốn sách nào đáng đọc, tác giả nào đáng đọc, sau cùng mình phải tin như vậy. Nếu nhiều người dại dột cứ đi chọn sách dở, nhà văn tồi, thì đó cũng là quyền tự do của họ. Hiến pháp các nước đều mặc nhiên bảo đảm mọi người dân có quyền ngu dốt, nếu cần thì chúng ta nên viết hẳn thành một điều trong hiến pháp cũng được.

DỊCH CÚM GÀ Ở THÁI LAN

Người Việt chỉ có thành ngữ "quạ mổ," chắc người Thái Lan cũng không ai nói "gà mổ" cả. Nhưng trong tháng trước tôi đang ở Thái Lan, trên một tờ báo ở Bangkok có bức hí họa vẽ ông thủ tướng và các viên chức chính phủ đứng chịu trận cho một con gà khổng lồ nó mổ trên đầu. Ngày nào cũng có một tờ báo vẽ hí họa về cảnh bối rối của nhà nước Thái khi, cuối cùng họ phải thú nhận có dịch cúm gà thật. Có báo vẽ cảnh một đàn 10 con gà đứng xếp hàng, mào các con gà đều bốc thành lửa, khói lên nghi ngút, mỗi con có tên một quốc gia, từ Cambodia tới Việt Nam. Dịch cúm gà ở Việt Nam là một đề tài được báo, đài ở Thái Lan theo dõi kỹ, vì họ biết bệnh dịch truyền từ Việt Nam sang nước khác, và số người chết ở Việt Nam đông nhất. Cho nên một ngày Thứ Sáu các báo ở Thái Lan đều đăng chuyện "ông nói gà bà nói vịt" khi đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam tìm cách che đậy dịch cúm gà, nhưng dấu đầu hở đuôi. Người Thái có dịp so sánh chế độ chính trị và trình độ xã hội ở hai nước. Phản ứng của báo chí và dư luận bên Thái Lan rất gay gắt đối với chính phủ của thủ tướng Thaksin Shinawatra, trong khi báo chí ở Việt Nam thì rất ngoan ngoãn, chỉ có một tờ *Tuổi Trẻ* dám loan tin ngược với nhà nước.

So sánh phản ứng của chính phủ và dư luận hai nước trước nạn dịch cúm gà, ta thấy về ý thức chính trị và khả năng suy nghĩ trước các tin tức, dân Thái Lan đã tiến rất xa so với Việt Nam. Ngoài sự có mặt của các đại biểu đối lập trong quốc hội, hai điểm khác biệt lớn nhất là hoạt động báo chí tự do ở Thái Lan đi đôi với một xã hội công dân đa dạng đang thành hình. Nhưng ngay trong cảnh may mắn hơn dân Việt, người Thái vẫn thấy mình chưa đủ tiến bộ như họ mong muốn. Chính các nhà báo tự thú nhận là nhiều ký giả còn quá e dè, sợ sệt khi phê phán chính phủ. Họ cũng thấy xã hội công dân Thái còn chưa đủ năng động để làm đúng phận sự của mình, là tạo thế đối trọng với quyền lực nhà nước và giới tư bản, cả hai đều rất mạnh trong một nước chỉ mới đang phát triển về kinh tế lẫn chính trị. Để nhìn thấy những khác biệt giữa Thái Lan và Việt Nam, chúng ta hãy nhìn vào các phản ứng trước nạn dịch cúm gà.

Chuyện ở Việt Nam thì chúng ta đã biết. Một chuyên gia bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiết lộ với tuần báo *Time* rằng từ tháng Bẩy đã biết có bệnh cúm gà ở tỉnh Vĩnh Phúc, nhưng vì đang chuẩn bị SEA Games nên đảng cộng sản phải che giấu không loan báo. Phát ngôn viên bộ Ngoại giao đã cực lực cải chính tin trên, trong khi

báo *Tuổi Trẻ* ở Sài Gòn loan tin bộ Nông nghiệp đã xác nhận bệnh phát ra từ năm ngoái, nhưng bộ này không đủ phương tiện ra lệnh hủy diệt các con gà khiến trong vùng bị bệnh, cho nên để lâu nạn dịch mới lan rộng.

Người Việt Nam nào cũng nên suy nghĩ về những gì đang xảy ra ở Thái Lan để thấy mình sống trong một thế giới rất chậm tiến so với láng giềng.

Ở Bangkok, trước khi bộ Canh nông và Phát triển Nông nghiệp và thủ tướng Thaksin cải chính không có bệnh cúm gà thì các mạng lưới internet đã đón nhận bao nhiêu lời bàn, có những lời chỉ trích chính phủ, cũng có người bênh vực chính phủ. Trên mạng lưới của Sở Gia súc thuộc bộ Canh nông, số người vào mạng tăng gấp đôi trong một ngày, đại đa số chỉ trích. Một mạng lưới đã tạo được uy tín như là diễn đàn chính trị náo nhiệt nhất nước, Pantip.com, nhận được các ý kiến về hai vấn đề chính trị sôi nổi. Một là chính sách của thủ tướng Thaksin đối với những vụ bạo động ở miền Nam giáp Mã Lai, nơi có nhiều tín đồ Hồi giáo; và thứ hai là mối đe dọa dịch cúm gà. Một công dân đã nhắc đến đạo luật về Tự do Thông tin để đòi hỏi chính quyền phải loan báo hết các tin tức mà công chúng cần biết. Có người kết án ông thủ tướng chỉ lo bảo vệ mối lợi xuất cảng gà của các đại công ty nên không cho phép báo động sớm, khiến cho các trại chủ nhỏ nuôi gà bị vạ phá sản. Ông Thaksin đã nêu lên con số thương vụ của công nghiệp nuôi gà chiếm 2 phần trăm Tổng Sản Lượng Nội Địa, khi ông chỉ trích các báo "loan tin thất thiệt" về bệnh cúm gà. Một ý kiến có vẻ quá khích nói rằng những ai đã che đậy tin tức về bệnh cúm gà khiến bệnh lan tràn gây chết người, kẻ đó đáng tội chết!

CẦN PHÁT TRIỂN XÃ HỘI CÔNG DÂN

Các nhà báo Thái Lan là những người theo dõi kỹ dư luận trên mạng lưới, họ cũng đi điều tra thêm về bệnh cúm gà vì nhu cầu cạnh tranh. Các tờ báo đua nhau loan tin và đăng các con số về bệnh lan tràn. Nhờ phỏng vấn các chuyên gia, họ mới trình bầy những ý kiến độc lập, như của Bác sĩ Prasert Thongcharoen. Nhà vi khuẩn học 75 tuổi này đã xác nhận những con gà chết mà ông thủ tướng nói là do bệnh tiêu chẩy, đúng ra là do vi khuẩn bệnh cúm gà, giống như bệnh đã gây chết người ở Việt Nam. Sau đó thì chính ông thủ tướng Thaksin phải công nhận chính phủ ông đã "lầm lẫn" khi "chẩn bệnh" gà! Tuy nhiên, các đại biểu quốc hội đối lập và các nhà báo đã vạch ra rằng vấn đề ở đây không phải là những "lầm lẫn" mà là một chiến dịch cố ý "che đậy sự thật" để bảo vệ quyền lợi các nhà xuất cảng gà. Chính phủ Thái đã hướng dẫn dư luận bằng cách đổ tội cho nhân viên Sở Phát triển chăn nuôi Gia súc. Nhưng dư luận không bị lừa, các báo đều không chấp nhận lối đem mấy công chức ra làm vật hy sinh để cả chính phủ trốn trách nhiệm. Một vị quận trưởng trong vùng bị bệnh cúm tấn công sớm nhất đã bắn vào đầu tự sát sau khi đi họp ở cấp tỉnh trở về. Ông để lại lá thư tuyệt mạng và gửi giấy tờ, tiền bạc về cho vợ con. Vụ bưng bít tin tức có thể trở thành một xì căng đan lớn.

Thủ tướng Thaksin Shinawatra đang gánh những hậu quả tai hại vì che đậy bệnh dịch cúm gà, đúng lúc uy tín của ông thật sự đang lên rất cao đối với dân chúng Thái Lan. Khi ông đắc cử sau cuộc khủng hoảng tiền tệ và kinh tế năm 1998, ông tự giới thiệu mình như một nhà kinh doanh thành công chứ không phải là một chính trị gia chuyên nghiệp. Và dân Thái có vẻ hài lòng với tình trạng kinh tế hồi phục trong mấy năm qua. Nếu bỏ phiếu vào tháng trước thì đảng "Nước Thái của người Thái" của ông Thaksin sẽ thắng lớn. Nhiều đại biểu quốc hội đã chỉ trích ông thủ tướng bằng cách đặt nghi vấn về liên hệ giữa các chính sách của chính phủ với các quyền lợi kinh doanh do vợ, con, bạn bè ông thủ tướng, đặt vấn đề quyền lợi công và tư xung khắc. Nhưng ông Thaksin có vẻ rất vững vàng, mặc dù dù báo chí đã viết về các công ty của gia đình ông được lợi những gì khi chính phủ thay đổi các luật lệ về hàng không; hoặc khi chính phủ công bố chính sách phát triển nghiên cứu y học để biến Thái Lan thành quốc gia đứng đầu về y khoa trong vùng Đông Nam Á. Nhưng người dân bình thường ít có ai hiểu hết những liên hệ rắc rối đó. Trước khi xẩy ra vụ cúm gà, uy tín của chính phủ lên cao, đến mức báo chí phải báo động là "chính phủ mạnh quá, không tốt!" Ở những nước chậm tiến mới có những người như ông Nguyễn Cao Kỳ nói rằng cần phải có chính phủ mạnh! Nhưng người Thái Lan có trình độ hiểu biết cao hơn, họ nhìn thấy một chính phủ mạnh là điều nguy hiểm cho xã hội, nó làm cho cả nước co rúm lại, không dám mạnh miệng nói ngay cả khi cần báo động dân chúng.

Một hội nghị truyền thông do

bốn tổ chức báo chí cùng tổ chức là cơ hội cho các nhà báo tự vấn lương tâm. Họ thấy các tờ báo của họ càng ngày càng dè dặt hơn khi phải đặt các câu hỏi về chính sách của chính phủ. Vì các ký giả sợ bị dư luận coi là "bôi xấu chế độ" trong lúc chính phủ đang được dân chúng tin tưởng! Không những thế, nhiều nhà báo còn sợ là đảng cầm quyền thân giới tư bản kinh doanh sẽ tạo áp lực để các doanh nghiệp rút bớt quảng cáo trên các tờ báo chỉ trích chính quyền. Ký giả Prachyachai Duchthayawatr, báo *Thai Post* viết thẳng trên mặt báo rằng: "Hình như chúng ta sống trong một vương quốc của sự sợ hãi."

Không những thế, vì uy tín của thủ tướng Thaksin cao quá, các nhà báo còn gặp khó khăn khi săn tin, vì các "nguồn tin" của họ, trong chính quyền hoặc trong giới trí thức, giáo sư đại học và chuyên viên, cũng trở nên dè dặt khi nói những điều ngược lại với chính phủ. Chính họ cũng e sợ trước uy tín quá lớn của ông thủ tướng đối với dân chúng. Nhà báo Pradit Ruangdit trên tờ báo Anh ngữ *Bangkok Post* than phiền rằng các viên chức cao cấp bây giờ ngại nói chuyện với các nhà báo, trước khi xin phép ông thủ tướng! Pradit nói: "Chúng tôi ít khi được nghe một ý kiến khác (với ý kiến chính phủ Thaksin.) Các nguồn tin của chúng tôi ngưng không nói gì nữa, dù đó là các công chức, các bộ trưởng hay thuộc giới giáo sư đại học."

Tình trạng im lặng đó đã được tờ báo Anh ngữ *The Nation* nêu lên trong một bài xã luận về nhu cầu phải có một xã hội công dân mạnh: "Trước khi có vụ cúm gà bùng nổ, những tiếng nói trong xã hội công dân của chúng ta đã vắng mặt một cách đáng quan ngại ... (trong lúc) chúng ta khẩn thiết cần nghe các tiếng nói độc lập về những vấn đề đang xảy ra cũng như về cách chính phủ đối phó với chúng." Báo này cũng công nhận chính phủ Thaksin đang được lòng dân, nhưng phê bình rằng: "Chính phủ, đã được dân ái mộ ngay từ lúc lên cầm quyền như chưa chính phủ nào trước đây nhận được; đáng lẽ họ không nên đem tiêu phí niềm tin và hảo ý của dân chúng, như họ đã làm... Các chuyện vừa xảy ra cho thấy không một chính phủ nào, ngay cả một chính phủ rất được dân ủng hộ như chính phủ Thaksin hiện nay, có đủ khả năng đối phó với những cuộc khủng hoảng toàn quốc rộng lớn như trong vụ này, nếu không có sự góp sức của các tổ chức (tư nhân) trong xã hội công dân."

Một chính phủ được dân ái mộ quá tạo chướng ngại cho việc thông tin tự do và trao đổi ý kiến trong dân chúng. Trong tình cảnh đó, làm sao các nhà báo làm được bổn phận loan tin tức khách quan, đầy đủ và trung thực, để dân Thái Lan biết đủ những điều liên quan đến đời sống của họ? Ký giả Pramed Lekpetch, báo Thai Rath đã bầy ra mưu mẹo rất hay, là đi gợi ý cho các đại biểu quốc hội đối lập nói. Nhưng các dân biểu cũng không biết và không hiểu hết các vấn đề để nêu ý kiến nào thích đáng. Ông Pramed nói: "Các nguồn tin của tôi (trong giới công chức hoặc chuyên gia) chỉ chịu phát biểu ý kiến nếu tôi không nêu tên của họ. Tôi đồng ý, chỉ xin các tin tức họ biết mà thôi, rồi tôi nêu ra các tin tức đó khi phỏng vấn các đại biểu quốc hội. Thế là tôi có thể trích dẫn những lời tuyên bố của các đại biểu đối lập!" Nhiều đại biểu đã đặt vấn đề bất tín nhiệm chính phủ. Nhưng vì liên minh đảng cầm quyền chiếm đa số ở hạ viện, các báo đã nêu ý kiến yêu cầu các nghị sĩ thượng viện hành động để buộc chính phủ Thaksin chịu trách nhiệm.

Khi so sánh phản ứng của báo chí, dư luận Thái Lan trong vụ dịch cúm gà, so với Việt Nam, thì chúng ta thấy trình độ của người dân hai nước khác hẳn nhau. Chúng ta càng thấy nhu cầu xây dựng một xã hội công dân năng động ở nước ta, cùng với những cơ quan truyền thông độc lập, các hiệp hội tư tự do và tự nguyện, cũng như các cuộc bầu cử tự do. Như tờ báo N*ation* ở Bangkok nhận xét, trong thế giới hiện nay quyền lực của chính quyền ngày càng mạnh hơn, cần có xã hội công dân để lập thế cân bằng với nhà nước và giới doanh nghiệp lớn. Có như vậy thì các cá nhân và các tập thể mới được bình đẳng mà góp tiếng nói vào những quyết định của chính phủ. Hơn thế nữa, cần có xã hội công dân để cất lên tiếng nói cho những thành phần yếu kém nhất trong xã hội, vì họ thường là giai cấp không được đại diện một cách xứng đáng trong guồng máy chính quyền. Tất nhiên có những chính quyền tự nhận họ là đại biểu của những người cùng khổ trong xã hội, nhưng làm sao có thể tin họ được nếu không ai được phép nói lên những ý kiến độc lập?

Có một xã hội công dân năng động, báo chí độc lập, các hiệp hội tư nhân về văn hóa, tôn giáo, xã hội, tự do và tự nguyện, đó

là nhu cầu khẩn cấp của một quốc gia đang phát triển. Ở Việt Nam chưa có một xã hội công dân thật sự, ở Thái Lan xã hội công dân đã được xây dựng hàng trăm năm nay một cách liên tục, nhưng người trí thức vẫn còn lo có lúc xã hội công dân vắng mặt vì chính phủ quá mạnh bắt đầu lấn át các tiếng nói độc lập.

Sự vắng mặt này rất tai hại, vì "Nếu xã hội công dân đủ mạnh và dám lên tiếng, thì chính phủ đã bắt buộc phải thú nhận sự thật sớm hơn, đưa ra các biện pháp sửa đổi sớm hơn, có thể giới hạn những thiệt hại ..." như một tờ báo ở Bangkok viết. Ở đây họ chỉ nói đến giới hạn những thiệt hại trong nạn dịch cúm gà mới làm chết hai ba người. Thử nghĩ đến nước Việt Nam, khi một chính quyền độc tài quyết định những chính sách có thể ảnh hưởng đến cảnh đói, no, sự sống, chết của 80 triệu người dân, thế hệ này và các thế hệ sắp đến; nhưng họ không cho phép báo chí cũng như các nhà trí thức, dư luận lên tiếng độc lập.

HOÀNG SA HOÀNG SA

Những lời báo động và đòi ngăn ngừa bệnh cúm gà ở Thái Lan không phải do chính phủ cũng như do phe đối lập nêu lên, mà là một nhà khoa học phi chính trị. Bác sĩ Prasert Thongcharoen, một chuyên gia về vi khuẩn, đã lên tiếng cảnh cáo nghiêm ngặt sau khi nghe ông thứ trưởng bộ Canh nông lên ti vi ngày hôm trước quả quyết rằng những con gà chết ở Thái Lan là do bệnh tiêu chẩy hoặc bệnh ho chứ không phải do vi khuẩn H5N1 gây ra. Lời báo động của nhà khoa học 75 tuổi được báo chí so sánh như một trái bom nổ. Nếu không có những tiếng nói độc lập của giới trí thức thì một chính quyền có thể che đậy, giấu giếm dân tất cả mọi thứ. Hãy coi như vụ báo *Tuổi Trẻ* ở Sài Gòn đăng bài phỏng vấn giáo sư Nguyễn Nhã về chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa. Bài vừa lên lưới được một ngày thì mạng lưới bị tắt "vì lý do kỹ thuật," rồi khi phát lại thì tiếng nói của ông Nguyễn Nhã bị tắt luôn! Lý do, ai cũng biết, vì đảng Cộng Sản Việt Nam không dám cho dân chúng đọc những gì bất lợi cho Trung Quốc! Quyền lợi lâu dài của dân tộc bị hy sinh cho quyền hành một đảng! Mấy tuần sau, trên một mạng lưới vi tính mới có một bài viết bênh vực chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, nhưng lần này là do một nhà khoa học ở Hà Nội đưa ra. Thôi thì Bắc hay Nam cũng vậy, miễn chủ quyền của đất nước phải coi là chuyện chung, không phải là việc trong nhà của một phe đảng ở Việt Nam đối với một phe đảng khác ở Trung Quốc.

Trong khi đó, ở Thái Lan báo chí bàn luận một cách tự do về một vấn đề ngoại giao rất tế nhị. Đó là vụ dân Cam Bốt đốt phá tòa đại sứ Thái Lan ở Phnom Penh cách đây một năm, ngày 29 tháng Giêng năm 2003. Dân hai xứ này đã có nhiều kinh nghiệm lịch sử chua cay đối với nhau. Từ thế kỷ 15 các quốc vương Cao Miên phải di tản kinh đô từ vùng Angkor về U Dong rồi về Nam Vang cũng chỉ vì hay bị quân Thái Lan xâm lăng. Vào thế kỷ 18, 19, Cam Bốt bị cả Thái Lan lẫn Việt Nam xâu xé. Nhưng trên một tờ báo ở Bangkok người Thái họ công nhận rằng người Cam Bốt ghét họ hơn cả ghét người Việt Nam nữa! Vào năm ngoái, một nữ tài tử Thái nói một câu bậy bạ, bảo rằng đáng lẽ các di tích ở Angkor phải thuộc về nước Thái Lan. Cả nước Cam Bốt nổi giận! Vì thế dân chúng đến đập phá tòa đại sứ Thái, nhiều đám đi cướp các cửa hàng của người Thái. (Sau này tờ báo loan tin đó ở Campuchia xin lỗi là họ loan tin sai, quá trễ!) Điều đáng chú ý là báo chí ở Thái Lan bàn luận một cách tự do và có hiểu biết về biến cố năm ngoái. Họ đã chỉ trích chính phủ họ có những hành động ngu dốt làm cho dân Cam Bốt tức giận hơn. Chẳng hạn, vào tháng Mười năm ngoái, chín tháng sau vụ đốt phá, chính phủ Thái Lan tổ chức hội nghị kinh tế khối Apec. Để làm đẹp thành phố, họ cho cảnh sát đi dẹp những người sống ngoài đường và các ăn mày. Hàng ngàn người Cam Bốt sống bất hợp pháp trong đám đó, đã được cảnh sát Thái Lan chở thẳng tới biên giới đuổi về! Việc này hoàn toàn hợp pháp nhưng có tờ báo đã chỉ trích chính phủ Thái là không tế nhị, "cách hành động của viên chức Thái Lan đã làm nhục" cả nước Campuchia.

Đến Thái Lan năm nay tôi thấy uy tín ông thủ tướng đang lên cao, hơn hẳn năm ngoái. Kinh tế đang lên, uy tín quốc tế lên, thị trường chứng khoán cũng vậy. Nhưng một nhà báo, ông Suthichai Yoon đã viết rằng một chính phủ loan tin tốt thì dễ lắm, thử thách lớn là phải biết loan tin xấu như vụ cúm gà thế nào. Các cử tri sẽ phê phán đảng cầm quyền về cách họ đối phó với tin xấu chứ không phải tin tốt./.

TRẦN QUÁN NIỆM

Từ bò cười đến bò khóc đến bò điên

Trước 1975, dân miền Nam VN rất khoái một loại fromage (cheese) trên đó có hình ảnh thật ngộ nghĩnh, là đầu bò được nhân cách hóa nở nụ cười rạng rỡ, chất phác. Đó là hộp fromage Con Bò Cười (La vache qui rit).

Nhìn vào tấm hình rất hạnh phúc, an vui đó, người ta hình dung ra một cảnh đồng quê Âu Châu thanh bình, con bò thong thả gặm cỏ, vú sữa đầy căng, con bê con chạy nhẩy tung tăng bên mẹ trên cánh đồng điểm hoa dại vàng lấm tấm. Chốc chốc bê lại sán vào vú mẹ, bú giòng sữa bổ ngon. Không khí trong lành, ngát thơm hương đồng cỏ nội. Chiều chiều, cô thôn nữ dắt bò về, vắt một phần sữa để làm cheese, làm bơ.

Bên Mỹ cũng thế, trong các sách giáo khoa của thiếu nhi, khi nói về đời sống nơi thôn dã, không thể nào thiếu cảnh một nông trại cũ kỹ sơn mầu đỏ đậm với một vựa chứa luá (silo) cao ngất tngưởng. Chung quanh là đồng cỏ xanh tươi trên đó bò, ngựa, dê khoảng vài chục con gặm cỏ yên bình. Mấy con bò nằm nghỉ dưới bóng cây táo, nhẩn nha nhai lại mớ cỏ vừa ăn. Trên sân nông trại gà vịt, ngan, ngỗng chạy nhẩy tung tăng kiếm mồi.

Nhưng đó là cảnh của "thủa thanh bình năm mươi năm trước."

Sau đệ nhị thế chiến (1939-45) nền kinh tế Mỹ phục hồi. Mức sống của người dân lên cao dần, sung túc hơn, sự dinh dưỡng gia tăng. Người ta ăn thịt nhiều hơn. Thịt bò là loại thịt ngon, cung cấp nhiều chất đạm bổ dưỡng và mắc tiền hơn cả. Ngày trước chỉ có những gia đình trung lưu, lợi tức cao mới có khả năng mua về sào nấu. Dần dà giới bình dân cũng có khả năng với tới món ăn sang trọng này.

Mức tiêu thụ thịt gia tăng, đem lại nguồn lợi nhuận khổng lồ, thu hút các tay mại bản nhẩy vào khai thác Ngành chăn nuôi được kỹ nghệ hóa. Với sự bỏ vốn vĩ đại của tư bản, các trại chăn nuôi trở thành lớn rộng, nuôi vài chục ngàn con bò, vài trăm ngàn con gà. Các nông trại chăn nuôi theo kiểu tiểu công nghệ dần dần phá sản. Trước đây con bò được thong thả đi lại, ăn cỏ và lớn lên theo thiên nhiên, nay bị nhốt trong chỗ chật hẹp, nuôi thúc cho mau đạt tới trọng lượng cần có, để đem ngả thịt. Việc hệ thống hóa được áp dụng tối đa. Máy móc chuyển thức ăn nước uống tới tận chuồng. Thay vì ăn rơm cỏ chậm lớn, người ta cho ăn những loại ngũ cốc, trộn thêm các loại thuốc kích thích, thuốc trụ sinh kháng tố, và các chất thịt bò xay ra từ các cơ phận mà loài người không tiêu thụ. Nghĩa là bò ăn thịt đồng loại. Bò được phân ra từng loại nuôi theo công thức riêng, như bò thịt, bò sữa, bê để thỏa mãn nhu cầu ẩm thực của con người. Bò được nuôi trong chuồng và diện tích dành cho bò xoay trở được thu hẹp tối đa để với một diện tích nhỏ mà vẫn gia tăng mức sản xuất. Đến ngày ngả thịt hàng chục ngàn con bò bị đưa lên tầu hỏa chở đến lò sát sinh. Lần lượt theo nhau đàn bò bị lùa vào lò. Linh cảm cái chết gần kề, ngửi được mùi tử khí, nhiều con dừng lại không chịu đi, kêu rống lên, nước mắt chẩy đầm đìa. Nhưng không sao thoát khỏi cái chết trước mắt. Kể cả những con bị bại liệt, ốm đau đi không vững cũng bị xe xúc (forklift) xúc đến cửa lò. Lành mạnh hay đau yếu cũng chịu chung một số phận. Tên sát thủ to lớn, dềnh dang đứng ngay cửa lò. Tay cầm súng điện hay súng hơi, bò vừa được đẩy tới, hắn kê súng ngay đỉnh đầu con vật to lớn khốn khổ và nổ súng. Làn hơi mạnh như búa bổ hoặc dòng điện cực mạnh khiến bò choáng váng ngã xuống, dơ bốn cẳng dẫy tê tê. Tức khắc con bò nặng mấy tạ, được dây chuyền (conveyor) đẩy đi để bị cắt tiết, lột da, xả thịt. Máu tuôn như suối.. Những phần cơ thể bạc nhạc loài người không ăn được, một phần bị vứt bỏ, một phần được xay, nghiền thành bột (xương, da, chân cẳng v.v.) làm thực phẩm để nuôi bò hay các súc vật khác. Chính cái xương tủy sống được xay nhuyễn làm thực phẩm nuôi bò là nguyên nhân truyền bệnh bò điên sẽ nói tới sau này.

Cuối cùng thì xác bò được cưa thành hai mảnh, treo tòng teng trên móc trong phòng lạnh lớn như một sân đá bóng trong đó hàng chục ngàn xác bò bị treo lơ lửng. Nơi góc cuối phòng, hàng chục nhân viên mặc áo ấm trùm đầu (vì nhiệt độ trong phòng rất lạnh) dùng cưa điện xả xác bò thành tửng mảnh, đẩy qua phòng sửa soạn thịt. Nơi đây bò được cắt nhỏ hơn, thành bí tết, thành thịt tảng, thành T bone, và một phần nữa được xay thành hot dog và hamburger.

Người ta cho rằng, những khổ sở, gò bó trong đời sống, nỗi sợ hãi uất hận trước khi chết đã kết tụ trong đường gân thớ thịt cộng thêm những hoá chất kích thích, trụ sinh tồn đọng nơi cơ thể bò làm người tiêu thụ bị bệnh hoặc ung thư.

Từ ngày hamburger trở nên phổ thông trong đời sống người Mỹ, mức tiêu thụ thịt bò tăng vọt. Vào thập niên 80 trung bình một giây dân Mỹ ăn 200 cái hamburger, hàng năm MacDonald (thánh đường thịt bò xay) bán ra 6.7 tỷ hamburger. Tính đổ đồng người Mỹ tiêu thụ từ 26 đến 40 pounds thịt bò mỗi năm. Năm 2000 con số này tăng thành 60 pounds, trong khi đó tại các nước nhược tiểu và nghèo, họa hoằn lắm trên mâm cơm mới có thịt, tổng cộng độ vài pounds một năm.

Trong các tiệm ăn sang trọng, thực khách thích món thịt bê. Để thịt bê trắng và mềm, hợp khẩu vị của khách, xưởng chăn nuôi tách rời bê khỏi mẹ sau khi bê sinh được vài ngày (cốt lấy sữa bán đầy các siêu thị). Bê bị nhốt trong chuồng hẹp để nó không thể chạy nhẩy làm thịt cứng đi. Chuồng trơ trụi với nền xi măng không lót rơm để bê không ăn rơm làm thịt bê đen. Nó được nuôi bằng hỗn hợp sữa nhân tạo trộn các chất bổ dưỡng, cho mau lớn. Khoảng 100 ngày, bê bị bán cho lò sát sanh để ngả thịt. Chúng ta hãy nghe một phóng viên đi thăm chuồng nuôi bê thuật lại như sau.

"Tuy ban ngày nắng chói chang, nhưng trong khu vực nuôi bê thì tối đen như mực. Người chăn nuôi giải thích, đèn sáng làm bê muốn chạy nhẩy. Do đó đèn chỉ bật sáng vào các giờ ăn. Vài trăm con bê được nhốt trong từng ô nhỏ hẹp, không đủ rộng để xoay trở. Sàn xi măng trơ trụi. Khi chúng tôi vào, đèn được bật sáng. Những con bê đang ở tuổi năng động, thèm chạy nhẩy, thiếu tình mẫu tử, mừng rỡ kêu rống lên. Nhiều con cố vươn đầu khỏi chuồng để liếm vào tay, vào vạt áo chúng tôi. Miệng chúng kêu lên như đòi mẹ. Thấy chúng tôi lộ vẻ xúc động, muốn vuốt ve chúng, người coi trại bê giục chúng tôi đi nhanh. Không khí đầy bụi và hôi hám. Chúng tôi vừa ra khỏi cửa ở đầu kia trại, đèn lại tắt phụt. Văng vẳng sau lưng chúng tôi là tiếng kêu thảm thiết và nhỏ dần của những chú bê non bị tù tội."

Dưới điều kiện chăn nuôi khắc nghiệt như vậy, số bê chết khoảng 30%. Tóm lại bò hay bê không được coi là những sinh vật nữa, không được hưởng đời sống thiên nhiên, mà chỉ là những máy sản xuất thịt để nhà tư bản thu lợi nhuận tối đa.

Hỏi rằng điều kiện sinh sống khốn khổ như vậy, bò không điên sao được.

Bệnh bò điên được phát hiện bên Âu Châu mấy năm về trước. Dù người ta dùng mọi biện pháp khoanh vùng để tiêu diệt khá nhiều bò hầu tránh việc lây bệnh nhưng cuối năm 2003 bệnh đã lan sang Mỹ.

Tháng 12 năm 2003 cơ quan canh nông Mỹ (USDA) phát hiện một con trong đàn bò nhập cảng từ Canada có triệu chứng bò điên. Cũng cần nói thêm ở đây là danh từ bò điên dễ gây ngộ nhận. Thật ra bò không sùi bọt mép, lồng lộn đuổi cắn người nuôi hay đồng loại như kiểu chó dại (dĩ nhiên bò điên lại càng không thể đầu bù tóc rối, cười nói ngất ngưởng nửa tỉnh nửa mê). Tên khoa học của bệnh này là bovinespongifiorm encephalopathy (BSE) tạm dịch là bệnh sốp não, dần dần làm tê liệt hệ thống não bộ của con vật. Người ta cố truy nguyên nguồn gốc của đàn bò hầu giết đi để bệnh không truyền nhiễm đi xa.

Tin bò điên có làm giới tiêu thụ sợ không dám ăn thịt bò hay không? Mức tiêu thụ có suy giảm nhưng các siêu thị vẫn bầy bán thịt bò và các bà nội trợ vẫn mua về nấu nướng. Tại các tiệm McDonald, khách ăn vẫn ra vào tấp nập.

Trong bài nhận định "New variant Creutzfeldt-Jakob Disease: The epidemic that never was," đăng trên đặc san y khoa *British Medical Journal,* chuyên gia George V. Venters bên Anh Quốc nói rằng lý thuyết "bò lây người" là sai bét. Ông khẳng định khoa học hiện nay không có chứng cớ trực tiếp nào xác định "bệnh bò điên BSE" có thể gây ra "bệnh người điên vCJD." Ông nói: lý thuyết đó chưa được thử nghiệm và chưa xác định.

Trong 60 triệu người Anh, chỉ có 130 người bị bệnh vCJD, tỷ lệ là 2/1,000,000 (2 trong 1 triệu người). Tại Hoa Kỳ, mỗi năm chỉ có 1 người chết vì bệnh hoại não vCJD trong 1 triệu người, tức là 1/1,000,000. Nếu tính trên dân số 280 triệu người Mỹ, thì tỷ lệ này "cực kỳ nhỏ" nữa. Hãy so với con số 400,000 người chết vì thuốc lá mỗi năm ở Hoa Kỳ, hay 58.000 người chết vì tai nạn xe hơi hàng năm.

Tuy nhiên dù sao chăng nữa, mức xuất cảng thịt bò ra ngoại quốc cũng bị ảnh hưởng. Thống kê cho hay năm 2002, Mỹ xuất cảng qua Nhật 842 triệu đô la thịt bò, Nam Hàn 610 triệu, Mexico 595 triệu. Cả ba nước này vừa cho hay, họ không nhập cảng thịt bò Mỹ trong giai đoạn này, chờ tình hình sáng sủa hơn. "Thánh đường thịt bò xay" McDonald thiệt hại 1.7 tỷ đô la trên thị trường chứng khoán.

Người Việt chúng ta thì sao? Có nên tiếp tục thưởng thức phở, bún bò, bò nhúng giấm, bò nướng lá lốt, bò bẩy món hay không? Xin thưa cứ bình tĩnh mà ăn, tùy sở thích.

Tuy nhiên có một vài con số để chúng ta suy ngẫm. Hiện tại trên thế giới có 1.28 tỷ gia súc (bò dê, cừu). Chúng chiếm 24% đất đai và tiêu thụ một số lượng ngũ cốc vĩ đại có thể dùng nuôi sống hàng trăm triệu người. Số gia súc càng ngày càng tăng tác hại trầm trọng đến hệ thống quân bình môi sinh của trái đất, tiêu hủy môi trường

sinh sống của muôn loài trên sáu lục địa. Hàng triệu mẫu rừng ở Bắc, Trung và Nam Mỹ, ở Phi châu và Úc châu bị khai quang làm đồng cỏ nuôi gia súc. Phân và nước tiểu của chúng làm ô nhiễm nguồn nước uống và phát tiết khí methane, hơi này ngăn cản nhiệt lượng không thoát ra ngoài bầu khí quyển khiến khí hậu trái đất mỗi ngày mỗi ấm hơn.

Tại Hoa Kỳ, 70% ngũ cốc sản xuất được dùng nuôi gia súc để cung cấp thịt sữa cho người tiêu thụ. Trên bình diện thế giới, 1/3 số ngũ cốc dùng nuôi gia súc trong khi hàng tỷ người, nhất là tại các quốc gia chậm tiến lâm cảnh thiếu dinh dưỡng. Sở dĩ vậy vì phải tốn 9 pounds ngũ cốc mới tạo được 1 pound thịt. Một miếng bí tết trên bàn ăn trong buổi tối tại một tiệm ăn sang trọng tương đương 9 pounds ngũ cốc đủ nuôi một gia đình bốn người trong một tuần lễ.

Ngũ cốc cũng cup cấp cho cơ thể đầy đủ chất bổ dưỡng như thịt.

Ai bảo chăn trâu là khổ?

Trong thời buổi kinh tế khó khăn này, giấc mơ trở thành triệu phú bằng đường tắt hơn bao giờ hết trở nên niềm mong ước của mọi người. Ai cũng biết tỷ lệ may mắn trúng số rất nhỏ, nhưng có ai quan tâm đâu. Số trời cho trúng thì mua một đồng cũng trúng, nói chuyện xác suất làm gì cho mệt trí. Những người khác trúng số họ có tài giỏi gì hơn mình đâu. Cũng ghé tiệm mua cầu may, tự nhiên dò số thấy trúng là trúng.

Tại miền Đông Bắc, các loại xổ số như Big Game, Bix Six, Mega Million bán chạy như tôm tươi, nhất là khi con số trúng càng lớn, cỡ trăm triệu trở lên. Tuần vừa qua tại miền Đông, Mega Million lên đến 225 triệu. Vào những ngày chót trước khi xổ, mỗi phút số tiền mua vé đổ vào là $12,000.

Chưa trúng số nên mình không biết tâm trạng người trúng số ra sao. Thôi thì đành lấy kinh nghiệm người khác làm của mình vậy.

Ông Andrew Jack Whittaker, cư dân tại thành phố St Albans tiểu bang West Virginia là người may mắn trúng 300 triệu, vào dịp Lễ Giáng Sinh năm 2002. Là người tốt bụng, trong cơn mừng vui, ông nghĩ ngay đến người khác kém may mắn nên tuyên bố, ông sẽ bỏ ra 10% tiền trúng để tặng nhà thờ và làm việc thiện cứu giúp kẻ nghèo. Thế là thư từ khắp nơi trên thế giới ùn ùn kéo tới. Hơn một năm rồi, mỗi ngày hàng tá thư gửi tới ông. Nội dung là những lời yêu cầu, xin giúp đỡ. Thôi thì đủ mọi trường hợp thê thảm, nào là chuyện thương tâm, xui xẻo, nào chuyện đói khổ, đau buồn. Đến nay số thư này lên đến cả trăm ngàn lá, chứa đầy các hộc tủ trong ba căn phòng. Ông than thở, tôi không dám đọc, vì nếu tôi đọc, chắc tôi cho hết số tiền tôi có cũng không đủ.

Cùng với thư là người. Mỗi ngày từ hai đến bốn người. Từ khắp nơi. Bấm chuông liên hồi cho đến khi vợ ông ra mở cửa mới thôi.

Ông nói: lần sau nếu trúng số, tôi sẽ không dại dột tuyên bố công khai như lần này.

Whittaker người miền Nam 56 tuổi, tính tình bộc trực, thương người, cởi mở. Nhưng sau kinh nghiệm trúng số, ông đã thay đổi phần nào. Ông thuê nhân viên an n nh canh gác nhà và văn phòng làm việc. Trong một cuộc phỏng vấn mới đây, ông cho hay ông ân hận là sự nổi tiếng của ông đã gây nhiều phiền muộn cho gia đình. Vợ ông và đứa cháu gái, Brandi, là hai người bị ảnh hưởng nhiều nhất. Ông cho biết, vợ ông bị quấy rầy kinh khủng bởi các kẻ muốn xin tiền. Cháu ông mất hết bạn bè. "Họ chỉ muốn tiền." Mới 16 tuổi nhưng Brandi đã cảm thấy chua chát vì bộ mặt thật của cuộc đời đen bạc.

Kinh nghiệm cho hay phần lớn các người trúng số bị choáng ngợp bởi sự nổi tiếng đột ngột, đa phần bị lôi kéo vào các vụ kiện hay bị gia đình và bạn bè ghét bỏ (vì không được tặng những số tiền mà họ đòi hỏi). Một số khánh tận gia tài vài năm sau đó vì ăn xài quá độ, đầu tư sai .

Trước đây Whittaker thường la cà tại các quán rượu hay sòng bài hoặc trường đua chó, nhưng nay ông thấy ngại ngùng vì ông cho hay, dù tôi có đeo mặt nạ, người ta vẫn nhận ra.

Một đêm ông vào quán rượu, vô tình mở cặp táp, cho thấy có $545,000 tiền mặt và money order. Ông bị bỏ thuốc mê và cặp tiền biến mất. Sau này, số tiền trên được tìm thấy và hai nhân viên tiệm rượu là thủ phạm.

Kể từ khi trúng số, ông đã tiêu 14 triệu giúp 900 gia đình nghèo và 7 triệu tặng cho ba nhà thờ tại West Virginia và California. Ông tiêu thêm 45 triệu trong năm qua, khuyếch trương cơ sở làm ăn về xây cất mà ông sở hữu trước khi trúng số.

Mộng ước của ông Whittaker bây giờ là gì? Ông cho hay "Tôi chỉ muốn có thì giờ và bình an để ngủ trưa mà không được."

Thật là *"Càng giầu lại càng thêm lo. Không tiền đánh giấc ngủ khò suốt đêm."*

Giun uống rượu

Trong xã hội văn minh, thì ly rượu là đầu câu chuyện. Dân Mỹ uống rượu rất nhiều. Trong các dịp mừng vui, trong các buổi tiếp tân, lễ lạc, rượu, bia tuôn chẩy như suối. Thậm chí mỗi cuối tuần người ta cũng bầy ra dịp để uống. Chiều thứ sáu, dân làm việc kéo nhau ra bar, nơi đây có một

giờ, mệnh danh là Giờ Hạnh Phúc (happy hour) rượu được giảm giá để mọi người cùng vui. Dĩ nhiên sau khi giảm giá làm mồi, hết giờ *happy hour* chủ tiệm không quên tăng giá rượu để chặt đẹp các bợm nhậu. Nhưng rượu đã ngà ngà thì ai để ý đến mấy cái lẻ tẻ đó. Nhậu nhiều khi xỉn luôn mới mò về nhà.

Mới đây các nhà nghiên cứu người Mỹ đã nhận diện được một loại protein trong não chịu trách nhiệm gây ra những cơn say. Họ tin rằng phát hiện này có thể giúp bào chế một loại thuốc mới làm giảm thiểu tác dụng của chất cồn và nhanh chóng tỉnh cơn say. Mặc dù cơ chế mới được tìm thấy ở giun trong phòng thí nghiệm, nhưng con người cũng có loại protein đó. Cách thức chất cồn tác động lên não con người tương tự thế giới động vật. Các loài khác nhau như giun, chuột, ruồi, và con người đều bị say dưới tác động của một lượng cồn tương ứng với trọng lượng của cơ thể.

Loại protein đó có tên slo-1 hoạt động giống như con kênh dẫn ion tràn ra từ tế bào thần kinh. Chất cồn dường như làm con kênh này mở ra thường xuyên, dẫn tới giảm hoạt động thần kinh và gây ra những cử động lờ đờ, rời rạc giống như tình trạng say.

Tiến sĩ Steven McIntire, đại học California ở San Francisco cho hay "Chúng tôi tìm thấy chất cồn tác dụng lên con kênh gây tình trạng say xỉn và trầm cảm. Con người cũng có kênh này nên cũng có quá trình tác động tương tự. Nếu tạo ra một loại thuốc tác động đến kênh này, làm cho nó ít nở ra dưới tác dụng của chất cồn thì sẽ mang hiệu quả giã rượu." (1)

Các nhà nghiên cứu đã tìm ra kết quả trên sau sáu năm nghiên cứu loài giun Caenorhabditis Elegans có 10,000 genes tương tự con người. Những con giun thiếu chất slo-1 tỏ ra không bị ảnh hưởng bởi chất cồn và có hành vi bình thường mặc dù bị chuốc rượu tưởng là phải say mèm.

Nghe qua thì rất phấn khởi, nhưng chúng ta không khỏi tự hỏi, uống rượu cốt say mới vui, mới hào hứng, nay uống thuốc để uống rượu không say thì uống rượu làm gì vì càng uống nhiều càng nộp nhiều tiền cho tiệm rượu. Lại nữa tại sao uống cho say xỉn rồi tìm cách giã rượu. Tự mình mà ra, uống ít đi thì say vừa phải, cần gì phải giã rượu.

Con người khi sinh ra được nuôi dưỡng bằng thức ăn, nước uống ngon ngọt, bổ dưỡng. Chắc chúng ta còn nhớ, hơi thuốc hay hớp rượu đầu tiên làm ho sặc sụa và cay xé họng. Không ai bắt chúng ta nhưng chúng ta đâm nghiện, rồi sau này tốn tiền cai thuốc, cai rượu.

Trong nhà Thiền cũng có câu chuyện tương tự. Một người kia sinh tìm đến vị thiền sư, cầu đạo giải thoát. Thiền sư nói: ai buộc nhà ngươi mà bảo ta cởi (giải thoát).

Tài liệu sử dụng trong bài này trích từ internet, không rõ tác giả.

CHUYỆN NƯỚC PHÁP

TỪ NGUYÊN

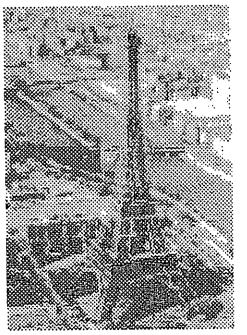

TỚI LƯỢT ĐÀI RFI ĐÌNH CÔNG

Im lặng vô tuyến, hay là vô tiếng : Radio France đình công từ ba tuần nay. Giữa tuần này, ngày 11 .2, Radio France International mà bạn đọc thường nghe : đây là Đài RFI, một đài độc lập với Radio France, đình công theo. Và nay, cả hai bên, liên hiệp nghiệp đoàn cũng như ban giám đốc, đang tìm lối thoát.

«RFI đình công là vì lây bệnh của RF, » Jean-Paul Cluzel, chủ tịch TGĐ RFI tuyên bố với *Le Monde*. «Ai cũng muốn tham gia hưởng ứng nhưng không ai thấy con đường ra khỏi bế tắc.»Vì khi Radio France ngưng đình công đêm thứ sáu 13.2 thì RFI vẫn còn tiếp tục đình công cho tới 10 giờ 30 sáng 16.2.

Tại sao có cuộc đình công? Đòi lương nhân viên của các ngành truyền thông quốc gia phải được đồng đều, nói rõ hơn, lương của nhân viên truyền thanh Radio France phải ngang bằng với nhân viên truyền hình France Télévision. Nguyên tắc này phản ảnh «tinh thần của thỏa ước Servat» ký kết trong năm 1994 giữa ban giám đốc và liên hiệp nghiệp đoàn. Theo các ký giả Đài RF, sự cách biệt giữa truyền thanh và truyền hình hiện nay lên tới 20%.

Qua ngày thứ 18, liên hiệp nghiệp đoàn kêu gọi nhân viên ngừng đình công vì ban giám đốc hứa tăng lương 3% trong năm 2005. Dù vậy LHNĐ dành quyền đình công trở lại nếu như những điều thương thảo không được áp dụng đúng đắn. Một ngân khoản 1,5 triệu euro trích từ ngân sách 2005 của RF để tăng lương cho 700 ký giả làm việc cho đài. Ngoài ra họ còn được 400 euro trong tháng ba coi như là «tiền thưởng ».

Radio France hiện có 4 020 nhân viên thường trực với ngân sách 517 triệu euro, có chương trình phát tuyến 505 000 giờ với : France Inter (10,8% số người nghe), France Info (10,4%), France Culture (1,4%), France Musique (1,9%) và France Bleu 7,2% và 42 đài địa phương. Theo lời ban giám đốc, đài đã bị thất thu tiền quảng cáo chừng nửa triệu euro trong thời gian đình công.

Về phần RFI : Ban giám đốc RFI cho biết sẽ nghiên cứu thỏa hiệp của RF, trình bày những nguyện vọng riêng của đài này và cuộc thương thảo bắt đầu từ chiều thứ bảy, 14.2 theo lời của Jean-Paul Cluzel. Một đại hội nhóm sáng thứ hai để quyết định có tiếp tục đình công hay là trở lại làm việc như Radio France.

HẠ VIỆN THÔNG QUA DỰ LUẬT CẤM DẤU HIỆU TÔN GIÁO

Trong tuần Hạ Viện đã thông qua hai dự luật quan trọng:

Mặc dầu bị dư luận chống đối dữ dội, chuyện lạ là chống đối từ nước ngoài cũng nhiều như trong nước, dự luật cấm mang dấu hiệu tôn giáo vào trường học được thông qua với 494 phiếu thuận trên 577 với 36 chống và 31 phiếu trắng.

Để trở thành luật, bản văn còn phải ra trước Thượng Viện bắt đầu từ tháng Ba và «rồi sẽ chấp thuận,» ai cũng nghĩ như vậy. Trước khi có biểu quyết toàn bộ bản văn (chỉ có ba điều ngắn gọn) Jean-Louis Debré, chủ tịch Hạ Viện ca ngợi tinh thần tham gia góp ý kiến của dân chúng vào những quyết định quan trọng của quốc gia. Thông qua dự luật này, Hạ Viện đã xác định và canh tân quan niệm thế tục trong một nước Cộng hòa.

MỘT TÙ NHÂN LÚC SANH BỊ CÒNG VÀO THÀNH GIƯỜNG

Một chuyện xảy ra cuối tháng 1 mới được bật mí và trở thành một thứ xì căn đan và lại được đem gán cho chính phủ Jean-Pierre Raffarin mặc dầu ông thủ tướng vô tội. Một tù nhân của nhà tù Fleury-Mérogis (vùng Essonne, ngoại ô Paris) lúc đang sanh bị còng tay vào giường của bệnh viện Sud Francilien d'Evry. Làm như bà này có thể bỏ chạy lúc đang sanh!

Theo cơ quan theo dõi đời sống trong nhà tù (OIP) thì khi được đưa tới bệnh viện, bà P. không chịu cho nhân viên nhà tù áp tải bà lưu lại trong phòng. Những người này đặt điều kiện chỉ ra khỏi phòng khi còng tay tội nhân vào thành giường. Và họ đã bỏ phòng đi ra sau khi đã còng tay bà P trước sự phản đối của nhân viên bệnh viện. Bà P. nói rằng sẵn sàng để còng còn hơn có mặt của những người này trong lúc sanh.

Bệnh viện đã kêu điện thoại thông báo cho báo chí và một số các nhà lập pháp về sự việc đã xảy ra. Laurent Fabius, cựu thủ tướng Xã hội đã đặt vấn đề và yêu cầu thủ tướng Pháp giải thích tại sao có trường hợp kỳ dị này. Chuyện rồi cũng phải cho qua.

GUIDE MICHELIN: LỜI CỦA MỘT NGƯỜI VỪA BỊ SA THẢI

Ông Pascal Rémy mới đây là điều tra viên của cuốn sách chỉ dẫn các hiệu ăn, khách sạn mang tên là Guide Michelin, một thứ cẩm nang của người sành điệu. Vừa bị sa thải «vì lỗi nặng» ông đã cho thính giả Đài Europe 1 biết rằng, ôi đó là «xạo» vì rằng điều tra viên không có bao nhiêu, làm sao thăm viếng cho cùng khắp ! Những hiệu ăn mang «sao» cũng không được viếng thăm hay coi ngó hằng năm đâu!

«Với chỉ có năm người điều tra viên, không thể nào đi tới cả 10 000 địa chỉ, và còn ít hơn, chuyện đi thưởng thức các món ăn của các hiệu ăn đó, » lời của ông Rémy này từng làm cho Guide Michelin 16 năm nay. Một năm, một điều tra viên ăn 200 tiệm thì chỉ mới 10% của địa chỉ thôi.

Câu trả lời của chủ nhân cuốn Guide Michelin với AFP: Rất lấy làm tiếc chuyện đã xảy ra như vậy. «Chúng tôi có 100 điều tra viên đi khắp Âu Châu lúc cần thiết,» lời của giám đốc Derek Brown.

Dân Pháp đi ăn ngoài mỗi tuần ít nhất hai ba lần hay tới nơi xa lạ thường tham khảo cuốn *guide rouge* này và nhiều cuốn chỉ dẫn khác. «Hơn một phần ba của hiệu ăn ba sao, » theo lời Pascal Rémy, «không đáng được tới hạng đó. » Vậy thì tin này tất nhiên rất được bàn dân thiên hạ chú ý và bàn tán. Chỉ có một Guide Michelin hay rừng cháy vạ lây?

LOTO, METRO, DODO

Trở lại cuộc sống bình thường chuyện được nói nhiều hiện nay sau những vụ đình công xuống đường - là lô tô. Tới nước Pháp lần này, có lẽ bạn không còn nghe câu bàng dân thiên hạ trước đây thường nói là *boulot, metro, dodo*. Câu đó ngày nay trở thành *loto, metro, dodo*.

Nước Pháp bắt đầu xổ lô tô từ năm 1976. Kinh tế càng khó khăn, người chơi lô tô càng nhiều: vài ba euro mua hy vọng trong một tuần, cho tới ngày dò số. Những nơi khác hay ngay cả Hoa Kỳ có lẽ cũng vậy: dân chúng xếp hàng dài mỗi chiều thứ sáu để mua lô tô. Và cũng như tất cả những chuyện khác trong đời, tây đầm để tới giờ chót mới chạy đi... xếp hàng.

Ai là những người xếp hàng mỗi tuần? 61% là những người trẻ dưới 35 tuổi. 51% là các cô, các bà, theo công ty quản trị xổ số Pháp, *Francaise des Jeux*, 72% là vốn của nhà nước.

Công ty này không những bán lô tô mà còn rất nhiều thứ trò chơi may rủi khác. Có thứ cho ta biết kết quả ngay lập tức khi đồng xu cào hết vết đen che lấp mấy con số. Có tới 18 loại khác nhau, theo danh sách sắp theo tứ tự abc: astro, banco, black jack, cash 20 000, dede, goal, millionnaire, morpion, numéro fétide, passeport, pharaon... tới vegas và XII la BD culte, xuất hiện sau cùng cũng đã từ tháng 10 năm 2000. Thời buổi ăn liền: cạo tờ giấy, được bao nhiêu ăn bấy nhiêu.

Tính trung bình mỗi người dân Pháp tiêu ra mỗi năm 121,6 euro cho vụ cạo giấy này, có người chơi ít hay không chơi, có người chơi tới phá sản. Nhưng vẫn còn thua nước láng giềng phía nam, Tây Ban Nha trung bình là 247,9 euro và ngay cả bên kia biển Manche: 125,4 euro.

Người Pháp có bao nhiêu may mắn để trúng lô tô? Có 1/14 triệu. Chơi ru-lét có 1/36, đen đỏ, sấp ngửa 1/2. Vậy thì không dễ làm ăn với loto. Ngay cả chơi theo lối tính toán của vua cờ bạc: cứ tăng lên mãi cho tới khi trúng hay sạt nghiệp? Chơi 3 euro, thua tăng gấp đôi thành 6 euro, thua nữa chơi gấp đôi 2x(6+3)=18 euro, thua nữa thành 2x(6+3+18)=54 euro... cũng không có gì bảo đảm là sẽ trúng trước khi hết tiền!

Vậy thì tiền đi đâu? Vào quỹ nhà nước vì nhà nước Pháp độc quyền vụ chơi trò đen đỏ này. Năm 2003, nhà nước thu được 4,6 tỉ euro trên số 32,3 tỉ đầu tư vào ngành này. Tính ra là 1,6% ngân sách quốc gia.

MARCHEZ!

Có tiền mua tiên cũng được nhưng... dường như không mua được sức khỏe. Muốn có sức khỏe, không những phải ăn trái cây, *chuyện biết rồi, khổ lắm*... mà còn phải biết *marchez*, đi bộ! Đó là điều cũ rích vừa được báo Pháp nhắc nhở. Mỗi ngày ít nhất phải ba mươi phút đi bộ, mà đi nhanh, theo công thức do bộ trưởng Y tế Jean-Francois Mattei đưa ra ngày đầu tuần.

Lý do: Ông Mattei cho rằng người Pháp đi bộ ít nên mập hơn bình thường. Và đó là một trong rất nhiều lý do làm cho qũy an ninh xã hội thâm thủng.

Jacques Lanzmann, nhà văn, viết lời nhạc nổi tiếng cũng là nổi tiếng về môn đi bộ này khen ông bộ trưởng nói có lý khi khuyên dân Pháp đi bộ. Để giảm stress, không có gì hay hơn bằng đi bộ! Vì đi bộ, chính là bắt đầu thở điều hòa. Và thở điều hòa là cần thiết cho thân thể.

Nhìn chung, trên thế giới có lẽ dân Mỹ ít đi bộ hơn hết ngoại trừ dân Mỹ ở Nữu Ước được coi là đi bộ nhanh nhất. Dân ở Luân Đôn, ở Paris cũng lội bộ nhiều nhưng không nhanh bằng, theo lời của chuyên viên đi bộ Lanzmann.

Loại thể thao này không tốn kém (một đôi giày cho tốt là đủ) nhưng lại cần môi trường sống thuận tiện. Tại Paris, đi bộ đêm ngày đều được nhưng tại Cali, có ai đi bộ ban đêm?

Ở PHÁP, CÓ ÁO CƯỚI MÀU ĐEN

Đây không phải là lần đầu nhưng mới nghe cũng thấy lạ. Cô dâu mặc áo cưới màu đen. Đúng ra, Christelle Demichel, 34 tuổi không mặc áo cưới mà mặc bộ tailleur màu đen, lòng vui sướng vì làm được điều mong cầu. Cô cầm bó hoa hồng màu vàng và cũng được thân thuộc, bạn bè rãi gạo trên người sau lễ cưới tại Nice, tuần trước.

Chừng 40 người sau đó kéo nhau tới một quán ăn gần nhà thờ để nổ những chai sâm banh có tên của tân lang và tân giai nhân. Mọi chuyện diễn ra êm xuôi, chỉ khác một điều: không có chú rể.

Nước Pháp cho phép làm đám cưới với người đã chết từ năm 1959 theo một thủ tục hơi lâu nhưng ai cũng làm được. Năm đó, đập Malpasset tại Fréjus vỡ, hằng trăm người bị chết chìm. Khi tổng thống De Gaulle tới thăm một tuần sau đó, một thiếu nữ tên là Irène Jodard xin ông được phép kết hôn với ý trung nhân vừa bị chết.

«Tôi hứa sẽ vì cô mà làm việc đó,» người ta cho biết De Gaulle đã trả lời như vậy. Quốc Hội đã ban hành luật vào năm sau.

Từ đó, muốn kết hôn với người đã chết phải làm các thủ tục như sau: Gởi đơn về phủ tổng thống, nơi đây sẽ chuyển qua bộ Tư pháp, bộ này đưa về biện lý thành phố của đương đơn. Nếu ông biện lý biết được rằng hai người này từng tính chuyện lấy nhau và gia đình hai bên đồng ý, đơn sẽ đi theo đường cũ trở về phủ tổng thống. Tổng thống ra nghị định cho phép làm đám cưới.

Trường hợp của Christelle Demichel, nghị định ra ngày 22.12, một năm sau khi Eric chết trên đường đi làm về vì một tài xế say rượu. Christelle chờ tới ngày 10.2 sinh nhật của người chết, 30 tuổi mới làm đám cưới.

Không có tuần trăng mật, Christelle, một cảnh sát viên của thành phố Nice, nghỉ mấy ngày, về Paris cùng bà mẹ chồng sau đó trở về tiếp tục làm việc với một cái tên mới.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

CỞI

Yêu nhau cởi áo cho nhau
Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay.

Bài ca dao quen thuộc này đã được phổ nhạc và hát lung tung phụ diễn với những màn cởi, nhất là trong các đám cưới. Cũng may là dân gian ngày xưa hiền lành, chỉ cởi toàn những thứ thuộc vòng ngoài, nếu không nhiều cô dâu sẽ bị lúng túng và nhiều chú rể có thể đứng tim vì bị những con mắt hai họ ăn cỗ trước mình.

Ngày nay, tôi e rằng tình hình không yên tĩnh như vậy. Yêu nhau, lắm chuyện lắm! Tới đâu thì tới. Lúc ngoảnh mặt nhìn lại thì... con ong đã tỏ đường đi lối về. Gặp những anh chàng họ khác thì may, gặp đúng anh chàng họ Sở thì anh ta qua màn hai liền. Từ cởi qua cỡi. Cỡi đây là cỡi ngựa thiệt phóng vù vù như gió.

Yêu rồi cởi, đã đành. Không yêu cũng cởi. Chuyện này liên quan đến các ông họa sĩ, mà tôi thì nhiều bạn họa sĩ lắm, các ông ấy mà mắng mỏ thì thật phiền. Vậy phải nói ngay rằng làm nghệ thuật là nghệ thuật. Con mắt các ông ấy nghiêm túc lắm. Thật mà coi như giả. Các cô người mẫu cứ yên tâm cởi. Không cởi mới sinh chuyện!

Chuyện như thế này. Một cô người mẫu khỏa thân tới xưởng vẽ của họa sĩ làm việc. Buổi sáng, họa sĩ đang uống cà phê (Ôn Đinh Cường nì, ôn hay uống cà phê, nhưng không phải chỉ vì uống cà phê mà đích thị là cái ông họa sĩ trong chuyện này đâu!) bèn bảo cô người mẫu.

" Còn sớm chán, cô ngồi uống với tôi một ly cà phê rồi mình làm việc sau."

Hai người đang uống cà phê, có tiếng chân đi lên thang gác, họa sĩ tái mặt vội bảo cô người mẫu.

" Cô cởi quần áo lẹ lên! Nhà tôi lên đó!"

Chẳng biết các bạn có biết tới nhiếp ảnh gia chuyên đi các thành phố lớn, kêu người ta ra đường khỏa thân cho ông chụp hình hay không? Tôi thì không nhớ được tên ông này (mà nhớ làm gì nhỉ?). Tới nơi nào ông cũng được hưởng ứng nhiệt liệt. Cần trăm người thì ngàn người đến. Cần ngàn người thì vài ngàn người đến. Bao giờ số người tới cũng nhiều hơn số người cần. Bữa ông tới thành phố Montréal này, thì trên một ngàn người đến theo tiếng gọi của nghệ thuật. Mọi người phải có mặt từ sáng sớm lúc người ta còn nằm trên giường trong một buổi sáng lạnh lẽo, tự cởi quần áo, nằm la liệt trên đường phố theo sự chỉ dẫn của ông. Tôi đã được coi những bức ảnh nghệ thuật này. Trông cứ như một bày heo bị cạo lông con ngửa tênh hênh, con chổng khu lên trời. Con đực con cái, rõ mồn một! Tiền nong gì đâu. Thích cởi thì rủ nhau ra cởi tập thể cho vui vậy thôi!

Cái tội của mấy anh đàn ông là có cặp mắt lé. Cái người đáng phải nhìn, chẳng nhìn, lại cứ thấp thỏm đi nhìn những người chẳng giây mơ rễ má gì với mình. Cặp mắt của các bà lại là cặp mắt của những người chăn dắt. Ra đường chẳng nhìn đường xá, chỉ nhìn vào cặp mắt ông chồng. Mà cặp mắt của các ông có làm gì cho cam. Họ chỉ đang giải đáp một thắc mắc về tâm lý.

Một ông than phiền với bạn.

"Kỳ lạ thật, vợ mình dù có mặc bất cứ một bộ đồ mới, kiểu lạ thế nào đi nữa thì mình cũng chẳng thấy gì khác lạ cả. Còn với những cô gái khác thì dù có mặc đồ cũ, mình cũng vẫn thấy mới lạ phải không?"

"Đúng vậy!"

"Có gì đâu! Nguyên nhân là khi ta đã biết rõ món hàng rồi thì dù có thay đổi lối gói hàng kiểu cách thế nào đi chăng nữa, ta cũng chẳng còn hồi hộp chờ mong gì thêm!"

Trong các bộ phận trên cơ thể người đàn ông, cặp mắt là bộ phận hư nhất. Nó hư là vì cái gọi là thời trang. Thời trang có cái tính sơ ý. Việc phải làm cứ lơ là không chịu làm. Quần áo để làm gì? Có tối dạ đến đâu cũng biết quần áo là để che đậy thân thể. Thời trang lại là anh tối dạ hạng nhất. Nó chẳng biết che chỗ nào, đậy chỗ nào nên lộn tùm lum lên. Các bà giận là phải. Giận nên tạo ra thời trang mới cho đã nư!

Một tối nọ, một bà không mặc gì hết trong phòng ngủ. Thấy lạ, ông chồng hỏi.

"Hôm nay bà làm sao thế, có bị bệnh tâm thần

không vậy?"

Bà ưỡn người ra.

"Ông không hiểu gì về thời trang hết! Đây là mốt áo ngủ mới nhất đấy!"

Ông chồng gật gù.

"Cũng được, nhưng nếu mà đem ủi nó sơ qua một chút thì có lẽ đỡ hơn!"

Chuyện cởi có lẽ tới đây có thể chấm dứt được rồi. Vì nó đã đi tới chỗ chẳng còn gì để cởi nữa. Nhưng chuyện cởi nó lạ lắm. Hồi sau mới lắm điều hay. Nhất là khi có dính vào tí tiền. Không phải là tiền còm đâu đấy nhé. Nói ra toàn hàng triệu không. Đầu sỏ là mấy ông thày cởi. Tôi không phải là độc giả của mấy tờ báo người lớn như *Playboy*, Hustler....(phải nói ngay ra vậy cho bảo đảm!) nên không biết tên mấy ông chủ báo thày cởi này. Thỉnh thoảng ngó lên TV, thấy quanh mấy ông lúc nào cũng có những em bé pưng pưng thơm phức vây kín chung quanh, thấy nổi máu ghen tị. Những em bé đắt giá đó, các ông, vốn là những người tốt bụng, nên chia sẻ với mọi người với cái giá dễ chịu lắm. Năm bẩy đồng gì đó (tôi không bao giờ mua nên không biết rõ!).

Ngày xưa, khi tờ *Playboy* còn một mình một chợ, chẳng phải cạnh tranh với ai cả nên nghệ thuật lắm. Hình ảnh toàn loại năm chục phần trăm. Đồi núi phương bắc thì rộn rã ánh đèn flash nhưng đồng ruộng phương nam vẫn màn che trướng rủ. Đồi nào ra đồi nấy. Núi đẹp một vẻ thiên nhiên. Thần thánh có ngó mắt qua cũng vẫn thánh thiện được như thường. Thế rồi cái thế giới chúng ta đang sống càng ngày càng quá quắt lắm. Được voi đòi tiên. Mà toàn thứ tiên nguyên thủy. Đồi núi cũng phô ra mà đồng ruộng cũng đẫm ánh mặt trời. Nhức nhối con mắt lắm! Vậy mà đã yên cho đâu. Mấy em người mẫu, tháng tháng phô ra, thì cũng thế thôi. Nhàm!

Mấy ông thày cởi là những nhà sáng tạo đầy... sáng tạo. Mà còn sành tâm lý nữa. Biết tính tình mấy anh đàn ông là tính tình... khoa học. Biết cái gì thì muốn biết tới nơi tới chốn, tới tận cùng ngóc ngách của vấn đề. Thế nên, chẳng cần phải là kiều nữ, chẳng cần phải là đồng ruộng núi đồi loại xịn, cứ bà nào cô nào nổi tiếng trên báo chí là các ông tới đòi cởi cho thiên hạ coi. Chuyện nghe như chẳng dễ. Đang là những nhân vật thời sự được báo chí ngày ngày nhắc tới, dễ gì cởi. Có họa là điên. Các ông thày cởi biết là chỉ có một thứ làm cho đàn bà nổi điên được: tiền! Cái gì cũng có giá cả. Đến mấy thứ đồ cà chớn bầy bán trong cửa hàng cũng còn có giá, huống chi mấy thứ xịn. Thứ xịn có giá của thứ xịn. Bao nhiêu? Tùy. Nhưng chắc chắn có giá. Cứ đúng giá là... ngã giá!

Điển hình là em Monica, người được báo chí thổi phồng lên tuy chỉ có mỗi cái tài là thổi kèn cho ông Tổng Thống thổi kèn saxophone. Tài cán hơn thì có chị Katarina Witts, ngôi sao trượt băng nghệ thuật người Đức. Tới giá là cởi. Còn người anh hùng của nước Mỹ trong chiến tranh Irak Jessica Lynch giá bao nhiêu?

Cô binh nhì Jessica này bỗng được Bộ Quốc Phòng Mỹ bơm lên thành một anh hùng. Đầu năm 2003, Jessica được điều qua Irak, xung vào Đại Đội Bảo Trì 507. Trên lý thuyết đây là một đơn vị hậu cần ở cuối đoàn xe tiếp liệu gồm tám ngàn chiếc dài một trăm dặm, một vị trí an toàn. Cái tích tắc tạo nên một anh hùng chỉ là một tích tắc rủi ro xảy ra vào ngày 23 tháng 3 năm 2003. Đội xe có binh nhì Jesssica đã chạy lạc đường ở thị trấn Wasiryah. Họ bị phục kích và cuộc chạm súng đã diễn ra ác liệt suốt một ngày. Những người chạy đều bị bắn chết, những người chống trả bị bắt và nữ chiến sĩ Jesssica đã anh dũng chiến đấu tới giờ phút cuối cùng. Quân đội Hoa Kỳ đang nóng lòng muốn có được một anh hùng cho cuộc chiến bèn đội vòng hào quang cho Jessica, người đã chiến đấu anh dũng cho tới khi bị bắt với thương tích cùng mình. Cuộc giải thoát Jessica khỏi một bệnh viện của Irak sau đó gay cấn như một phim trinh thám là một dịp tốt để quân đội Mỹ làm ồn ào cả thế giới. Cuốn phim truyền hình *Saving Jessica Lynch* do đài NBC thực hiện với nữ tài tử Regan được chiếu trong dịp lễ Tạ Ơn vừa qua đã bốc tên tuổi Jesssica lên tới trời xanh. Cả thế giới ngẩn ngơ trước hình ảnh cô gái nhỏ của thị trấn Palestine nhỏ bé. Riêng mấy ông thầy cởi không ngẩn ngơ. Đầu óc họ làm việc ngay. Cởi được em này thì hốt bạc triệu dễ như lấy đồ trong túi.

Ông thày Larry Flynt, chủ báo Hustler, chớp ngay được thời cơ. Ông đã có trong tay những tấm hình Jessica trăm phần trăm. Ông mua được những tấm hình này với giá bao nhiêu? Ông lắc đầu không nói. Ông đã có ý định phổ biến những tấm hình hốt bạc này nhưng ông đã nghĩ lại thấy không nên làm hỏng hình ảnh một anh hùng của nước Mỹ, một Jeanne d'Arc thời nay!

Jessica có phải là một anh hùng không? Trong cuốn hồi ký bạc triệu *I Am A Soldier, Too* mới được tung ra thị trường bán đắt như tôm tươi, Jessica đã lắc đầu không nhận mình là một anh

hùng. Trong một cuộc phỏng vấn truyền hình cô đã thành thật xác nhận: " Họ (quân đội Mỹ) đã lợi dụng tôi để tuyên truyền. Tôi không muốn hưởng những gì mình không làm." Cô đã chẳng chiến đấu chiến điếc gì hết, súng của cô bị kẹt đạn ngay từ những giây phút đầu tiên của trận chiến, cô không bắn được lấy một viên đạn! Những gì cô còn nhớ được là đã sụm xuống và cầu nguyện.

Jesssica đã hiên ngang từ chối làm người hùng của nước Mỹ. Cô đúng là một người can đảm. Bạn có muốn nhìn rõ đường tơ kẽ tóc của người can đảm này thì hãy chuẩn bị tiền sẵn để mua báo Hustler. Giá bao nhiêu? Tôi không biết (đã bảo là tôi không phải độc giả của tờ báo này mà!).

Bạn tôi, ông Luân Hoán, thấy ông Larry Flynt múa cũng múa. Ông Larry lót tay bằng đô la để cởi, bạn tôi cởi bằng thứ mà bạn tôi rất giàu có: thơ!

với thân thơm suối thơm đồi
xin em dành một cõi ngồi tôi riêng
một mình tôi được ưu tiên
một mình tôi đủ thẩm quyền nhớ nhung
sẽ chạm tình dọc sống lưng
sẽ khắc thơ giữa hồng trung chánh tòa
cho em mặc sức trổ hoa
bốn mùa vĩnh viễn đều là mùa xuân
em tha hồ cởi áo quần
ngâm mình giữa cõi nhớ nhung sinh tồn
câu thơ lục bát dẫu mòn
vẫn còn thơm ngát lũng cồn nữ vương

Mà này, sao cứ nhè phụ nữ mà cởi? Xem ra bất công quá chừng chừng. Cởi các ông một chút cho vui. Nghe ra khó vui quá! Thây kệ, không vui cũng cởi. Cho có nếp có tẻ.

Nhà sắp có khách, bà vợ tay chống nạnh hất hàm hỏi ông chồng.

"Bộ ông định mặc quần đùi để tiếp khách hay sao vậy?"

Ông chồng hậm hực.

"Phải, tôi muốn mọi người đều biết bà đã nuôi tôi như thế nào!"

Bà vợ không phải tay vừa.

"Được! Nếu vậy ông hãy cởi luôn cái quần đùi ra đi, để cho họ thấy là ông có đáng để nuôi hay không!"

12/2003

TAI

Tai là một bộ phận xoàng xĩnh nằm trong một vị thế cheo leo nguy hiểm. *Chẳng phải đầu cũng phải tai.* Cái đầu to thế mà tránh để cho cái tai nho nhỏ gánh chịu. Vậy mà người ta vẫn chỉ để ý đến cái đầu và đoạn nối dài của cái đầu là cái mặt. Cặp tai toòng teng hai bên mặt hầu như bị bỏ quên không được kể vào quần thể những bộ phận trên mặt. Mấy ông nhà thơ thì lại còn quên bạo hơn nữa.

Má còn làm thẹn hoa đào?
Mắt còn làm nhạt ngàn sao trên trời?
Tóc còn xanh thuở đôi mươi?
Lòng còn vui thuở hoa cười ước mơ?

Nhớ về người yêu cũ, hỏi rối rít hầu hết các bộ phận trên mặt nhưng nhà thơ Tạ Ký lại làm lơ với đôi tai người yêu. Má hồng, mắt biếc, mi cong, mày phượng, miệng hoa. Từng ấy bộ phận chia nhau tất cả các mỹ từ xưng tụng, có dành cho đôi tai được một chữ nào đâu!

Tạ Ký làm thơ nên chắc lơ mơ như mọi thi sĩ khác. Đỗ Kh. cũng làm thơ nhưng ông này rõ ràng lắm. Ông gọi chỗ nào ra chỗ nấy, đố có lầm được. Ông vốn có khiếu về các bộ phận trên thân thể con người. Coi nào, thử xem ông có cho đôi tai một cơ hội nào không?

Ai mà nhớ nổi em làm sao
Kiểu tóc lần chót là kiểu nào
Ai mà nhớ nổi lần cuối gặp
Cái miệng em tròn hay nó méo
Cái miệng em cười hay nó mếu
Cái miệng của em như cái thuyền
Bấp bênh trên một hồ nhân tạo
Mỡ dầu.

Nói lắp về cái miệng đôi ba lần xong, ông rủ em Linda đi tuốt xuống miệt Cà Mau đất lành chim đậu, để lại đôi tai bơ vơ buồn tủi. Chỉ có một điều an ủi là cái mũi cũng cùng chung số phận, cả hai ông thi sĩ đều chẳng bố thí một dòng thơ cho cái mũi! Họa sĩ Thái Tuấn còn chê chiếc mũi tận tình hơn nữa. Các cô thiếu nữ trong tranh của ông chẳng cô nào được ông sắm cho một chiếc mũi cả. Chỗ của chiếc mũi ông làm lơ không thèm ban cho một nét. Vậy mà xem tranh ông, nếu không để ý thì chẳng thấy thiếu gì cả. Tài tình là ở chỗ đó. Chiếc mũi, tuy vậy, còn được ca tụng đó đây là mũi dọc dừa chẳng hạn. Tai thì chịu thua. Lại còn bị mắng bằng những chữ khó nghe nữa. *Đồ cụp tai! Tai điếc hay sao vậy? Nói nghe ngứa cả tai!* Ngứa tai là bệnh nghe những lời nói của những người ngứa mồm. Cũng như thối tai là bệnh nghe những lời nói của những người thối mồm.

Cái tai, cuối cùng, chỉ có chút an ủi là được nhắc tới trong các sách giáo dục sinh lý, như là một chỗ nhậy cảm trong các hoạt động trên giường.

Hai vợ chồng già cãi cọ với nhau về chuyện ai sướng nhiều hơn ai trong hôn nhân. Đến khi sắp đuối lý, ông chồng trở ngược tình thế bằng câu hỏi.

"Đã bao giờ bà bị ngứa lỗ tai chưa?"

"Thỉnh thoảng, nhưng có liên quan gì đến vấn đề này đâu?"

"Ậy, từ từ, thế bà làm thế nào cho khỏi ngứa?"

"Thì tui ngoáy tai bằng cái ngoáy tai!"

"Vậy chứ, tôi hỏi bà, lúc ấy thì cái ngoáy tai nó sướng hay lỗ tai bà sướng?"

Cái tai, xem ra như vô dụng. Bỏ quách nó đi được chăng? Không được! Ông nội trợ khoát tay (cái tai có bơi theo không nhỉ?). Bỏ đi thì lúc tay làm bếp lỡ bị nóng lấy cái gì nắm vào để giải nhiệt? Ông thầy tướng số lắc đầu (cái tai có lắc theo không nhỉ?). Không có tai thì làm sao coi được tướng thọ hay yểu? Ông thầy giáo cũng quắc mắt (cái tai có vểnh lên theo không nhỉ?). Không có tai lấy gì để nhéo khi học trò phá phách nghịch ngợm? Mấy bà mấy cô la bai bải (cái tai có bịt lại không nhỉ?). Không được, bộ muốn tụi tôi vứt mấy đôi bông tai đi đâu?

Bông tai? Cái tai cuối cùng cũng có chút duyên dáng. Nhưng đó là thứ duyên dáng nguy hiểm. Tác giả cuốn Canh Dưỡng Sinh (sách gối đầu giường của người Việt hải ngoại?), khoa học gia Lập Thạch Hòa, đã làm tới bốn thí nghiệm về bông tai. Đeo khoen với vàng 3 carat vào hai tai của con dơi, nó không thể bay lên được. Đeo khoen vào tai con chuột, nó chạy vòng vòng không biết phương hướng. Đeo khoen vào con rắn, con rắn không thể bò thẳng tới, giống như là khúc gỗ vậy. Đeo khoen vào tai con chó hoặc con mèo, không bao lâu con vật sẽ chết.

Tại sao vậy? Khoa học gia Lập Thạch Hòa giải thích. Các loại động vật sinh sống trong trạng thái thiên nhiên rất nhậy cảm với các chất kim loại, nên sanh ra các phản ứng tác hại. Cơ thể con người thường phát ra một dòng điện rất thấp. Dòng điện này xuyên qua lớp da truyền đạt qua thần kinh, mang những mệnh lệnh phát ra từ não bộ phân phát đi khắp các cơ tạng trong cơ thể. Vì thế lớp da đóng vai trò truyền đạt điện từ của thần kinh rất quan trọng. Đeo nhiều nữ trang sẽ gây cản trở đường chuyển vận dòng điện nên có thể xảy ra các trường hợp phát điện bất thình lình và tùy tiện lúc nào cũng được. Một khi tế bào ác tính biến thành bướu ung thư, não bộ phát mệnh lệnh cho các bạch huyết cầu và tế bào lành hình chữ T tấn công các tế bào độc đó. Nhưng vì đeo nhiều vàng quá, thành ra sự truyền lệnh phản công bị gián đoạn, nên thua trận. Vì thế những bệnh nan y như ung thư nhũ hoa, ung thư tử cung rất dễ xảy ra cho các phụ nữ thường đeo nhiều trang sức bằng kim loại. Tổng số các bệnh nhân mắc phải bệnh này hàng năm gia tăng gấp hai lần nhiều hơn những người không đeo nữ trang. Mặt khác, những phụ nữ đeo nữ trang mắc bệnh lú lẫn cũng càng ngày càng gia tăng.

Cho nên, đeo nhiều vòng vàng trên cơ thể không có ích lợi gì cho sức khỏe!

Nếu khoa học gia Lập Thạch Hòa, ngoài nữ trang bằng vàng, nói thêm vào cả kim cương hột xoàn thì quý hóa biết bao!

Tôi không phải là khoa học gia nhưng cũng thấy được một điểm là càng đeo bông tai lớn con người càng trì trệ. Cái gì lớn mà chẳng nặng! Bằng chứng là các phụ nữ Thượng đeo bông tai đến căng cả tai nên ít mở mang hơn các phụ nữ đeo bông tai nhỏ là các bà các cô văn minh có hạng, son phấn ngất trời!

Cái tai luôn luôn có một phần số hẩm hiu. Được có mỗi một việc duyên dáng là cõng đôi bông tai mà ngày nay, cái công việc tưởng như độc quyền này cũng đã bị cạnh tranh quyết liệt. Chẳng cứ gì tai, các bà các cô ngày nay chỗ nào mà chẳng đeo bông đeo khoen được. Trên trán, lông mày, mí mắt, lỗ mũi, đôi môi, cằm, xuống tới nhũ hoa, lỗ rốn và xuống sâu hơn nữa! Một bà ở Ba Tây vừa được ghi vào sách kỷ lục Guinness vì đã đeo trên khắp người tới gần hai ngàn khoen!

Ông bạn tôi, nhà thơ Hoàng Xuân Sơn, vốn là người rất nhậy cảm, thơ liền.

Những chiếc khoen trên mũi trên môi trên ngàn ngàn rốn
lóng xương cụt ngoẹo đầu hôn vết xâm
đêm hôn một khoảng da trời nguyệt bạch
mơn mởn xanh ngày ruồi chân nằm

Tôi có một ông bạn đồng sự người Haiti rất vui tính, đạo đức và dí dỏm. Có một lần, ông đọc báo thấy có một bài phóng sự về chữ trinh của các tiểu thư ngày nay, bèn than thở: " Cái giống trinh nữ ngày nay đã tuyệt chủng rồi!" Chuyện thường ngày, chẳng ai thèm để ý tới nữa. Tôi ầu ơ với ông cho phải phép. Nhưng ông không bỏ qua. Ông bảo ở quê hương ông, cô gái nào trước khi về nhà chồng mà léng phéng trước thì, sau đêm

tân hôn, bên nhà trai sẽ gửi về bên nhà gái một cái bánh. Cái bánh này có hình thù như hai bàn tay khum khum úp vào nhau, ở giữa có một khe hở. Thế là rồi đời cái danh giá của cả họ nhà cô dâu!

Nghe câu chuyện hấp dẫn, tôi hứng chí cho ông biết là ở Việt Nam chúng ta, cũng có một cách tố cáo về sự mất mát cái ngàn vàng tương tự như vậy. Nhưng chúng ta dùng một thứ khác: cái tai heo quay! Nhà trai sẽ gửi về cho nhà gái, vào ngày nhị hỉ, cái đầu heo đã bị xẻo tai.

Tôi vừa dứt lời, ông bạn đen như than của tôi toác miệng cười. Không hiểu cái bánh khum khum có đường rãnh của nước tớ và cái tai heo của nước đằng ấy, cái nào có lý hơn nhỉ? Tôi không muốn trả lời ông bạn nhưng trong bụng vẫn nghĩ là cái tai heo nó lắt léo và sâu sắc hơn là cái chắc!

À, thế ra tẩm ngẩm tầm ngầm như cái tai, cuối cùng, cũng nói lên được một điều gì đấy chứ. Nhưng đây là cái tai heo! Rõ phiền!

01/2004

ĐŨA

Dù tự ái dân tộc có nở lớn đến thế nào đi chăng nữa, tôi cũng chẳng thể nói đũa là thứ quốc hồn quốc túy của đất nước ta. Chung quanh chúng ta, người Hoa, người Nhật, người Cao Ly... cũng dùng đũa. Nhưng đi vào nếp sống văn hóa của dân Việt Nam thì đũa có lẽ là một vị khách quý. *Vợ đũa cả nắm. Đũa mốc đòi chòi mâm son.* Những câu tục ngữ đã nâng cấp cho đôi đũa lên hàng ẩn dụ tinh thần. Tôi vừa nhặt được trong cuốn tiểu thuyết *Phố* của nhà văn Chu Lai một từ Hà Nội: *Bánh mì đũa cả.*

Đời sống tình cảm của người dân Việt trong ca dao cũng dính vào đôi đũa khá nhiều.

Tôi đã bảo mẹ rằng đừng
Mẹ hấm mẹ hứ mẹ bưng ngay vào
Bây giờ chồng thấp vợ cao
Như đôi đũa lệch so sao cho vừa.

Đũa lệch thì nản chết. Nó gợi lên một sự so le thảm thương. Lệch nhau cũng hình dung bằng đôi đũa, bằng nhau khít khao cũng đũa một đôi.

Đôi ta như đũa trong kho
Không tề, không tiện, không so cũng bằng.

Đũa mốc không được nằm trên mâm sơn. Trèo cao quá coi không được mắt. Phải ngang hàng với nhau, xứng hợp với nhau, con mắt mới vừa.

Đôi ta là bạn thong dong
Như đôi đũa ngọc nằm trên mâm vàng
Bởi chưng thày mẹ nói ngang
Cho nên đũa ngọc, mâm vàng xa nhau.

Vui cũng đũa, buồn cũng đũa, trách móc cũng đũa. Đũa dính vào cái ăn nên đũa cũng nằm dềnh dang trong đầu. Cứ nghĩ tới đôi tới cặp, người Việt chúng ta nghĩ ngay đến đũa. Nghĩ tới nữa, bàn tay cầm đũa còn mách bảo tính tình, tư cách của người cầm đũa. Có những ngón tay khéo léo tháp vào đôi đũa như ngàn đời ăn ý với nhau đẹp thùy mị như một bức tranh, có những ngón tay xuôi nhịp nhàng theo đũa chân thật như canh với cà. Nhưng cũng có những ngón tay cứng cáp dằn vặt như đanh đá hành hạ đôi đũa, có những ngón tay vụng về e dè xoay xoay lưỡng lự như ngượng nghịu với đũa. Và nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên đã vẽ ra đôi tay bối rối tập tành biết yêu như tập tành cầm đũa.

tình mới lớn, phải không em, rất mỏng?
cách tập tành nào cũng dễ hư hao
thuở đầu đời cầm đũa thấp cao
và nâng chén, dĩ nhiên, đổ vỡ

Chúng ta sinh ra hình như đã biết cầm đũa. Không biết thì... đói. Chúng ta cầm đũa tự nhiên, như thở. Nhưng, trong tiệm ăn, thấy tây đầm cầm đũa hẩy hẩy thức ăn lên miệng mới biết cầm đũa chẳng phải là chuyện dễ. Huống chi cầm đũa cho đẹp, cho quý phái, cho ra dòng ra giống. Nhưng cái lọng cọng của đôi đũa trong những bàn tay chuối mắn của tây đầm cộng với những đôi mắt xanh ánh lên nét hào hứng như đang tham dự vào một trò chơi thích thú thấy cũng có nét dễ thương. Cái dễ thương mà chúng ta cảm thấy một cách kẻ cả, như một đấu thủ thuộc hạng chuyên nghiệp nhìn xuống một đấu thủ mới tập tễnh ra lò. Nó như một thứ... tự hào dân tộc!

Không biết có phải vì vụng về trong việc điều khiển đôi đũa nhiều thách đố hay không mà mới đây các nhà khoa học Mỹ thuộc trường Y Khoa của Đại Học Boston đã làm một cuộc nghiên cứu để... kết tội đôi đũa. Cuộc nghiên cứu được thực hiện ở Bắc Kinh, thủ đô của Trung Quốc. Họ đã phỏng vấn 2507 cư dân 60 tuổi, được lựa chọn một cách tình cờ. Họ hỏi những người này về thói quen cầm đũa tay trái hay tay phải, nghiên cứu cách họ cầm đũa và chụp quang tuyến X xương ngón tay. Họ đi đến kết luận là chứng viêm khớp xương xảy ra nhiều hơn ở những bàn tay

cầm đũa, đặc biệt là ngón cái và các đốt xương thứ nhì và thứ ba của ngón trỏ và ngón giữa. Trưởng đoàn nghiên cứu, bác sĩ David Hunter, đã ghi trong bản báo cáo: " Cuộc nghiên cứu này đưa ra giả thuyết là những đôi đũa có thể giữ một vai trò trong việc phát triển của chứng viêm khớp xương tay."

Đụng tới đôi đũa, mệt lắm! Kết luận của bản nghiên cứu vừa được công bố, dân Bắc kinh nhẩy lên liền. Cô hầu bàn Niu của một tiệm ăn ở Bắc Kinh lắc đầu. *Viêm khớp xương? Do đũa? Làm gì có chuyện đó!... Đũa làm cho bàn tay mạnh hơn và làm săn chắc các bắp thịt thì có!* Bác sĩ Cao Li, một y sĩ chuyên về xương của bệnh viện Xuanwu, một nơi chữa trị vừa bằng phương pháp cổ truyền vừa bằng y học Tây Phương, cũng giận dữ không kém. *Vớ vẩn! Tôi đã làm việc ở đây nhiều năm và chưa hề thấy một ca viêm khớp xương nào liên hệ đến việc cầm đũa!* Yang Joanping, người suốt đời chưa bao giờ dùng nĩa, đã gay gắt. *Tôi đi bằng chân từ bé đến giờ. Vậy có phải vì thế mà chân tôi bị viêm khớp xương hay sao? Tôi nhai bằng miệng từ thuở cha sinh mẹ đẻ tới giờ. Như vậy phải chăng miệng tôi bị viêm khớp xương? Tay tôi ấy à, chẳng sao cả!*

Đối với dân chúng Bắc Kinh, không có vấn đề viêm khớp xương vì tay cầm đũa, nhưng đũa quả có vấn đề từ khi bệnh SARS bột phát và hoành hành mạnh mẽ tại Trung Quốc. Đó là vấn đề vệ sinh công cộng trong khi dùng đũa.

Trong một cuốn Chỉ Nam về bệnh SARS của Bệnh Viện Gia Đình Đoàn Kết đã khuyên như sau: " Không nên dùng đũa gắp thức ăn trong đĩa đựng thức ăn chung. Hãy dùng muỗng để múc thức ăn vào chén cá nhân."

Đụng đũa vào đĩa thức ăn chung trên bàn quả có vấn đề về vệ sinh. Nước miếng của người này dính qua người kia có thể dễ dàng truyền bệnh, nhất là những bệnh truyền nhiễm. Ở Việt Nam, có một thời, người ta đã hô hào cho việc dùng đũa hai đầu. Một đầu và thức ăn vào miệng, một đầu gắp thức ăn từ đĩa chung trên bàn vào chén cá nhân. Lối "múa đũa" như vậy tuy có công hiệu ngăn ngừa lan lây bệnh tật nhưng khá bất tiện và dễ quên lộn. Vì vậy, lối dùng đũa cải cách này đã bị mai một đi.

Ăn cơm chung mâm trong gia đình với nhau, dùng đũa vọc vào những đĩa xào, những tô canh, những chén nước mắm xem ra dễ chấp nhận vì những thành viên trong gia đình với nhau, cùng chung một huyết thống, lại biết rõ sức khỏe của nhau. Nhưng chung đụng một mâm với những người lạ, việc chọc đũa vào đĩa thức ăn chung dễ gây ra... lợm giọng! Tôi có một kinh nghiệm không dễ chịu mấy khi tham dự vào một tua du lịch tại Việt Nam cách đây hai năm. Ăn chung bàn với vợ chồng tôi là một cặp vợ chồng già nói chuyện rất thật thà và hiền hậu. Ông chồng là người ăn uống vô cùng nhanh nhẹn. Đôi đũa trên tay ông chạy qua lại như những đường quyền đẹp mắt. Chỉ loáng một cái, tô canh đã đục ngầu, chén nước mắm đã lềnh bềnh những hạt cơm, đĩa cá đã lấm tấm trắng xóa. Vợ chồng tôi ăn xong chén cơm không nhạt nhẽo rồi xin phép đứng dậy. Dĩ nhiên với cái bụng còn lép kẹp. Phải lựa chữ lựa lời nói một câu chuyện khó nói với anh hướng dẫn viên. Bữa cơm kế, chúng tôi mới được chuyển qua bàn khác và mỗi người một chén nước chấm riêng!

Đũa trong bàn ăn, chuyện thường. Đũa đi lạc ra ngoài bàn ăn mới gây ra những chuyện dở khóc dở cười. Nhà văn Thế Uyên, trong cuốn *Những Người Đã Qua II*, đã kể về một cách dùng đũa khá bất ngờ. Tác giả đã ghi lại nguyên văn như sau, nơi trang 35, chuyện nghe được tại đàm trường của nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh tại Saigon. *Trong một buổi khác, đề tài xoay về vấn đề Khổng Giáo trách nhiệm đến mức độ nào trong việc áp đặt một thứ thanh giáo lên văn hóa truyền thống vốn quân bình về love&sex của dân lạc Việt, NĐQ đã kể lại chuyện một hủ nho bạn của ông bố ông đã coi việc giao hợp giữa vợ chồng chỉ hoàn toàn thuần túy có ý nghĩa truyền chủng, tránh cảnh "bất hiếu hữu tam vô hậu vi đại." Ông này, đến ngày lành tháng tốt, lựa một đôi đũa tre mới tinh đặt trên một bát nước mưa đặt trên bàn thờ tổ tiên, ông khấn vái xong là đuổi tất cả mọi người trong nhà già trẻ lớn bé ra ngoài đồng hết, xong xuôi ông mới gọi bà vợ vô buồng. Vì cho dương vật là dơ dáy tội lỗi nên ông dùng đôi đũa tre đã cúng trước gia tiên ấy để gắp và hướng dẫn cái đó của ông nhập cung... NĐQ kể đến đây thì "quần hào" ồn ào không tin nhưng NĐQ khẳng định là chuyện có thật vì chính ông đã chứng kiến cảnh bà vợ thẹn đỏ mặt tía tai mỗi khi ông chồng bưng chén nước mưa trên gác đôi đũa tre đặt lên bàn thờ...*

Đũa mà đến thế thời thôi!

01/2004

Điêu khắc gia Mai Chửng
1940-2001

Vài điều về điêu khắc gia MAI CHỬNG

HUỲNH HỮU ỦY

Chúng ta vừa sống qua một thời kỳ rất đặc biệt của lịch sử, với nhiều tan vỡ, mất mát. Đất nước ta trong quá khứ, cũng đã từng gánh chịu biết bao tang thương, nhưng cái thời vừa qua đúng là một thời đổi đời mất mát vô kể. Có nhiều điều, nếu có thể được, chúng ta cần ghi chép lại cho kịp thời, bởi vì nếu không thì về sau chẳng còn ai biết đến nữa. Chúng ta cần để lại những kỷ niệm và vốn liếng cho hậu thế. Cách đây vài năm, khi Nghiêu Đề và Mai Chửng còn khỏe, khoảng 1995-1996, hai anh đến thăm tôi và ngỏ ý muốn thực hiện một cuộc video tài liệu về Nhóm *Hội Họa Sĩ Trẻ*, cũng chính là với ý cố giữ gìn lại đôi chút dấu tích. Mai Chửng đề nghị tôi viết lời diễn giảng cho cuộn băng tài liệu ấy. Về *Hội Họa Sĩ Trẻ*, tôi cũng đã có nhiều dịp đề cập đến, có lẽ đã viết kỹ lưỡng về hầu hết các họa sĩ trong nhóm này, nhưng riêng về Mai Chửng thì lại chưa viết đến. Hôm nay, bỗng dưng nghĩ đến anh nên tôi ngồi xuống bàn viết ghi lại đôi điều này, là những điều đáng lẽ đã phải viết từ lâu mà cứ chần chờ mãi.

Mai Chửng là một tài năng điêu khắc rất đặc biệt của miền Nam trước đây, đã có những tác phẩm rất mới, rất lạ, đầy tính sáng tạo, vậy mà hiện nay kiểm kê lại thì cũng chẳng còn gì cả. Khi Mai Chửng qua đời vào tháng 9 năm 2001, bạn hữu và những người quen biết có gặp nhau trong một buổi lễ tưởng niệm ở phòng sinh hoạt *Người Việt*, Little Saigon. Vào dịp này, Nguyễn Phước từ Minnesota có gửi về một bài viết ngắn đọc giữa buổi lễ. Mấy dòng tưởng niệm Mai Chửng của Nguyễn Phước đã giúp chúng ta hồi tưởng được khá nhiều nét về Mai Chửng rất sống động. Nguyễn Phước viết:

"Tôi làm việc dưới tầng hầm yên tĩnh, dù ngoài trời có mưa to hay bão tuyết, tôi cũng thấy nơi này đầy bình an. Khi không làm việc được tôi thường miên man suy nghĩ về tranh, tượng và bạn bè. Những người đã thành công vang dội và những người như nhỡ mang cái nghiệp vào mình không dứt ra được. Tôi đã nghĩ đến Mai Chửng.

Mai Chửng ít lời, hay nhìn thẳng vào sự bất hạnh cay đắng và hay giễu cợt với nó.

Anh đã một thời là Chủ tịch Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam, trước khi hội này tan rã theo vận mệnh đất nước từ 1975. Ít ai biết đến anh đã âm thầm làm việc, ôm ấp một khối lượng công việc đồ sộ, làm trăm năm vẫn chưa hết. Khi mới biết anh bắt đầu làm việc, chỉ sau vài tháng gặp lại, tôi đã thấy vô số tượng bày chung quanh xưởng. Tượng của anh rất hoàn chỉnh và có chiều sâu. Một sức

sáng tác mãnh liệt.

Giữa xưởng ngổn ngang những đồ đạc dụng cụ. Tôi đã giúp anh đóng gói vô thùng một số tượng để gửi đi triển lãm, và tôi đã thấy được ở anh nỗi hân hoan hài lòng. Anh nhìn những bức tượng nằm gọn trong thùng giống như một bà mẹ nhìn những đứa con mình sinh ra. Giờ này nghĩ lại tôi mới cảm nhận được Mai Chửng và những tác phẩm của anh là một..."

Hãy nối kết những hồi tưởng trên của Nguyễn Phước với đôi lời giản dị của chính Mai Chửng về mình, là lời phát biểu trong cuộc triển lãm chung với Nhóm *Hội Họa Sĩ Trẻ* năm 1969 ở cơ sở Pháp Văn Đồng Minh Hội trên đường Gia Long, nơi khu phố gần Nhà Bưu Điện Trung Ương, và chỉ cách Nhà thờ Đức Bà vài bước. "Ngày hai buổi đến sở làm, thời gian còn lại rảnh rỗi không biết làm gì, lúc thì ở nhà nghe nhạc, sơn lại cái cửa, quét lại đám mạng nhện trên trần hoặc sửa chiếc xe cho khỏi chết máy dọc đường. Khi thì đi rong ngoài phố nhìn thiên hạ, lục tìm một đĩa nhạc cũ. Rồi những công việc lặt vặt đó lâu cũng hết, cũng chán. Nhất là ban đêm có khi mất ngủ, dậy bật đèn, thấy chân tay dư thừa. Sẵn có cái kềm, cái búa, cái đục, cái bay, táy máy muốn làm ra cái này cái nọ. Nhưng khổ thay, không dễ dàng như sửa chiếc xe, sơn cái cửa... Mười lần vào việc thì có đến hơn chín lần chẳng làm nên hình. Trước cũng như sau đó không biết sẽ làm thế nào và đã làm được cái gì..." (In trong vựng tập Triển Lãm). Cũng như thế, Mai Chửng đã nói với Nguyễn Văn Nam, một nhà điêu khắc trẻ và là học trò cũ của anh: "Tôi làm tượng rất đơn giản, chỉ cần đất sét, một cây đập đất, một con dao làm bếp, đơn giản thế thôi!" (1).

Tôi luôn luôn bị hấp dẫn vì những lời lẽ đơn giản, đặc biệt là những lời đơn giản trôi ra từ miệng lưỡi của những cái đầu lớn, của những cuộc đời đã đạt được nhiều thành tựu đặc biệt, đã cống hiến nhiều công trình sáng tạo cho thế giới chung quanh. Cho nên suốt hơn 30 năm qua, mỗi lần nghĩ đến Mai Chửng, tôi thường cảm thấy rất gần gũi với những lời lẽ ấy. Mai Chửng làm việc nhiều mà ít nói, giản dị và cởi mở, nhưng luôn luôn là một cái gì rất mới và rất vững chắc kể từ những ngày đầu tiên vào học Trường Mỹ Thuật ở Huế cuối thập niên 50 đầu 60, cho đến cuối đời vào năm 2001.

Khi trải qua những ngày học tập ở trường mỹ thuật, mặc dù vẫn phải bị ràng buộc vào những nghiên cứu căn bản nhất mà nhà trường đòi hỏi, Mai Chửng đã luôn để lộ ra khuynh hướng muốn đi tìm những hình thái và nhịp điệu của một ngôn ngữ mới, phù hợp với những đổi mới điêu khắc đang chuyển động ở nhiều nơi trên thế giới. Lấy thử một thí dụ về một tác phẩm của anh trong thời kỳ này. Tượng *Chim* đắp bằng thạch cao của anh đã là dấu hiệu báo trước về con đường của một nhà điêu khắc hiện đại tài năng. Con chim được cách điệu trong sự tạo hình trừu tượng, nhưng cùng lúc vẫn còn muốn quay đầu nhìn lại với hiện thực, nên có vẻ gì chất phác, ngô nghê rất thơ mộng. Con chim ấy dễ làm cho người xem nghĩ đến con chim dân gian nơi những đồ chơi bằng đất nung, hay con chim xếp bằng giấy cho trẻ con chơi, hay con chim nơi các cửa hàng vàng mã. Mai Chửng cũng có cái may là gặp được người thầy là một nhà điêu khắc trẻ vừa từ Pháp trở về - điêu khắc gia Lê Ngọc Huệ - nhờ thế mà Mai Chửng như có một chiếc cầu nối để bước vào những quan niệm mới mẻ nhất của thời đại. Vào thời kỳ còn học ở Huế, Mai Chửng đã phụ giúp nhiều cho nhà điêu khắc Lê Ngọc Huệ trong việc xây dựng một số tượng tôn giáo trong khuôn viên nhà thờ La Vang, gần thị xã Quảng Trị, khi ngôi nhà thờ này được đại trùng tu và phát triển vào những ngày vinh quang nhất dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa.

Nếu nói đến một nhà điêu khắc Việt Nam đã tạo được những dấu ấn hiện đại nhất thì người ấy chính là Mai Chửng. Nguyễn Trung cho rằng nghệ thuật của Mai Chửng là một phát triển vững chắc do ảnh hưởng tiếp nhận từ hai nguồn chính: Thứ nhất, là nhà điêu khắc người Anh Henry Moore (1898-1986), khoảng trước năm 1968, dấu vết cuối cùng là tượng Chị Em tại Thương Xá Tam Đa, Quận I, Sàigòn; nguồn ảnh hưởng thứ nhì là nhà điêu khắc Hung Gia Lợi Zoltán Kemeny (1907-1965), với các mảnh vụn đồng, đuôi đạn để hàn ghép thành tranh nổi (tableeu en-relief) ở Thương Xá Tam Đa (2). Tương tự với bức tranh đắp nổi, hàn ghép bằng đồng mà Nguyễn Trung đề cập đến, chúng ta có thể nhắc đến tác phẩm Chiến Tranh, theo cùng cách thức và thể điệu như thế, cũng đặt ở Thương Xá Tam Đa. Tác phẩm này thực hiện chung với nhà điêu khắc Dương Văn Hùng, có sự góp công của thợ hàn Nguyễn Cư. Dương Văn Hùng còn nhớ là công trình điêu khắc đắp nổi này có bề ngang khoảng 3 thước, chiều cao 1.70m và chiều dày khoảng 2 tấc.

Đối chiếu những công trình của Mai Chửng và Henry Moore, chúng ta thấy Mai Chửng có

học tập Henry Moore trong cách nhìn phá thể, tinh lọc thành những nét thô kệch, hoang dại, như chính Henry Moore đã vượt ra khỏi truyền thống điêu khắc Âu Châu mà đến gần với các nền nghệ thuật hoang sơ khác của Phi châu, Mỹ châu, Châu Đại Dương, với rất nhiều đường nét và bóng dáng mạnh mẽ được tiếp thu từ Ai Cập cổ đại hay Babylonia. Nhưng Mai Chửng không phải chỉ là như vậy; tính cách chính yếu trong điêu khắc của anh là biểu lộ của một đà sống mạnh mẽ, một sức sống ngồn ngộn, tràn đầy và tuôn chảy từ bên trong, rồi hiện ra trong những thể dạng của tự nhiên đã được tinh lọc, trừu tượng hóa. Mặc dù không hoàn toàn dựa vào, hay giống với loại hình thái *biomorphic* của điêu khắc Hans Arp hay hội họa siêu thực của Yves Tanguy, nhưng chúng ta có thể nói rằng, sự gợi cảm đầy sức sống sinh học chính là một trong những tính cách cốt yếu của Mai Chửng.

Nếu đề cập đến Hans Arp, người ta thường dùng thuật ngữ đà sống (élan vital) của Henri Bergson, thì có lẽ đề cập đến điêu khắc Mai Chửng, chúng ta cũng có thể lập lại ý tưởng và khái niệm này. Trên những thân hình phụ nữ đắp bằng đất nung hay thạch cao, hay ngay cả bằng những mảnh vụn đồng và đuôi đạn hàn lỗ chỗ, chúng ta vẫn dễ nhận ra ngay tính chất đó. Không chỉ nơi những thân hình phụ nữ tràn trề nhựa sống, mà ngay nơi một cánh chim đang vươn mình bay lên, hay nơi cả một hạt mầm nứt vỡ rồi phát triển thành nụ chồi vạm vỡ. Cái hạt mầm mạnh mẽ ấy vẫn là một biểu tượng vừa bản năng vừa rất thiêng liêng, của sự truyền sinh mà cũng là của vũ trụ siêu hình. Từ hạt mầm nứt vỡ ấy, cho đến những hạt lúa tròn đầy trên một bó lúa vươn mạnh lên bầu trời, Mai Chửng luôn biểu lộ một sức sống tuôn tràn và trào dâng, nhưng vẫn có một vẻ mềm mại chuyển động bao trùm.

Người làm điêu khắc trẻ nào mà không bị bóng dáng đồ sộ như một ngọn núi của Henry Moore ám ảnh. Nhưng Mai Chửng không chỉ dừng lại và hít thở rồi hoạt động trong bầu khí quyển và những đặc tính bút pháp riêng biệt của Henry Moore, anh tổng hợp nhiều tính cách của ngôn ngữ thời đại, để đi tới cách phát biểu của anh. Ở pho tượng *Mẹ Con* mà nhiều năm trước đây tôi nhìn thấy ở nhà kịch tác gia Trần Lê Nguyễn, tượng đắp bằng thạch cao, phảng phất nhiều không khí và bút pháp Henry Moore. Bà mẹ đứng thẳng, bế đứa con trên vai phải, mái tóc tung bay; pho tượng là đường nét và khối thể cô đọng trong một cách nhìn đầy chất trừu tượng mà nghiêng về biểu tượng. Mặc dù vậy, chúng ta vẫn nhìn thấy những dấu ấn của Rodin ở những phần cơ bắp tiềm tàng. Cách phát biểu này, tôi cũng gặp thấy ở một pho tượng khác, dù mới chỉ là một mô hình phác thảo, cũng đã cho thấy một không khí rất vĩ đại và tráng lệ: pho tượng *Bà Mẹ chiến*

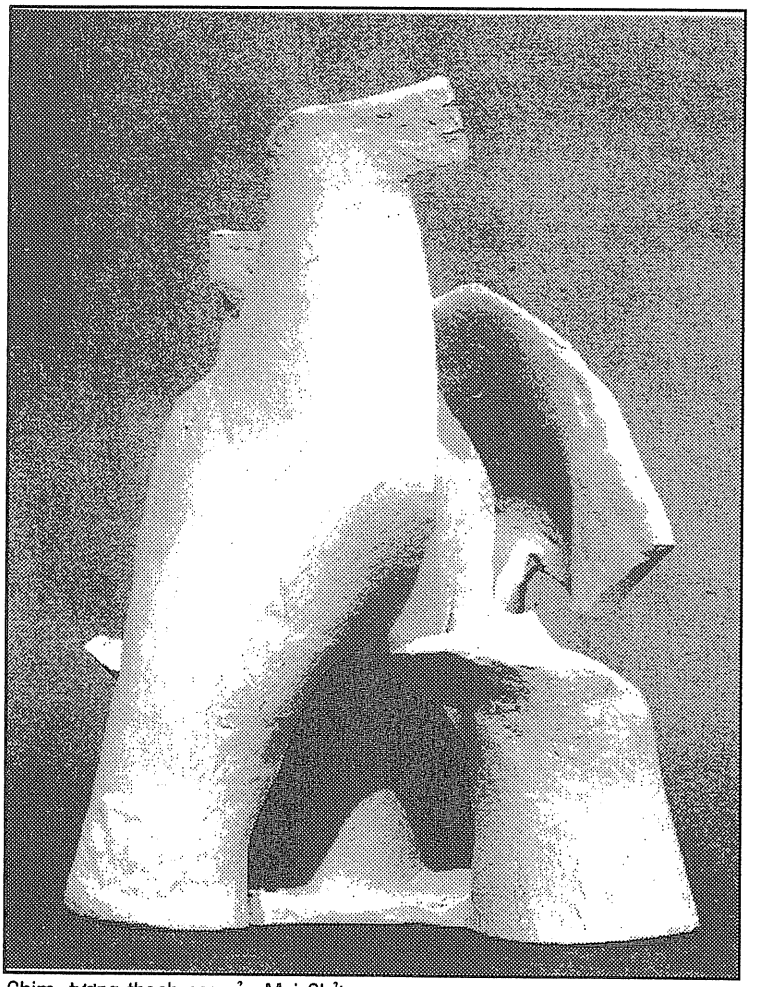

Chim, tượng thạch cao của Mai Chửng

thắng thực hiện để tham dự một cuộc thi về tượng đài thành phố khoảng năm 79-80. Một người phụ nữ với chiếc khăn quàng cổ tung bay, mái tóc tung bay, khẩu súng trường nắm trong tay phải được giương cao, người phụ nữ ấy đứng thẳng trên mình con chim vươn mình sãi cánh trải dài. Hình tượng con chim, rõ ràng là Mai Chửng đã dựa vào nét cách điệu trừu tượng con chim Lạc trên các trống đồng cổ của nền văn minh Đông Sơn, điển hình nhất là những con chim Lạc bay ngược chiều kim đồng hồ trên trống đồng Ngọc Lũ, chiếc trống lớn và đẹp nhất của các loại trống này. Dựa vào hình ảnh con chim Lạc ấy, nhưng Mai Chửng đã biến đổi đi, nên con chim sãi cánh rất thực, chứ không phải chỉ là một đường lượn gợi ý, và người phụ nữ đứng trên mình con chim thì chỉ là một thành phần nhỏ của pho tượng, với tỉ lệ có lẽ chỉ khoảng chừng 1/10 của pho tượng. Mới chỉ là một đồ án phác thảo, đặt trên một mặt bàn với đường kính chừng hai thước, đã làm cho người xem ngây ngất vì một hấp lực thơ mộng, hoành tráng, và rất hiện đại. Do ý kiến quyết định của nhà điêu khắc Diệp Minh Châu, pho tượng được chấm giải nhất, dự định sẽ đặt ở khu công viên ngay phía trước Bộ Tổng Tham Mưu trên lối vào phi trường Tân Sơn Nhất, tức là Công Trường Quốc Tế thời Đệ Nhị Cộng Hòa, nhưng rồi cuối cùng, công trình này đã không được tiến hành chỉ bởi vì Mai Chửng là một người lính của chế độ cũ. Định kiến chính trị và sự thù hằn giới tuyến đã làm đất nước mất đi một công trình nghệ thuật lớn. Nếu tượng đài này được dựng lên thì Việt Nam đã có một tượng đài chiến thắng có thể đủ lời lẽ để nói chuyện với thế giới, có thể đặt ngang với những tượng đài chiến thắng khắp nơi trên hành tinh, hòa nhập vào đời sống hiện đại mà vẫn là độc sáng của một nền văn hóa riêng biệt, với một ngôn ngữ và tâm hồn riêng bắt nguồn từ một quá khứ xa thẳm.

Mai Chửng qua trí nhớ Đinh Cường, tháng 8-2001

Tình hình đất nước sau 30-4-1975 đã trải qua những ngày cay đắng, tàn phá, và hủy hoại. Cả một nền nghệ thuật đầy tính sáng tạo và tự do của miền Nam bị phá hủy tan tành. Mai Chửng là trường hợp điển hình của sự tàn phá này. Tượng *Mầm* ở ga-lơ-ri Dolce Vita bị vứt vào nhà chứa củi phía đằng sau, rồi bị hủy phá vì bao nhiêu đồ đạc và các bó củi, các thanh củi chất chồng lên, rồi bị vứt vào một xó xỉnh nào đó, hay cho trở lại một lò đúc đồng nào đấy thì chúng tôi không được biết. Đáng tiếc nhất là tượng đài *Bông Lúa* ở Long Xuyên bị phá hủy sau khi những người chiến thắng chiếm đóng miền Nam. Tượng đài này đã từng được Nguyễn Trung mô tả: "Công trình đồ sộ bằng đồng do Việt Nam Thương Tín đặt và đã được dựng tại Long Xuyên, một tỉnh lỵ miền Tây, trình bày biểu tượng của nền văn minh nông nghiệp, một bó lúa vươn lên ngất trời." (In trong vựng tập *Triển lãm 15 Họa Sĩ Điêu Khắc Gia Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam 1973*). Bó lúa vươn lên ngất trời ấy, Đinh Cường thêm vào mấy chữ mô tả thực đẹp: "Phơi phới của mùa lúa con gái..." (3).

Điểm lại nền điêu khắc hiện đại Việt Nam, hai tác phẩm đáng kể nhất, lớn nhất, không phải chỉ lớn trong kích thước, mà còn lớn chính trong đề tài, tư tưởng, và nhất là trong tạo hình là pho tượng *Chân dung Phan Bội Châu* của Lê Thành Nhơn và tượng đài *Bông Lúa* của Mai Chửng. Tượng *Phan Bội Châu* may mắn đã được bảo vệ và ngày nay đã có chỗ đứng giữa lòng đất nước, nhưng tượng đài *Bông Lúa* thì tan tành trong tro bụi và đêm tối của một giai đoạn lịch sử kỳ dị của thời hiện đại. Mỗi con người, mỗi cuộc đời đều có một phần số riêng. Một tác phẩm nghệ thuật cũng vậy, có cuộc đời và số phận của nó. Mặc dù vậy, chúng ta cũng cần kịp thời ghi nhận một số hình ảnh về những mất mát vừa qua, ví dụ là những tác phẩm điêu khắc của Mai Chửng,

bởi vì nếu không thì về sau này chẳng còn ai biết đến nữa. Và như vậy, trong tro bụi của thời gian, những tượng bán thân phụ nữ nồng nàn sức sống, những tượng *Mầm, Bông Lúa* của Mai Chửng vẫn như còn phảng phất đâu đây trong đời sống chúng ta, và ở bên kia thế giới hồn thiêng Mai Chửng hẳn là cũng sẽ bớt ngậm ngùi hơn.

Ở bên trên, chúng tôi vừa gợi nhớ lại một số tác phẩm của Mai Chửng, từ đó sẽ đưa đến một cái nhìn chung: Điêu khắc Mai Chửng là một cách phát biểu rất hiện đại, hòa nhập vào thế giới hiện đại khắp nơi nhưng vẫn là một tiếng nói riêng. Không phải chỉ suy nghĩ từ nghệ thuật của Henry Moore hay là kỹ thuật tạo hình của Zoltán Kemeny, mà anh học hỏi và thích ứng với tất cả các bút pháp và các bậc thầy của điêu khắc thế giới. Tất nhiên, trước tiên phải khởi đi từ Rodin, rồi gặp gỡ Henry Moore, Zoltán Kemeny, nét mềm mại đầy tràn sức sống của Hans Arp, rồi Brancusi. Rồi cũng có lúc khác nữa, Mai Chửng đã thử tiến đến với thứ điêu khắc dựa vào sự chuyển động, tức nguyên lý động lực mà điển hình nhất là Alexander Calder, điêu khắc gia Hoa Kỳ (1898-1976) hoạt động từ thập niên 30 và đã thành tựu hết sức vững chắc và nổi bật vào thập niên 50.

Đề cập đến sự tiếp thu kỹ thuật hàn ghép các mảnh vụn kim loại của Zoltán Kemeny, chúng ta cần mở rộng thêm là Mai Chửng cũng học tập nhiều điều từ các nhà điêu khắc khác nữa với kỹ thuật hàn ghép kim loại, ví dụ như Julio Gonzalez, nhà điêu khắc Tây Ban Nha (1876-1942), và rất đặc biệt với David Smith (1906-1965), một nhà điêu khắc Avant Garde với những biểu cảm rất Mỹ. Hai nhà điêu khắc Gonzalez và Smith đã giúp Mai Chửng một cách nhìn tạo hình phóng túng, mạnh mà rất thanh nhã và đầy ấn tượng, chứ không phải chỉ là kết cấu được tạo nên từ những mảnh vụn tủn mủn, tỉ mỉ.

Trở lại với thứ điêu khắc dựa vào động lực học, với sự chuyển động là một thành phần của cấu trúc toàn bộ, tôi nhớ đến tác phẩm *Ông Quan Văn* của Mai Chửng, bày trong một cuộc triển lãm chung với các thành viên khác của Hội Họa Sĩ Trẻ, năm 1974, ở khách sạn Continental. Thành phần chủ yếu là mấy ống kim loại cao chừng 1 mét ghép lại với nhau. Ở phía trên cùng của một trong những ống viên trụ này, Mai Chửng hàn vào một mảnh kim loại hình vuông, tạo nên một cảm giác mong manh. Dọc theo thân các ống kim loại này, có những móc sắt, Mai Chửng móc vào mỗi móc sắt ấy một mảnh kim loại hình vuông hay chữ nhật gì đó; chỉ móc vào chứ không hàn dính chặt vào. Như vậy thì những mảnh kim loại gắn thêm vào đó có thể đong đưa, chuyển động nếu có một lực tác động nào. Pho tượng có thể gợi nên hình ảnh mỏng mảnh của cái mũ cánh chuồn của những ông quan văn thời trước, hay ít nhiều cũng có thể gợi cho chúng ta liên tưởng đến cái mũ phẩm phục của các ông nghè của thời đại ngày nay. Riêng tôi, đứng trước *Ông Quan Văn* của Mai Chửng, tôi đã nghĩ đến những cái mũ cánh chuồn đung đưa trước những cơn gió chướng và bão táp của lịch sử, không phải chỉ là của ngày xưa mà cả ngày nay nữa, hay có thể là trong bất cứ thời nào.

Ở bên trên chúng ta vừa hồi tưởng lại vài điều về Mai Chửng thời còn ở quê nhà. Và như vậy, cũng là dễ hiểu tại sao năm 1981, Mai Chửng đã tìm cách rời khỏi đất nước. Từ năm 1982, định cư ở Hoa Kỳ, và từ đây phải đối đầu với một cuộc sống hoàn toàn mới. Mai Chửng là một nghệ sĩ tài năng nhưng cũng là một con người xã hội tháo vát. Anh cư xử và hội nhập vào đời sống mới một cách thích đáng, làm nhiều công việc để mưu sinh tồn tại dễ dàng: nấu bếp, bồi bàn, dealer bán xe cũ, lái taxi ở Hawaii... Phải luôn đối đầu với những cam go trong cuộc sống mới nhưng giấc mộng nghệ thuật thì vẫn là ám ảnh và mục tiêu của đời người. Vài năm cuối của đời anh, Mai Chửng thực hiện một số tác phẩm đáng kể, đi tới một thứ điêu khắc trừu tượng thuần túy, một tiếng nói sáng tạo bề thế, vững chắc. Mai Chửng vượt qua tất cả những bóng dáng ám ảnh anh trước đây, vượt qua những người thầy trước đây, và đã vượt qua chính mình. Ở loạt tượng mới của anh, anh đã khẳng định được một ngôn ngữ của riêng mình.

Năm 2001, Mai Chửng trở lại quê nhà, họp mặt với các bạn cũ trong một cuộc triển lãm chung vào tháng 7 ở Gallery Vĩnh Lợi. Mai Chửng bày sáu tượng đồng vừa đúc xong hồi tháng Sáu ở Phường Đúc Huế, nhưng anh đã không còn kịp giờ để đến phòng triển lãm, nhìn lại các tác phẩm của mình, bên các tranh tượng của bạn hữu, bên các tác phẩm của Đinh Cường, Nguyễn Trung, Đỗ Quang Em, Nguyên Khai, Hồ Hữu Thủ, Trịnh Cung, Nguyễn Phước, Cù Nguyễn, và điêu khắc gia Dương Văn Hùng. Tôi ghi thêm vào đây một bài thơ của Đinh Cường viết về mấy ngày cuối đời của Mai Chửng để kết thúc bài viết này.

Không kịp nữa rồi.

Bạn mới ngồi cùng tôi trên đồi Thiên an,

Huế, mùa hạ,
Nắng lửa những hàng cây thông đứng im hồ nước lặng.
Không kịp nữa,
Những tượng đồng mới ra lò ở Phường Đúc
Bạn khó tính đúc lại lần thứ hai.
Căn phòng 207, khách sạn Morin,
Bạn cùng tôi nằm trên hai chiếc giường, thư thái...
Sáng bạn dậy sớm, đi bộ một giờ,
Qua rồi về lại trên cầu Tràng Tiền
Nước sông Hương vẫn xanh
In bóng bạn thời xa xưa.
Chúng ta đã cùng nhau
Một thời thơ mộng.
Huế mù sương và bạn yêu Na.
Na ở An Cựu...
Na vừa cùng con gái út từ Dallas về,
Tức tốc đi chuyến bay về.
Tức tốc đến bệnh viện Chợ Rẫy lầu 10, căn phòng hồi sức đặc biệt
Nơi mà Trịnh Công Sơn cũng đã nằm hôn mê hồi tháng Tư.
Bạn tháng Bảy.
Bạn bè đã ở quanh bạn trong căn phòng đầy dây nhợ,
Bình oxy, chai sérum truyền nước biển...
Bạn khóc, và nói "Chuyến này chắc tiêu rồi."
Xong bạn lại cười, nụ cười sảng khoái khi gặp lại nhau.
Nguyễn Trung, Đỗ Quang Em, Trịnh Cung, Cù Nguyễn, Hồ Hữu Thủ...
Và người học trò điêu khắc yêu quý bạn biết chừng nào: Nguyễn Nam,
Đã ngủ lại với thầy, đêm bệnh viện.
Không kịp nữa rồi.
Mới ngồi với nhau ở Cali, ở Sàigòn, ở Huế, ở Chợ Rẫy.
Những bức tranh, những tượng đồng còn đó,
Gallery Vĩnh Lợi, ngày khai mạc không có bạn...
Và mãi mãi không có bạn nữa.
Mai Chửng, Mai Chửng,
Không kịp về lại rừng dừa Bồng Sơn,
Không kịp nhìn trăng Bình Định
Như chúng ta đã hẹn sẽ trở lại, một mùa hè khác.
Tôi mất lần hết những người bạn thiết
Những cây nhang ám khói một góc phòng
Tràng hạt, tràng hạt tôi bấm lần
Từng hạt tụng niệm cùng hư vô (4).

Viết bài này, tôi biết rằng đây mới chỉ là một ghi nhận qua những hồi tưởng vụn vặt; về Mai Chửng, cần phải có một công trình nghiên cứu và phân tích đầy đủ, kỹ lưỡng và sâu sắc hơn sau này.

Nam California, tháng 1-2004

Chú thích:

(1) Nguyễn Xuân Hoàng dẫn lại trong *"Sổ Tay Tháng Mười," Văn*, số 58, 2001, trang 9. Nguyễn Văn Nam là một nhà điêu khắc trẻ, có cách nhìn trong tạo hình cũng rất mới. Trong chính căn nhà nhỏ của anh trên đường Trần Quang Khải, Tân Định, Sài Gòn, Nam làm một lò nung nhỏ để thực hiện các tác phẩm đất nung. Nam rất mê Mai Chửng, nghệ thuật của anh có nhiều nét gần với Mai Chửng. Khi Mai Chửng lưu vong ở nước ngoài, khoảng giữa thập niên 80, anh có làm pho tượng nhỏ chân dung Mai Chửng khá đẹp mà anh gọi là *Hommage à Mai Chửng*. Có điều hơi đáng tiếc là Nguyễn Văn Nam chưa có công trình điêu khắc nào lớn về kích thước mà chỉ là những pho tượng nhỏ cao một vài gang tay. Một tác phẩm điêu khắc thực sự lớn không chỉ lớn trong ý tưởng, mà còn phải lớn trong chất liệu, kích thước.

(2) Ghi nhận của Nguyễn Trung in trong vựng tập *Triển Lãm 15 Họa Sĩ Điêu Khắc Gia Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam*, phòng triển lãm La Dolce Vita, khách sạn Continental, Sàigòn, Năm 1973.

(3) Đinh Cường, *"Mai Chửng, Vừa Hẹn Tôi, Mùa Hè Tới," Văn*, California, số 58, tháng 10-2001.

(4) Đinh Cường, "*Mai Chửng, Mai Chửng!*" Hợp Lưu, số 61, tháng 10 & 11 năm 2001, trang 250-251.

SAVE MONEY!

VIỆT NAM 55¢
Per minute

Dial:
10-15-335-011+84
+City Code+Your #

After Promt:
Enter Activation Code: 230509
On your 1st Call

* No Switching Long Distance
* No Monthly Fee
* 10 Minute Minimum.

Mobile Rate: 55¢

For Other Country Rates Call: (310) 207-0094

Sung Mãn vô-hạn-định

HỒNG KHẮC KIM MAI

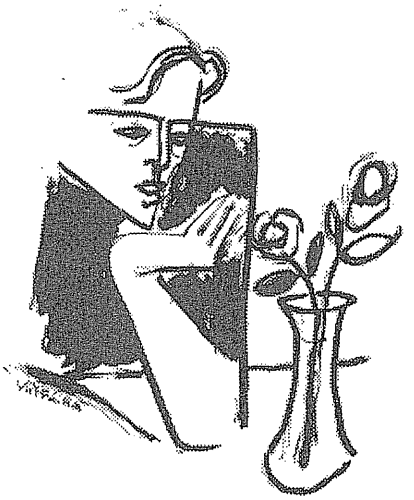

1

"Thật là một bức tranh tuyệt tác!"

Nghe tiếng nói, Nam giật mình quay lại. Trước mắt anh là một phụ nữ còn trẻ. Nụ cười tươi như hoa của nàng làm người họa sĩ thấy vui. Bỏ hai cây cọ vừa mới lau sạch sơn vào túi xách, Nam hoan hỉ :

" Cám ơn bà đã khen tặng."

Người đàn bà đứng tần ngần một lúc rồi buộc miệng: "Ông quả là một nghệ sĩ có tài."

Nam bỡ ngỡ chưa biết phải đáp như thế nào thì nàng lại nói tiếp, giọng say sưa:

"Cảnh vật thiên nhiên và tranh kia nào có khác gì! Ôi, đám lá trên cành với mầu sắc xanh vàng đỏ lạ lùng của tháng cuối thu, ông đã đưa tất cả vào khung vải tài tình quá đỗi. Kìa, những phiến đá lấp loáng nước như những vũng nắng mới thần sầu làm sao. Và con suối nhỏ kia đang uốn khúc trông thật sống động vô cùng ..."

Nam mỉm cười ngắt lời:

"Xin cám ơn lời khen tặng của bà. Cái sống động mà bà vừa nói, có lẽ chỉ đúng một phần nào thôi. Bà hãy nhìn xem, mỗi khi có một ngọn gió thoảng qua thì lá trên cành kia xao động, còn lá trong tranh của tôi vẫn ở một vị trí không thay đổi. Như thế một bức tranh họa lại bất cứ một vật gì thật hay cảnh gì thật, dù nó có làm người xem thích thú chăng nữa, thì cũng chỉ là một-sự-ghi-lại mà thôi, và tranh trở nên giống-như-thật mà không sống-như-thật."

Người thiếu phụ chắp hai tay trước ngực, gật gù:

"Tôi cũng đồng ý với ông như vậy. Tranh giống-như-thật đòi hỏi nét vẽ phải sắc sảo tinh tế, màu sắc phải hài hòa, bố cục phải vững. Thêm vào đó, cách phối trí ánh sáng là một yếu tố tối quan trọng để làm cho bức tranh có hồn. Đạt đến như thế không phải dễ. Còn tạo nên một bức tranh sống-như-thật, thì phải làm như thế nào?... có hoang tưởng lắm không?... Làm sao mà lá trên miếng vải bố kia có thể rung rinh theo hơi gió thổi được? Ông không đùa đấy chứ ?"

"Ha ha ha, hoang tưởng hay không thì còn tùy ở khả năng suy luận và cảm nhận của mỗi người. Tuy nhiên tôi nghĩ không có gì mà con người không làm được. Vấn đề đặt ra là làm sao để đạt mục đích? Trăm vạn nẻo đường trước mắt như đống chỉ rối, tôi loay hoay mãi chưa tìm được đầu mối cho con đường mình phải đi..."

"A! ông thật khó tính với chính mình. Ông có nhiều tham vọng quá. Tôi có cảm tưởng như ông chưa hài lòng với những tác phẩm của mình?"

Như được soi thấu điều u uẩn, Nam thở dài: "Vâng, đúng vậy. Đã từ lâu tôi không thỏa mãn với những gì đã làm... Mỗi khi hoàn tất một họa phẩm, tôi thường bứt rứt khó chịu..."

"Tại sao vậy?"

Bỗng dưng Nam rên rỉ "Tại sao? Tại sao! Trời ơi, câu này tôi đã tự hỏi nghìn lần mà không đáp được..."

Điểm một nụ cười, thiếu phụ nhỏ giọng: "Tôi nghĩ rằng tranh của ông sẽ được rất nhiều người mến mộ vì cách sử dụng màu sắc của ông thật khéo léo và linh động."

Nghe đến đây Nam bỗng phì cười. Anh ngỏ ý tặng người đàn bà đối diện bức tranh vừa hoàn tất.

Thiếu phụ trố mắt ngạc nhiên, và nàng kêu lên: "Sao lại thế được? Tôi không dám nhận đâu..."

Nam ân cần: "Bà không phải là người đầu tiên tôi tặng tranh. Nếu bà thấy thích nó thì xin hãy nhận. Nó được bà trân quí, tôi rất cảm kích."

2

Mặt trời đã khuất bóng từ lâu nhưng Nam vẫn còn ngồi nán lại ở ghế công viên. Vào giờ này khách nhàn du chỉ còn thưa thớt vài người. Khung cảnh tĩnh mịch và gió mát lạnh làm Nam cảm thấy sảng khoái. Anh ngả người ra phía sau, mắt nhắm nghiền... Muôn sắc màu từ đâu theo nhau tới nhảy múa trong tâm trí anh, và ô kìa, giữa chúng nó hiện lên nụ cười khả ái của người đàn bà ban chiều. Những lời nói của nàng mồn một văng vẳng bên tai, và hình ảnh nàng ôm tấm tranh làm lòng Nam se lại.

Đây không phải là lần đầu tiên anh được nghe những lời khen, và cũng không phải là lần đầu tiên anh tặng tranh cho người xa lạ vì những lời khen của họ. Nếu họ không thích hoặc nếu họ không nhận, thì chắc anh cũng sẽ vứt bỏ nó đi thôi, như anh đã từng làm nhiều lần trước, trong nhiều năm qua.

Nam thở dài. Một họa phẩm anh chưa hài lòng, anh giữ nó làm gì ?

Nam uể oải thu xếp tất cả những vật dụng vào xe và chuẩn bị ra về. Từ đàng xa, một chiếc xe hơi nhỏ chạy trờ tới. Ánh đèn pha chói sáng một góc đường làm anh nhói mắt. Xe từ từ dừng lại và khuôn mặt xinh xắn của người phụ nữ ban chiều ló ra ngoài khung cửa.

Tiếng nàng vang lên, vui nhộn: "Ồ ông họa sĩ ơi, tôi vô ý quên chưa hỏi quí danh?"

Nam lịch sự mỉm cười. Anh thò tay vào ví, rút ra một tấm danh thiếp và vui vẻ trao cho nàng. Thiếu phụ cầm lấy cái thẻ nhỏ. Nàng liếc nhìn mấy hàng chữ in trên đó, rồi nàng nói, giọng thật dịu dàng:

"Cầu mong ông mãn nguyện hơn với những sáng tác mới nhé..."

"Những sáng tác?" Nam hỏi

"Vâng, những sáng tạo sắp tới..." Nàng trả lời.

Sáng tạo! Sáng tạo! Hai chữ này bỗng dưng như vang dội khắp bầu trời u tối. Nó có sức mạnh lạ lùng, cái sức mạnh sấm sét dội vào trí tưởng của Nam làm anh choáng váng. Tai Nam lùng bùng, anh thấy hoa mắt và không nói nên lời.

Thiếu phụ không nhìn được sự biến đổi đột ngột trên khuôn mặt Nam. Nàng từ giã và chiếc xe từ từ lăn bánh...

"Sáng tạo!" Kỳ diệu thay, hai chữ này rõ ràng là chiếc chìa khóa đang mở cửa tâm linh anh. Nam nghe một luồng điện nóng rần rần trong cơ thể. Cảm giác thật khó tả, vì cảm giác này anh chưa từng có. Nhưng mà anh thấy dễ chịu lắm, tuyệt vời lắm, hạnh phúc lắm... Nam đứng thẳng người, mắt nhắm nghiền. Anh chắp hai tay trước ngực một lúc rồi từ từ giang tay rộng ra như trân trọng đón ôm một vật gì, hay nói đúng hơn là đang chờ đợi một ân điển được ban cho. Luồng điện di động nhanh nhẹn từ trái sang phải, từ dưới lên trên. Và khi nó vận hành đến sống mũi thì sức nóng dịu xuống. Anh cảm nhận một tia cực sáng, chói lòa, tụ lại ngay giữa hai chân mày. Tia sáng càng lúc càng lớn dần ra. Nó như ngọn đèn pha, chiếu vô từng ngõ ngách của trí tuệ. Nó như ngọn đuốc, soi sáng tri thức. Anh bàng hoàng chìm trong cơn mê thập điện.

Sáng tạo! Vâng đúng rồi, nghệ nhân không thể nào là loài nhai lại. Nghệ nhân không làm việc tái tạo có tính cách con buôn. Sứ mệnh của nghệ nhân là sáng tạo. Là mở đường cho những chân trời mới của nghệ thuật. Là nở một cánh hoa lạ trong vườn mặc khách.

Nam khám phá ra cái hoài bão này chính là điều Nam đã thai nghén từ lâu. Niềm ao ước bồng bềnh như cái chai trôi trên mặt nước đại dương, trôi trôi mãi không bến bờ. Nhưng hôm nay thì anh đã tìm được nơi chốn đậu. Trong anh là thửa đất sắp được khai hoang. Trong anh hứa hẹn một mùa đậu mới mầu mỡ.

Anh có lạc quan quá không?

Niềm vui sướng luôn luôn đi kèm với lòng âu lo. Bởi nghệ thuật rất mông lung và vô tận. Bởi cái nhìn thấy của nghệ sĩ khác xa với cái nhìn thấy của tha nhân. Bởi sự nhận định và phán đoán của loài người luôn ở trong thước tấc đo lường. Họ thường phê phán người khác theo những qui trình định sẵn. Những người đã nổi danh, hay những người có chút quyền thế trên một lãnh vực nào đó, thường tự cho mình có phép được đánh giá công việc của người khác, đôi khi rất khắt khe, đôi khi rất thiên vị... Luôn luôn những tác

phẩm đầy chất sáng tạo đều bị đuổi xua, chê bai, dìm bỏ lúc ban đầu. Nhưng quá khứ đã chứng minh người nghệ sĩ luôn đi trước kẻ thường tình muôn triệu dặm trên con đường mỹ thuật, nên hành trình của hắn luôn rất cô đơn, vì tìm đâu ra những tâm hồn đồng điệu?

Nếu Nam không lạc quan tự tin, có lẽ anh sẽ mãi dậm chân một chỗ. Sẽ băn khoăn tự dày vò mỗi khi hoàn tất một họa phẩm. Sẽ là con người luôn bất mãn với chính mình.

Tại sao anh phải e sợ sự phán xét của dư luận để không dám làm những gì mình yêu thích?

Nam như một nghệ nhân ngủ quên. Bao lâu nay, anh đã vùi sâu chức năng sáng tạo của mình. Anh vừa mới thức tỉnh, vươn mình khai phóng tiềm thức.

Trong bóng tối của màn đêm nơi công viên, anh đi chân nam đá chân bắc. Anh đang say với giấc mộng vừa mới thành hình...

3

Nam đứng rất lâu trước khung vải. Đề tài gì để vẽ đây?

Anh nhìn cảnh đứa trẻ đang đùa với vòi nước đang chảy. Đẹp quá! Nhưng anh không chép nó, không đóng nó vào khung cố định của anh đâu. Anh phó nhòm kia, với máy hình *digital* tối tân có thể làm việc đó trong tích tắc kia mà.

Anh gợi nhớ nụ cười của người thiếu phụ hơn ba tháng trước ở công viên. Nụ cười chi lạ lùng. Làn môi xếch. Hơi xếch một tí làm lộ cái răng khểnh thật duyên dáng. Không, không vẽ lại hình ảnh đó từ ký ức. Không ghi lại cái thơ mộng của làn tóc bay trong tia nắng chiều mà anh đã nhìn thấy. Công việc đó bây giờ đã là dĩ vãng.

Anh tưởng tượng cánh đồng xanh lơ nơi quê hương anh. Lúa non rạp mình theo cơn gió thổi, cô gái quê gánh đôi thúng ngún nguẩy trên ven đê, hay em mục đồng đang thúc trâu về nhà.

Trí tưởng của anh lại xoay qua cảnh bụi chuối vườn măng, khóm hoa lài hoa sói, dậu mồng tơi bên mái tranh nơi thôn dã.

Hay là ta vẽ cảnh chùa thâm u với ông sư già ngồi thiền tìm về nơi tịnh độ? Được lắm! Nó vừa có người, vừa có cảnh, vừa có tâm linh. Vậy thì phải cấu tạo những chi tiết trên khung như thế nào cho cân xứng hài hòa? Dùng màu sắc gì để diễn đạt nét trầm tư trông bất động mà không bất động của vị sư? Còn nơi tịnh độ! Làn khói huyền ảo hay hào quang phát ra như thế nào để nói lên được mức độ của ngài đã đạt tới cõi ngài muốn đến???

Nhưng không thể như vậy được. Khi dùng trí tưởng tượng là ta đã vận dụng đầu não để xếp đặt mọi sự việc theo ý ta. Tranh từ đó đã nẩy sinh trong đầu, và ta đương nhiên làm chủ mọi toan tính. Đó không phải là một sáng tạo, mà là thể hiện một dự trù mỹ thuật được dàn dựng khéo léo trong óc. Họa sĩ bố trí đâu vào đó một cách hợp lý và đầy nghệ thuật những hình ảnh do hắn hư cấu, nôm na là bày đặt ra, mà có. Việc bày đặt đó được đưa vào khung vẽ, và sự hình thành dù cho có thần sầu cách mấy, vẫn quanh đi quẩn lại với những gì hắn đã biết, đã sống. Như hâm nóng một bầu rượu mới, chứ không phải đã tạo nên một hương vị hoàn toàn mới.

Sáng tác là thực thể hóa một sự việc đã có mầm mống trong tiềm thức và khai triển nó khi thuận lợi.

Sáng tạo là phát huy một điều gì, việc gì chưa ai từng làm, chưa ai từng biết, chưa ai từng thấy hay nghe qua. Chữ ai ở đây bao gồm ngay chính bản thân họa sĩ.

Nam vò đầu đấm ngực, đổ mồ hôi trán. Sáng tạo! Trời ơi, phải bắt đầu như thế nào đây để khơi nguồn?

Anh vứt cọ, bỏ đi ...

Nhiều tháng trôi qua và Nam đã sống trong băn khoăn đau khổ, vì anh lại đang lâm vào ngõ bí. Anh rất dứt khoát với quá khứ và không chịu thua với chủ ý mới. Nhưng chủ ý mới là con đường rất mịt mờ, vì khả năng khai phá trí tuệ của một con người rất hữu hạn.

Anh luôn ở trong tình trạng nhì nhằng, loay hoay cầm chìa khóa mở cánh cửa thứ hai. Tầm linh anh vẫn còn dằn độn không chịu hợp tác với lòng cầu muốn.

"Đi tìm sẽ gặp. Gõ cửa, cửa sẽ mở," ai đã nói như vậy?

Nam đã triệu lần đi tìm và gõ cửa nhưng đâu lại vào đấy. Những lời đó chẳng thấy ứng nghiệm. Thành tâm và tin tưởng Nam đều có thừa, nhưng tất cả chỉ là con đường vòng quanh, phát xuất từ đâu thì quay về tự đó, Nam chua cay thầm nghĩ.

Có những buổi chiều Nam lái xe hằng giờ ra những vùng ngoại ô, để rồi anh ngừng lại một nơi hoang vắng nào đó. Bỏ xe, anh đi bộ hàng chục, hàng chục cây số. Đi thẳng không nhìn ngang ngửa, không suy nghĩ vướng bận một điều gì. Nam muốn xóa hết những gì trong tri thức, anh muốn óc não anh là một trang giấy trắng tinh...

4

Nam đứng trước khung vải. Tay cầm cọ, tay cầm sơn. Những định kiến, *cliché* đã có trước kia đều đã được vứt bỏ hết. Đầu óc anh hoàn toàn trống rỗng. Anh đã quyết định rồi. Công việc thực hiện một tác phẩm không còn là công việc của anh, mà là công việc của vị thần Sáng Tạo. Hãy để sáng tạo tự nó sáng tạo thì sáng tạo mới thăng hoa. Thân thể anh, tay anh, nào khác gì với miếng bố vải, cây cọ, giá vẽ, hũ sơn? Có khác chăng, tay anh có những giây thần kinh bén nhạy tạo nên sự di động. Tay là phương tiện, là công cụ dùng để phối hợp những chất liệu cần thiết đúng/đủ tạo nên tranh.

(Sự đúng/đủ này đương nhiên không do Nam định đoạt; nó phát xuất, thích ứng theo tùy nghi

TRẦN MỘNG TÚ

Lòng Nàng Như Chén Cổ

(Đánh dấu Hoàng Thành Mở Cửa)

Tôi múc một bát nước
trong giếng cổ ngàn năm
tôi vớt một chiếc khăn
bằng mây trời thả xuống

Em có phải chánh phi
hay em là hoàng hậu
em đứng ở nơi nào
sau cột trăm năm cũ
khăn áo của vua ban
hương còn trong nếp gấp
trên chiếc chén men xanh
môi hồng còn in dấu
hồn em còn nương náu
trong viên ngói vỡ tan
tiếng nhạc nào còn vang
những âm thanh vương giả
gót chân em còn đỏ
như mầu sen trong hồ
loang loang trên mặt sóng
nhuộm thẫm cả hồn vua
bàn tay em ngày đó
cầm lưỡi kiếm vô hình
em cất một tiếng nói
đánh dấu cuộc tử sinh
cung đình nào em ngự
tiếng cười em vọng đâu
sau những bức tường đổ
nơi nào em gối đầu.

Em có phải chánh phi
hay em là hoàng hậu
em phận mỏng thứ phi
hay yêu kiều công chúa
tôi nghe được tiếng cười
của ba ngàn cung nữ
tôi nhìn thấy hàng mũ
của những ông quan già
tôi theo vết chân qua
những căn phòng thái giám
chạm vào một viên gạch
nghe rợn rợn trên lưng
tôi nhắm hai mắt lại
thấy mình giữa lãnh cung.

Nàng đứng sau phù điêu
nhìn đám người ngang dọc
cả cung điện thâm nghiêm
những bức tường bật khóc
lòng nàng như chén cổ
đang bị người đào lên
làm sao giữ cho nguyên
cành hoa mai trong chén
hồn nàng như ngói vỡ
đang bị người rỡ đi
những rêu phong ngày cũ
không giữ lại được gì.

Ôi quân vương dấu ái !
Ngài đang ngự nơi nao
sao không về bên thiếp
mở vạt áo long bào
cho thiếp nương hồn mỏng
những bàn tay thô bạo
không cho thiếp ngủ yên
cửa hoàng thành đã mở
xô vương triều ngả nghiêng.

Họ đã kéo nhau vào
Hồn nước chia ngàn mảnh.

của sáng tạo). Không đề tài. Không đánh giá. Không suy luận. Thể xác Nam là hình nộm. Linh hồn Nam mới là nghệ nhân. Trong tư thế đó, Nam vung tay.

Những vệt sắc màu liên tiếp được quệt lên trên khung vải bố. Chúng quyện vào nhau, và không mang một hình thù đặc biệt nào cả. Và khi tay đã mỏi mệt thì Nam ngừng lại. Anh đứng lùi ra vài bước. Anh bật ra tiếng cười khan và lắc đầu. Đó là tranh ư? Ha ha ha. Nếu gọi đó là tranh thì đúng là tranh của một kẻ không biết gì về hội họa, hay là tranh của một kẻ điên! Nam chán nản quăng cọ, bỏ đi ăn trưa...

Khi Nam trở lại, anh trầm ngâm đứng lặng nhìn bức tranh dở dang ban sáng.

Trước sự ngạc nhiên của Nam, những mảng màu đã quyện vào nhau một cách lạ lùng. Chúng không tuân theo bất cứ một luật lệ nào. Chúng tự do, phóng đãng. Chúng ngang dọc, ngây ngô... Nhưng, ô kìa, chúng thay hình đổi dạng theo từng góc độ Nam nhìn. Thiên biến vạn hóa! Càng nhìn nó Nam càng say sưa. Cái say sưa của kẻ đi từ khám phá này qua khám phá khác. Nương theo sự kỳ diệu của những gì mình đang bắt gặp, Nam cầm cọ điểm thêm vài chấm phá để hoàn tất bức tranh...

Anh đặt tên nó là "Diversities," "muôn mặt."

Đó là bức tranh đầu tiên Nam đã đạt được trong quá trình sáng tạo của anh.

Quả thật Nam không làm chủ được anh khi anh đứng trước giá vẽ. Con người nghệ nhân trong anh càng lúc càng biến chuyển không ngờ. Trong mỗi một bức tranh, Nam không chỉ dùng một phương thức nhất định... Lúc ban đầu, Nam vẽ tranh bằng cọ. Sau đó anh chuyển qua lối vẽ bằng dao. Có lúc năm đầu ngón tay của Nam đã thay dao, cọ mà trở nên những công cụ tuyệt vời. Chất liệu được dùng tới cũng vậy. Nó không nhất thiết phải là loại sơn này hay mầu phấn nọ, hoặc một hỗn hợp pha trộn nhuần nhuyễn thường tình... Sáng tạo có cái sắc màu riêng, lý lẽ riêng, nó bất chấp những nguyên tắc cố định, nó không bận tâm tới những luật lệ cứng ngắt của người đời. Sáng tạo đưa đẩy làm nẩy bật những ý tưởng mới để gây dựng tác phẩm, từ hình thức cho đến nội dung. Do đó tác phẩm vượt quá trình thai nghén, và thăng hoa trong thời kỳ quá độ.

Mỗi khi hứng khởi đến, Nam không tự kềm chế được, và anh làm việc liên miên không ngơi nghỉ. Có những hôm anh thức trắng đêm không mệt mỏi. Khi đói, Nam cầm thức ăn, vừa ăn vừa quan sát bức tranh. Qua những màu sắc kỳ ảo, đôi mắt anh bắt gặp những hình ảnh phôi thai ẩn hiện. Anh nương theo đó để tạo chúng thành những vóc dáng hiện thực. Tranh trở nên phong phú, vì tranh có đặc thù lạ lùng, có cá tính riêng biệt, có tiếng nói thầm kín, có âm nhạc ru vang. Tranh truyền cảm cho người xem những rung động để họ tìm thấy chính mình trong đó với những ao ước, hoài mong, ưu tư, kỳ vọng, v.v... Cá tính của tranh không thuần nhất vì nó uyển chuyển theo cá tính của mỗi cá nhân người đang thưởng thức tranh. Sự giao động của họ làm cho tranh sống-như-thật, tưởng như có hơi thở nhân sinh. Vóc dáng của tranh co dãn, đắp mô tùy theo sự phán đoán của người đang đứng đối diện với tranh. Tranh không chỉ là một vật trang trí để xem cho thỏa mãn nhãn quan. Nó còn ẩn những thanh âm, để người hát lên câu tình tự. Nó còn để đọc, và người vui trong mỗi khám phá. Nó còn để người nghe chính tiếng lòng mình đang nói, để người thấy khả năng vô cùng của trí tưởng.

Có thể nói, sáng tạo là một chuỗi hột liên tục của sự mới, lần tới những sự mới hơn nữa, rồi mới hơn thế nữa, mới thêm, và càng thêm mới, không bao giờ cạn nguồn...

5

Người đàn ông vừa đẩy cửa bước vào tự giới thiệu là một thương buôn ngành mỹ nghệ ở New York đến. Người hắn cao lênh khênh, đôi mắt sâu và xanh màu lá cây, cái cằm lẹm, đôi môi mỏng dính. Hắn nói tiếng Anh hơi cứng. Hắn là người Mỹ gốc Ái Nhĩ Lan.

Hắn đứng rất lâu trước mỗi bức tranh của Nam. Thỉnh thoảng hắn gật gù, hay lấy tay sờ cằm suy nghĩ.

Hắn nói với Nam rằng hắn được nghe một vài người bạn nói về anh với nhiều khâm phục. Hắn đến vì tò mò, nhưng hắn cũng không quên nói rằng hắn sẵn sàng mua bán với Nam. Hắn khoe với Nam một chiếc xe thùng đầy ắp những tranh sơn dầu mà hắn vừa thu mua được của những họa sĩ địa phương với một giá rẻ mạt, không quá năm trăm đô la mỗi tấm.

Nam không mấy cảm tình khi tiếp chuyện hắn. Nhưng khi biết hắn là một thương buôn sành sõi, anh cũng tò mò muốn biết hắn nhận định về những họa phẩm của mình như thế nào.

Hắn chỉ một bức tranh mang tên "***No Apples.***" Tranh vẽ một thiếu nữ với gương mặt rất mơ hồ, thân thể nửa kín nửa hở. Hai cánh tay nàng mở

rộng đưa lên trời cao, hai bàn tay xoè ra dưới vòm lá xanh lơ. Trong nàng ửng lên nhựa sống. Trong nàng ửng lên sự bao dung. Trong nàng ửng lên niềm hy vọng. Trong nàng ửng lên sự khát vọng và đam mê... Hắn thắc mắc về tên bức tranh không thấy có gì liên hệ với nhân vật trong đó.

"Sao không ?" Nam trả lời.

Và anh phân giải tiếp:

"Đó là Eva. Trong tâm trí của rất nhiều người, Eva là nguồn gốc của tội lỗi. Trong tranh của tôi, nàng ở trong thời điểm chưa ăn táo. Nàng thuần khiết vô song. Nàng đại diện cho giới nữ lưu, bất hạn tuổi. Tội lỗi là hành động sai lầm của một cá nhân, tại sao lại giá họa cho tập thể? *'No Apples'* là một tiếng kêu phản kháng..."

Người thương buôn trợn mắt đứng sững sờ một lúc.

Bức tranh mà người thương buôn thích nhất mang tên "***Unlimited Prosperity,***" *sung mãn vô-hạn-định.* Hắn ngã giá đầu tiên là hai ngàn đô la. Nam lắc đầu. Hắn tăng lên vài ngàn nữa, Nam vẫn lắc đầu. Hắn tiếp tục tăng tiền dần và cuối cùng dừng lại ở con số hai chục ngàn. Nam lại lắc đầu. Hắn cáu tiết:

"Là một họa sĩ vô danh như anh, anh làm gì bán tranh được cho thiên hạ với giá đó?"

Hắn phân trần hắn là một người buôn bán tranh ảnh lâu đời tại Nữu Ước. Hắn quen biết lớn. Hắn có một số khách hàng giàu có. Họ quá giàu và họ hái ra tiền nhanh đến nỗi không còn thấy sự khác biệt giữa một trăm ngàn hay hai trăm ngàn đô la. Họ có thể vung tay tiêu bạc triệu nếu họ thích một món hàng nào.

Hắn thuyết phục Nam nên bán tranh chứ không nên giữ lại. Họa sĩ cũng là con người cần những vật chất. Nghệ thuật tuy cao quí nhưng nghệ thuật phải phục vụ nhân sinh. Trước hết, nghệ thuật phải nuôi sống người tạo ra nó, rồi sau đó mới tính đến chuyện phục vụ thị hiếu của quần chúng.

Hắn dỗ dành: "Anh cần phải tạo tên tuổi. Bán bức tranh này, anh sẽ vẽ tiếp bức khác, lo gì..."

Nam lắc đầu. Anh biết rất rõ rằng anh không phải là một cái máy. Mỗi tấm tranh của anh sẽ là một tấm duy nhất. Anh không có khả năng nhại lại ngay chính việc của mình làm. Tranh vô giá như con. Ai đành tâm mua bán con cái? Anh phục vụ nghệ thuật để cùng nghệ thuật thăng tiến, chứ nghệ thuật không phục vụ anh trong việc cơm áo mưu sinh.

Những cái lắc đầu lì lợm của Nam không có gì mới mẻ, xa lạ với người thương buôn. Trong thương trường hắn từng đụng độ với nhiều họa sĩ tài năng. Đa số bọn này hay cao ngạo tự cho tác phẩm của mình là tác phẩm có một không hai. Âu đó là cái bệnh chung của kẻ làm được những điều bất thường, hay, lạ vậy.

Hắn hiểu lắm, vì vậy hắn biết hắn nên nhẫn nại. Trao cho Nam tấm danh thiếp, người thương buôn nói hắn hy vọng một ngày nào Nam sẽ đổi ý. Hắn đặt tay lên vai anh, và nói tiếp, giọng thân mật:

"Những tác phẩm của anh thật độc đáo, có chiều sâu. Tôi rất ngưỡng mộ anh."

Trước khi khuất bóng hắn còn ngoái đầu lại:

"Họa sĩ nhớ kỹ nhé. Xin đừng bao giờ bán rẻ những tác phẩm của mình."

Và hắn đưa ngón tay trỏ lên, nhấn mạnh từng chữ:

"Anh định giá theo ý anh muốn, và thiên hạ sẽ chạy theo..."

Nam gật đầu cảm kích.

Hình như anh vừa tìm được một người bạn tri âm???

6

The New-Face-and-Space Gallery nằm ở đường Alberta, một khu vực với nhà cửa hỗ lốn không mấy đẹp vùng Bắc Nam thành phố. Dân cư ở đây đa số là người Mỹ da màu. Hơn chục năm trước, vùng này ít ai dám bén mảng vì đó là nơi tụ tập của những băng đảng khét tiếng... Gần đây, tự dưng khu phố Alberta sầm uất hẳn lên. Nhiều căn nhà rộng lớn với mái tôn cũ kỹ lỗi thời, tiền thân là những kho chứa hàng bẩn thỉu, đã được sơn phết lại. Dấu vết những tuồng chữ xanh, đỏ nguyệch ngoạc viết những lời chửi thề mất dạy đều được xóa. Những lỗ thủng của hằng hà vết đạn cũng được bôi trét kỹ càng. Thay vào đó là những lớp sơn mới với mầu sắc thời đại, với những bản tên nghe rất lạ tai được dựng lên. Hàng quán, tiệm buôn nhỏ xuất hiện. *Galleries*, những căn phố buôn bán tranh ảnh mỹ thuật, mọc lên như nấm.

Người chủ phòng tranh *The New-Face-and-Space* trạc độ trên dưới bốn mươi tuổi, người da đen. Áo quần hắn bảnh bao, tóc tai hắn thời thượng, nhưng hắn ta không che dấu được nét hốc hác vì thiếu ăn thiếu ngủ. Hắn đứng quan sát năm bức tranh mẫu Nam vừa đưa tới. Hắn xoa hai bàn tay tỏ vẻ hài lòng với kỹ thuật dựng tranh của Nam. Hắn xuýt xoa là tranh có nhiều nét lạ hắn chưa từng thấy. Hắn cho rằng những lần sơn

nổi lên như những sợi gân trong một bức tranh quá độc đáo... Rất điềm đạm, Nam ngỏ ý muốn hắn triển lãm tranh của anh ở đây trong kỳ đại hội sắp tới. Hắn cười xòa nói rất sẵn lòng.

Những cam kết và điều lệ cần có giữa người chủ phòng tranh với họa sĩ được đề cập tới như những giáo điều. Khi nói về phần hoa hồng chia chác, gương mặt hắn bốc sáng. Nhưng khi Nam đưa ra những con số về trị giá của những tranh anh muốn bán, gương mặt hắn đanh lại. Hắn giận dữ nhanh chóng:

"Trời ơi, ông nội tưởng ông nội là ai mà đòi bán tranh bạc triệu?"

Hắn ngưng lại một lúc để thở, rồi tuôn một tràng dài: "Ông có điên chưa hử? Một họa sĩ nổi danh như Thomas Kinkade còn chưa ra giá như anh. Huống hồ gì anh chỉ là một tên họa sĩ ma cà bông, vô danh tiểu tốt?"

Nam vẫn điềm đạm: "Đồng ý với anh tôi là một nghệ sĩ chưa ai biết đến. Nhưng tôi hiểu rằng tất cả mọi người, ai vào đời cũng phải bắt đầu bằng hai chữ 'vô danh.' Tôi không thể là một ngoại lệ... Vấn đề là những tác phẩm nghệ thuật của tôi sẽ được yêu chuộng hay không, đó là mấu chốt để đi đến sự hữu danh."

Lois, tên của người da đen, vò đầu: "Thôi đi cha! Trước hết cha phải hiểu rằng tôi mở tiệm buôn để kiếm lời. Có bán được hàng của anh, thì tôi mới có ăn. Hai chữ 'triển lãm' kêu cho xôm tụ, gọi cho vui, chứ tôi điên gì bày tranh của anh khơi khơi cho thiên hạ xem? Muốn duy trì phòng tranh này, mỗi tháng tôi phải trả bao nhiêu là chi phí..."

Hắn lấy tay vỗ bành bạch vào cái bụng, miệng nói tiếp:

"Nói thật với anh, cái bụng này đói lắm nghe. Sống nghề bán tranh ở khu nhà lá như thế này thật vất vả. Chỉ nhờ được đôi chút khi có đại hội, còn những ngày khác tôi phải làm thằng giữ con cho thiên hạ để có miếng cơm."

Lois vừa nói vừa đưa tay chỉ ba đứa trẻ đang chạy chơi gần đó, rồi tiếp tục, giọng đã dịu lại:

"Trông cái tướng anh, tôi biết khả năng tài chánh của anh cũng không hơn gì tôi. Vậy anh nên bắt đầu bán tranh với giá hai, ba trăm một tấm, thiên hạ mới đủ sức mua. Anh từ từ tạo ra một thị trường cho món hàng của anh. Từ đó tranh anh được phổ biến rộng rãi. Khi anh có tiếng rồi, tự dưng hàng của anh sẽ có giá."

Hắn ngừng lại để nuốt nước bọt, rồi tiếp tục lên mặt dạy đời: "Anh biết không, anh phải leo lên từng nấc thang một. Trèo chậm chắc ăn, anh hiểu chưa?"

Thông cảm với Lois, Nam đề nghị xin trả tiền thuê phòng tranh trong thời gian triển lãm. Nhưng hạ thấp giá tiền bán thì Nam quyết không làm. Anh nói với Lois anh oán ghét xã hội bất công với giới nghệ sĩ. Khi họ còn sống, tác phẩm của họ bị chà đạp, bị coi rẻ rúng. Tranh của họ khi tung ra thị trường thường bị đám con buôn bắt chẹt và ăn chận. Chủ những phòng bán tranh thường làm khó dễ những họa sĩ chưa nổi danh, và hay có thái độ ban ơn trịch thượng. Đời của nghệ sĩ là những chuỗi ngày triền miên đói khổ, lây lất. Cái áo bạc màu của họ làm nhân phẩm của họ bị coi thường...

Giọng nói của Nam mỗi lúc mỗi thiết tha hơn, và anh nhắc lại trường hợp của danh họa Frida Kaloh. Trong thời sinh tiền, tác phẩm của người nữ họa sĩ này không ai thèm mua. Bà đã phải sống một đời dựa thân, núp bóng người chồng Diego Rivera. Phải đợi hơn bảy mươi năm sau thì tranh của bà mới được trọng vọng. Ngày nay, họa phẩm của Frida Kaloh trị giá năm triệu đô la, thì bà đã ra người thiên cổ. Con ma kia, giả dụ như linh hồn Frida Kaloh vẫn còn tồn tại trong một thế giới vô hình nào đó, chắc đã vất vưởng bên những tác phẩm của mình? Hồn ma nhẫn nhục chờ ngày vinh quang hôm nay? Liệu bà có hài lòng trong uất hận?

Họa sĩ là người đã sáng tạo những tác phẩm nghệ thuật, nhưng ai là người hưởng lợi trên công lao, mồ hôi xương máu của họ?

Nam nghiêm sắc mặt, giọng cứng cỏi:

"Vâng, tôi là một tên họa sĩ nổi loạn. Tôi muốn phá xiềng xích thay đổi những truyền thống cũ... Tôi không chấp nhận những ai lợi dụng nghệ thuật để trục lợi. Từ trước đến nay, giới họa sĩ đã chết hay đang sống đều là nạn nhân."

Và anh nhấn mạnh:

"Tôi muốn hái những hoa trái mà tôi đã đổ bao nhiêu công sức ra trồng... Tôi muốn nếm hương vị ngọt bùi của vinh quang khi tôi còn sống... Một mai kia tôi qua đời, các người đua nhau vinh danh tôi, nào có ích gì?"

Lois trố mắt nhìn Nam. Gương mặt người họa sĩ nhăn nhúm đau khổ khi anh tuôn ra nỗi lòng của mình. Người da đen lại vỗ vai Nam, thân mật:

"Có nghĩa anh không cần bán những tranh này nếu không được giá?"

"Đúng vậy."

Lois vỡ tiếng cười. Anh lớn giọng:

"Được. Anh chịu chơi như vậy, tôi khoái lắm. Thằng này thua anh sao?... Tôi sẽ để anh triển lãm kỳ này, không lấy tiền thuê."

Và hắn phân bua, như tự an ủi: "Thực ra tôi thích tranh của anh lắm... Biết đâu!... Trên đời này đã có một thằng họa sĩ khùng là anh, lại có thêm một thằng buôn tranh khùng là tôi, thì cũng có thể sẽ có một thằng khùng khác bỏ bạc triệu ra mua tranh của một họa sĩ vô danh ...Ha ha ha!... Chúng ta đồng ý chia 50/50 nhé..."

7

Thiên hạ kéo nhau đến vùng Bắc Nam thành phố đông như kiến. Từ đầu đường cho đến cuối đường Alberta có khoảng hơn 50 phòng tranh. Đủ các thể loại, đủ các màu sắc, đủ hết tên tuổi của hàng trăm nghệ sĩ địa phương. Có những bức tranh với những nét họa nhẹ nhàng thoát tục thì cũng có những bức chứa đầy những hình ảnh quái dị về thế giới vô hình. Có những bức tranh diễn đạt nội tâm qua những mầu sắc đối chọi nhau, thoạt trông rất khó chịu, nhưng chúng mang một sắc thái rất mới lạ. Có những bức họa cực kỳ tinh xảo thì cũng có những bức rất thô sơ đơn giản không ngờ. Có những tranh vẽ những con người mà tứ chi đều đảo lộn, vị trí mắt mũi miệng ở những nơi không giống con người bình thường, trông thật lạ lùng. Với sự thăng tiến của khoa học hiện đại, có những bức tranh được hình thành bằng những xảo thuật điện tử rất đẹp mắt. Quả thật con người có quá nhiều tưởng tượng và khả năng sáng tác của các nghệ sĩ thật vô cùng phong phú và đa dạng. Nếu đem chấm điểm thì khó mà đánh giá trị cao thấp của mỗi nghệ sĩ, vì ai cũng có những nét độc đáo riêng...

Tranh được trưng bày quá nhiều, và thưởng thức tranh trong một khung cảnh xô bồ náo nhiệt thì không thích hợp chút nào. Do đó người đi xem tranh như đi chợ. Họ chỉ lướt qua, với thái độ nhìn-cho-biết, hơn là để thưởng thức nghệ thuật. Rất ít phòng tranh nào bán được hàng.

Nhưng khi ai có dịp đặt chân đến phòng tranh *The New-Face-And-Space*, họ đều dừng lại ở đó rất lâu. Một là vì nơi đây không khí tự dưng rất nghiêm túc. Hai là vì dưới mỗi bức tranh đều ghi giá bán với một số tiền khổng lồ. Họ đứng lại ngắm nghía tranh, tò mò cố tìm hiểu tại sao tranh có thể đắt giá đến như vậy được: số ít nhất là năm trăm ngàn đô la, số cao nhất là năm triệu!

Phòng triển lãm rất rộng. Dưới những bóng đèn nhỏ, được thiết trí đúng chỗ, tranh như vươn dậy, tranh như hớn hở, tranh như đón chào. Hơn sáu mươi tác phẩm của họa sĩ Phạm Kỳ Nam tỏa ra một hơi ấm kỳ diệu làm lòng người xem nao nao.

Nghệ nhân đứng ở một góc phòng, anh yên lặng chăm chú theo dõi những người thưởng ngoạn. Có những tiếng xầm xì to nhỏ. Có những cái chỉ tay thắc mắc. Có những đôi mắt lim dim như đang đi vào mộng. Cô thiếu nữ tóc vàng lấy tay quẹt nước mắt, cô ngả đầu vào vai tình nhân. Anh chàng quàng tay qua ôm lưng bạn gái, thầm thì hỏi điều gì đã làm cho cô rơi lệ. Tay chỉ bức tranh mang tên "*No Apples*" treo trên vách, cô nói:

"Anh, có phải chính em trong đó không? Thật tuyệt vời quá. Em cảm thấy như đang chơi vơi bay bổng. . ."

Một người Á Đông chống cằm nhìn không chớp mắt bức tranh mang tên "***Hope never dies,*** *" niềm-hy-vọng-không-bao-giờ-tắt*. Trong đó, một trái cầu vàng ửng chói đang lềnh bềnh trôi trên đại dương. Sóng gió, giông tố phũ phàng bổ tấp vào nó, nhưng trái cầu vàng vẫn ung dung tự tại nhờ một cọng lông mong manh như tơ luôn nâng nó lên...

Một đôi vợ chồng, tóc hoa râm, đứng trước bức họa "***Sung mãn vô-hạn-định***" đã hơn mười lăm phút. Họ vẫn chưa chịu dời gót qua thưởng thức những bức tranh khác. Người đàn ông thay đổi thế đứng nhiều lần, đầu nghiêng qua ngó lại và quan sát bức tranh ở nhiều góc cạnh khác nhau. Người vợ thì có vẻ như đang bị khích động, bà hay nhón gót nói nhỏ vào tai chồng. Ông gật gù, mắt vẫn dán vào những hình ảnh đang thấy. Trông họ rất tâm đắc.

Nam bước lại, tự giới thiệu mình là tác giả của những bức họa trong phòng. Anh nhã nhặn xin vui lòng được đáp những thắc mắc của họ, nếu có. Người đàn ông đằng hắng lấy giọng, rồi thong thả nói:

"Kết cấu của bức tranh này rất đặc biệt. Có một cái gì trong đó vô cùng lôi cuốn tôi làm tôi không muốn rời nó. Trong lòng tôi háo hức vui sướng lạ kỳ, tâm hồn tôi rộn ràng khó hiểu. Tôi thích nó quá. Có điều tôi không hiểu, tranh hay thì có hay thật, đẹp thì có đẹp thật, lạ thì có lạ thật, song giá gì mà khiếp thế? Nó có xứng đáng được bán với giá năm triệu đồng không?... Bán hết gia tài sự nghiệp tôi, e cũng chưa đủ số..."

Nam mỉm cười. Anh nói rất chậm rãi:

"Xin ông bà hãy thử tưởng tượng... Giả dụ như tôi đang đem tới trước mặt ông bà một thúng, xin nhắc lại một thúng, đầy ắp kim cương. Hạt kim cương nào trong đó cũng cân nặng hơn năm ca-

ra. Ông bà sẽ có phản ứng gì trước cái gia tài khủng khiếp đó?"

Cả hai vợ chồng người xem tranh lúng túng chưa biết phải trả lời như thế nào. Nam nhìn họ một lúc. Thấy họ vẫn chưa tìm được câu trả lời, anh nói tiếp:

"Có phải phản ứng của ông bà sẽ như thế này không?"

Vừa dứt câu hỏi, Nam trợn mắt. Miệng anh há hốc. Hai bàn tay anh mở rộng đưa lên nửa vời, nhưng trông chúng cứng như bị đông đá. Người đàn bà gật đầu lia lịa:

"Vâng. Vâng. Đúng như vậy."

Tức thì Nam vừa đưa ngón tay trỏ lên, vừa vui mừng kêu:

"*That's it!* ... Lúc nãy, phản ứng đầu tiên của ông bà khi nhìn thấy bức tranh hoàn toàn y hệt điệu bộ tôi vừa diễn tả... Xin ông bà hãy đọc kỹ hàng chữ ghi ở phía dưới, đó là linh hồn của tranh."

Người chồng cúi xuống lẩm nhẩm từng chữ một: *Sung, Mãn, Vô, Hạn, Định.* Ông hỏi tại sao bức tranh lại mang cái tựa đề đó. Nam hỏi ngược:

"Ông bà có thấy hằng hà viên kim cương đang nhấp nhóa trên tranh không?"

Bà vợ nhìn những vết ấn của dao vẽ, chẳng khác gì mặt cắt của viên đá cực quí, bà thì thào: "Vâng, nhiều kim cương lắm."

"Ông bà hãy đứng nghiêng một chút thì sẽ thấy rất nhiều huy chương vàng, huy chương bạc, huy chương đồng."

"Vâng, trời ơi, sao huy chương nhiều đến thế nhỉ?"

"Lùi bước xa một chút, ông bà có thấy nào núi vàng, nào hầm bạc ẩn hiện không?"

Vừa dụi mắt mình, ông chồng vừa gật gù:

"Đúng như thế. Lạ nhỉ, trước kia tôi chỉ thấy một khung vải trống với màu sắc bàng bạc. Bây giờ ông điểm chỉ ra, thì tôi mới khám phá ra cơ man trân châu và bạc vàng. Hóa ra chúng nằm ẩn trong tranh ..."

Nam khôi hài: "Ở đời, người ta thường cất giấu bảo vật ở những nơi kín đáo, đâu có ai khoe ra cho kẻ cướp biết?!"

Anh lại nói tiếp: "Bây giờ ông bà xem thêm một chút nữa nhé. Ông bà có thấy một bó hoa hồng nở rộ không? *Ah, la vie en rose!*... Vâng, bức tranh có kim cương tượng trưng cho sự sang cả bề thế, có bạc vàng tượng trưng cho giàu có vượt bực, có huy chương tượng trưng cho danh dự cao quí, có hoa hồng luôn nở tượng trưng cho hạnh phúc vô biên... Như thế không phải sung mãn vô-hạn-định là gì? Đem về nhà một báu vật như vậy mà chỉ trả có năm triệu đô la thôi, tôi nghĩ giá đó thật quá rẻ..."

Hai người khách đứng ngớ người một lúc, rồi họ cùng nói:

"Vâng, với một tác phẩm thần kỳ như thế thì giá năm triệu không mắc. Nhưng, chúng tôi làm gì có số tiền đó để mua..."

Nam cười dễ dãi: " Không sao. Nếu quí vị không đủ sức mua, thì tôi có thể để quí vị được sờ nó một chút. Như vậy được chứ?"

Họ xì xào: "Vâng, như vậy có gì quí bằng."

Cả hai vợ chồng cùng bước sát bức tranh "*Sung mãn vô-hạn-định.*" Mỗi người lấy tay trịnh trọng lướt nhẹ lên khung vải, gương mặt lộ vẻ sung sướng mãn nguyện. Hằng trăm người đứng vây quanh cũng xin phép được sờ tranh. Thế là những đợt người từ đâu tràn vô như sóng. Họ tự xếp thành hàng dài. Dù không chứng kiến được cảnh đối thoại giữa Nam và hai vị khách, họ thấy những người đi trước làm gì thì họ cứ làm theo như vậy.

Chủ nhân của *The New-Face-And-Space Gallery* đứng như trời trồng, quá ngạc nhiên trước cảnh tượng lạ lùng chưa từng có. Anh cau mày, hoang mang không thể hiểu nổi.

Anh lắc đầu nhủ thầm, thế giới này quả có rất nhiều người mất trí!.. .

8

Lois buồn không thể tưởng. Chỉ còn một giờ nữa thôi thì cuộc triển lãm sẽ chấm dứt mà tranh của Nam không bán được một bức nào. Ngày đầu tiên, thiên hạ ào ào rất xôm tụ, nhưng những hôm sau, phòng tranh vắng hoe.

Lois buồn đứt ruột khi nhớ lại cơn bốc đồng của mình. Anh đã bằng lòng để cho Nam triển lãm miễn phí, trong khi nợ nần của anh càng ngày càng chất cao như núi. Lois ghét nhất là khi Nam cứ nhắc đi nhắc lại khung cảnh sắp-hàng-sờ-tranh. Trông hắn sung sướng hài lòng lắm. Kể ra tên họa sĩ này thật có tài hùng biện. Gớm, cái miệng hắn như bôi mỡ thoa đường, nói chi ai nghe cũng lọt tai. Cái hấp lực của tranh hắn cũng thật lạ kỳ. Đêm đó hầu như ai cũng bị hoa mắt, nhẹ lòng hay sao ấy...

Lois uể oải đi tới đi lui, nhắc cho Nam biết là Nam phải gỡ tháo tất cả tranh ngay tối nay, vì Lois đã nhận lời cho một nhóm họa sĩ khác sử dụng phòng tranh ngày mai. Nam gật đầu không trả lời. Nam thông cảm nỗi bực dọc của anh chàng da đen này. Anh ta thuộc loại nghệ sĩ tay làm hàm nhai, vẽ là một cái nghề chứ không phải một cái nghiệp. Anh ta cũng là một con buôn với

những tính toán lời lỗ. Lẽ tất nhiên không có điều gì quấy trong đó cả, vì mỗi người có một quan niệm sống khác nhau. Mỗi người có những ưu tư khác nhau. Không ai hoàn toàn đúng, không ai hoàn toàn sai.

Một đám người lạ bước vào, cắt dòng tư tưởng của Nam. Họ đều ăn vận rất lịch sự, áo vét cà vạt rất chỉnh tề. Họ nói họ vừa mới dự một cuộc khánh thành cho một cơ sở từ thiện gần đó. Luôn tiện trước khi về, họ muốn ghé qua thăm một vài cửa hàng trong khu phố. Họ tò mò muốn biết đời sống của giới nghệ sĩ địa phương.

Lois vồn vã bắt tay họ, hoan hỉ mời họ vào. Gì chứ được dịp nói về Alberta thì anh rất thích. Lois sinh ra và lớn lên tại đây. Anh rất hãnh diện về cộng đồng da đen của anh, và anh cũng rất hãnh diện là Alberta đã thoát xác để trở nên một khu vực nghiêng về văn hóa nghệ thuật.

Mặc cho Lois thao thao bất tuyệt với ai, Nam theo chân một vị khách khác đang tách ra khỏi bọn. Ông này có vẻ thích thưởng thức tranh hơn là nói chuyện. Nam âm thầm theo dõi từng nét mặt của ông khi ông đứng trước mỗi bức tranh. Ông ta rất nghiêm nghị.

Khi đứng đối diện với bức tranh *Sung Mãn vô-hạn-định* thì người khách không dấu được sự xúc động. Ông chăm chăm nhìn nó rồi nhíu mày. Sao như một *déjà vu?* Càng nhìn, ông càng thấy nó rất gần gũi quen thuộc. Ông bóp trán suy nghĩ... Ông đứng rất lâu với nó, ông mím môi, ông khoanh tay rồi lại thả tay xuống... Cuối cùng ông bước chân qua bức tranh kế cận, nhưng rồi ông quay trở lại ngay. Ông băn khoăn không hiểu tại sao ông lại lưu luyến với nó đến như thế này. Trong lòng ông nói rằng bức tranh đã được vẽ cho ông. Nó phải thuộc về ông. Nhất định nó phải thuộc về ông...

Ông quay qua Nam. Không chờ ông hỏi, Nam nửa đùa nửa thật bảo rằng tranh nằm chờ chủ đã lâu. Người khách nhếch môi cười, không trả lời.

Lois run lên như đang sốt, trong tay anh là tấm ngân phiếu năm triệu đồng vừa mới nhận được. Con số năm triệu, giòng chữ năm triệu, như đang nhảy múa trước mặt anh. Lois bỗng òa khóc nức nở. Anh không thể ngờ anh trở thành triệu phú nhanh như vậy. Trời ơi, Nam ơi, anh rên rỉ.

9

Nam tựa đầu lên chiếc ghế *sofa*, đôi mắt nhìn lên màn ảnh vô tuyến. Liên tiếp hơn tuần nay, tin tức thời sự của tất cả các đài truyền hình cũng như tất cả báo chí quốc tế, đều nhắc đi nhắc lại đến một sự kiện sốt dẻo. Trong lịch sử hội họa, đây là lần đầu tiên một họa sĩ đương thời, ông Phạm Kỳ Nam, đã bán được một bức tranh với giá kỷ lục, năm triệu đô la!

Nam còn nhớ hôm qua anh có đọc được một bài phỏng vấn của tờ nhật báo New York O'Times. Người chủ mới của bức họa *Sung Mãn vô-hạn-định* cho rằng ông ta rất may mắn đã mua được một báu vật. Hỏi động lực nào đã xui khiến ông bỏ ra một số tiền rất lớn để mua tác phẩm của một họa sĩ vô danh? Và tại sao ông coi đó là một báu vật? Ông trả lời rằng ông không bận tâm về việc người nghệ sĩ đó có tiếng hay không. Ông cho rằng chất lượng của tác phẩm mới là điều đáng kể.

Đối với riêng ông, nó là một báu vật. Ông cho biết bức tranh chứa đựng một chiều sâu quá phong phú, song ông xin phép không nói nhiều về chi tiết. Ông chỉ có thể chia sẻ với mọi người một vài điều vui vui. Ví dụ như lần đầu tiên ông "gặp" nó ở Alberta, tranh đã cho ông biết ông là ai... Nhiều cổng rào mở rộng mời ông bước vào. Một tòa lâu đài với rất nhiều cửa sổ (*windows*) xuất hiện. Khi ông đưa tay chỉ vào cánh cửa sổ thứ nhất, vô số tiền bạc theo cơn gió lạ ào ào tuôn vào cửa, chất thành núi. Tiền bạc khắp nơi trên thế giới không ngớt đua nhau đổ vào nhà.

Nhà báo lại hỏi: "Nhiều người nói rằng họ thấy kim cương, huy chương, vàng bạc, hoa hồng ở trong tranh. Ông không thấy chúng sao?"

"Có chứ, những thứ đó đầy dẫy trong nhà của tôi. Vì thế khi chúng có mặt trong tranh, đâu có gì là lạ?"

"Vâng, chúng tôi biết trước khi mua bức tranh, ông đã và đang là người giàu nhất trên thế giới. Ông còn muốn giàu thêm gấp bội nữa ư?"

"Tác phẩm "***những cửa sổ***" do chính tôi sáng tạo nhiều năm trước đã đem đến cho tôi một sung mãn vô hạn định rồi. Tôi cần gì có bức tranh của ông Phạm Kỳ Nam để kiếm bạc thêm?... Các ông không thấy sao, ***Window*** có thêm cái đuôi chữ "***s***", có nghĩa tôi sẽ còn mở được thêm rất nhiều cửa sổ nữa. Việc làm của tôi trong tương lai không có mục đích kiếm lợi, mà để phục vụ nhân loại tiến lên những chân trời xa rộng mỹ mãn hơn. Những cửa sổ đầy dẫy sáng tạo sẽ mở rộng ra. Trong những thế kỷ mới, loài người sẽ vươn lên, vươn lên mãi để chinh phục bao hành tinh khác. Hiện tại, máy vi tính là cánh tay nhiệm mầu nối muôn nơi trên địa cầu trong nháy mắt, nhưng trong nay mai nó sẽ giúp chúng ta đàm luận, buôn bán và hợp tác với những sinh vật ở

Hỏa tinh ... A! tôi đã đi lạc đề rồi!... Xin trở lại với câu hỏi. Tôi mua bức tranh để ... trước nhất, để tỏ bày lòng hâm mộ họa sĩ Phạm Kỳ Nam đã định nghĩa hai chữ sáng tạo quá tuyệt vời qua tranh của ông. Sau đó, tôi hoàn toàn đồng ý với ông ấy, rằng nếu một vật mình sáng tạo đáp ứng được, thỏa mãn được cái khao khát của nhân gian thì sự sung mãn sẽ đến với mình vô cùng tận. Bản thân tôi là một ví dụ sống... Vinh hoa phú quí đến với tôi không phải do tôi may mắn trúng số, mà đó là phần thưởng của công trình khai phá do tôi tạo nên."

"Như vậy, họa phẩm *Sung mãn vô-hạn-định* trong tay ông có dư thừa không?"

"Sao lại dư thừa? Tranh và tôi đã đi tìm nhau để bổ sung cho nhau. Nó sẽ là gạch nối giữa nền nghệ thuật ở trái đất với nền nghệ thuật vô tiền khoáng hậu của hành tinh chúng ta sắp kết bạn. Đó là một báu vật... Tôi tin rằng chỉ có tôi mới có đủ khả năng bảo vệ được nó. Tạm thời, xin coi tôi là một người giữ của đáng tin cậy..."

Nam mỉm cười. Ông này thật khéo nói! Anh mãn nguyện là tác phẩm của anh đã đến đúng nơi đúng chỗ trong lúc này.

10

Barbra Winter, nữ phóng viên của đài truyền hình ABCD News, đến thăm Nam khi anh đang bận đọc *email* của những người hâm mộ gửi đến cho anh, qua mạng lưới *Internet*. Sau nửa giờ hỏi/đáp lăng nhăng về cuộc-đời-và-sự-nghiệp-tác-giả, Nam cảm thấy rất mỏi mệt.

Barbra ngỏ ý muốn xem tranh của Nam. Rất miễn cưỡng, Nam mời bà ấy vào phòng ngủ.

"Ồ!" Barbra bật lên tiếng kêu lớn.

Trên bốn bức tường của căn phòng khá rộng, Nam treo san sát những họa phẩm của mình. Vừa bước vào phòng, Nam cười đùa:

"Có lắm lúc tôi nghĩ, nếu có một ngày nào tôi ngủ luôn không dậy, thì thú vị biết bao khi thiên hạ khám phá ra tôi nằm chết giữa một rừng tranh..."

Người nữ phóng viên truyền hình cũng nói dí dỏm không kém:

"Ông quả là một họa sĩ lãng mạn. Nhưng nằm giữa những mầu sắc như thế này ông không thấy ngộp sao?"

Nam cười ngất: "Làm gì ngộp được! Mỗi ngày nằm yên trên giường, tôi có thể nhìn ngắm những tác phẩm của tôi. Và tôi không thể không bàng hoàng mỗi khi khám phá thêm một huyền nhiệm mới trong một tác phẩm nào đó."

"Như vậy tranh của ông tự nó liên tục sáng tạo?"

"Đúng như vậy. Chúng không gây sự nhàm chán vì luôn tạo những ấn tượng mới cho người xem."

Barbra hỏi: "Động lực nào khiến ông ra giá năm triệu đô la cho bức tranh *Sung mãn vô-hạn-định?* Tại sao ông chọn con số đó? "

"Tôi để giá năm triệu, như một cái *test*, để dò xem sự ứng nghiệm của bức tranh. Đó là một con số có tính cách thách đố. Từ trước đến nay, chỉ có tranh của những họa sĩ đã mãn phần, ít nhất trên 25 năm, mới được bán bạc triệu."

Barbra lại thắc mắc: "Nếu ông biết được bức tranh *Sung Mãn vô-hạn-định* có khả năng đem lại sự thịnh vượng vô bến bờ cho ai làm chủ nó, chắc ông sẽ giữ làm của riêng cho mình?"

Nam nhíu mày. Anh đứng im một lúc rồi trầm giọng:

"Một tác phẩm có chất sáng tạo, một khi đã được hoàn tất, không còn thuộc về người đã gây dựng nó. Nó phải được bung ra để thuộc về nhân gian."

Nam đứng trầm ngâm một chút. Rồi mỉm nụ cười hiền hòa, anh nói tiếp: "Con người cũng vậy. Các con là những tác phẩm đầy sáng tạo của cha mẹ. Một khi chúng khôn lớn nên người thì chúng tung cánh bay trong nền trời cao rộng... Chúng lại liên tục sáng tạo ra những thế hệ khác..."

Đưa tay chỉ những tấm tranh trên tường, Nam nghiêm trang nói:

"Với một số tranh như thế này, tôi chẳng phải đã rất sung mãn hay sao?"

"Có nghĩa là chúng sẽ đem về cho ông một nguồn lợi tài chánh đáng kể và một tên tuổi lớn?"

"Có thể lời bà nói đúng. Song đối với tôi, xin bà ghi nhớ cho điều này. Nghệ nhân sung mãn trong sáng tạo hạnh phúc hơn sung mãn trong vật chất."

Barbra đưa mắt nhìn Nam. Bà gật gù, giọng đầy ngưỡng mộ:

"Ông đúng là một nghệ nhân!... "

Buổi chiều qua mau. Màn đêm đang phủ xuống chân đồi. Nam đứng nhìn những ngọn đèn đường vừa được thắp sáng, hai tay anh chắp lại vào nhau. Anh thì thầm nhắc lại lời nói cũ:

"Đi tìm thì sẽ gặp. Gõ cửa, cửa sẽ mở."

Vâng, anh đi tìm và đã gặp. Anh gõ cửa và cửa đã mở.

Phước hạnh thay!

Oregon, 12/06/2003 @ 2:00 am

HKKM

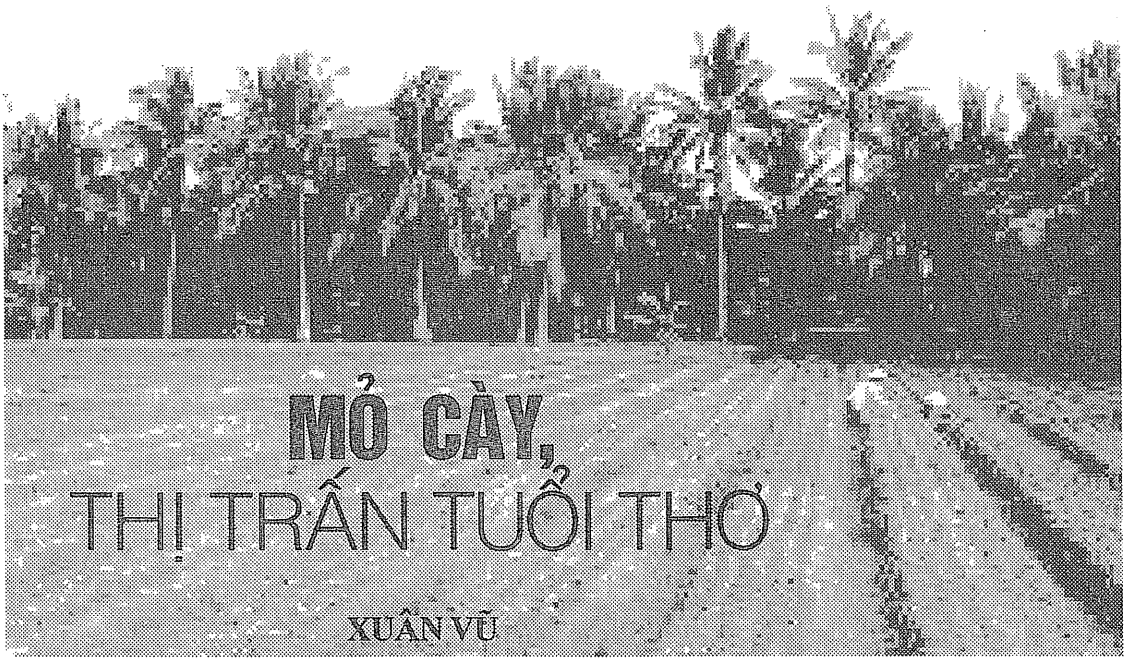

MỎ CÀY, THỊ TRẤN TUỔI THƠ

XUÂN VŨ

Tàu vừa đỗ lại, hai sợi dây đỏi chưa buộc xong, hành khách đã ào xuống chiếc cầu gỗ rồi tràn lên bờ. Tôi và thằng Quý vì có hai chiếc *waly* cồng kềnh nên phải chờ khách thưa rồi mới rê nó xuống sàn cầu. Quý muốn tôi đứng trông coi *waly* để nó chạy về kêu người nhà xuống phụ. Nhưng tôi bảo mình cứ khiêng đi. Thứ *waly* của học trò trường tỉnh không nặng mà cũng không nhẹ lắm.

Ở bên cầu tàu là cổng sau của trường Quận nơi chúng tôi học cách đây vài năm nhưng đây là lần thứ nhất tôi có dịp đi ngang. Ngày còn học ở đây, mỗi lần ra chơi gặp tàu đỗ lại thì bọn tôi nhìn một cách say sưa. Còn nếu ngồi trong lớp mà nghe tàu súp lê thì nghểnh cổ nhìn qua cửa sổ lắm khi bị thầy rầy. Tàu đi để lại một vệt khói đen dài như một làn tóc huyền rồi tan loãng thành màu xám như một mơ ước mong manh mơ hồ của tuổi thơ. Tiếng còi tàu rền vang như một tiếng kêu gọi hão huyền âm vang vào những tâm hồn thơ dại đang muốn làm khách viễn du.

Hai dãy nhà trường gối đầu lên nhau thành chữ "L" vẫn còn nguyên đó, ngói đỏ như không mang thêm vết rêu nào của thời gian. Ông già lao công thì có vẻ còm đi với mái tóc bạc hơn. Lão cũng như lũ học trò, mỗi lần tàu đỗ thì ra ngóng, dù biết chẳng có ai quen trong chuyến tàu. Lão nhìn chúng tôi, không nhận ra là đám con nít quỉ đã từng phá lão, từng chui hàng rào trước khi trống đánh để hái vú sữa, những trái vú sữa chưa ăn được cũng hái bừa cạp đại rồi ném nhanh để bị thầy phạt, ít ra là vài ba lần trong một năm.

Trường vắng hoe buồn bã vì học trò đã học xong lớp cuối cùng của niên học. Tôi còn dư một tay, vẫy lão nhưng lão đứng im vẻ mặt buồn hiu như mặt sân vắng học trò, phủ đầy lá khô, không cả dấu chổi quét hàng ngày của lão. Đối diện với cổng trường là cội điệp già. Đó là bạn thân của ông chủ nhà trọ của tôi trước kia. Ông có mái đầu bạc phơ như Nam Cực Tiên Ông. Bàn cờ tướng đặt trước mặt ông càng làm cho ông có vẻ *tiên phong đạo cốt*. Ông là nghệ sĩ cờ tướng. Cứ mỗi chuyến tàu đến ông đều có mặt ở đây, ngồi dưới gốc điệp già này, không đâu khác. Ông bày bàn cờ dưới đất và xếp cờ thế. Nhiều vị khách thấy dễ ăn xông vào đánh bị ông chiếu bí dễ dàng. Sở dĩ tôi biết như vậy là vì khi còn ở nhà ông, ngày nào đi về ông cũng khoe chiến thắng. Có những trận dễ dàng, có những trận gay go nhưng cuối cùng ông đều hạ được đối thủ.

Chung quanh ông là gánh bánh lọt, bánh cam, bánh còng, vài ba đứa bé quảy thùng cà rem đứng chia bóng mát với ông dưới tàn cây. Bàn cờ hình như vẫn là bàn cờ năm nào. Khác chăng là ông thêm một chiếc bàn con để đặt bàn cờ và một chiếc ghế đẩu dành cho đối thủ. Hồi trước ông có mang theo chiếc dù để che nắng. Bây giờ vẫn chiếc dù đó, duy có nhiều mụn vá hơn. Thay vì một tay thì di động những con cờ thì bây giờ ông buộc dù vào chân ghế để rảnh cả hai tay, rộng tầm hoạt động.

Tôi và Quý dừng lại. Tôi lột chiếc nón mãng

cầu trắng và mọp trước mặt ông:

- Thưa ông Ba!

Ông ngưng tay đang xếp con cờ chậm chạp ngẩng lên nhìn tôi với cặp mắt lờ đờ mỏi mệt:

- Đứa nào đó?

Tôi phải kể nhiều chuyện để ông có thể nhận ra vì tôi không có thành tích nghịch ngợm cho ông dễ nhớ. Ông nhìn tôi hồi lâu rồi mới hỏi:

- Bộ cháu không còn học đây nữa à?

- Dạ cháu đã lên tỉnh.

Ông nói với giọng ngạc nhiên:

- Á, vậy hả?

Vừa lúc đó một tay chơi cờ ngồi vào ghế. Ngoảnh sang trường, tôi đưa mắt nhìn qua hàng rào bông bụp lưa thưa được cặp thêm một lượt giây kẽm gai. Mấy chiếc mái vú to vẫn còn đứng ở sau lớp nhì 2 năm B của thầy Võ Thành Ký. Tôi ngồi ở bàn sau cùng chỉ cách mấy cái mái một dãy hàng ba. Đó là nguồn giải khát thỏa thuê và miễn phí của chúng tôi. Giờ chơi, cứ lao ra đá bóng bạt mạng. Khi trống đánh thì nhào tới quơ lấy chiếc gáo làm bằng lon sữa bò, sét đóng vàng khè, múc nước tha hồ ực, thằng này giành với thằng kia, vì sợ trễ giờ, mỗi đứa chỉ uống được nửa lon, không chừng nuốt cả những con lăng quăng. Bây giờ trở lại đây với *bộ đồ tây trắng*, giày nón đều trắng tinh. Nhớ những cảnh cũ thấy mình già và chỉnh tề hơn nhiều. Lớp trẻ lại vào ngồi trên băng và học những bài của mình từng ngồi từng học trước đây. Cứ thế không bao giờ dứt. Như một dòng suối tuôn không biết đâu là *Thủy* đâu là *Chung*.

*

Nhà của Quý ở cách trường chừng vài trăm thước. Khi xưa tôi qua lại hằng ngày, ngồi lê lết trên bậc đá trước cửa nhà. Học một lớp, bây giờ lên tỉnh lại cùng trường, đi về chung có bạn nên hai đứa đã thân nhau từ lâu như hình với bóng.

Bao giờ cũng vậy, khi về tới đây tôi phải nhắn nhà đem xe ngựa lên rước. Nếu sớm thì xe ngựa đến liền còn tối thì tôi phải sang nhà ông Ba Cờ tướng ở để chờ sáng mai. Lần này Quý bảo tôi ở lại nhà nó, để cơm nước xong hai đứa cùng qua thăm thầy cũ ở xế xế bên kia đường.

Chúng tôi vừa cởi giày ra hai thằng em út của Quý biết ý, cầm trái banh *tennít* giẫn giẫn trước sân. Thế là chúng tôi chạy lại sân trường. Hai cây sao con khẳng khiu đứng làm trụ *gôn* suốt đời cho lũ học trò vẫn còn đó, có vẻ khẳn hẳn đi với nhiều vết sẹo trên da. Ở đây chúng tôi đã từng làm *Trương Tấn Bửu, Coréa, Mỹ II, Gôn Tịnh* (1) v.v... Bây giờ lớn rồi, trái banh con chúng tôi đá lọt chân nhưng cũng gầy trận cho đỡ ghiền. Xong một mách chúng tôi kéo ra cầu tàu nhảy "lông giông" thỏa chí tang bồng rồi cứ để quần áo ướt như thế mà chạy về nhà. Cơm nước đã được bác Sáu, má của Quý dọn ra tươm tất, hai đứa em gái kế của Quý là Báu và Châu đã chạy về tới. Hai nàng tiểu thơ này học dưới chúng tôi hai ba lớp. Thấy anh về thì mừng rỡ, nhưng chạm mặt tôi thì khựng lại. Chỉ có bé Châu đứng nói chuyện với Quý và tôi còn Báu thì lẩn luôn vào trong.

Châu múa tay nói:

- Có gánh hát mới mấy anh ơi!

Quý hỏi:

- Gánh gì đó nhỏ?

- Gánh *Bầu Rệp* hay *Bầu Tèo* gì không biết. Nói đùa chớ gánh *Đồng Thịnh*. Tuồng hay lắm!

- Tuồng gì mà hay dữ vậy?

Châu móc tờ quảng cáo màu xanh trong túi đưa cho tôi. Tôi cũng chỉ đọc qua cho có lệ, bụng đang rộn ràng với hình dáng Báu vừa lướt qua. Mới có hai năm mà cô bé thay đổi rất nhiều. Nhất là tâm tính. Trước kia đâu có vậy. Mỗi lần tôi ghé, nàng vẫn tự nhiên cười nói, hỏi bài. Đôi khi tôi bất ngờ bị Báu bịt cả mắt và hỏi *"Đố biết ai"* nữa. Bây giờ vừa trông thấy đã lẩn mất.

Châu liến thoắng:

- Mấy em thì khỏi cần mua giấy cũng ngồi được ghế thượng hạng còn các anh thì phải tốn ít nhất một cắc để đứng hàng cá kèo, hí hí...

Tôi hỏi:

- Sao vậy?

- Vì mấy anh không hóa ra con bò long chun vô miệng Bà La Sát thì làm sao chui qua vải bao lồng chợ được!

- Em chui cách nào, chỉ cho anh với!

- Em có nhiều mánh lới lắm chớ đâu phải chui.

Bác Sáu nói:

- Nó rắn mắt lắm cháu ơi. Chắc hồi đó Mụ Bà nắn lộn. Đi học thì thôi, về nhà thì nó lội xúc cá dưới cái mương nước đen như mực tàu đó.

- Dạ cháu biết cái mương giữa nhà chị Hồng Cúc và tiệm chụp hình Lệ Chơn chảy qua hông nhà ông Cả Biên.

Châu cười ré lên:

- Chị Hồng Cúc học một lớp với anh mà anh kêu bằng chị hả?

- Chớ ai dám kêu em?

- Anh ở đây chơi vài hôm rồi ăn đám cưới lớn

lắm!

- Đám cưới của ai mà lớn vậy em?

Châu cười khúc khích, không đáp. Báu ở trong buồng nói vọng ra:

- Con nhỏ nói thêm không hà! Chị ấy mới đám hỏi chớ đâu mà đám cưới.

Tôi hỏi dồn:

- Mà chị nào vậy... hả em?

Châu đáp hớt trước chị và cười híp mắt:

- Chị của anh chớ chị nào!

Bác Sáu rầy:

- Con không được nói càng ngang với bạn của anh con như vậy nghe Châu.

Cô bé bị mẹ rầy, rụt cổ cười nhỏ lại và trỏ báu. Báu lại đổ cho Châu trả lời. Châu vênh mặt với tôi:

- Người ta cho anh coi toán! Cũng chị của anh đó.

Tôi kêu lên với chút hốt hoảng:

- A... vậy à?

Đó là Ngọc con thầy cũ của tôi. Ngọc học chung lớp nhứt B và ngồi bàn trước tôi. Ngọc rất giỏi toán. Ngược lại tôi coi toán là một cực hình. Tôi sợ toán hơn bất cứ môn nào. Trong tuần thầy có dạy một giờ làm toán nhanh. Trò nào làm xong nộp bài trước được điểm lớn. Ngọc luôn luôn là kẻ được thầy khen và cho lên bảng giải đáp cho cả lớp nghe trong lúc tôi thì cứ ngồi núp sau lưng, Ngọc biết vậy nên mỗi lần làm xong, nàng né sang một bên cho tôi chép. Tôi cũng sáng dạ! Hễ thấy đáp số thì *"mò"* được cả bài, ngược lại hễ làm luận văn thì Ngọc đưa vở cho tôi chữa giùm. Tôi cứ thói quen nhìn lên vở Ngọc. Bỗng một hôm thay vì đáp số thì lại chữ "AMOUR" viết bằng mực xanh đậm. Bữa đó tôi bị một cái trứng vịt rất to.

Đúng ra tôi có thể vớt vát được bốn, năm điểm nhưng tôi không còn tâm trí nào để làm toán nữa. Rồi từ đó về sau mỗi lần tôi chữa luận văn cho nàng thì tôi lại nhận được một bông hồng hoặc một chiếc lá cây lạ ép khô. Câu chuyện kéo dài đến hết năm học, tưởng chừng không ai biết, nhưng bỗng bùng ra hôm nay. Nghe Báu nói tôi lặng người ra vì ngượng và vì gì khác tôi cũng không biết mà tôi cũng không dám hỏi thêm. Vì thực ra giữa chúng tôi chỉ có thế. Tâm trí cứ rộn ràng. Nét chữ hoa mỹ năm xưa lại hiện lên. Học trò gái là như thế. Hễ học xong lớp nhứt là sửa soạn lấy chồng. Không phải riêng Ngọc.

(...)

... Chiều lại xe ngựa lên rước tôi về. Cả nhà ra đứng trước sân vẫy chào tôi. Tôi thấy gương mặt đẹp như trăng của Báu thoáng một áng mây buồn. Mắt nàng hình như ngấn lệ./.

(1) Những cầu thủ trứ danh của đội tuyển bóng đá Nam kỳ thập niên bốn mươi.

THẢO CHI

Nắm Tay Em Mình Đón Xuân

Rồi có một ngày chinh chiến tàn
câu thơ ai đó nhớ, chưa quên!
phần tư thế kỷ, tàn chinh chiến
mà nửa địa cầu lại Bắc Nam!

Tờ lịch cuối cùng đã hết năm
ngoài trời nhè nhẹ hạt mưa răm
cành đào chớm nở ngày hôm trước
hôn gió, rơi đầy sân... trắng sân!

Sao anh không nói một lời vui?
trăn trở làm chi chữ ngậm ngùi!
Xuân đến, anh ơi Xuân lại đến
nhìn đào rộ nở nhớ... quê ôi!

Hai chữ Tân Xuân nghĩ thấy buồn
bao giờ ta rũ áo tha hương?
Ngồi bên bếp lửa đêm trừ tịch
để thấy lòng ta mãi... tuổi Xuân!

Anh, có nghe gì trong tiếng Xuân?
Hình như chim én liệng ngoài sân
hình như mưa đã ngừng, thôi rớt,
anh, nắm tay em... mình đón Xuân!

Đọc sách

Việt-Nam Cần Đổi Mới Thật Sự

"Chủ nghĩa Cộng Sản là giấc mơ của một vài người, nhưng là cơn ác mộng cho mọi người."
Victor Hugo

TÁC GIẢ: VÕ NHƠN TRÍ
NGƯỜI ĐỌC: NGUYỄN QUỐC KHẢI

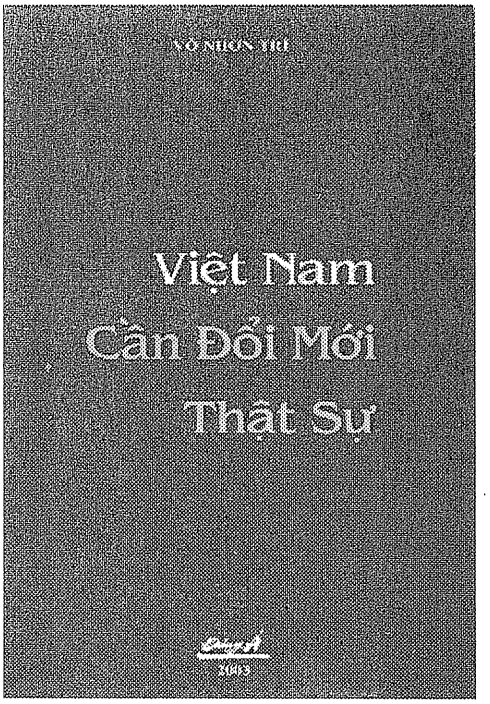

"Việt-Nam Cần Đổi Mới Thật Sự" là cuốn sách mới nhất của Tiến sĩ Võ Nhơn Trí viết về tình hình kinh tế và chính trị của Việt-Nam. Sách này gồm có bốn phần là (1) ý thức hệ của chính sách "đổi mới"; (2) "đổi mới" kinh tế, (3) "đổi mới" chính trị; và (4) kết luận. Trong bài phân tách sau đây, người viết sẽ đề cập chính yếu đến phần "đổi mới" kinh tế. Hi vọng một trong những chuyên gia về khoa chính trị học sẽ thảo luận đầy đủ về phần "đổi mới" chính trị của cuốn sách.

Trong cuốn "Việt-Nam Cần Đổi Mới Thật Sự" ngoài việc tóm tắt và cập nhật hóa những điều quan trọng tác giả đã nói đến trong cuốn sách "Vietnam's Economic Policy Since 1975" xuất bản cách đây 13 năm, TS Võ Nhơn Trí còn đưa ra những nhận xét giá trị về hiện tình của Việt-Nam trong những năm gần đây, dưới con mắt của một kinh tế gia đồng thời là một chuyên viên về chính trị học và một cựu đảng viên Cộng Sản. [1] Với chuyên môn và kinh nghiệm của tác giả, hẳn những sự phê phán của ông trong cuốn sách này phải xác thực. Ông nhìn nhận rằng Việt-Nam đã thực hiện một số biện pháp cải tổ kinh tế. Nhưng nói chung việc cải tổ này còn bị giới hạn đáng kể. Về mặt chính trị, Đảng CSVN chỉ thực hiện một vài thay đổi có tính cách bề ngoài. Ông cho rằng cải tổ kinh tế không tự động đưa đến cải tổ chính trị. Hiện nay sự đông lạnh về chính trị đang cản trở việc phát triển kinh tế. Ông Võ Nhơn Trí xác định rằng Việt-Nam cần phải đổi mới thật sự về cả hai phương diện kinh tế và chính trị mới có thể rửa được cái nhục tụt hậu.

Một đặc điểm của cuốn sách "Việt-Nam Cần Đổi Mới Thật Sự" là tác giả đã tham khảo rất nhiều tài liệu để dẫn chứng những điều ông viết trong sách. Tất cả những tài liệu này đều được tác giả ghi xuất xứ trong phần chú thích một cách rõ ràng. Mặc dù đề tài mang vẻ chuyên môn, nhưng với một lối viết bình dị, và bố cục rõ ràng, tác giả đã trình bày nội dung của cuốn sách một cách mạch lạc khiến cho độc giả có thể theo dõi dễ dàng.

Giới thiệu tác giả

TS Võ Nhơn Trí sinh tại Sadec, học trung học tại Saigon và Nam Vang. Ông tốt nghiệp Kỹ Sư Thương Mại (Grenoble, 1956), Tiến Sĩ Luật tại Pháp (Grenoble, 1955) và Tiến Sĩ Kinh Tế tại Anh (Birmingham, 1957). Từ Paris ông trở về Hà-Nội vào năm 1960 và làm việc tại Viện Kinh Tế ở Hà-Nội trong khoảng thời gian 1960-1975 và Viện Khoa Học Xã Hội ở thành phố Hồ Chí Minh, 1976-1984. Sau đó ông Võ Nhơn Trí dời Việt-Nam qua Pháp. Từ năm 1985-1991 ông làm công việc nghiên cứu kinh tế tại Institute of Development Studies (Sussex, Anh quốc), Institute of Developing Economies (Tokyo, Nhật Bản), Institute of Southeast Asian Studies (Singapore), Australian National University (Canberra, Úc), và Centre National de Recherche

Scientifique (Paris, Pháp).

TS Võ Nhơn Trí đã viết rất nhiều bài nghiên cứu về Việt-Nam. Hầu hết những bài này đã được đăng trên các tạp chí chuyên môn. Ngoài ra ông còn là tác giả của một số sách về kinh tế và chính trị sau đây:

* *Croissance Economique De La République Démocratique Du Vietnam, 1945-1965*, Hanoi: 1967.

* *Vietnam: The Third Five-Year Plan 1981-1985,* Performance And Limits, No. 4, Indochina report (special issue), October – December 1985, Singapore: 1985.

* *Socialist Vietnam's Economy, 1975- 1985.* An Assessment, Monograph V.R. F. series. No. 139, Institute of Developing Economies, Tokyo: January 1987.

* *Vietnam's Economic Policy Since 1975*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore: 1990.

* *Việt-Nam Cần Đổi Mới Thật Sự*, nhà xuất bản Đông Á, Vancouver, Canada: 2003.

Ông Võ Nhơn Trí gia nhập Đảng Cộng Sản Pháp vào năm 1952 và Đảng Cộng Sản Việt-Nam vào năm 1961. Cũng như rất nhiều người khác, vì tin tưởng rằng chủ thuyết Cộng Sản sẽ mang lại độc lập, tự do và hạnh phúc cho dân tộc, ông Võ Nhơn Trí sau khi tốt nghiệp tại Pháp và Anh quốc vào năm 1960, đã từ bỏ miền Nam và chọn lựa miền Bắc để trở về phục vụ đất nước dưới chế độ Cộng Sản. Ông tâm sự rằng ngay trong những ngày đầu trở lại quê hương ông đã nhìn thấy sự thật, đã thất vọng và đau đớn vì bị chế độ phản bội. Sau khi dự Hội Nghị Kinh Tế Gia tại Budapest và ghé thăm Paris vào năm 1974, khi trở về Hà-Nội ông Võ Nhơn Trí bắt đầu bị theo dõi vì thái độ chê bai chế độ CSVN của ông trong thời gian công tác ở hải ngoại. Do đó ông tìm cách lần lượt đưa con gái và vợ qua Pháp trước.

Vào năm 1980 ông bị CSVN bắt giam vì ba tội: tình nghi vượt biên (khi ông về thăm miền Hậu Giang), gia đình ở lại nước ngoài bất hợp pháp, và không làm việc hăng say như trước nữa. Ngay sau đó ông Võ Nhơn Trí đã từ bỏ Đảng CSVN và xin qua Pháp để đoàn tụ gia đình. Nhờ sự can thiệp bền bỉ trong bốn năm của một số nhân vật thân với chế độ Hà-Nội lâu năm tại Pháp, đến 1984 ông được phép dời Việt-Nam qua định cư tại Pháp. Nhờ thời gian ở trong tù, tuy ngắn ngủi so với thân phận của hàng trăm ngàn tù nhân chính trị vào thời gian đó, ông "hãnh diện" là có được cơ hội để biết thế nào là sự tàn bạo của chế độ Cộng Sản.

Ý thức hệ của chính sách "đổi mới"

Trong phần đầu của cuốn sách tác giả trình bày ý thức hệ được Cộng Sản Trung Quốc và Việt-Nam dùng làm nền tảng cho chính sách "đổi mới" và giải thích chính sách này diễn biến như thế nào. Theo tác giả, ý thức hệ của "đổi mới" là một chuyển hóa từ chủ nghĩa xã hội (CNXH) cổ điển theo kiểu Mác-Lê-Mao sang CNXH theo kiểu Mác-Lê-Đặng. Ý thức hệ này có một vài điểm chính sau đây: (1) mục tiêu của CNXH là phát triển lực lượng sản xuất, làm cho dân giầu, nhưng phải lần lượt người trước người sau, vùng trước vùng sau; (2) kinh tế thị trường là một phương tiện để xây dựng CNXH; (3) dân chủ XHCN, pháp luật XHCN, và ý thức hệ và văn hóa XHCN cần được phát triển; (4) để xây dựng CNXH và hiện đại hóa nền kinh tế, nhất là trong giai đoạn đầu (có thể kéo dài 100 năm), những nước XHCN cần mở cửa ra thế giới bên ngoài để học tập và lợi dụng vốn liếng, và kỹ thuật công nghệ; và (5) Đảng Cộng Sản giữ vai trò lãnh đạo công cuộc xây dựng CNXH.

Theo nhận xét của tác giả, một điều đáng chú ý là Đảng CSVN muốn lợi dụng những khía cạnh tích cực của chủ nghĩa tư bản như nguồn vốn và kỹ thuật để phát triển lực lượng sản xuất, nhưng vẫn bác bỏ quan hệ sản xuất tư bản về quyền tư hữu, quản lý kinh tế, phân phối lợi tức và về thượng từng kiến trúc của xã hội tư bản liên quan đến văn hóa, chính trị, triết học, tôn giáo, luật pháp, v.v. Một điểm đáng chú ý thứ hai mà tác giả nêu ra là kinh tế thị trường (tư bản) được sử dụng song song chứ không thay thế kinh tế kế hoạch hóa với khu vực quốc doanh là lực lượng chủ động (CNXH). Điểm đáng chú ý thứ ba là có sự phân đôi (dichotomy) giữa "đổi mới" kinh tế và "đổi mới" chính trị. Theo đó nhà nước cởi trói phần nào về lãnh vực kinh tế nhưng vẫn xiết chặt về mặt chính trị. Theo tác giả, những điều nêu trên cho thấy rằng CNXH mà đảng CSVN bắt chước của Trung Quốc chứa đựng đầy mâu thuẫn, nhất là trong dài hạn.

Trên đây, tác giả trình bầy rõ chiến thuật "tương kế tựu kế" của Đảng CSVN, thay đổi để tồn tại, nhưng vẫn kiên quyết không từ bỏ CNXH. Đến đây người ta phải hiểu rõ hơn tại sao CSVN trì hoãn liên tục việc cải tổ những xí nghiệp quốc doanh nói riêng và khu vực nhà nước nói chung.

Nếu sách lược Mác-Lê-Đặng này thành công thì đây là một đại họa cho dân tộc vì nếu CNXH còn duy trì trên đất nước vài thập niên nữa thì không biết Việt-Nam sẽ tụt hậu thảm hại đến mức nào. Một khó khăn cho Đảng CSVN là họ không thể làm chủ được mọi thay đổi, kể cả thay đổi về ý thức hệ của chính những nhà lãnh đạo. Kinh nghiệm cho thấy đã có biết bao người vì mơ tưởng một xã hội công bằng "làm việc theo khả năng và hưởng thụ theo nhu cầu" đã theo chủ nghĩa Cộng Sản trong quá khứ, mà tác giả là một thí dụ, nay đã thấy sự thật và cố tìm lối thoát cho đất nước. Một số người theo dõi tình hình Việt-Nam nhận định rằng số những đảng viên CSVN thật sự tin tưởng vào CNXH chẳng còn là bao nhiêu. Họ cấu kết với nhau vì một số đặc lợi. Thế giới chỉ còn vài nước gọi là theo CNXH về hình thức nhiều hơn là về thực chất. Ở những nơi này, CNXH được sử dụng như một chiêu bài tiện lợi để chứng minh cho sự tồn tại của những chế độ tư bản độc tài mới.

Ngoài ý thức hệ Mác-Lê, CSVN còn nói đến tư tưởng Hồ Chí Minh dùng làm chỉ đạo cho chính sách "đổi mới" mà họ đang áp dụng hiện nay. Theo TS Võ Nhơn Trí, sau khi Liên Xô và Đông Âu xụp đổ, đảng CSVN tạo ra "tư tưởng Hồ Chí Minh" để CNXH ở Việt-Nam mang mầu sắc dân tộc và có lý do tồn tại. Ông Hồ đã từng tuyên bố: "Tôi không có tư tưởng gì ngoài tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lê cả." Như thế quan điểm căn bản của ông Hồ và đảng CSVN vẫn là chuyên chính vô sản theo CNXH Mác-Lê-Mao. Ông Hồ có nói đến "tập trung dân chủ" (democratic centralism), nhưng trên thực tế chỉ có tập trung (danh từ) chứ không hề có dân chủ (tĩnh từ). Theo tác giả nguyên tắc tổ chức này của CSVN phải được gọi là "tập trung chuyên chính" (dictatorial centralism). Tác giả cũng lưu ý rằng Cộng Sản chẳng hề bao giờ dùng cụm từ "dân chủ tập trung" (centralized democracy) như một số người lầm tưởng.

Ông Hồ từng tuyên bố rằng: "Từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên CNXH mà không phải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa." Chủ trương này đã thất bại và không phù hợp với ý thức hệ "đổi mới" đảng CSVN hiện nay theo đuổi. Một cách khách quan, tác giả nói rằng không phải cái gì ông Hồ nói cũng sai cả. Mọi người phải đồng ý với ông Hồ khi ông nói rằng: "Hễ chính phủ nào mà có hại cho dân chúng thì dân chúng phải đập đổ chính phủ ấy đi và gây nên chính phủ khác," hoặc là "Nếu nước độc lập mà dân chúng không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì." Những câu nói này thật là chí lý.

Đảng CSVN nói rằng chính sách "đổi mới" hiện nay dựa vào "tư tưởng Hồ Chí Minh." Theo tác giả điều này hoàn toàn sai lầm, nếu không muốn nói là bịa đặt. Về mặt kinh tế ông Hồ chủ trương rằng: "Kinh tế quốc doanh là hình thức sở hữu của toàn dân, nó lãnh đạo nền kinh tế quốc dân ... tạo nền tảng vững chắc cho CNXH và thúc đẩy việc cải tạo XHCN." Các thành phần sản xuất khác như cá thể và tư doanh bị cấm đoán. Thêm vào đó nhà nước chủ trương thiên về công nghiệp nặng, coi nhẹ công nghiệp nhẹ và nông nghiệp. Kết quả là như ông Võ Nguyên Giáp nói tại Hà-Nội vào năm 2000: "Nền kinh tế xã hội (của Việt-Nam) đang ở trong tình trạng trì trệ, nghèo khổ. Đời sống của nhân dân cũng như năng suất lao động đang ở trong tình trạng thấp kém và lạc hậu hàng mấy thế kỷ, không những so với các nước phát triển mà so cả với những nước ở trong khu vực."

Chúng ta ca ngợi những lời phê phán thẳng thắn của ông Giáp. Nó đã phần nào giúp cho chương trình "đổi mới" được tiếp tục từ đó đến nay, mặc dù chậm chạp, nửa vời, và có những lúc bị khựng lại một cách nghiêm trọng vì sự chống đối của những nhân vật vọng cổ và hủ lậu. Theo TS Võ Nhân Trí, hiển nhiên là không có thể nào dựa vào "tư tưởng Hồ Chính Minh" trái khuấy như đã trình bầy ở trên để có thể xây dựng chính sách "đổi mới" kinh tế hiện nay được. Tư duy của ông Hồ mâu thuẫn với chính sách "đổi mới." Điều này thật sáng tỏ như ban ngày.

"Đổi mới" kinh tế

Tác giả cho biết gần đây cựu Ủy Viên Bộ Chính Trị Nguyễn Đức Bình đã thừa nhận rằng: "Đảng ta đã phạm sai lầm... nóng vội trong cải tạo XHCN xóa bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần ... duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp." Căn cứ vào thực trạng đó và sau khi tham khảo ý kiến với Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Sô-Viết Mikhail Gorbachev, CSVN cho ra đời chính sách "đổi mới" vào cuối năm 1986. Để đóng góp với những nhận xét trên của tác giả, chúng ta cũng cần nêu rõ thêm ba điểm: (1) chính sách "đổi mới" của CSVN hoàn toàn rập theo khuôn khổ của chính sách "đổi mới" của Trung Quốc mà nước láng giềng của Việt-Nam này đã đem ra

thực hiện từ 1978; (2) Tuy công bố chính sách đổi mới từ năm 1986, Việt-Nam không thi hành chính sách này cho tới năm 1988 sau khi ông Lê Duẩn, Tổng Bí Thư đảng CSVN, đã qua đời, và tình trạng kinh tế thê thảm hơn với sự cắt giảm viện trợ của các nước Đông Âu và Nga Sô. Việc thi hành chính sách "đổi mới" được đánh dấu bằng sự ra đời của luật Đất Đai 1988; (3) Rất nhiều người, nhất là những người từng sống tại miền Nam Việt-Nam trước 1975, không đồng ý với danh từ "đổi mới" của CSVN vì họ cho rằng phải dùng từ "đổi cũ" mới đúng. Từ đầu thập niên 50 đến nay, người dân Việt đã phải chứng kiến việc cải cách ruộng đất tới lui nhiều lần. Vào nửa đầu thập niên 50, CSVN tịch thu ruộng đất của địa chủ ở miền Bắc rồi chia cho dân. Đến năm 1957, CSVN bắt đầu thu hồi đất đai của dân để xây dựng nông trường và hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc. Chính sách hợp tác hóa nông nghiệp này, đất của chung đặt dưới sự quản lý của nhà nước, được áp dụng tại miền Nam trong thời gian 1975-1987, nhưng hoàn toàn thất bại. Nay nhà nước đảo ngược chính sách một lần nữa, trao trả dần đất cho dân chúng. Trước hết quyền sử dụng đất trong 5-10 năm. Thời hạn này nới rộng ra dần tới 50 năm.

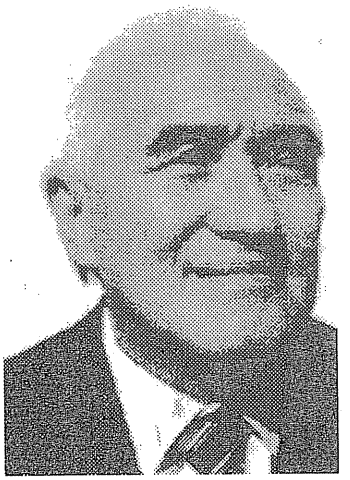
Võ Nhơn Trí

TS Võ Nhơn Trí đã lưu ý ngay từ 1986 rằng chính sách "đổi mới" vẫn nằm trong quỹ đạo CNXH. Tác giả dẫn chứng rằng Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh lúc đó đã nói rằng chính sách "đổi mới" chỉ nhằm tăng hiệu năng của CNXH mà thôi. Đại Hội 7 (1991) của Đảng CSVN nói rõ hơn là nền kinh tế nhiều thành phần phải "vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng XHCN." Đại Hội 8 (1996) của Đảng CSVN nhấn mạnh thêm là "đổi mới" nhằm mục đích xây dựng XHCN chứ không phải đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Theo tác giả, gần đây nhất là báo cáo của Đại Hội 9 của Đảng CSVN vào tháng 4, 2001 đã nêu lên bốn điểm chính của kinh tế thị trường theo định hướng XHCN như sau: (1) mục tiêu của kinh tế thị trường theo định hướng XHCN là "phát triển lực lượng sản xuất ... để xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của CNXH. Sử dụng cơ chế thị trường để kích thích sản xuất, phát huy tinh thần năng động ... của người lao động ... thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa ... (nhưng phải) đúng định hướng XHCN"; (2) trong nền kinh tế nhiều thành phần, khu vực "kinh tế nhà nước (phải) giữ vai trò chủ đạo"; (3) "Nhà nước XHCN ... quản lý nền kinh tế theo nguyên tắc kết hợp thị trường với kế hoạch" và "hạn chế và khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường" ; (4) "kinh tế thị trường định hướng XHCN thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động ... và theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh ..."

Qua những điểm trình bày ở trên, TS Võ Nhơn Trí cho rằng có một khoảng cách rất lớn giữa một nền kinh tế thị trường thật sự và một nền kinh tế thị trường định hướng XHCN như hiện nay ở Việt-Nam. Hầu hết những kinh tế gia theo dõi tình hình Việt-Nam cũng có đồng quan điểm như vậy. Heritage Foundation với sự cộng tác của *Wall Street Journal* hàng năm đều làm một cuộc điều nghiên về độ tự do kinh tế tại nhiều nước và lãnh thổ. Kết quả của cuộc điều nghiên 156 nước trong năm 2002 cho thấy Việt-Nam được xếp vào loại "mostly unfree."[2] Khi có cuộc tranh tụng về vụ bán phá giá cá tra / cá basa vào năm 2003, nhà nước muốn chứng minh rằng kinh tế Việt-Nam là một nền kinh tế thị trường theo đó giá cả do luật cung cầu ấn định, không có sự can thiệp của nhà nước. Tuy nhiên, cũng có những kinh tế gia ủng hộ quan điểm của nhà nước Việt-Nam như TS Phạm Đỗ Chí và TS Vũ Quang Việt. Ông Chí cho rằng sự bành trướng mạnh của khu vực tư nhân ở mức độ 195% từ 1995 đến 2002 chứng tỏ sự thành công của chương trình cải tổ kinh tế ở Việt-Nam mà kết quả là thị trường mở rộng, hệ thống giá cả tự do và luật lệ được thi hành nghiêm chỉnh.[3] Ông Việt lập luận rằng chính phủ chỉ kiểm soát giá cả trong khu vực độc quyền của nhà nước như trong mọi nền kinh tế khác. Nhà nước cần can thiệp vào hệ thống ngân hàng để kiểm soát lãi suất và chương trình cho vay. Hệ thống cho thuê mướn đất cho phép việc sử dụng đất lâu đến 100 năm và quyền sử dụng này được chuyển nhượng. Như vậy hệ

thống cho thuê mướn đất ở Việt-Nam tương đương với quyền tư hữu đất đai.[4]

TS Võ Nhơn Trí nhận xét rằng từ đầu năm 2000, khi luật Doanh Nghiệp bắt đầu có hiệu lực và đặc biệt là từ tháng 3, 2002, nhà nước mới khuyến khích khu vực tư nhân phát triển đôi chút nhưng vẫn ưu đãi khu vực quốc doanh, mặc dù khu vực này vẫn thảm bại. Nhà nước CSVN chủ trương công nghiệp hóa đất nước nhưng dành ưu tiên cho các doanh nghiệp nhà nước và đặc biệt là phát triển công nghiệp nặng. Đây hoàn toàn không phải là những lời phê phán mà là những dữ kiện. Kết quả là cả ba giai đoạn công nghiệp hóa 1976-1987, 1988-1991, và từ 1992 đến nay đều thất bại theo sự nhận xét của hai kinh tế gia ở Hà-Nội là Lê Việt Đức và Trần Thị Thu Hằng. [5]

Tác giả cho biết là theo nhà nước CSVN, kinh tế thị trường có sáu thành phần theo thứ tự ưu tiên như sau: nhà nước hoặc quốc doanh (state sector), tập thể (collective sector), tư bản nhà nước (state capitalism sector), cá thể và tiểu chủ, tư bản tư nhân (private capitalism sector) và đầu tư nước ngoài (foreign-invested sector). Sau ba đợt cải tổ, 75- 80% của tổng số 5,400 doanh nghiệp nhà nước vẫn bị lỗ lã. Số nợ của các doanh nghiệp này lên tới 13.1 tỉ Mỹ kim vào cuối năm 2000. Tác giả nhận xét rằng dù làm ăn thất bại, khu vực xí nghiệp quốc doanh vẫn tiếp tục được các nhà lãnh đạo Hà-Nội ủng hộ. Ông Đỗ Mười bào chữa chính sách của nhà nước như sau: "Một doanh nghiệp nhà nước xét riêng rẽ là lỗ, nhưng nó tạo điều kiện cho các ngành kinh tế khác phát triển hoặc phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội quan trọng của Đảng và nhà nước, thì vì lợi ích toàn cục, vẫn phải được nhà nước giúp cho doanh nghiệp ấy tồn tại và phát triển." Ông Nông Đức Mạnh cũng lên tiếng bênh vực các doanh nghiệp nhà nước: "Chúng ta không thể chấp nhận quan niệm coi doanh nghiệp nhà nước tất yếu dẫn tới kém hiệu quả ... Kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, có vai trò quyết định trong việc giữ vững định hướng XHCN."

Tác giả giải thích rằng ngoài xí nghiệp quốc doanh ra, khu vực nhà nước còn bao gồm ngân sách quốc gia, quỹ dự trữ quốc gia, các quỹ quốc gia thuộc sở hữu nhà nước, ngân hàng nhà nước, các ngân hàng thương mại quốc doanh, đất đai và tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng sản xuất, và đại bộ phận cơ sở hạ tầng xã hội. Ngoài ra, nhà nước còn là chủ nhân ông của nhiều cơ sở trong khu vực tập thể như hợp tác xã và khu vực tư bản nhà nước như công ty liên doanh với tư nhân trong và ngoài nước. Cho nên khu vực quốc doanh rất lớn. Theo tác giả, trong khoảng thời gian từ 1991- 1995 kinh tế phát triển liên tục nhờ ba yếu tố: các thành phần kinh tế ngoài xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã được phép tham gia vào việc phát triển, vốn đầu tư nước ngoài đổ vào Việt-Nam và kinh tế Việt-Nam xuất phát ở mức rất thấp. Những nhận xét của tác giả rất xác đáng. Kể từ 1996, nghĩa là hai năm trước khi cuộc khủng hoảng tài chánh Á châu bắt đầu ảnh hưởng vào Việt-Nam, sự phát triển của Việt-Nam đã bị chậm lại vì những sự yếu kém trong cơ cấu kinh tế. Cuộc khủng hoảng tài chánh chỉ làm tăng thêm những sự yếu kém đó. Những cơ quan tài trợ quốc tế đều có cùng một quan điểm như vậy.

TS Võ Nhơn Trí cho biết tại một buổi hội thảo tại Hà-Nội vào năm 2000 ông Võ Nguyên Giáp thừa nhận rằng: "Chúng ta phải ... dũng cảm nhìn vào sự thật, thấy rõ ràng rằng nước ta vẫn còn là một nước lạc hậu và nghèo nàn trên thế giới ... Trình độ công nghệ so với các nước trung bình còn lạc hậu hơn mấy thập kỷ, so với các nước tiền tiến thì gần cả trăm năm." Tác giả tiếc là một mặt ông Giáp thừa nhận tình trạng rất lạc hậu của Việt-Nam, nhưng lại vẫn tán thành Chủ nghĩa Xã Hội. Ông Giáp "không thấy hoặc không muốn thấy rằng cái này (CNXH) là nguyên nhân trực tiếp của cái kia (tình trạng lạc hậu)."

Để mô tả chế độ kinh tế vá víu ở Việt-Nam, tác giả trích dẫn một đoạn phê phán của Jean-Louis Rocca trong bài "Le Capitalisme Chinois" đăng trên tạp chí *Pouvoir* : "Kinh tế Việt-Nam hiện nay là một nền kinh tế hỗn hợp tích lũy các khía cạnh tiêu cực nhất, vừa của CNXH hoang tàn, vừa của tư bản hoang dại, theo kiểu Trung Quốc." [6] Hiển nhiên là cải tổ một nền kinh tế như vậy là một công tác vô cùng khó khăn. Tình trạng này càng để lâu lại càng nan giải và kinh tế phát triển càng chậm.

Để xóa bỏ nỗi quốc nhục tụt hậu hiện nay Việt-Nam phải làm gì ?

TS Võ Nhơn Trí đề nghị một kế hoạch gồm 10 biện pháp sau đây để khắc phục tình trạng tụt hậu ngày càng xa hơn và đuổi kịp các nước láng giềng. Ông tin rằng Việt-Nam phải có một thể chế chính trị dân chủ thật sự mới có thể thực hiện các biện pháp này.

1. Cởi trói thật sự kinh tế tư nhân.
2. Cải tổ triệt để các xí nghiệp quốc doanh.

3. Cải cách sâu rộng hệ thống ngân hàng.

4. Thiết lập nhà nước pháp quyền công minh.

5. Thiết lập một hệ thống quản lý quốc gia hữu hiệu gồm ba thành phần bình đẳng là nhà nước, kinh tế tư nhân, và xã hội dân sự.

6. Nâng cao hiệu suất của nông nghiệp.

7. Tăng cường tri thức và công nghệ.

8. Tích cực hội nhập kinh tế vùng và thế giới.

9. Thiết lập mạng lưới an sinh xã hội và khắc phục tình trạng cách biệt giầu nghèo.

10. Tiến hành xây dựng "con người kinh tế Việt-Nam."

Trên đây là những biện pháp cấp thiết nhất để phát triển kinh tế Việt-Nam. Một số lãnh vực khác cũng cần lưu tâm là cải thiện cấp bách hạ tầng cơ sở đặc biệt tại nông thôn, cải tổ luật lệ về đất đai và môi trường đầu tư ngoại quốc, phát triển các ngành tiểu công nghệ và công nghiệp nhẹ kể cả kỹ nghệ biến chế nông phẩm. Về kế hoạch phát triển dài hạn phải kể đến việc cải tổ các ngành giáo dục, y tế và môi sinh.

Để "đổi mới" chính trị chúng ta phải làm gì ?

Theo TS Võ Nhơn Trí, những người dân chủ trong và ngoài nước có thể tập trung vào những mục tiêu chính sau đây:

1. Vận động đòi nhà cầm quyền Hà-Nội thả ngay những tù nhân bị giam cầm vì lý do chính trị, tôn giáo, và sắc tộc; giải quản những người bị giam giữ tại nhà; chấm dứt việc bao vây kinh tế và cô lập gia đình những tù nhân này.

2. Yêu cầu hủy bỏ Nghị Định 31/CP và Nghị Định 89/CP, thực thi các quyền tự do dân chủ cơ bản ghi trong Hiến Pháp 1992 và trong "Công Ước Quốc Tế về các Quyền Dân Sự và Chính Trị."

3. Yêu cầu thực thi tự do thông tin theo cả hai chiều giữa Việt-Nam và ngoại quốc.

4. Yêu cầu chấm dứt chính sách tiêu diệt các sắc tộc thiểu số.

5. Đòi hỏi phi chính trị hóa quân đội, công an, tòa án; cấm dùng ngân sách nhà nước để tài trợ những hoạt động và sự điều hành của Đảng CSVN và các tổ chức ngoại vi.

6. Thiết lập một chế độ đa nguyên, đa đảng trong đó Đảng CSVN không còn là đảng duy nhất nữa như tại Đông Âu hiện nay.

7. Xóa bỏ nguyên tắc "tập trung dân chủ".

8. Xây dựng một hệ thống luật pháp dân chủ thật sự.

9. Tạo điều kiện cho xã hội dân sự phát triển.

10. Ủng hộ các yêu sách của nhân dân về cải thiện đời sống, chống tham nhũng ức hiếp dân ... Tìm mọi cách để nâng cao trình độ giác ngộ chính trị của nhân dân.

"Đổi mới" kinh tế và "đổi mới" chính trị

Trong cuốn sách "Việt-Nam cần đổi mới thật sự," TS Võ Nhơn Trí thảo luận hai vấn đề "đổi mới" kinh tế và "đổi mới" chính trị riêng rẽ. Tuy nhiên theo tác giả, trên thực tế không thể tách rời hai loại "đổi mới" này. Trong 15 năm qua, tác giả nhận định rằng, kinh tế đã được cởi mở một phần nào nhưng hệ thống chính trị vẫn nguyên vẹn ngoại trừ một vài thay đổi ở ngoại vi. Sau 1975, Hiến Pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt-Nam đã được sửa đổi ba lần để nêu cao mục tiêu củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xã hội hóa miền Nam, và tăng cường khả năng quốc phòng chống lại sự xâm lăng của Trung Quốc (1980); chính thức hóa nền kinh tế nhiều hộ sản xuất (1992); và sau chót là chính thức hóa chế độ kinh tế thị trường (2001). Cương lĩnh chính trị và cơ chế của Đảng CSVN và nhà nước vẫn không suy chuyển.[7] Điều 4 Hiến Pháp bảo đảm sự độc tôn của Đảng CSVN, Nghị Định 31/CP Quản Chế Hành Chánh "biến nhà ở thành nhà tù," Nghị Định 89/CP cho phép "tạm giam" vô thời hạn mọi công dân vẫn còn đó.

Theo tác giả hiện tượng đông lạnh chính trị này đã đến thời điểm kìm hãm "đổi mới" về kinh tế. Ông xác định rằng "cải tổ kinh tế không tự động dẫn đến mở rộng tự do về mặt chính trị, ở Việt-Nam cũng như ở Trung Quốc... Sự phân đôi quá trình "đổi mới" như Đảng CSVN đang làm hiện nay không thể kéo dài mãi được... Bởi vì đến một lúc nào đó, nếu không đẩy mạnh cải tổ chính trị hơn nữa thì cải tổ kinh tế sẽ bị kìm hãm dần dần, thậm chí có thể tắc nghẽn. Và hiện tượng này đã bắt đầu xảy ra hồi đầu năm 1997."

Tác giả trích dẫn quan điểm của nhiều nhân vật về sự liên hệ giữa "đổi mới" kinh tế và "đổi mới" chính trị. Ông Trần Độ ba năm trước đây đã nhận xét như sau: "Trong nhiều nghị quyết của Đảng cũng có nói tới 'cải cách chính trị' đi đôi với 'cải cách kinh tế.' Và có nói thêm 'cải cách kinh tế đi trước' rồi tiến hành 'cải cách chính trị' nhưng lại thấy mất tăm; thay vào đó là 'cải cách hành chánh' mà suốt nhiều năm qua vẫn chưa đi tới đâu. Theo tôi cải cách kinh tế hiện nay đang đòi hỏi phải có cải cách chính trị một cách mạnh mẽ và nếu không có cải cách chính trị thì cải

cách kinh tế sẽ bế tắc."

Theo tác giả thì gần đây hơn, ông Joseph Stiglitz, người đoạt giải thưởng Nobel về kinh tế vào năm 2001, trong cuộc phỏng vấn dành cho tạp chí *Vietnam Economic Times* vào tháng 3, 2002, nhấn mạnh rằng phát triển không phải chỉ là tăng tổng sản lượng quốc nội (GDP) mà còn là tạo dựng một xã hội tốt đẹp hơn, một xã hội dân chủ thực sự và công bằng.

TS Võ Nhơn Trí khẳng định rằng: "Chế độ Hà-Nội hiện nay về cơ bản vẫn là một chế độ XHCN toàn trị, chứ không phải đã từ bỏ XHCN" như một số người lầm tưởng. Vì vậy những người dân chủ phải đấu tranh để "phi xã hội chủ nghĩa hóa" chế độ này toàn diện. Để kết luận, TS Võ Nhơn Trí đưa ra nhận xét rằng "Kinh nghiệm của các nước Trung Âu và Đông Âu cho thấy rằng nước nào kiên quyết thay đổi dứt khoát hệ thống chính trị cũ và hệ thống chính trị mới như Ba Lan, Hungari, Cộng Hòa Tiệp từ lúc khởi đầu đều thành công, cả về mặt phát triển kinh tế lẫn tiến bộ dân chủ thật sự về mặt chính trị. Ngược lại, các nước nào chỉ cải cách nửa vời về mặt chính trị và kinh tế thì không thành công cả về hai mặt này."

Kết luận

TS Võ Nhơn Trí nhận định rằng Đảng CSVN sẽ không bao giờ thực hiện một hệ thống chính trị – kinh tế hoàn toàn phi XHCN trừ phi tương quan lực lượng của họ suy yếu đối với đối lập, bị áp lực mạnh mẽ hoặc có một biến động to lớn. Những người dân chủ cần thành lập một giới tuyến "dân chủ đa đảng" gồm tất cả những người tranh đấu cho dân chủ đa nguyên bất kể xu hướng khác nhau về tôn giáo và chính tri trước đây, gồm cả những cán bộ, đảng viên bất đồng chính kiến công khai và thầm lặng. Liên Minh (hay Mặt Trận) Dân Chủ này sẽ phân cách với phe độc tài độc đảng là CSVN. Từ năm 1995 ông Võ Nhơn Trí đã đưa ra một đề nghị tương tự như trên tại một buổi hội thảo tại Sydney, Úc châu. Ông kêu gọi tăng cường đoàn kết những người Việt ở nước ngoài để thống nhất hành động và yểm trợ cuộc đấu tranh để dân chủ hóa đất nước về cả vật chất lẫn tinh thần.

Tác giả nhắc lại lời khuyên nhủ của cựu Tổng Thống Tiệp Khắc Vaclav Havel: "Hãy gieo hạt và biết chờ đợi! Gieo hạt là tuyên truyền, truyền bá qua nói chuyện, thảo luận, viết báo, viết sách ... về quyền dân chủ. Gieo hạt không mệt mỏi, chăm sóc hạt, tưới và xới đất, cây dân chủ sẽ mọc. Khi nó mọc lên rồi, chớ sốt ruột. Nếu kéo thân cây lên để cho nó lớn nhanh, thân cây sẽ đứt, cây chết! ... Biết chăm sóc để nó lớn, lớn mãi thành cây cao, sum suê cành lá và hoa quả ... Cây dân chủ ở Tiệp Khắc lớn từng ngày qua vận động, giải thích, nâng cao dân trí và đấu tranh."

Việt-Nam đang đứng trước những thử thách hết sức to lớn do những sự hội nhập kinh tế vùng và toàn cầu tạo ra. Mặt khác tự cô lập hóa không phải là một lựa chọn cho Việt-Nam. Do đó để chuẩn bị mở rộng cửa buôn bán với thế giới, nhu cầu đổi mới trong nội bộ về cả hai mặt kinh tế và chính trị trở nên thật sự cấp bách. Nếu phải "đổi mới" trong thế bị động, đất nước sẽ bị thua thiệt nhiều, khó có thể phát triển nhanh chóng, và tiếp tục tụt hậu. Nếu những "đổi mới" được thực hiện trong thế chủ động, đất nước sẽ sớm ra khỏi cảnh nghèo đói.

Cuốn sách "Việt-Nam cần đổi mới thật sự" của TS Võ Nhơn Trí là một tài liệu quý báu cho những người muốn tìm hiểu cặn kẽ về hiện tình ở Việt-Nam về cả hai mặt kinh tế và chính trị. Đọc sách của TS Võ Nhơn Trí, độc giả sẽ biết rõ hơn những quan điểm khác nhau về sự đổi mới tại Việt-Nam của những nhà trí thức và những nhà lãnh đạo trong và ngoài nước.

Việt-Nam Cần Đổi Mới Thật Sự

TS Võ Nhơn Trí

Sách dầy 256 trang, khổ 5"x8", do Đông Á xuất bản, 2003. P.O. Box 99, 2147 Commercial Drive, Vancouver, BC V5N 4B3, Canada. Điện thoại: (604) 251-2222. Fax: (604) 251-2279. E-mail: pham_van@yahoo.com. Giá bán: $15.

Chú thích:

1 Vo Nhan Tri, "Vietnam's Economic Policy Since 1975," Institute of Southeast Asian Studies, Singapore: 1990.

2 Heritage Foundation, "2003 Index of Economic Freedom," Washington, DC: November 2002.

3 Chi Do Pham, "Is Vietnam a Market Economy, " Potomac Investments and Research Associates, Washington, DC: February 13, 2003.

4 Sasakawa Peace Foundation USA, "Is Vietnam a Market Economy ? Recent Reforms and Agenda -Summarizing essay." Washington, DC: February 13, 2003.

5 Lê Việt Đức, Trần Thị Thu Hằng, "Công Nghiệp Việt-Nam: Những Thành Tựu và Thách Đố," trong "Đánh Thức Con Rồng Ngủ Quên – Kinh Tế Việt-Nam Đi vào Thế Kỷ ," Phạm Đỗ Chí và Trần Nam Bình chủ biên, Thời Báo Kinh Tế Saigon: 2002.

6 No. 81., 1997, ed. Seuil, Paris, 1997, p 25-26.

7 Nguyễn Quốc Khải, "Liệu Cải Tổ Kinh Tế Và Mở Cửa Buôn Bán Với Thế Giới Có Mang Lại Tự Do Và Dân Chủ Cho Việt-Nam Hay Không?" Thế Kỷ 21, số 176, Westminster, California: December 2003.

Giới thiệu sách:

The Hermit and the Well: Vị Ẩn Sĩ và Cái Giếng Nước

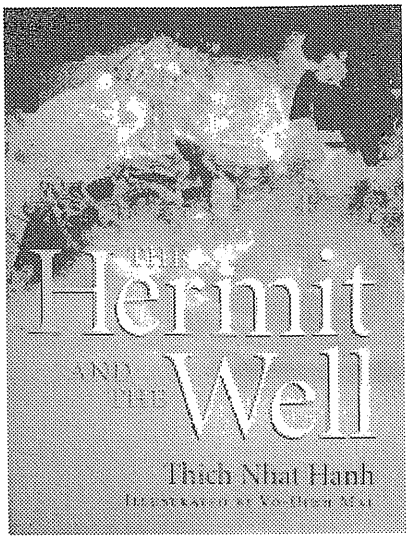

Truyện thiếu nhi bằng Anh ngữ của Thượng tọa **Thích Nhất Hạnh**, minh họa của Họa sĩ **Võ Đình**. Sách truyện bằng tranh in màu trên khổ lớn, bìa cứng, do Plum Blossom Books xuất bản. Liên lạc: Plum Blossom Books, Parallax Press, P.O. Box 7355, Berkeley CA 94707 – USA. Tel: (800) 863-5290. Website: www. parallax org

TT Nhất Hạnh, với lối văn đơn giản và trong sáng cố hữu của mình, kể câu chuyện một đứa bé ngày xưa ở miền Bắc Việt Nam một hôm cùng các bạn học đi du ngoạn lên đỉnh của một trái núi trong vùng. Nghe đồn trên đỉnh núi ấy có một vị ẩn sĩ, khi đến nơi cậu bé đi tìm nhưng không thấy, lại đi lạc vào một nơi có một cái giếng nước thật trong mát trong khi cậu đang khát khô cổ. Cậu bé uống nước, và cảm thấy đó là thứ nước ngon nhất trên đời... Sau này khi đã lớn lên và già đi, hình ảnh cái giếng vẫn không rời cậu, và cậu "ngộ" ra rằng cái giếng ấy chính là vị ẩn sĩ mà cậu đã tìm kiếm. Vị ẩn sĩ chính là vị Phật đã nằm sẵn trong lòng cậu.

Câu chuyện đơn giản ấy được kể qua một chuyến du ngoạn hứng thú, với hình ảnh tưởng tượng của vị ẩn sĩ tham thiền ngày đêm trên đỉnh núi như một vị Phật, với việc chuẩn bị thức ăn cơm nắm muối vừng, với chuyến leo núi đầy hăm hở của lũ trẻ..., và nhất là cái kết bất ngờ hết sức nhẹ nhàng đầm thắm có năng lực thấm sâu vào tâm hồn còn trong trắng của lứa độc giả ít tuổi.

Minh họa của Võ Đình, mà mỗi trang sách rộng là một tác phẩm hội họa thực sự, mang các hình ảnh cụ thể của Việt Nam thời xưa: đám học trò nhà quê trong những bộ đồ bà ba, cảnh chuẩn bị cơm nắm muối vừng với từng vắt cơm, các tàu lá chuối, cái cối giã mè – những di sản thân thiết của đời sống nông thôn Việt Nam -, hình ảnh "ông đạo" ngồi tham thiền, cái giếng nước mát lạnh trên đỉnh núi... Những hình ảnh bình dị nhưng ẩn chứa tinh thần hàng ngàn năm của dân tộc. Chính những hình ảnh ấy và tình cảm thâm sâu do chúng mang lại là những bài học vô giá đối với tâm hồn trẻ thơ Việt Nam, cần thiết để thay thế những lời xưng tụng kiểu như "rừng vàng biển bạc," "ra ngõ gặp anh hùng" tưởng chừng như đem lại niềm kiêu hãnh và sức mạnh, sự thực chỉ gây những yếu tố tiêu cực và sự băng hoại vì sự trống rỗng của chúng.

Văn và họa quyện cùng nhau trong cuốn sách dành cho tuổi thơ này. Các độc giả tí hon sẽ được tiếp cận với một ý nghĩa trong sáng mà sâu xa bàng bạc trong câu chuyện và những hình ảnh gợi lại sự minh triết vẫn âm thầm sống trong tâm khảm dân tộc Việt Nam từ ngàn xưa. Tính chất giáo dục của cuốn sách thật là trong trẻo, cao vời.

THƠ HỌA SỨ LAM THỜI LÊ, NGUYỄN

PHAN TRẦN SƠN

(Tiếp theo. Xin xem phần Dẫn nhập đăng trên số Xuân Giáp Thân vừa qua)

Đồ sứ thời Lê Trịnh

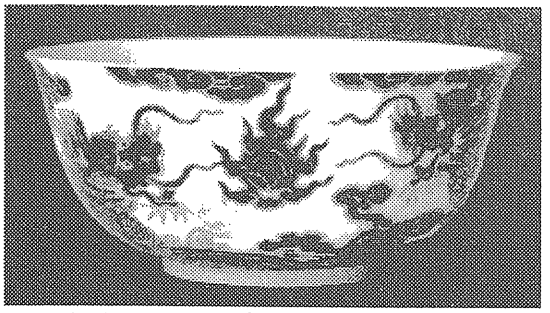

Tô sứ ký hiệu "Nội Phủ Thị Trung" dành cho cung thất vua. Trang trí đề tài Long Vân, hay Lưỡng Long Tranh Châu. Nhà Hậu Lê, thế kỷ 18.

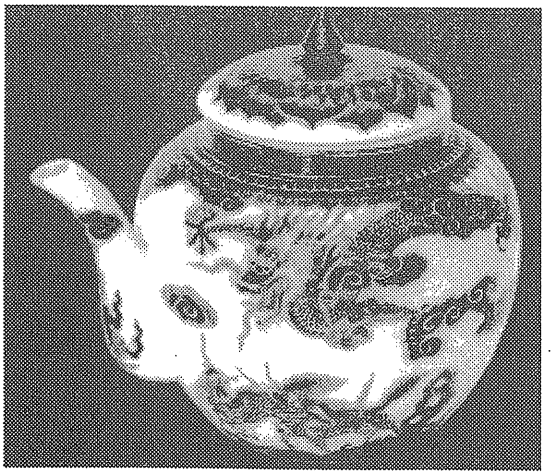

Ấm trà không quai, ký hiệu "Khánh Xuân Thị Tả" của chúa Trịnh Sâm, họa hình rồng và hai lân (thế tử Trịnh Cán và Trịnh Khải). Trịnh Sâm tự chuyên dùng biểu tượng rồng năm móng (long ngũ trảo), chứng tỏ ý muốn tranh đoạt ngôi vua Lê. Năm Đinh Dậu 1777, nhân kỳ tuế cống nhà Thanh, sai Vũ Trần Thiệu làm tờ mật biểu nói "NhàLê không có con cháu nào hiền tài" và xin phong tước. Đến hồ Động Đình, Trần Thiệu cáo bệnh đem đốt tờ biểu trước mặt sứ bộ, rồi uống thuốc tự tử để tỏ lòng trung với vua Lê.

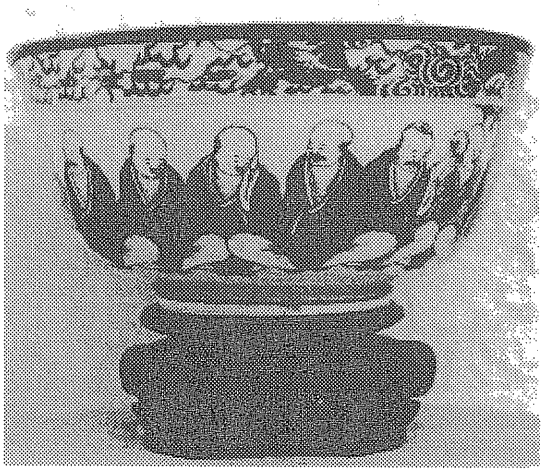

Tô trang trí hình rồng tranh châu, và 18 vị La Hán ngồi xung quanh. Đề dấu hiệu "Nội Phủ." Thời Hậu Lê, thế kỷ 18.

Đĩa ký hiệu "Nội Phủ Thị Hữu" dùng cho cung thất hoàng phi. Trang trí Long Phượng Tranh Châu. Nhà Hậu Lê, thế kỷ 18.

Đồ sứ các vua nhà Nguyễn

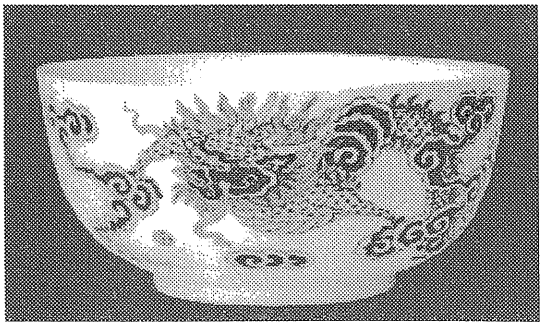

Tô Rồng Lân, hiệu chữ "Nhật." Minh Mạng (1820-1840).

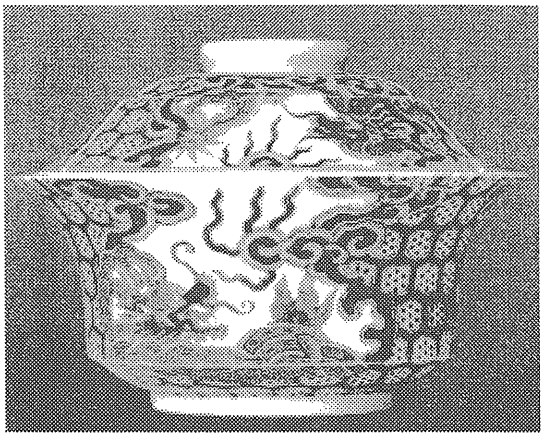

Thố có nắp hình Rồng Cuộn. Thiệu Trị (1841-1847).

Tô sứ hình Rồng Mây, đề triện chữ "Thọ." Tự Đức (1848-1883).

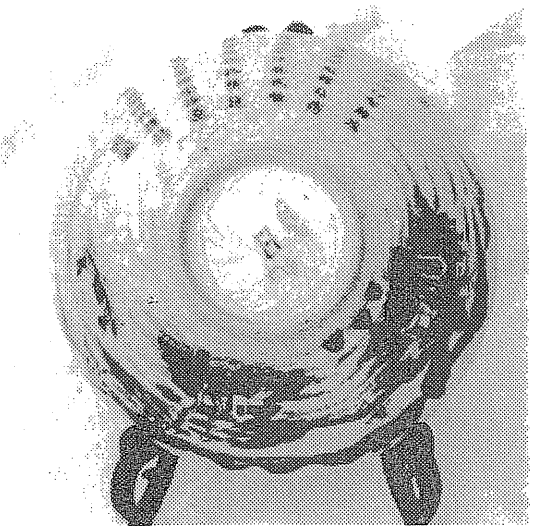

Tô sứ men rạn hiệu chữ "Nhật," triều Minh Mạng (1820-1840).

Vẽ cảnh cao sơn, lưu thủy, người ôm đàn theo tích truyện Bá Nha, Tử Kỳ, đề bài thơ nôm:

Một thức nước in trời
Đò ai chiếc lá khơi
Non xanh xem vòi vọi
Dòng biếc thấy vơi vơi
Mãng khúc Thương Lang gãy
Ưa tình lữ khách chơi
Mong chờ yên sóng gió
Qua lại mặc người đời

Cẩn bái

Trên ký hiệu chữ "Nhật" có chạm thêm chữ "Lễ" tức dùng vào tuần trai chay cúng lễ của bà Từ Dũ, mẹ vua Tự Đức.

Tình yêu non nước qua thơ họa trên cổ ngoạn

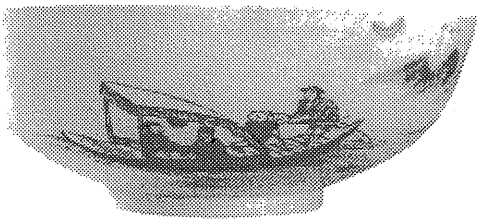

Tô sứ hiệu "Trân Ngoạn" nhất thi nhất họa vẽ cảnh Trần Nguyên Đán, một danh thần thời nhà Trần, đi chơi thuyền. Lê Quý Đôn sưu tập được 51 bài thơ của Trần Nguyên Đán chép vào sách *Toàn Việt Thi Lục*, trong đó có bài tứ tuyệt "Dạ qui chu trung tác" (Đi thuyền về đêm) mà hai câu cuối được viết lên tô sứ.

Âm:
Qui lai vị tĩnh yên hà mộng
Phân thủ ngư đăng chiếu cổ thư
Lô giang thu phiếm đồ
Huyền ư đạo nhân đề
Ư Nhĩ giang họa phản.
Dịch nghĩa:
Quay về chưa tỉnh mộng mây khói
Mượn lửa thuyền chài đọc sách xưa
Bức tranh chơi thuyền trên sông Lô mùa thu
Đạo nhân Huyền Hư đề thơ
Ở thuyền họa trên sông Nhĩ.

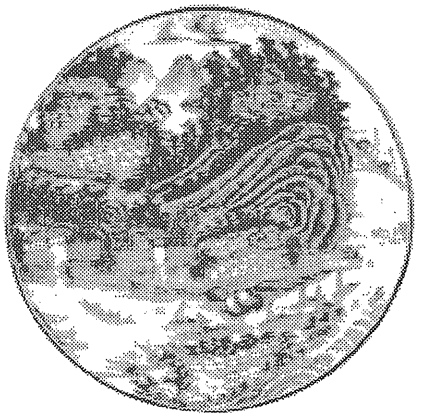

Thời Minh Vương Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), Đàng Trong giàu mạnh, thanh bình. Chúa cho vẽ thắng cảnh vùng Thuận Quảng, đề thơ vịnh lên đồ sứ. Đĩa trà tả chi tiết cảnh Tư Dung: núi Quy Sơn (núi Rùa – hay Linh Thái Sơn) sừng sững, có chùa tháp trấn giữ. Dưới núi làng mạc đông đúc thịnh vượng, ngoài cửa biển thuyền buôn tấp nập. Mặt sau chép lại bài thơ nôm, trích từ *Tư Dung Vãn* của Đào Duy Từ:

Một bầu chi cũng thú yên hà
Nghi ngút hương bay cửa Đại La
Ngày vắng đỉnh đang chuông Bát Nhã
Đêm khuya dắn dõi kệ Di Đà
Nhặt khoan đờn suối ban mưa tạnh
Eo óc cầm ve thuở ác tà
Mựa lảng đạo xa hòa nhọc kiếm
Bồ Đề kết quả ở lòng ta.

Tư Dung Thắng Cảnh

Đĩa trà hiệu Thanh Ngoạn, mặt trước vẽ toàn cả núi Tam Thai, tức ngọn núi phía tây Ngũ Hà Sơn, có tên Thúy Sơn (hòn Non Nước) vì hình dáng giống chòm sao Tam Thai, nên dân gian bèn gọi tên ấy. Trên núi có chùa, nay gọi là chùa Non Nước. Mặt sau đĩa trà ghi bài thơ nôm ngũ ngôn:

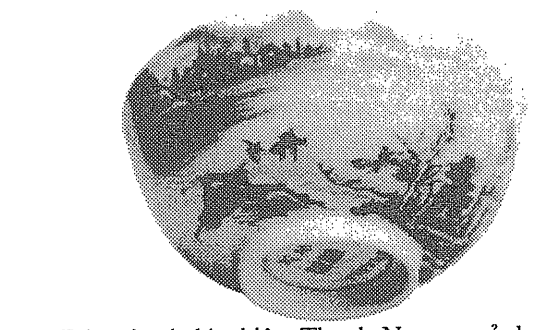

Trên tô sứ đáy hiệu Thanh Ngoạn, cảnh chùa Thiên Mụ bên sông được ngọn bút tài hoa vẽ lại như một bức tranh sơn thủy. Dưới dốc có người cưỡi lừa có hầu đồng theo sau. Bên cạnh kèm bài thơ Đường luật của Thiên Túng Đạo Nhân (Nguyễn Phước Chu, 1691-1725).

Thiên Mụ hiểu chung

Cao cương cổ sát trấn tiền xuyên
Nguyệt tướng thường viên tự tại thiên
Bát hách hồng thanh tiêu bách kết
Tam thiên thế giới tỉnh tam duyên.
Tăng hoàng ngọ nhật u minh cảm
Liêu lượng dần tiêu đạo vị huyền
Phật tích thánh công thùy hải vũ
Thiện nhơn phước quả phổ cai diên.

Dịch thơ:

Tiếng chuông Thiên Mụ

Bên sông chùa cổ trấn non tiên
Lồng lộng trăng soi rạng cảnh thiền
Trăm tám hồng thanh tiêu oán kết
Ba ngàn thế giới tỉnh phàm duyên
Kinh trưa cảm thấu u minh khổ
Kệ sớm cho hay vị đạo huyền
Dấu Phật, công vua truyền khắp cõi
Nhơn lành, quả phước trải ngoài biên.

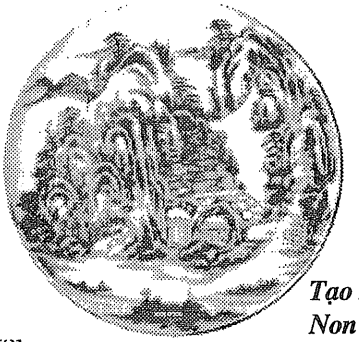

Tạo hóa khéo đúc hình
Non nước song thanh ai
Đạm đanh kình dữ đáy
Ngụ một thức xanh xanh

Tam Thai đồ

SÁNG THẾ KÝ ĐỌC BỞI MỘT NGƯỜI VIỆT NAM (Phần hai)

TRUYỆN ABRAHAM

NGUYỄN HOÀI VÂN

BƯỚC VÀO LỊCH SỬ

Nếu phần đầu của Sáng Thế Ký tập trung vào việc diễn tả tâm lý của nhân vật Thiên Chúa, thì trong phần tiếp theo này (kể từ chương 12), trọng tâm được đặt nơi con người. Và nếu những con người được nói đến trong phần trước của Sáng Thế Ký: Adam, Eva, Cain, Abel, hay Noah, đều mang nặng tính huyền thoại, thì kể từ đoạn này, con người thực thụ, con người lịch sử, nhập cuộc. Rời huyền thoại, chúng ta bước vào Lịch Sử...

Ngoài ra, cũng xin nhắc lại là, mặc dù Sáng Thế Ký, cũng như toàn bộ Thánh Kinh, được tôn sùng bởi nhiều tôn giáo, nhưng trong bài này, người viết muốn hoàn toàn lùi ra khỏi truyền thống tôn sùng ấy, và nhìn Sáng Thế Ký đơn thuần như một áng văn kỳ thú, để cùng bạn đọc thưởng thức nó, bàn bạc về nó, như bất cứ tác phẩm văn chương giá trị nào của kho tàng văn hóa nhân loại. Các nhân vật trong áng văn ấy, kể cả Thiên Chúa, đều được phân tích như những nhân vật văn chương, đặc biệt là trên mặt tâm lý. Đọc giả nào không đồng ý với cách làm việc vừa nói, xin lập tức gạt bỏ bài này sang một bên, tuyệt đối đừng đọc nó, và đón nhận sự cúi chào cung kính của người viết.

Trước ngưỡng cửa Lịch Sử, chúng ta làm quen với con người đầu tiên mang sử tính trong Sáng Thế Ký. Đó là Abram, con của một tộc trưởng du mục tên là Tèrah, nguyên quán ở Our, cách Bagdad ngày nay khoảng 300 cây số về phía đông nam, nhưng sau lại dời đến sinh sống ở Harrân, cách thành Alep thuộc nước Syrie hiện nay khoảng 180 cây số về phía đông bắc. Người ta nghĩ ông sống trong khoảng từ 15 đến 20 thế kỷ trước Công Nguyên. Vợ ông là Sarai. Hai ông bà hiếm muộn không con. Một hôm, Yahweh nói với ông rằng: «Hãy rời bỏ xứ sở ngươi, gia đình ngươi và nhà của cha ngươi, đi đến một nơi mà ta sẽ chỉ định. Ta sẽ chúc lành cho ngươi và từ ngươi ta sẽ tạo nên một dân tộc lớn.» (Gen 12 :1-2 = Sáng Thế Ký chương 12 câu 1 và 2). Thế là Abram từ bỏ quê hương, mang nặng trên vai 75 tuổi đời, dấn thân trên bước đường phiêu lưu mạo hiểm. Không cần phải nói ra, mọi người trong chúng ta, những người Việt lưu vong, cũng đều nhớ lại sự ra đi của mình, một ngày nọ... Tâm trạng của Abram, vào lúc tay sách tay mang, nhìn lại quê hương khuất dần dưới chân trời, rồi biến mất, chỉ còn hình ảnh nhạt nhòa dòng lệ trong tâm thức, không xa lạ gì với chúng ta. Ngoài tùy tùng và gia súc, vợ chồng Abram còn mang theo một người cháu tên là Loth. Lúc họ di chuyển đến xứ Canaan thì Yahweh lại hiện ra, và phán: «Ta sẽ ban cho hậu duệ của ngươi đất nước này.» (Gen 12 :7).

Thêm một lần nữa, chúng ta lại chứng kiến một màn «tái khởi đầu» của Sáng Thế Ký. Khi tạo nên trời đất vũ trụ (xin đọc bài viết trước), Chúa Elohim đã ban cho con người quyền ngự trị trên toàn thể tạo vật. «Vương quốc» của con người là tất cả nơi nào có tạo vật, tức toàn thể trái đất, cộng với tất cả các hành tinh, trên tất cả các thái dương hệ, tại tất cả các giải ngân hà trong vũ trụ, nơi có tạo vật! Ít nhất là như vậy... Chúa Yahweh, một phiên bản cập nhật (?) của Thiên Chúa, thì chỉ cho con người ngự trị trên «vườn địa đàng» Eden, chữ có nghĩa là «lạc thú,» với những hạn chế: không được ăn trái của «cây phân biệt tốt xấu» (mệnh lệnh rõ rệt), và trái của «cây trường sinh» (một ý tưởng kín chỉ được Yahweh phát biểu ra sau khi con người đã ăn trái cây phân biệt tốt xấu, trong Gen 3 :22). Trong Sáng Thế Ký, nhân vật Thiên Chúa mang hai sắc thái với hai tên gọi. Trong một số đoạn văn, người ta gọi Thiên Chúa là Elohim (chữ mang số nhiều, có thể dịch là «những Thiên Chúa»), và ở những đoạn khác, có lẽ do những tác giả khác viết ra, theo

một truyền thống (truyền khẩu) khác, người ta gọi Thiên Chúa là Yahweh. Có vài khác biệt giữa tâm lý của Yahweh và của Elohim.

Chính vì con người đã ăn trái của «cây phân biệt tốt xấu» nên mới bị Yahweh đuổi khỏi Eden. Yahweh nói: «Thế là con người đã trở nên như một kẻ trong chúng ta bởi sự hiểu biết tốt xấu. Bây giờ, phải ngăn cản không cho nó vươn tay hái lấy trái cây trường sinh, để ăn trái ấy mà sống mãi mãi!» (Gen 3 :22) Màn «tái khởi đầu» thứ nhất chính là lúc con người xây dựng lại đời sống của mình ngoài Eden, ngoài «lạc thú» (nghĩa chữ Eden), tức là... trong biển khổ!

Con người sinh sôi nảy nở mạnh mẽ, tức tranh đoạt quyền ban sự sống của Thiên Chúa. Qua Cain, con người cũng dành quyền tước đoạt sự sống của Ngài (Cain giết Abel, «phát minh» ra người chết đầu tiên). Uy quyền trên sự sống là khi có thể ban phát, và tước đoạt sự sống. Có sự cạnh tranh hiển nhiên trên lãnh vực ấy giữa con người và Thiên Chúa. Đến Gen 6 :6, thì Thiên Chúa phát biểu nỗi ân hận đã làm nên con người. Ngài liền dùng Đại Hồng Thủy, một trận lụt vĩ đại, để tiêu diệt toàn bộ loài người và loài vật, có lẽ trừ tôm cá (!), và trừ gia đình Noah cũng như các súc vật mà ông này đem được vào trong chiếc tàu của ông ta. Sau Đại Hồng Thủy, là màn tái khởi đầu thứ hai. Thiên Chúa lại ra lệnh cho con người sinh sôi nảy nở đầy mặt đất (của hành tinh này và mọi hành tinh khác...), cho phép con người ăn thịt súc vật (trước đó chỉ ăn rau quả) và cấm làm đổ máu người khác (Gen 9 : 1-6). Sau Bạo Lực kinh khủng của Đại Hồng Thủy, việc «giết để ăn» không còn quan trọng nữa, tuy nhiên, quyền tước đoạt sự sống của con người phải trở về với Thiên Chúa. Một thỏa ước được đặt ra giữa Thiên Chúa và con người. Thiên Chúa lấy lại quyền giết người, nhưng sẽ chỉ giết «ai làm đổ máu người khác,» chứ không tổ chức giết người tập thể như trong vụ Đại Hồng Thủy nữa. Elohim đặt cái cầu vòng lên nền trời để làm chứng cho lời thề này. Tuy nhiên, con người vẫn là con người, tức hình ảnh của Chúa (Gen 1 :27), và Thiên Chúa lại không bằng lòng với con người! Nhưng lời hứa còn đó, và cái cầu vòng kia vẫn mãi hiện ra mỗi khi mưa bão lụt lội: Thiên Chúa không còn có thể tái diễn màn Đại Hồng Thủy được nữa... Chúng ta có thể tưởng tượng lần này Thiên Chúa đứng trước hai mối ân hận: ân hận đã làm nên con người (hình ảnh của Thiên Chúa!) như trong Gen 6:6, và ân hận đã tuyên hứa không tiêu diệt loài người như Ngài đã từng làm với Đại Hồng Thủy một cách tương đối hiệu quả ("tương đối" vì vẫn còn sót Noah và gia đình ông, như thể Thiên Chúa không thể hoàn toàn xóa đi được hình ảnh của Ngài, tức cái Ý Thức đối diện với chính Ý Thức của Ngài, mà không tự Ngài bị biến vào hư không...)

Phải làm sao bây giờ? Có một phương cách: đó là gây dựng nên một dân tộc, rồi chăm sóc cho dân tộc ấy, cho dân tộc ấy "sinh sôi nảy nở đầy mặt đất (của hành tinh này và mọi hành tinh khác!), như đã từng dự tính với Adam lúc tạo thiên lập địa và với Noah sau Đại Hồng Thủy. Ngoài dân tộc được chọn ra, Thiên Chúa lờ đi mọi con người khác, mà Ngài không thể giết bỏ, vì đã lỡ giao ước. Đó là ý nghĩa của màn tái khởi đầu thứ ba trong Sáng Thế Ký.

Tuy nhiên, như đã nói, khác với hai lần trước, màn "tái khởi đầu" này diễn ra trước thềm Lịch Sử, với những con người có sử tính, những con người hiện thực. Câu chuyện ở đây không còn là chuyện của Thiên Chúa, mà là những viên gạch thần thánh xây dựng Lịch Sử của Israel. Nếu trong đoạn trước của Sáng Thế Ký, "Thiên Chúa chính là tâm hồn bạn, Thần Khí của Ngài là hơi thở bạn, và cuộc đời Ngài là sự tuyệt vọng của bạn," thì ở đây, Abram, và những con người mà bạn sẽ có dịp làm quen, không là ai khác hơn là chính bạn trong đời sống thực tế, với những ưu tư thực tế, những thắc mắc và những giả định về thực tại, tức những con người trong giòng Lịch Sử.

Trở lại câu chuyện. Thiên Chúa hứa cho Abram một hậu duệ cực kỳ đông đúc để làm thành một dân tộc vĩ đại. Nhưng, Ngài đã từng tuyên bố điều này với Noah ("hãy sản sinh và phát triển tràn ngập mặt đất" Gen 9:1), và trước đó, trong đoạn tạo thiên lập địa, với con người đầu tiên (Gen 1:28). Phải chăng lời hứa này là thừa thãi, không cần thiết? Dù sao, cần ghi nhận là những lời tuyên bố sinh sôi nảy nở trước đó là những mệnh lệnh, trong khi ở đây, là một lời hứa, một giao kết. Vợ chồng Abram hiếm muộn. Hai ông bà không thể hy vọng có được con đàn cháu đống nếu không có sự can thiệp của Thiên Chúa.

GIÁN ĐOẠN GIAO KÈO

Thế là Abram cất bước ra đi, 75 tuổi đời chồng chất trên vai... Xứ Canaan, nơi ông định cư, bị đói kém, ông phải di tản sang Ai Cập. Nơi đây ông bảo Sarai, vợ ông, phải tự nhận là em gái ông, để người Ai Cập thấy bà xinh đẹp, sẽ không

làm hại ông để cưỡng đoạt bà, mà ngược lại sẽ ưu đãi ông. Một thái độ khó hiểu. Quả nhiên, Vua Ai Cập Pharaon thấy Sarai đẹp lộng lẫy, dù lúc ấy bà đã 65 xuân xanh (!). Pharaon liền lấy bà làm thiếp, và ban phát nhiều của cải cho Abram. Phải chăng Abram chỉ lo sợ cho mạng sống của mình, hay chỉ ham muốn của cải của người Ai Cập? Phản ứng của Abram phải chăng phản ảnh tâm lý của mọi người lưu vong khi đến một chân trời xa lạ? Có thể chúng ta, trên bước đường ly hương cũng đã từng có những tư tưởng nhượng bộ đối với người bản xứ như Abram? Tuy nhiên, phải công nhận thái độ của Abram là quá đáng, nhất là đối với một người đã được Chúa chọn, được Chúa chúc lành và hứa ban cho một hậu duệ đông đúc để làm nên một dân tộc lớn. Vì thế, không thể tránh được câu hỏi: Abram có thực sự tin tin tưởng nơi Thiên Chúa hay không? Hoặc giả sự giao ước giữa Thiên Chúa và Abram quá nặng nề đối với ông? Abram phải sống đời lưu vong để đổi lấy một hậu duệ đông đúc, tức là phải hy sinh hiện tại cho tương lai. Như mọi dự án lớn của con người! Người Việt chúng ta đã từng quá biết thế nào là gian khổ đấu tranh cho một ngày mai tươi sáng, cho sự hình thành của một chủ nghĩa, một thiên đường... Abram, trên đường lưu lạc, đến nơi Đất Hứa, lại gặp đói kém, phải tiếp tục lê bước lang thang, không còn muốn "đấu tranh gian khổ" nữa. Đem Sarai cho Pharaon, là một hình thức gián đoạn giao kèo với Thiên Chúa. Ngài hứa cho vợ chồng tôi con đàn cháu đống, thì đây, tôi không thèm nữa, tôi đem vợ tôi tặng cho Pharaon! Tức là lời hứa của Ngài, tôi liệng thùng rác. Vào thùng rác luôn cả "gian khổ đấu tranh" lẫn "ngày mai tươi sáng"!

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Nhắn Dối

Ly rượu đầy không có tình yêu ở giữa
Khi đã tràn, bẵng, vực dậy trái tim
Em đom đóm không lập lòe bờ dậu
Hỏi phố phường ai viện lẽ tìm trăng!
Ý ngăn anh mắt xuyên qua cửa sổ
Liếc mùi hương đêm gợi nhớ trở về
Vào mười sáu tuổi chiêm bao thấy bướm
Cau nhà người mẹ trộm nghĩ đang xanh
Chỉ giàn trầu bên rào nhà hàng xóm
Lá nõn gì đâm nhói trái tim anh.

SỨ MẠNG LỊCH SỬ

Tuy nhiên, không phải muốn gián đoạn giao kèo với Thiên Chúa lúc nào cũng được. Thiên Chúa giáng trên đầu chú Pharaon vô tội vạ kia và giòng tộc (càng vô tội vạ) của chú này, những hình phạt nặng nề. Đến khi chú ta hiểu ra tự sự thì chú lập tức hoàn trả Sarai lại cho nguyên chủ. Giao kèo lại được tiếp tục. Abram rời Ai Cập với nhiều của cải, trở về xứ Canaan, vùng Đất Hứa. Người ta không khỏi liên tưởng đến câu chuyện Pharaon cầm giữ dân Do Thái, nhiều năm sau đó, trong sách Lưu Đày. Trong truyện này, không những Pharaon và giòng tộc ông bị Chúa phạt, mà toàn dân Ai Cập cũng phải chịu những tai họa thảm khốc, để rốt cuộc, Dân Chúa thoát khỏi Ai Cập đi về Đất Hứa. Ai Cập thường bị gắn liền với sự gián đoạn giao kèo với Thiên Chúa. Trong sách Lưu Đày, dân Do Thái khi sang lập nghiệp ở Ai Cập đã quên đi lời giao ước giữa Thiên Chúa với Abram và hoàn toàn không muốn rời khỏi Ai Cập nữa, cho đến khi Moshe làm nảy sinh trở lại một ý thức lịch sử trong đấu óc họ. Mâu thuẫn giữa Ai Cập và Thiên Chúa, cũng như mâu thuẫn giữa một xã hội không có tham vọng nào khác hơn là sự trường tồn của chính mình (như xã hội Tư Bản — Kinh Tế Thị Trường hiện tại), và một xã hội tự đặt mình trên một con đường Lịch Sử, với một sứ mạng Lịch Sử, với ý thức về một khởi điểm và một kết cuộc của Lịch Sử.

Người du mục có quan niệm thời gian khác với dân định cư. Dân định cư, như người Ai Cập, nhìn thời gian bốn mùa luân chuyển như một chu kỳ, hết cấy lại gặt, hết gặt lại cấy, buôn buôn bán

bán ngày lại qua ngày tương tự như nhau, trong khi dân du mục, như Abram, và như dân Do Thái sau đó, quan niệm thời gian như một cuộc hành trình, có điểm khởi đầu, ở đây là lúc giao ước với Chúa, và có điểm đến, là Đất Chúa Hứa. Thời gian giữa hai điểm ấy, mang một màu sắc hy vọng, một năng lực luôn hướng tới một cái gì hoàn toàn mới, hoàn toàn đoạn tuyệt với hiện tại, thay vì chỉ là sự lập lại của hiện tại. Khái niệm thời gian như một đường thẳng (thay vì là một chu kỳ) chính là đóng góp nền tảng của văn hoá Do Thái vào sự suy tư của nhân loại. Để nhiều năm sau này, Hegel, rồi Marx cũng sẽ đi trên cùng dấu vết đó...

KHOÁC CHIẾN Y

Quay lại Canaan, Abram trở thành giàu có, cũng như Loth, cháu ông. Hai người chia tay nhau. Loth bỏ đi sinh sống trong lưu vực sông Jourdain, đến tận thành Sodome. Ở Gen 13:4, Yahweh lại xuất hiện và hứa cho Abram tất cả đất đai mà ông nhìn thấy (lúc ấy thuộc những dân tộc khác), và hậu duệ của ông sẽ nhiều như các hạt bụi trên mặt đất. Đó là lần thứ ba Chúa lập lại lời hứa với Abram. Tiếp theo đó, Abram tham dự một cuộc chiến tranh, và chiến thắng. Một vị Vua địa phương và cũng là một "Giáo Sĩ của Thiên Chúa" tên là Melkisedeq, chúc phúc cho Abram nhân danh "Thiên Chúa, đấng tạo thành trời đất." Đây là lần đầu tiên người ta đọc thấy trong truyện của Abram, tức trong "Lịch Sử," khái niệm một Thiên Chúa tạo nên trời đất. Chúng ta biết chuyện tạo thiên lập địa, vì chúng ta có sách Sáng Thế Ký trong tay, hoặc ít ra cũng có tờ *Thế Kỷ 21* số Tết 2004. Abram không có may mắn đó. Abram có thực sự ý thức vị Thần đã ba lần hứa cho ông và hậu duệ của ông một tương lai rực rỡ kia, chính là Đấng tạo nên trời đất hay không? Nhiều người, trong đó có Freud, cho rằng khái niệm một Chúa duy nhất tạo nên mọi sự mọi vật trong tư tưởng Do Thái chỉ bắt đầu hiện hữu từ Moshe, qua ảnh hưởng của một trường phái tôn giáo Ai Cập thời đó. Người ta tìm thấy trong Thánh Kinh, Thánh Vịnh 104, những câu văn trùng hợp gần như từng chữ, với bài "Vịnh Mặt Trời" của Pharaon Akhenaton, một vị vua đã quảng bá tư tưởng một Thiên Chúa tạo thiên lập địa duy nhất, tại Ai Cập vào thế kỷ 14 trước Công Nguyên. Xin nhắc lại : Sáng Thế Ký được viết khoảng năm, sáu thế kỷ trước Công Nguyên.

Mặt khác cũng có thể tự hỏi trong trận chiến mà Abram vừa đại thắng, có sự tham gia của Thiên Chúa hay không? Nhiều yếu tố cho thấy câu trả lời là có. Thứ nhất, Melkisedeq đã nói rất rõ khi chúc lành cho Abram, rằng: "Thiên Chúa tối cao đã giao nạp các địch thủ của ông vào tay ông" (Gen 14:20). Thêm vào đó, khi chia của cải của kẻ bại trận, sự kiện Abram từ chối mọi chiến lợi phẩm, như thể ông đã tuyên hứa với Thiên Chúa điều đó (Gen 14:22), gợi ý rằng Abram đã được sự tiếp tay của Thiên Chúa để chiến thắng, với một số điều kiện. Chưa hết, sau trận chiến, Abram nằm mộng thấy Chúa hiện ra nói với ông: "Đừng sợ, ta là tấm mộc che chở ngươi" (Gen 15:1). Điều đáng chú ý là ý tưởng một Thiên Chúa tạo nên trời đất được nêu lên ngay khi chúng ta nhìn thấy Thiên Chúa trong một vai trò mới, vai trò của một chiến tướng. Thật vậy, có mâu thuẫn giữa vai trò "Thiên Chúa của mọi người," sau này đưa đến khái niệm "Cha chung muôn loài," với vai trò của một chiến tướng, giúp phe này đánh bại phe kia. Có lẽ vì thế mà trong mạch văn, ở thời điểm này, một số tác giả đã cảm thấy cần phải minh xác: mặc dầu Thiên Chúa đã khoác y giáp của một chiến tướng, ngài vẫn là Chúa của mọi người mọi vật? Thêm vào đó điều này được tuyên xưng bởi Melkisedeq "Giáo Sĩ của Thiên Chúa" nhưng lại không thuộc "Dân Chúa." Quan điểm "Chúa của riêng Dân Ngài," lờ đi mọi người khác, có vẻ như bị phản đối. Sáng Thế Ký không được viết lên từ một quan điểm đồng nhất. Tư tưởng "Chúa của mọi người" đã đôi lúc hé lộ nơi đây ?

MỘT DÂN CHÚA THỨ HAI?

Trong Gen 15:1, Yahweh cũng nói với Abram: "Phần thưởng của ngươi sẽ được nhân lên gấp bội phần." Và Abram đáp lại: "Lạy Chúa, Ngài ban thưởng cho tôi như thế làm gì, tôi sẽ chết đi mà không có con cháu nối dõi (...) một kẻ nào đó trong bộ lạc của tôi sẽ thừa hưởng của cải mà tôi để lại" (Gen 15:2,3). Mặc dù vừa được Chúa giúp chiến thắng, Abram có vẻ không mấy tin tưởng vào Ngài. Sau toan tính dứt đoạn giao kèo với Chúa khi đem vợ mình tặng cho Pharaon, đây là lần đầu tiên Abram nói thẳng với Chúa sự nghi ngờ của mình. Phản ứng của Yahweh là một màn diễn giảng tràng giang đại hải những điều Ngài đã hứa cho Abram. Diễn văn của Yahweh kéo dài từ Gen 15:4 cho đến Gen 15:19, tổng cộng 16 câu, lồng trong một nghi thức tế lễ rườm rà được tô điểm bởi một vài phép lạ và vài câu tiên tri. Không thấy nói Abram có được thuyết phục bởi diễn văn của Yahweh hay không... Đó là lần thứ

tư Yahweh lập lại lời hứa của mình.

Mười năm trôi qua, Abram vẫn không có con. Sarai đem người tỳ nữ người Ai Cập của mình tên là Hagar, cho ăn nằm với Abram. Bà này thụ thai và sanh ra Ismael. Tựu trung, Sarai lập lại điều mà Abram đã làm khi ông đem bà hiến cho Vua Pharaon của Ai Cập. Ở đây, đến lượt Sarai phá vỡ sự giao kết với Thiên Chúa. Sự kiện Hagar là người Ai Cập mang ít nhất là hai ý nghĩa. Thứ nhất, điều này lập lại mâu thuẫn Thiên Chúa — Ai Cập, mà ta sẽ còn nhiều lần chứng kiến. Thứ hai, Ismael vì có mẹ là người Ai Cập, nên thuộc về ngoại tộc, không nằm trong "giao kèo" đã ký kết với Thiên Chúa. Ngày nay, trên nguyên tắc, người Do Thái vẫn coi một người là người Do Thái do ở mẹ người ấy là Do Thái.

Trong lúc Hagar mang thai thì Sarai ghen tức, hành hạ bà, khiến bà phải bỏ trốn vào sa mạc. Thiên Thần Yahweh hiện ra nói với bà: "Ta sẽ cho ngươi thật nhiều con cháu, không thể đếm hết được" (Gen 16;10). Thiên Thần cũng dặn Hagar quay về với Sarai và phục tùng bà. Cần hiểu là trong lối hành văn của Sáng Thế Ký, chữ "Thiên Thần" (ange) chỉ sự biểu hiện của Thiên Chúa dưới một hình dạng giống con người. Thiên Thần Yahweh không phải là một sứ giả, mà chính là Yahweh thị hiện ra. Vì thế, Thiên Thần nói "Ta sẽ" chứ không nói "Yahweh sẽ", và trong Gen 16:13, Hagar kêu tên Yahweh là "đấng vừa phán bảo" mình, chứ không phải là "đấng vừa sai ai đó" đến nói chuyện với bà. Ở một đoạn sau, với Abram, Chúa hứa thêm cho Ismael "sẽ sản sanh ra 12 đấng quân vương và một dân tộc lớn" (Gen 17:20), một giao ước rất gần với giao ước mà Chúa đã cam kết với Abram. Vấn đề này có một quan hệ Lịch Sử trọng đại. Người Ả Rập, hậu duệ của Ismael, tự coi như chính họ kế thừa giao ước giữa Thiên Chúa và Abram, vì Ismael là con trưởng và vì Thiên Chúa đã lập lại giao ước này với mẹ Ismael. Phải chăng hậu quả của những giao ước lang bang này vẫn còn kéo dài cho đến ngày hôm nay? Và chúng ta không thể không tự hỏi: tại sao Thiên Chúa lại làm điều đó? Ngài muốn có hai, hay có một "Dân Chúa"? Ngài chọn thêm một "Dân Chúa thứ hai" để ngộ nhỡ Dân Chúa đầu tiên "chạy" không tốt? Hay Ngài không tin tưởng ở vợ chồng Abram? Dễ hiểu, chính vợ chồng Abram cũng đã bày tỏ nỗi ngờ vực đối với Ngài... Hay là Ngài muốn trừng phạt Sarai? Hay, như ta đã nhiều lần cảm thấy trong Sáng Thế Ký, chính Thiên Chúa cũng chưa rõ mình muốn cái gì? Thiên Chúa vốn dĩ là một nhân vật không có quá khứ, đang dần dần học hỏi kinh nghiệm, nên một thái độ dọ dẫm tìm tòi, là một điều rất hợp lý. Cho đến đây, Ngài cư xử như một đứa bé: điều gì không vừa ý thì Ngài gạt đi, hoặc phá hủy. Trong câu chuyện này, đứa bé đã lớn lên, đã có chút ý thức về tương quan xã hội, đã hiểu ra là hủy diệt không phải bao giờ cũng là giải pháp... Thật ra, Thiên Chúa có thể tức giận hơn nhiều, vì việc làm của Sarai chính là phỗng tay trên Ngài một cách trắng trợn. Trên nguyên tắc, Abram chỉ có được hậu duệ nối dõi nhờ vào quyền phép của Chúa. Nhưng thay vì để Chúa ban cho Abram một người con, Sarai lại quyết định "ban" cho Abram người tớ gái của mình, và qua bà này, "ban" một đứa con đầu lòng cho Abram. Có lẽ Thiên Chúa đã không ngờ trước được phản ứng này của Sarai, và Ngài cũng đã phản ứng một cách bộc phát.

ĐẠI NGHI TÌNH VÀ ĐẠI TÍN TÂM

Rồi thời gian lại trôi qua. Abram đã 99 tuổi. Cái ký ức gần bách tuế của ông có còn nhớ lời giao kết khi xưa với Thiên Chúa lúc ông vừa 75 mùa xuân nữa hay không? Đã bao năm ông không còn nghe nói đến Chúa... Rồi bất chợt Chúa hiện đến với ông. "Ta là Đấng Quyền Phép (El Saddai)!", Chúa mạnh mẽ tuyên bố như vậy khi mở đầu câu chuyện (Gen 17:1). Tại sao lại phải tự xưng mình như thế? Chúa sợ Abram không còn nhớ mình là ai? Chúa cần phải trấn áp tinh thần Abram sau 20 năm không gặp lại? Liền sau đó lại là một màn diễn văn tràng giang đại hải, lần này dài tới 20 câu (Gen 17:1-22), lập lại thêm một lần thứ năm những giao kết đã được tuyên phán, tuy có "nâng cấp" chút đỉnh: Abram sẽ được Chúa cho trở thành "thủy tổ của vô số quốc gia" (lập lại hai lần), "trong con cháu ông sẽ có những vị quân vương", và hậu duệ của ông sẽ nhiều đến mức "cùng cực" (lập lại hai lần). Thiên Chúa cũng đổi tên Abram thành Abraham, có nghĩa là "cha của muôn người" và Sarai thì từ nay trở thành Sara (nghĩa là người đàn bà quý phái, công chúa). Quan trọng hơn, Chúa đặt ra lệ cắt da quy đầu như dấu chỉ của sự giao ước với Ngài. Trong bài viết trước, tôi đã bàn về ý nghĩa của việc này nên chỉ xin nhắc lại sơ qua: Thiên Chúa một mặt ra lệnh cho con người sinh sôi nảy nở, nhưng sự sinh sôi nảy nở ấy lại lấn áp một quyền hạn quan trọng của Ngài, đó là quyền ban sự sống. Nay, qua Abraham và những nam nhân trong bộ lạc

ông cùng với tất cả hậu duệ của họ, Thiên Chúa đòi hỏi phải dâng nạp một phần dương vật cho Chúa, như một sự phục tùng đối với Chúa trên mặt tình dục.

Trước màn trình diễn của Thiên Chúa, Abraham cũng phản ứng một cách rất nặng "kịch tính." Ông ngã xuống úp mặt xuống đất, và nghe Chúa diễn thuyết. Tuy nhiên, dưới khuôn mặt áp xuống đất của Abraham, là một nụ cười diễu cợt và chua chát (Gen 17:17): "Làm sao một ông già 100 tuổi lại có thể có con, và một bà cụ 90 niên như bà Sara nhà tôi cách chi mà còn sanh đẻ được nữa?" bài kệ "Đại nghi đại ngộ, Tiểu nghi tiểu ngộ, Bất nghi bất ngộ" chắc là có thể ứng vào trường hợp của ông này đây!

Có thể nghĩ rằng cái Đại Nghi Tình mà Abraham bày tỏ ra một cách càng ngày càng trắng trợn, che giấu một Đại Tín Tâm trong chiều sâu của tâm thức ông? Thật vậy, hễ Tin là phải có Nghi. Không có sự nghi ngờ, thì không thể có Niềm Tin. Bạn không thể nói đến "Niềm Tin" vào sự hiện hữu của tờ *Thế Kỷ 21* đang nằm trong tay bạn. Vì bạn không có chút nghi ngờ nào về sự hiện hữu ấy. Nhưng tin rằng Pháp Quốc sẽ thắng giải túc cầu thế giới lần tới, là một Niềm Tin, vì đồng thời trong lòng bạn đầy nghi ngờ. Tin vào Thiên Chúa cũng vậy. Đức Ky Tô trước khi lìa đời trên Thập Tự Giá cũng phát biểu mối Đại Nghi Tình qua câu : "Chúa ơi! Chúa ơi! Tại sao Chúa đã bỏ tôi?" Đây là dấu chỉ Ngài thực sự là một con người (mặc dù cũng là Thiên Chúa), với đầy đủ các đặc tính của con người, chứ không phải chỉ là một vị Chúa hóa trang giả bộ làm người.

PHÁP THÂN VÀ HÓA THÂN

Một ngày nọ, Abraham đang ngồi trước căn lều của mình thì Thiên Chúa hiện đến dưới hình dạng ba người đàn ông. Ba người. Tại sao Thiên Chúa lại không thể hóa thân thành ba người? Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật ngồi trong nhà Tịnh Xá, trên đỉnh đầu phóng ngọn Vô Úy Quang Minh, trong đó có Hóa Thân Phật ngự trên tòa sen thuyết chú, cùng với Nhục Thân và Pháp Thân, là ba Thân Phật. Tại sao không? Thật ra, vấn đề "Hình Tướng" của Thiên Chúa đặt ra như sau: Chúng ta kế thừa hình ảnh của chúng ta từ cha mẹ chúng ta, và xa hơn nữa, từ tổ tiên của chúng ta. Thiên Chúa không có cha mẹ, tổ tiên, vậy làm sao Ngài có được một hình ảnh? Giả sử Ngài có hình ảnh, thì hình ảnh ấy có nhiều hy vọng không thể diễn bày được. Vì thế, trong truyền thống Do Thái và cả Hồi Giáo, không ai được hình dung ra hình ảnh Thiên Chúa (xem Exode 34:17). Những sự thị hiện ra của Thiên Chúa vấp phải vấn đề lý thuyết này, nên mới có nhu cầu đặt ra "Thiên Thần" như những "hóa thân" của Thiên Chúa để khi cần, thì "Pháp Thân" Chúa có thể tùy duyên mà thị hiện ra với con người qua các "hóa thân" ấy mà không trái với lý thuyết hình ảnh Chúa không thể diễn bày được. Dần dần, trong những đoạn sau này của Thánh Kinh, Thiên Thần mới mang một ý nghĩa tự thân, và mới thực sự trở thành những Sứ Giả, khác biệt hoàn toàn với Thiên Chúa. Ở đây, Abraham quỳ mọp trước ba người đàn ông và gọi họ là "Chúa" (Seigneur), số ít, chứ không phải là "các ông Chúa" hay "quý Thiên Thần." Để diễn tả những gì ba người đàn ông này nói, tác giả Sáng Thế Ký khi thì ghi "họ nói" (Gen 18:9), liền sau đó lại bảo "Chúa nói tiếp" (Gen 18:10), cho thấy "ba người đàn ông" và "Chúa" là một cá thể.

ANH HÙNG THIÊN AN MÔN

Nội dung câu chuyện, đầu tiên là thông báo Sara sẽ sanh một con trai. Sara cười thầm (như Abraham), nhưng Chúa biết được, có vẻ giận, và trước sự chất vấn của Chúa, Sara chối quanh: "Tôi đâu có cười hồi nào đâu?" (Gen 18:15). Tiếp đó là màn lập lại giao kèo, lần thứ sáu (!), cũng với một chút "nâng cấp": con cháu Abraham sẽ trở thành "một dân tộc được chúc lành (tùng phục?) bởi mọi dân tộc trên thế giới" (Gen 18:18). Sau hết Chúa cho biết sẽ hủy diệt thành Sodome! Liền khi ấy, chúng ta thấy con người thật của Abraham lộ ra. Ông "đứng trước Thiên Chúa" và "bước lại gần Ngài," trong một tư thế ngăn cản, và nói, một cách gần như vô lễ:"Phải chăng ông sẽ giết cả người ngay lành lẫn kẻ tội lỗi? (...) Hãy từ bỏ lối cư xử ấy! (...) Hãy từ bỏ nó! Vị Chúa tể của toàn Mặt Đất có thể cư xử bất công như vậy sao?" (Gen 18:23-25) Cụ già 100 tuổi có vẻ như muốn răn dạy Đấng Tối Cao, đầy quyền năng nhưng với một tâm lý còn quá non trẻ. Con người già đi, nhưng Thiên Chúa không già... Sự trưởng thành của Thiên Chúa trong Thánh Kinh là một tiến trình rất chậm chạp. Hình ảnh Abraham đứng trước Thiên Chúa để can ngăn một toan tính diệt chủng làm liên tưởng đến người sinh viên Trung Hoa đứng trước hàng chiến xa tiến vào đàn áp cuộc nổi dậy Thiên An Môn. Hình ảnh của một anh hùng! Abraham, người đã nuốt nhục đem vợ mình dâng cho Pharaon, không phải là người hèn nhát.

SÁCH NHIỄU TÌNH DỤC THIÊN CHÚA!

Khỏi nói cũng biết là Sodome sẽ bị tiêu hủy. Vì sao? Vì "tội lỗi." Không thấy nói rõ tội gì. Sự biện minh cho việc tận diệt Sodome gần như đến cùng một lúc với thời điểm Chúa ra tay. Câu chuyện như sau: Hai vị Thiên Thần đến dùng bữa trong nhà của Loth, cháu Abraham, trong thành Sodome. Đang ăn thì toàn thể dân chúng Sodome (Sáng Thế Ký nhấn mạnh ở chỗ "toàn thể," không thiếu một ai, từ già tới trẻ - Gen 19:4), kéo tới, đòi hãm hiếp các vị Thiên Thần này (Gen 19:5)! Loth đề nghị giao cho dân chúng Sodome hai người con gái còn trinh nguyên của ông để họ tha cho các vị Thiên Thần. Dân chúng Sodome không chịu, mắng Loth là "tên di dân," và hành hung Loth. Thật ra, hai vị Thiên Thần đến để hủy diệt Sodome (Gen 19:13), và khi đến Sodome, họ liền thành công trong việc chứng minh là "toàn thể" dân chúng trong thành này "tội lỗi." Không có người ngay lành ở Sodome để Chúa giết oan như Abraham đã trách móc ở đoạn trên. "Toàn thể" dân Sodome muốn hãm hiếp Thiên Thần Chúa, và, trong ý nghĩa Thiên Thần Chúa là "hóa thân" của chính Chúa, có thể hiểu là họ đòi "sách nhiễu tình dục" chính Thiên Chúa Toàn Năng, Đấng tạo thành Trời Đất Vạn Vật!

Mặt khác, câu chuyện Sodome cũng gợi lên vấn đề đồng tính luyến ái và cho biết quan điểm của tác giả Sáng Thế Ký về vấn đề này (chữ "sodomisation" ngày nay vẫn dùng để chỉ một cách làm tình của những người đồng tính luyến ái, vốn thường bị các nhà đạo đức lên án như phản tự nhiên). Quan trọng hơn nữa, vượt ngoài các vấn đề "đạo đức" hay "tự nhiên," vẫn là sự tranh chấp quyền hành giữa con người và Thiên Chúa. Sodome biểu tượng cho con người tự cho mình quyền làm tình như họ muốn, kể cả với chính Thiên Chúa, nếu có dịp! Sau khi vừa bắt con người Abraham quy phục mình trên phương diện tình dục qua nghi thức cắt bì, Chúa liền phải giải quyết một cuộc nổi loạn dục tính vĩ đại của những con người khác...

HOÀNG HUY KHÁNH

Chuông Khuya

Nửa đêm nghe tiếng chuông
chùa Phật Học Hội An

Bao năm xa vắng trở về
Lầu khuya – thức giấc – lại nghe chuông chùa
Tuổi thơ lạc dấu mấy mùa
Chợt theo về với gió lùa đêm mơ
Chuông gieo từng tiếng ơ hờ
Rơi vào tịch mịch lửng lơ hồng trần
Hồi bát nhã – cõi phù vân
Vang trong tâm tưởng như gần như xa.

LOẠN LUÂN

Sẵn bàn về những chuyện yêu đương bị lên án, Sáng Thế Ký chuyển ngay sang vấn đề loạn luân. Loth, vợ ông với hai con gái được Chúa cứu khỏi Sodome. Bà vợ Loth nuối tiếc nhìn lại phía sau, bị hóa thành tượng muối. "Phật Học Tinh Hoa" của Nguyễn Duy Cần có kể câu chuyện con người bằng muối luôn thắc mắc về bản ngã của mình, cho đến khi gặp nước biển, liền tan vào đại dương... Còn lại Loth dẫn hai con gái ghé thành Coar, chữ có nghĩa là "vô nghĩa" như thể của cải mà Loth vừa bỏ mất, cũng như sự hùng mạnh, huy hoàng của Sodome, tất cả đều "vô nghĩa." Sau đó, ba người trốn lên núi sống trong một hang đá. Tại đây, để cho có người nối dõi tông đường, hai cô con gái của Loth đã cho ông uống rượu rồi giao hợp với ông, thụ thai, và sanh ra các giống dân Moabite và Ammonite. Nếu Loth đã đem hai đứa con gái trinh nguyên của mình dâng cho dân "bản xứ" (như Abraham đã làm ở Ai Cập với vợ ông), thì nay, hai cô bé ấy dẫn ông vào vòng loạn luân, như thể một sự trả thù của định mệnh.

Chúng ta cũng thấy Sáng Thế Ký không phải chỉ là một quyển sách tôn giáo. Sáng Thế Ký

cũng nêu lên những vấn nạn rất thực tế trong đầu óc của người Do Thái: Do đâu mà dân Moabite và Ammonite bị các dân khác kỳ thị? Vì đâu có những tượng muối dọc Biển Chết? Vì sao những thành phố trên lưu vực sông Jourdain đã bị thiên tai tiêu hủy? Rồi vấn đề đồng tính luyến ái, vấn đề đa thê, vấn đề thừa kế giữa nhiều giòng con, vấn đề hiếm muộn, vấn đề chia tách một bộ lạc (Loth tách khỏi bộ lạc Abram), vấn đề liên minh với dân bản xứ và giải quyết tranh chấp với họ (Gen 21:22-34), sự nhẫn nhục cần thiết của người di dân, sự mâu thuẫn giữa dân định cư trồng trọt và du mục chăn nuôi (chuyện Cain và Abel), rồi tại sao con người lại nói nhiều thứ tiếng và phân tán khắp mặt đất (chuyện tháp Babel), ý nghĩa của những trận lụt vĩ đại và làm sao người ta lại sống sót được sau đó? Israel từ đâu ra? v.v... Thậm chí một số tục lệ buôn bán của người Semites cũng được bàn đến, như lúc Sara qua đời, Abraham mua một mảnh đất để chôn bà. Người bán nói đại ý rằng: nghĩa tử nghĩa tận, xin biếu đất cho ông, không có vấn đề mua bán. Tuy nhiên trong câu chuyện khách sáo, lại "tình cờ" cho biết trị giá của thửa ruộng, kiểu "xá gì một mảnh đất 400 đồng vàng đối với mối thân tình của ông với tôi ?" Thế là khổ chủ hiểu ý liền lòi tiền ra! Mảnh đất này hiện ở Hebron, nơi có "Mồ Tổ Phụ," nay vẫn là đề tài tranh chấp gay gắt giữa người Do Thái và người Ả Rập (Abraham, con và cháu ông là Isaac và Jacob đều sẽ được mai táng nơi đây). Mảnh đất nói trên cũng là mảnh đất đầu tiên trên đó Abraham thực sự có chủ quyền trên lãnh thổ mà Thiên Chúa đã hứa cho ông. Nhưng đó là chuyện về sau.

GIẢI QUYẾT GỌN GÀNG

Phần Abraham, sau khi chứng kiến sự hủy diệt của Sodome, ông làm gì? Một phản ứng rất lạ: ông đem Sara tặng cho Abimelek, Vua xứ Guerar, nói bà là em gái ông! Y hệt như với Pharaon! Một ám ảnh? Có thể nhìn thấy ở đây một sự phản đối, một cuộc nổi loạn gián tiếp đối với Thiên Chúa. Sự kiện Abraham tỏ thái độ chống đối ngay sau khi chứng kiến Sodome bị Chúa hủy diệt, mặc dù mọi nỗ lực can ngăn của ông, cho thấy liên hệ giữa hai câu chuyện. Nhưng, để nhìn thấy một nguyên do quan trọng hơn có lẽ phải nhìn ngược lên một đoạn nữa, đoạn Abraham bị Chúa bắt phải cắt da quy đầu, phải phục tùng Chúa về tình dục, trong chính phần nhạy cảm nhất của thân xác mình. Chúng ta nhớ lại là thái độ của người dân Sodome, trong bản chất, chính là phản đối lại sự phục tùng Chúa về tình dục...

Lần trước gặp Abraham, Chúa nói năm sau Sara sẽ sanh con trai, sẽ được đặt tên là Isaac. Lúc đem Sara hiến cho Abimelek, Abraham có nhớ điều đó không? Trước một lời hứa được lập lại sáu lần, trong suốt 25 năm trường không được thực hiện chút nào, bạn nghĩ sao? Đừng quên là Abraham đã bách tuế, và Sara gần chín mươi ... Rốt cuộc Thiên Chúa phạt gia đình Abimelek, rồi, lần này dưới dạng Elohim, Ngài hiện ra bảo Abimelek phải trả Sara lại cho Abraham, và mọi việc được giải quyết.

Càng được giải quyết gọn gàng hơn nữa khi Sara thụ thai, và sanh ra Isaac (Yischaq, nghĩa là "nó cười," nhắc chuyện Sara cười khi nghe Chúa nói bà sẽ thụ thai ở tuổi 90). Mặt khác, Ismael và Hagar bị Sara đuổi vào sa mạc. Khi họ gần chết khát, thì được Chúa cứu, sau cho ra dân Ả Rập... Bên cạnh Abraham chỉ còn lại Isaac. Isaac lớn lên, để chứng kiến màn đối nghịch cuối cùng giữa Abraham và Thiên Chúa.

LÀM MỘT VỚI CHÚA

Chúa (Elohim) gọi: "Abraham!" Abraham trả lời "Tôi đây!", lời duy nhất Abraham nói với Chúa trong suốt lần gặp gỡ này. Chúa ra lệnh cho Abraham đem Isaac giết đi để tế lễ Ngài. Người đã từng đứng trước Thiên Chúa chống lại cuộc thảm sát thành Sodome, nay hoàn toàn im lặng, không một lời phản kháng, mặc dù nạn nhân sẽ bị sát hại chính là đứa con nhỏ dại của mình. Abraham lẳng lặng sửa soạn cuộc tế lễ, và sau ba ngày đường, dẫn Isaac lên ngọn núi mà Chúa đã chỉ định. Ông bảo hai kẻ tùy tùng: "Hãy dừng lại đây với con lừa, tôi dắt đứa trẻ, lên trên kia thờ phượng Chúa, rồi chúng tôi sẽ cùng trở về với các anh." Abraham nói dối, hay ông tin tưởng rằng ông sẽ cùng với đứa bé trở về? Isaac gọi:"Cha ơi !" Abraham trả lời "Cha đây." Khi Isaac hỏi con vật để tế lễ đâu? thì Abraham nói :"Chúa sẽ biết tìm ra con vật tế lễ.» Câu này dành cho Isaac hay cho Chúa? Ta thoáng thấy một tia lửa trong tâm hồn Abraham. Rồi Abraham lập bàn thờ, chất củi, trói Isaac, đặt lên trên, và giơ tay cầm lấy con dao... Thiên Thần Yahweh (ở đây Elohim đổi thành Yahweh), kêu:"Abraham! Abraham!" Abraham trả lời gọn ghẽ: "Tôi đây!" Trong tiếng Việt, khi có ai gọi, ta có thể nói: Tôi đây, con đây, cha, anh, hay em đây." Nhưng trong ngôn ngữ của Thánh Kinh, ở đây, chỉ có một câu

trả lời, dịch ra Pháp văn là "me voici ." Abraham trả lời như vậy ba lần: với Elohim, rồi với Isaac, và sau cùng với Yahweh. Một cách hành văn rất khéo, vẽ lên được sự đối nghịch trong lòng Abraham giữa một bên là "Elohim — Yahweh" và bên kia là Isaac. Câu "tôi đây" dùng để trả lời Chúa có một vẻ gì cộc cằn, tựa hồ vô lễ, trái hẳn với thái độ của Abraham trong những lần tiếp xúc trước. Ta còn nhớ Abraham ngã xấp mặt xuống đất trong Gen 17:3, hay trong Gen 18:3-8, ông tất tả chạy kêu Sara và đầy tớ làm tiệc thiết đãi Chúa (dưới dạng ba người đàn ông). Ở đây chỉ có "tôi đây!" Lúc Elohim gọi ông, Abraham vẫn chưa biết Ngài muốn gì cơ mà! Tại sao lại có sự lạnh lùng ấy? Thêm vào đó, Chúa đã cho Abraham một người con trai nối dõi, Abraham phải biết ơn, hay ít ra là bằng lòng với Chúa chứ? Khi trả lời Isaac, Abraham thêm: "Con của cha." Nét trìu mến làm tăng thêm vẻ lạnh lùng của câu trả lời Chúa. Rốt cuộc, Yahweh ngăn không cho Abraham giết Isaac, rồi lập lại, lần thứ bảy, những lời giao kết với ông và hậu duệ ông. Chúng ta còn nhớ (đọc bài trước) ý nghĩa biểu tượng của con số bảy... Nhưng Abraham có thực sự định giết Isaac hay không? Có lẽ Abraham đã đoán trước phản ứng của Chúa. Ông đã nói "Chúa biết tìm ra con vật tế lễ." Và phải chăng chính vì Abraham đã biết Chúa quá rõ, nên ông không còn cần phải khách sáo với Ngài nữa?

Chúng ta có thể giả sử như vậy, khi đọc đến Gen 24, khi Abraham gọi người đầy tớ trung thành nhất và ra lệnh cho ông này về nguyên quán của mình tìm một thiếu nữ trong bộ tộc về làm vợ cho Isaac. Người đầy tớ thắc mắc: thế nhỡ người con gái ấy không chịu theo tôi thì sao? Abraham trả lời: "Chúa sẽ cho Thiên Thần của Ngài đi trước ngươi, và ở đấy (quê cũ của Abraham), ngươi sẽ đem một người vợ về cho con ta." Ơ hay! Abraham ra lệnh cho người đầy tớ hay cho Chúa? Làm sao Abraham quả quyết được Chúa sẽ làm gì?

Phải chăng Abraham và Chúa đã trở nên một? Nếu Thiên Chúa đã đến với Abraham, thì Abraham cũng đã đi con đường ngược lại, và từ thái độ ngăn cách, "ngã xấp mặt xuống đất," đã biết nhìn ra rằng: tâm hồn của Thiên Chúa, bản chất của Thiên Chúa, thật ra rất giống mình, thật ra không xa lạ với cái bản chất của chính mình. Phải đợi đến Đức Ky Tô, trong Tân Ước, quan điểm này mới được tuyên dương ra một cách rõ ràng:

"Con cầu nguyện cho tất cả những ai tin nơi con, để tất cả trở thành Một. Cũng như Cha, thưa Cha, Cha ở trong con và con ở trong Cha, và họ cũng ở trong chúng ta" (Gioan 20-21).

Con người Abraham ở trong Chúa và Chúa ở trong con người Abraham. Người ta thường nói Do Thái Giáo là tôn giáo "mặc khải," tức khởi đầu từ sự kiện Thiên Chúa đến với con người. Có thực vậy không? Như một người Đông Á, tôi phải tự hỏi cái thực thể Thiên Chúa đã hiển lộ ra với Abraham ấy, có thực sự ở ngoài tâm hồn ông hay không? Có thực là Chúa tìm đến ông hay chính ông tìm Chúa trong ông? Như con người Phục Hy "trên xem văn trời, dưới xét lý đất, giữa khảo sát tình trạng vạn vật" (Chu Dịch - Phan Bội Châu), Abraham đi tìm nguyên lý của sự vật quanh ông, của trời của đất, của con người, của xã hội... Giả sử có một Thiên Chúa tạo thành mọi sự? Nếu thế, thì Thiên Chúa ấy ra sao? Sẽ nói gì với tôi? Tôi sẽ có thể chờ đợi gì ở Ngài? Đó là khởi sự cuộc hành trình của Abraham, một cuộc hành trình nội tâm trước khi là một chuyến ra đi của người du mục. Cuộc hành trình ấy mang một màu sắc hy vọng mãnh liệt. Nếu có một Thiên Chúa thực sự như tôi nghĩ, thì mọi chuyện trong cuộc đời này sẽ không thể tiếp tục như vậy được. Tương lai phải là một trạng thái hoàn toàn khác, hoàn toàn đoạn tuyệt với hiện tại! Tương lai là Nước Chúa, không thể là hiện tại nối dài. Nhưng trong niềm hy vọng mãnh liệt ấy, cũng có nghi ngờ khắc khoải, và tuyệt vọng vô bờ. Nếu tôi lầm lẫn... Nếu Chúa chỉ là ước vọng hão huyền của tôi, chỉ là hiện thân của dục vọng, của ngạo mạn, của kiêu căng ("ta là đấng Quyền Phép" (Gen 17:1), của những thù hận, oán hờn, của những ganh ghét, nhỏ mọn, những tham lam, ích kỷ, của tôi, thế thì ... mọi sự sụp đổ! Tương lai là kinh hoàng, như thành Sodome bị hủy diệt, xã hội rối loạn, nhân tình đảo điên như Loth ăn nằm với con gái mình, bất công như Hagar và Ismael bị đuổi vào sa mạc, hèn hạ như Abraham phải hai lần dâng vợ cho người quyền thế, tàn nhẫn như người cha phải giết chính đứa con thơ của mình...

Lúc ông lìa đời, ở tuổi 175, sau khi tục huyền với Quetoura và sanh thêm sáu người con (Gen 25:2), Abraham có vẻ như đã trở lại đời sống của một con người bình thường. Những đối kháng mãnh liệt trong nội tâm ông không còn nữa. Có lẽ ông đã hiểu Thiên Chúa, đã HỢP NHẤT với Ngài. Abraham ở trong Chúa và Chúa ở trong Abraham...

12 tháng 2 năm 2004

ĐẦU NĂM KHỈ
NÓI CHUYỆN NGƯỜI (VÀ NGỰA)

TƯỞNG NĂNG TIẾN

Cái ác là hình thức thô thiển nhất của sự ngu dốt.
Nikolai Rerikh

Tây và Tầu đều yêu thích ngựa. Ta thì không. Hoàn toàn và tuyệt nhiên không. Chả bao giờ nghe người Việt nhắc đến loài ngựa (và những thuộc tính của nó) với những lời lẽ thân thiện, tử tế hay trìu mến. Đã thế, có một phụ nữ Việt Nam ra trước toà - vì bị buộc tội gây thương tích trầm trọng cho người khác - đã thản nhiên chỉ tay vào mặt nạn nhân, và nói (tỉnh rụi) như sau:

"Tui không có tội tình gì hết trơn á. Tui tạt át xít vô mặt cái 'con đĩ ngựa' kia chỉ để tự vệ. Tui phải lo bảo vệ... hạnh phúc gia đình của mình chớ!"

Một chuyện (thấy ghê) cỡ đó, rất có thể, bạn chưa bao giờ được nghe nhưng những lời lẽ chanh chua, trì triết, đắng cay, đay nghiến dành cho "những con đĩ ngựa" thì chắc chắn chính bạn đã nghe - hoặc nói - nhiều lần chớ không phải một, đúng không? Nếu bạn lỡ quên (hoặc làm bộ quên) thì để tôi nhắc cho:

- Đồ đĩ ngựa!

- Chứ con đĩ ngựa (khốn nạn) đó nó có cái gì hơn tôi mà anh chết mê chết mệt, ăn dầm ở dề với nó, và mang tiền cho nó trơn hết trọi như vậy?

Hoặc, đôi khi, quyết liệt và đe doạ hơn nhiều:

- Từ nay trở đi anh ở với con đĩ ngựa đó luôn đi, đừng trở về đây nữa, cũng đừng gọi điện thoại cho mẹ con tôi làm gì cả.

- Bà mà biết con đĩ ngựa nào chim chồng bà thì đừng có trách nhá. Đồ khốn nạn.

"Đĩ ngựa," tất nhiên, không phải là sinh vật duy nhất mà đời sống

và tính mạng (thường xuyên) bị đe dọa (trầm trọng) như thế - ở Việt Nam. Báo *Thanh Niên*, số ra ngày 23 tháng 9 năm 2003, đã lên tiếng báo động về nguy cơ tuyệt chủng của loài cá ngựa. Hiện nay, chỉ riêng khu vực Bến Đá - Ba Đình (Vũng Tầu) đã có hơn mười đại lý thu mua hải mã (một tên gọi quí phái khác của cá ngựa) với giá một ký lên đến hai triệu đồng.

Cá ngựa rất được giá và bị săn bắt ráo riết vì bỗng dưng người ta "phát hiện" ra được tính bổ âm và cường dương của nó. Cá ngựa trị được bệnh hiếm muộn (cho phụ nữ) và yếu sinh lý (cho các đấng nam nhi). Xương hải mã xấy khô, ngâm rượu, ông uống bà (tấm tắc và rối rít) khen ngon. Thịt hải mã chưng gừng và hành lá, với nấm mèo và thịt ba chỉ bằm nhỏ, bà ăn ông (gật gù và suýt xoa) khen tốt. *Đồng vợ đồng chồng tát bể Đông cũng cạn*. Phen này bể Đông phải cạn. Biển cạn thì cá gì mà không thấy... mẹ, chớ có riêng chi cá ngựa.

Gấu ngựa, hiện tại, cũng đang lâm vào hoàn cảnh khốn đốn và lâm nguy không kém. Theo nguồn tin của hãng thông tấn AFP, phát đi từ Hà Nội hôm 1 tháng 10 năm 2003 thì hiện tại ở Việt Nam chỉ còn độ một trăm con gấu sống trong môi trường thiên nhiên, số còn lại (độ năm ngàn con) đang bị bắt giữ để lấy mật vì người ta tin rằng mật gấu pha với rượu uống làm tăng cường sinh lực, và chữa được nhiều bệnh ngoại khoa rất công hiệu. Bản tin vừa dẫn cũng có trích lời của bà Jill Robinson, nhân viên của Asia Animal Foundation, như sau: "loài gấu sẽ biến mất ở Việt Nam, nếu tình trạng săn bắt gấu để ăn thịt hay để nuôi lấy mật như hiện nay."

Và đó là chuyện đã cũ, từ hồi năm 2003 lận. Bà Jill Robison chắc chưa biết chuyện này: dân Việt mới ("chợt") khám phá ra rằng mật của gấu ngựa còn chữa được cả bệnh ung thư nữa cơ đấy! Loài gấu (nói chung) hậu vận chưa biết ra sao chứ gấu ngựa (nói riêng) phen này chắc chết, chết chắc, chứ không phải bỡn.

Ngoài đĩ ngựa, cá ngựa và gấu ngựa ra, còn một số "sinh vật" khác nữa cũng đang gặp nhiều chuyện lôi thôi lắm, lôi thôi lớn, lôi thôi lâu, và không chừng - dám lôi thôi luôn, lôi thôi vĩnh viễn hoặc nói tóm gọn lại là có có nguy cơ bị diệt chủng. Đó là người dân miền núi ở Việt Nam.

Trong bài tham luận có tựa là "Thực Hiện Tốt Chính Sách Dân Tộc Của Đảng," được phổ biến vào ngày 23 tháng 9 năm 2003, bà Tòng Thị Phóng (Bí Thư Trung Ương Đảng, Trưởng Ban Dân Vận

Trung Ương) nhắc khẽ cả Đảng rằng phải : *"Quan tâm đặc biệt đến vùng cao, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến trước đây; tăng cường cơ sở khám bệnh, cán bộ y tế cho các xã, thôn ấp, nâng cao hơn nữa chất lượng công tác chăm sóc sức khoẻ đồng bào dân tộc thiểu số; khuyến khích trồng và sử dụng các loại thuốc dân gian; từng bước ngăn chận tình trạng suy giảm dân số, suy giảm đời sống của một số dân tộc thiểu số"* (http://www.vov.org.vn/2003_09_23/vietnamese/thoisu1.htm#10).

"Tình trạng suy giảm dân số, suy giảm đời sống của một số dân tộc thiểu số" - nếu nói theo ngôn ngữ của đời thường - giản dị chỉ có nghĩa là nhiều sắc dân thiểu số ở Việt Nam đang chết dần, chết mòn và sắp chết hết đến nơi vì đói khát và bệnh tật - thế thôi!

Bà Tòng Thị Phóng không phải là... thường dân đâu à nha, cũng không phải là một con mẹ bá vơ nào đó (thuộc những tổ chức phản động hay thù nghịch ở nước ngoài) mà là Bí Thư Trung Ương Đảng và là Trưởng Ban Dân Vận Trung Ương lận. Những gì bà ấy nói hẳn là phải có cơ sở, trọng lượng và cần phải được mọi người suy nghĩ.

Vì lý do "bảo vệ hạnh phúc gia đình" nên người ta (đành) phải tạt acid vào mặt mấy con đĩ ngựa, vì hy vọng có thể "bảo vệ hạnh phúc lứa đôi" nên người ta phải mần thịt những con cá ngựa, và để "bảo vệ sức khoẻ" nên người ta phải uống mật của những con gấu ngựa... Tất cả những chuyện này, nghĩ cho cùng, đều có thể (ráng) hiểu được. Còn việc tìm mọi cách hủy diệt đời sống của những người "ở vùng cao, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến trước đây" - nghĩa là những người mà Đảng đã chịu ơn, những người hoàn toàn không đụng chạm gì đến quyền lợi của Đảng hết trơn hết trọi - thì thiệt là một việc làm ác độc (vô cùng) khó hiểu.

Ngoài bờ biển phía Đông ra, phần biên giới còn lại của Việt Nam đều là nơi cư ngụ của những dân tộc thiểu số (những kẻ ở vùng xa, vùng sâu ...) tự ngàn xưa. Họ chính là chủ nhân đích thực của đất nước Việt Nam. Và chính họ tạo thành tuyến đầu và vòng đai an ninh cho toàn lãnh thổ. Cũng chính họ, với cuộc sống đơn giản hài hoà với thiên nhiên, đã giữ cho môi trường sinh thái được quân bằng và tạo một "vòng đai xanh" cho tổ quốc. Cớ gì mà Đảng "phải" tìm mọi cách dồn họ vào tử lộ, đẩy họ đến mức diệt vong như thế?

Cái ác, trong trường hợp này, không chỉ là hình thức thô thiển nhất của sự ngu dốt. Nó còn cho thấy cái khía cạnh bệnh hoạn (sadism) của những người CSVN.

LUÂN HOÁN

Xông đất

(gởi bạn ta, thay trà đầu năm)

dẫu bạn không mời, ta cũng đến
cùng giờ với nữ chúa mùa xuân
nhón chân háo hức ngoài cửa sổ
thót bụng hít đầy hương bánh chưng

bạn chẳng mời vào, không sao cả
ta nhìn đã rõ những bâng khuâng
trái tim đâu dễ cho ai đọc
ngoài kẻ cùng chung một nỗi lòng

ta bước vào nhà không ái ngại
và ngồi xuống chiếu bạn hân hoan
thuộc lòng câu chúc thơm ngàn tuổi
se sẽ cài lên nhánh mai vàng

bạn sẽ hên xui, chưa biết được
cứ vui cứ sống thảnh thơi đi
vía ta mỏng mảnh như thơ vậy
ngày tiếp ngày, xanh mãi xuân thì

bạn có vài giây nghĩ đến Tết
cũng vừa đầy đủ nhớ quê hương
tâm tha thiết đã là bàn cúng
lễ vật nào hơn nỗi nhớ thương

ta đã lỡ đến rồi, thò vào túi
bao lì xì đâu, chắc rớt dọc đường
xin lỗi bạn vàng cho bù lại
mấy dòng quờ quạng gõ chưa suông

3 giờ 12, sáng mùng 1 năm Thân, 2004

TỪ MỘT MIỀN KHÔNG ĐÁY

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Thoạt đầu cô còn do dự chưa muốn giết hắn. Cô cần một người đàn ông để yêu.

Lắm lúc cô nghĩ, đàn ông là một thứ thức ăn càng nhai càng thèm nhưng rất dễ bị ngộ độc. Hắn là một loại vi khuẩn mà cô thật khó lòng tránh xa.

Dạo sau này hắn hay ngáp vặt trước tình yêu của cô và tệ hại đến nỗi chẳng cần lịch sự che giấu. Những người đàn ông nghệ sĩ thường rất cuồng nhiệt mà lại rất đỗi mau chán. Hắn chỉ có thể yêu hắn lâu hơn là yêu những người đàn bà và như thế không phải là lỗi của cô.

Thật phiền là cô càng phân tích càng không rõ hắn có yêu cô chăng. Cô biết, điệu này có ngày hắn phải chết dưới tay cô. Hẳn hắn khó tin như vậy vì hắn vẫn hay lên giọng rằng thì là mà... cô luôn luôn chết dưới người hắn. Đêm cùng hắn đã có nhiều lúc không gian như nín thở. Mọi sự im bặt lắng nghe cơn dã thú man dại của con mạnh đè lên con yếu. Hình như hắn đã tỏ ra rất khát cô. Kỳ thực hắn đã uống cô như một tên khát máu, nhưng cô cũng không vừa gì khi gặm nhấm xương tuỷ hắn cho đến khi cạn kiệt. Hắn bảo cô là thuốc mê làm hắn ngất đi, còn cô bảo hắn là thuốc độc làm cô tan theo bóng đêm. Ban đêm khi ngủ lại với cô, môi hắn trơn mướt như miếng thạch. Cô không cách gì không yêu hắn. Cô khóc ấm ức, đòi hắn phải nói thật cho cô biết bao giờ hắn sẽ thôi đến với cô. Lúc đầu nghe cô khóc nhỏ nhoi, hắn trả lời thoái thác là cuộc đời mấy ai biết được ngày mai. Hắn bảo cô cứ yêu nhau đi, sắp tận thế tới nơi rồi, thắc mắc làm chi cho mệt. Cô khóc lớn hơn, hắn tìm cách chạy lòng vòng: chiến tranh nguyên tử hay bom vi trùng sắp bùng nổ, hắn và cô có thể toi mạng bất cứ lúc nào, vậy xin cô đừng tỏ ra hối tiếc khi yêu hắn mà hãy tận hưởng hết mình những giây phút đang có. Lần này cô gào lên, sau khi đã vặn hết âm thanh nức nở. Hắn đành chọn lối trả lời mà như không trả lời: vậy thì nếu hắn nói hắn sẽ đến với cô dài dài, liệu cô có tin không. Cô chụp ngay trái tim đen của hắn: hắn không nên đem chữ nếu để đặt vào lòng bàn tay của người đàn bà cả tin như cô. Nhưng dù nhẹ dạ cách mấy, cô cũng biết hắn trẻ hơn cô những mười tuổi và rồi cô chẳng còn gì để cho hắn. Chắc cô chạm đến lòng trắc ẩn giữa người với người trong hắn nên hắn an ủi: tuổi tác đâu thành vấn đề một khi hắn đã chọn cô. Dưới mắt hắn, cô vẫn còn quyến rũ và dư sức làm mất thời giờ cả khối người. Trong thâm tâm, cô thừa biết hắn thuộc típ đàn ông có khiếu nói xạo. Hắn ít khi thất bại trong việc làm cho đàn bà tin mỗi lần hắn trổ tài tán láo. Hắn biết lựa ra những ưu điểm (dù xoàng xĩnh, nhưng ai mà chả có một chút gì) của người khác phái để khen nhặng cả lên mà không đỏ mặt. Nhiều lúc cô tự hỏi nếu hắn có tình yêu với cô thực sự thì cách biểu tỏ dương vật đàn ông của hắn liệu có khác đi chút nào chăng. Chẳng lẽ lúc ái ân với cô, hắn không biết nhắm mắt lại cảm tạ những ân sủng (?!). Vậy thì lúc giao cấu với một con điếm, người đàn ông không hề nhắm mắt (vì lo nghĩ bệnh giang mai hay bệnh AIDS?) và miệng cứ tỉnh bơ nhai kẹo chewinggum hoặc giả mở mắt ít là trong dăm bảy lượt động tác (?!).

Thật ra, đêm sâu hoắm với hắn chỉ khác với tay đĩ đực (có sòng phẳng) là nhờ vào cái tên gọi thần thánh (hay quỷ dữ?) là tình yêu và những bờ lưỡi ấm nóng. Tình yêu và sự động cỡn khác nhau ở những môi hôn ấy.

Hắn cũng khác những tên đàn ông đã đi qua đời cô với cái định nghĩa về tình yêu thật giản tiện: đừng thèm gắn cho tình yêu một định nghĩa gì cao cả. Chỉ tổ khó hiểu thêm thôi. Tốt hơn là đồng nghĩa với sự có mặt của hắn bên cô và những phút giây ấp ủ trong nhau. Cô bảo cô chưa biết rõ nhiều điều về hắn, chỉ mơ hồ nhận được một lần hắn cao hứng đi ngang nhà để lại một ngụm thơ no nê tình ái, kiểu tân kỳ hậu hiện đại (chứ nếu là một bài thơ lục bát loại vè thì không biết số phận tình yêu của cô và nhà thơ đang lên hay chưa-lên-đã-xuống ấy sẽ trôi về đâu) và một con chim két đã tập nói được ba chữ "I Love You." Có lẽ nhờ những tín hiệu trị giá bảy trăm đô la của

con chim và cái lồng nên cô ngu ngơ để nhà thơ hiện sinh đâm thẳng vào đời cô sau một vòng quay 180 độ. Không dưng cô vừa yêu cái môi cười nửa miệng (đượm chút tinh ranh của ngọt ngào và độc tố) vừa muốn bổ lên đầu hắn câu hỏi: tình yêu với những người đàn ông đã quì mọp dưới chân cô là sự sống. Không có nó nghĩa là chết. Sao hắn có vẻ bất cần tình yêu và chỉ nghĩ đến những giây phút hiện hữu? Hắn cười và chỉ biết nhả những nụ cười mê hoặc: hắn đã thèm muốn điên cuồng đôi môi cô biết mấy và hãy tận hưởng tình yêu như vậy đủ rồi, không thì đời người bỗng vụt đi nhanh lắm. Đời người ư, cô thoáng mường tượng đến chén thanh xuân sắp cạn của mình và thấy rõ không ai áp đặt cô phải yêu hắn. Lâu lâu cô muốn vặn cổ hắn vì vẻ lừng khừng vui đâu chuốc đó của mẫu người chúa ghét những lời hứa hẹn. Cô tức tối nhìn hắn nhởn nhơ, sẵn sàng làm bất cứ những gì hắn khoái mà không cần biết là lòng cô hỗn độn đến chừng nào. Hắn là người đàn ông tàn nhẫn đã phá tung những trật tự của đời sống cô. Hắn làm cô muốn nổ bung xác mình hay xác hắn. Cô chẳng biết tại sao cô lại gọi hắn đến, khi cô đang toan tính bỏ cuộc đời mà đi. Hắn có giúp ích cô được gì đâu hoặc chỉ tổ làm cô không chịu nổi hắn thêm một lần nữa. Cô hỏi và hắn tránh nhìn vào đôi mắt rợn ngợp đến nao lòng của cô: hôm qua sao hắn lại manh tâm dung dăng dung dẻ, tay trong tray với con đĩ ngựa "nhí" nào đó. Thoạt đầu hắn chối và thoạt đầu cô còn do dự chưa muốn giết hắn. Cứ để hắn sống vì hạnh phúc chẳng qua chỉ là một sự lừa dối của ảo tưởng.

Thoạt đầu thì như thế nhưng hắn cứ còn định "thanh minh thanh nga" một điều gì nữa. Hắn nói: nghĩ cho cùng hắn có yêu cô đâu mà đòi hỏi sự công bằng và quyền hạn tối thiểu của một tình nhân. Cô giật nẩy mình và hét vào mặt hắn (cũng như cô đã hét vào khoảng trời cao không biết bao nhiêu lần, và chỉ có những ngôi sao bé nhỏ lạnh lẽo bày tỏ những nhấp nháy cô đơn). Trời ơi, cô biết cô là người rồ dại trong tình yêu , nhưng chính vì thế mà cô không xấu xí, tệ hại như hắn. Cô không chọn kiểu yêu đương chảng hảng mà làm gì hay nói đúng hơn trái tim cô không cho phép, cho đến khi hắn cút xéo ra khỏi đời cô. Hình như hắn nghinh mặt khi thấy cô ôm mặt khóc (mặc dù cô không hiểu tại sao cô không dằn được những giọt nước mắt vô nghĩa). Hắn còn bảo cô cứ khóc nữa đi, khóc cho thật nhiều, khóc thật to lên, khóc cho trôi hết những nỗi buồn, khóc cho đã nư, khóc phủ mờ tấm gương soi này đến tấm gương soi khác, khóc long lanh những vì sao chín rực trên cao, khóc mềm hết những hộp giấy thấm Klenex, khóc vinh danh một thứ tình yêu mê muội, khóc... Hắn càng nói cô càng thấy mình cần phải câm miệng lại và càng muốn họng súng để sẵn dưới nệm nuốt chửng lấy hắn. Nhưng rồi hắn lại cười, nụ cười sáng trắng ảo diệu như những đường chiêm bao cô vẫn gặp trong mộng mị của riêng mình. Giọng hắn trầm trầm như đang đọc lời cầu kinh: đàn bà sinh ra không phải để khóc cho những cuộc tình phi lý. Hắn yêu cầu cô mạnh dạn đứng dậy, lau chùi tất cả những giọt lệ và hãy cười những nụ thật quyến rũ. Cô cười không nổi ư? Thôi thì hãy cứ cười gượng, cười gằn trước, rồi từ từ cô sẽ cười ngạo, cười một mình, và sau đó hãy nghĩ đến tất cả những hài hước trong cuộc đời để cười nhạo, và cuối cùng thì cô sẽ cười miếng chi, cười toét miệng và cười tươi như hoa (dù là hoa nở muộn). Mặc cho hắn giảng giải về lợi ích của những nụ cười (hắn bảo thật dễ dàng: cứ cười thôi, một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ...) cô vẫn không tài nào hái được mấy nụ héo hon để tặng chính mình.

Cô bảo cô muốn ăn tươi nuốt sống con đĩ ngựa nào đó đã cướp hắn ra khỏi tay cô và chỉ có lúc đó cô mới cười toét miệng được. Hắn cười phá lên, cười ngặt ngoẽo, cười lăn cười lộn, cười rũ ra và cười... chê cô: chắc là cô sẽ không được gì, khi cười gian ác như thế. Lần này cô bỗng cười khanh khách: mặc kệ, cô sẽ tụ tập những người đàn bà "hận kẻ bạc tình" để lập một hội kín với "hội chứng khóc cười." Hắn còn nói chêm vào: nhưng trước hết phải bắt những hội viên phải: *"Em nên điểm phấn tô son lại"* thì mới có thể *"Ngạo với nhân gian một nụ cười"* được chứ.

Hình như hắn tưởng là hắn có thể xúc phạm đến cô, vì cô đã lỡ móc trái tim máu me của mình ra khoe hắn. Cô nghĩ, đã đến lúc hắn không thể làm cô thương tổn. Nếu hắn đã khiến cô cười được để bắt đầu yêu hắn, thì khi hắn làm cô khóc, hắn sẽ phải bị chấm dứt. Chấm dứt đồng nghĩa với cái chết. Nhưng mà, thoạt đầu cô còn do dự chưa muốn giết hắn.

Cô muốn hắn phải khóc để nhớ cô, dù phải bước qua thế giới khác. Nếu người ta có thể chữa được bệnh sầu não bằng những nụ cười thoạt đầu gượng gạo rồi từ từ đến trạng thái cười vỡ bụng, cười nôn ruột thì hẳn là hắn phải khóc, phải van

xin; phải chết dưới tay cô, cô mới... cười được. Coi một tuồng diễu trên TV chưa hẳn là phương pháp chọc cười hữu hiệu và đôi khi lại quá tầm thường. Lẽ nào người ta không thể nghĩ đến những điều hạnh phúc hoặc đau khổ đã qua hoặc sắp đến để cười hoặc để khóc. Hoặc giết người trong mộng hay trong thực cũng là một cách thế giải sầu ghê gớm. Để những tay xảo thuật trong tình trường như hắn dở trò mãi coi bộ không ổn. Cô muốn giết con vi khuẩn tình yêu tàn bạo là hắn.

Cô nghịch ngợm quay tròn ổ súng trên tay. Hắn bảo là chuyện đâu còn đó, cô đừng đùa giỡn với tử thần. Cô tỏ vẻ quyết liệt: ai rồi cũng phải chết một lần mà thôi. Mọi con đường thù hận, mọi ngã rẽ ân tình đều dẫn đến cái chết, chỉ khác là tuỳ theo tốc độ nhanh, chậm mà theo lẽ thường tình, người ta càng chọn con đường thù hận thì càng dễ nộp mạng sớm.

Hắn đã làm cô thù hận, vì thế hắn phải chết trước, như vậy là hợp với lý lẽ thường tình và lý lẽ đàn bà. Đàn ông vẫn tự ban cho mình cái quyền hạn của một trái tim không đáy, để có thể chứa một lúc vô số hình bóng lổn ngổn đàn bà. Hắn cũng tưởng là chỉ có hắn mới được quyền như vậy. Hắn không cho phép cô phản trắc đã đành, trái lại còn lên giọng: đàn bà phải biết lúc nào cần giả mù, để không phải lồng lên như sư tử mà sớm mất đàn ông. Cô thật tình không hiểu tại sao hắn không biết giả điếc (?!)

Hình như hắn vừa thụp người xuống làm viên đạn đầu coi như chỉ bị thủng tường. Chắc hắn nghĩ cô chỉ giỏi bắn những phát súng cảnh cáo chỉ thiên. Không đâu, cô muốn viên đạn phải xuyên qua tim hắn. Vậy mà hắn lại ôm bụng, với một bụm máu loang ra thật nhanh. Những cơ mặt nhăn nhúm như cố dằn cơn đau. Một tay ôm bụng, một tay bám lấy chân cô, đau đáu mắt nhìn của một chú nai trúng đạn. Hắn không ngờ từ một vai vế thiện xạ lại có thể xuống cấp như thế. Cô chờ hắn khóc thật to như cô đã khóc, nhưng cô lầm vì hắn chỉ gượng cười (dù nụ cười như mếu) và nhất định không khóc. Một lát không lâu, hình như hắn chịu hết nổi vì bàn tay ôm bụng máu đã bắt đầu run lẩy bẩy. Những tiếng rên hừ hừ kéo theo sau đó, dù chắc hắn đang cố kiềm hãm cho thật nhỏ để giữ chút kiêu hãnh của giống đực. Cô hất tay hắn làm hắn mất đà ngã lăn ra sàn nhà, nhưng cô nhất định không tội nghiệp. Cô bảo hắn nếu cần cứ rên la thật to như mọi lần đè lên người cô tìm nhục cảm. Hắn nhắm mắt như mỗi lần làm tình hay hôn cô và van xin cô hãy để cho hắn sống. Hắn bảo hắn cần sống, hắn cần được sống... Cô nghe hắn bật ra một cái tên thật lạ vẳng lên từ cổ họng đắng ngắt ấy, như thể tên cô. Cô cũng có một cái tên cho một tình nhân bất trắc như hắn gọi kêu? Một cái tên từ cuống họng đã sắp bị vọt máu bởi bàn tay cô. Bờ môi hắn chừng như đã băng lạnh, và tên cô vẫn chỉ rít lại như những tiếng gió lùng bùng không thoát ra được từ cổ họng. Hình như cô thấy những tia mắt như máu đỏ của hắn sắp nhỏ xuống từng dòng. Mắt hắn sẽ phải mở thao láo như thế, vì người vuốt mắt chắc chắn không phải là cô. Hắn thừa biết từ yêu đương đến thù hận, đàn bà có thể đổi lốt cừu non thành sói già như chơi.

Cô quay mặt đi và vụt nhớ đến những ngụm thơ của hắn. Cô đọc râm ran như một người bị ma nhập. Làm sao cô biết hắn có thể nghe hoặc không nghe gì cả. Những ngụm thơ như những ngụm gió phiêu hốt đã có lần cô nhấp đầy thống khoái. Hình như con người thơ trong hắn đã chết và hắn nằm đó hệt như loài ốc mượn hồn. Cô cũng không biết gì cả hay chính cô cũng chỉ là một chiếc vỏ, và hồn cô đã bị ném xuống một vực sâu không đáy. Ở đó những giấc mơ tảng sáng của cô vẫn thường bị cắt thành từng đoạn hoặc xé vụn. Ở đó cô thấy mọi hình ảnh trong đời sống đều chập chùng và một đôi khi cô gặp những khuôn mặt từ năm xửa năm xưa hay chưa từng gặp khi nào. Hình như có ai như hắn gọi tên cô ậm à ậm ực trong cuống họng. Hắn không nhặt được hồn cô đâu mà gọi, nhưng mà sao cô vẫn cứ muốn lắng nghe một điều gì. Nơi đây là đâu mà tiếng cười của hắn nghe chừng quái đản. Nơi đây là đâu mà cô như chìm vào vũng tối của những thảm cảnh tình yêu. Hình như cô vừa chạm thảng thốt một chốn nào rất sâu thẳm. Cô không tin là nơi cô vừa rơi xuống, mọi sự đang được hồn cô tuyên dương là địa ngục. Niềm hạnh phúc cất giữ về hắn đã rớt rơi và không còn có mặt nơi đây. Hắn đã đi thật xa và không còn gì nữa. Một sự mất tích như quả bóng ký ức đã tự ý lũi vào những đám mây lãng quên. Cô dửng dưng và đáy vực cũng phải dửng dưng theo. Những ước mơ cháy bỏng đã rơi tuột xuống. Trong vực thẳm của lòng mình, hồn cô là đứa bé đã mỏi chân không còn muốn đuổi theo những cánh diều hun hút của ảo mỵ.

Cô thấy mình đang trút bỏ dần mọi ngu xuẩn âm u. Người cô nhẹ dần và cô phải tự cứu vớt

mình. Thật ra cô chỉ cần một ngụm gió để bốc cô ra khỏi miệng vực. Cô nóng quá và người cô đang đầm đìa mồ hôi. Khi cô trở lại căn phòng mang theo một luồng khí lạ, cô không tìm thấy những vệt máu bầm đen đã loang trên sàn gạch. Không lẽ nắng đã liếm hết những chứng tích và càng quét hắn đi. Một đốm nắng bên ngoài khung kính đổ ập vào làm cô nhói mắt. Thì ra là một tên đàn ông trẻ con trông hệt như hắn hay chính là hắn đã bỏ đi và vừa quay lại như lỡ bỏ quên một điều gì. Cô hỏi thật to như một người vừa tỉnh ngủ: không phải cô vừa giết hắn nằm cứng đơ không cựa quậy, sao lại có thể khoẻ khoắn nhanh như vậy hay là hắn chỉ giả chết. Chừng như hắn đang cười cầu tình thật sáng và nói gì cô nghe không rõ, nhưng cô lại trả lời hắn mà như nói với chính mình: điệu này chắc lại giết người... trong mộng nữa rồi. Hắn đưa tay lên trời tỏ vẻ phân bua một điều gì hay hắn đang nhại theo nhạc Phạm Duy: "*Kẻ thù ta đâu có phải là người. Giết người đi thì ta ở với ai.*"

Cô biết. Có thể nào cô vẫn còn yêu hắn. Giết người trong mộng hay giữ người trong mộng? Trước mắt cô là những dấu hỏi và ngoài kia hình như hắn đang lướt nhanh xuống một chiếc ghế màu trắng với vẻ thiểu não. Hắn hối hận và muốn xưng tội ăn năn với cô? Hắn còn trẻ quá mà nên còn cả trăm mùa táo trên cây và ngàn mỹ nhân ngư dưới đại dương. Hắn cần gì đến cô chứ.

Bây giờ bầu trời đang là buổi sáng, và đầy ắp những sợi nắng lung linh mờ ảo. Ngày xanh mướt trên những tàng cây và cô mướt xanh những điều không có thật. Hạnh phúc là điều không có thật. Tình yêu cũng là điều không có thật, ít ra là không có thật ở cuộc đời này. Cách tốt nhất là cô không nên nhìn ra phía chỗ có hắn đang ngồi. Cứ coi như nắng đã vỡ oà những vạt khổng lồ và hắn đã tan chìm trong nắng. Nhưng mọi sự không đơn giản "cứ coi như" là được. Cô chưa đủ sức để quên hắn và không khéo cô lại bị nhận chìm lần nữa xuống vực sâu không đáy và không cách chi ngoi đầu lên nổi.

Hắn đó. Sao hắn vẫn an nhiên tự tại như thế. Có thật là chỉ một khung kính mỏng, cô có thể chạm được người hắn. Cô thấy hai mắt hắn rực cháy như lửa và môi đàn ông đỏ rộp hay tại hắn ngồi dưới nắng quá lâu, hoặc hắn đang lên cơn sốt vì sự hành hạ của cô. Hắn ra dấu đòi cô mở cửa nhưng cô biết là giữa hắn và cô không nên có lòng thương hại. Hắn nói xuyên qua mặt kính trong suốt ý định của hắn. Hình như hắn hỏi cô tới tấp: có chuyện gì vậy, chuyện gì đã xảy ra, sao không cho hắn vào. Hắn còn nói thêm: hãy để hắn vào, hắn sẽ tuyên bố là sẽ yêu cô đến hơi thở cuối cùng và chỉ yêu mình cô. Cô nghĩ, hay là cứ để hắn ở ngoài kia với cái khẩu hiệu "ái tình muôn năm" giả dối của hắn. Cô lẩm bẩm: đừng làm tình làm tội cô nữa, cô vừa mới ở dưới vực lên. Còn một khi hắn đã đến và không còn gì nữa với cô thì hãy ở ngoài khung cửa đời cô như thế. Hắn cũng vờ lải nhải điều gì nghe như là hắn cũng vừa ở dưới đó lên, hắn bảo, sao cô và hắn không gặp nhau -Không, không phải lúc nào hắn cũng bắt gặp cô được đâu, cô nói. Hình như hắn bắt đầu nổi đoá và cô lại tỉnh bơ thách thức: cứ hét rầm trời đi, không ai nghe thấy đâu ngoài chính mình. Tình yêu nhiều lúc chỉ cần cảm và không cần gặp, hoặc gặp nhau ở thiếu gì cách. Hắn nhìn cô chằm chằm suy xét: cách của hắn là phải đụng vào người cô mới biết được.

Cô bỗng ngờ vực mình. Sao lúc này cô nói nhiều quá, đến nỗi nhiều lúc cô không còn nhớ là mình đang nói với ai. Hắn không thể đụng vào người cô được nữa, một cọng tóc cũng không. Điều đó đối với cô không còn quan trọng và thật nhảm nhí khi cô đang rơi...

Thoạt đầu cô còn do dự chưa muốn giết hắn. Cô cần một người đàn ông để yêu.

Tìm đọc

Hai tập truyện ngắn của
PHẠM THÀNH CHÂU

- **BỨC HỌA KHỎA THÂN**
- **NHỚ HUẾ**

Mỗi tập giá 12 USD
Mua 2 tập trở lên, giá 10 USD một tập,
kể cả cước phí.

Liên lạc:
PHẠM THÀNH CHÂU
7004 Beverly Lane – Springfield VA 22150
Điện thoại: **(703) 569-0124**
E-mail: pham.t.chau@juno.com

Nhân Tiện Tiễn Chân Ông Táo Về Trời:

ĂN THỊT CHÓ, NÓI CHUYỆN "TRỜI"

KHỔNG-CÓ-CHI

Theo thông lệ, gia đình Táo Quân được chủ nhà cho một bữa ăn no nê trước khi lên đường bay về ***Trời***. Thiệt là tội nghiệp cho cặp bộ ba này, vì bổn phận mà vẫn phải lếch thếch kéo nhau theo chủ nhà đi di tản sang vùng băng tuyết. Những cơn gió Bắc Cực ào ào thổi về, lạnh buốt thấu xương, ngay cả những người "trần mắt thịt" cũng không dám ra ngoài. Cũng vì vậy mà quán ***KẦY HƯƠNG*** rất vắng khách. Trong quán chỉ có mấy ông già ngồi ăn uống rất là ồn ào theo đúng truyền thống "ăn to nói lớn." Ông già Ba Hoa có người con trai út tên là Henri Nhỏ từ Tây mới sang thăm, bèn mời các bạn thân đến ăn nhậu, trước là để tiễn chân ông Táo về ***Trời***, sau là khoe người con "Tây giả cầy" đẹp trai nhưng chỉ tội ... hơi "cường dương" một chút. Bà chủ quán ***KẦY HƯƠNG*** tên là "Catherine Hương," gọi tắt theo tiếng Mỹ là "Kay Huong." Tuy bà đã gần năm chục tuổi đầu rồi, thế mà vẫn người đời vẫn khen bà *"trông vẫn thơm tho đáo để."* Bà niềm nở hầu rượu và tiếp chuyện mấy ông khách quen. Lẽ dĩ nhiên mấy ông già "mồ côi vợ" rất lấy làm thú vị mỗi khi bà tham dự vào cuộc bàn luận chuyện "***Trời*** ơi."

Vì cuộc thảo luận về *"**Trời**"* giữa mấy tên ngồi nhậu thịt chó có tính cách vừa hoang đường vừa quái đản, nên một tên Hồi Giáo quá khích bèn lén ghi âm, rồi mang cuốn "băng" về Afghanistan để các vị lãnh tụ phong trào khủng bố học hỏi. Sau đây là điều đã ghi được.

*

BA HOA (nâng ly rượu): Bữa này là ngày ông Táo bay về ***Trời***, tôi xin các bác nâng ly để cầu chúc gia đình nhà Táo thượng lộ bình an, không gặp tụi không tặc.

PHẤT TRẦN HỌC SĨ *(khề khà nhậu rượu một các thú vị):* Cám ơn bác Ba Hoa đã mời chúng tôi đi ăn nhậu bữa nay. ***Trời*** lạnh, rượu nồng, con chó béo! Thiệt là hết sẩy! Chúng ta quả là may mắn hơn Táo Quân!

VÔ THƯỜNG ĐẢ TỰ *(có tật hay "đả tự" người khác):* Tại sao bác biết là "***Trời*** lạnh? Chỉ có người lạnh, chứ "***Trời***" đâu có cảm thấy nóng hay lạnh?

PHẤT TRẦN HỌC SĨ *(bị cụt hứng, bèn vặn lại):* Tại sao bác biết là "***Trời***" không cảm thấy nóng hay lạnh? Bác là thứ gì mà dám làm ra vẻ như mình biết rõ lòng "***Trời.***"

THẤT DANH KIÊU TỬ *(gật gù, rồi đi một đường triết lý ngất ngơ):* "***Trời***" là gì? "***Trời***" là ai? Làm sao ta biết được lòng "***Trời***" ? Nói về "***Trời***" chỉ tổ gây ra cãi nhau mà thôi.

HENRI *(cười toe toét):* Muốn biết lòng "***Trời,***" tại sao bác không "bắc thang lên hỏi ông ***Trời***" ?

BA HOA *(nghiêm nghị dạy thằng con):* Dùng thang nào mà ***leo*** lên đến tận ***Trời*** được? Mày muốn ***leo*** đi đâu thì ***leo***, nhưng nếu không biết gì thì đừng có nói ***leo***.

VÔ THƯỜNG ĐẢ TỰ *(ra điều là một học giả thứ thiệt):* Ngày xưa ông Khổng tử đã dạy rằng: *"Bốn mùa chuyển vần, trăm vật sinh nở, **Trời** có nói gì đâu."* "***Trời***" đã không nói gì thì làm sao người đời biết "***Trời***" là ai.

THẤT DANH KIÊU TỬ *(nuốt xong miếng dồi chó, rồi đủng đỉnh ngồi chửi đời):* Không ai biết "***Trời***" là ai, thế mà con người ngụp lặn trong cõi u mê trần tục này lại nói rất nhiều về "***Trời.***" Có người còn dám khoe rằng mình biết rõ tướng mạo của "***Trời.***" Chẳng hạn như người Ấn Độ thì cho rằng "***Trời***" là một con bò vàng đi lang thang ngoài đường phố. Dân Da Đỏ ở Bắc Mỹ lại nghĩ rằng "***Trời***" là con chó sói hoặc con đại bàng có nhiệm vụ bảo vệ bộ lạc của mình! Đối với dân mọi ở Úc thì giản dị hơn, "***Trời***" chỉ là một hòn đá hoặc một bụi cây bên vệ đường. Còn ở Việt Nam, có người tin rằng "***Trời***" là con cháu dòng họ nhà Cắt Mật hay Lệ Ninh gì đó. Ôi! Ở dưới gầm ***Trời*** này có biết bao nhiêu là "***Trời,***" kể sao cho xiết!

KAY HƯƠNG *(vừa lúc đó mang đĩa chả chó từ trong đi bếp ra, nghe thấy vậy vội sửng sốt*

hỏi): "***Trời*** " ơi là "***Trời*** "! Tại sao con người sáng chế ra nhiều thứ "***Trời*** " như vậy? Em phải chọn "***Trời*** " nào để thờ bây giờ?

THẤT DANH KIÊU TỬ *(lên giọng đạo đức – những tên bợm rượu thường nghĩ rằng trong khi uống rượu cần phải nói chuyện đạo đức thì mới tỏ ra là người biết uống rượu):* Trong tình trạng "vàng thau lẫn lộn" ngày nay, ngay đến "***Trời*** " cũng không biết "***Trời*** " nào là thứ thiệt, và "***Trời*** " nào là thứ giả. Khổ một nỗi là người nào cũng nghĩ rằng "***Trời*** " của mình mới là *"đại diện lương tâm của thời đại."* Vì thế nhân loại mới cãi nhau ỏm tỏi lên, nhiều khi còn mang búa tạ ra đập vào đầu nhau vì tưởng rằng làm như vậy mới "hợp ý ***Trời*** ." Ôi! Tại sao con người ta lại có thể dựa vào danh nghĩa ***Nhân Từ, Bác Ái*** để thành khẩn giết nhau để đến "***Trời*** " cũng phải nhỏ lệ? Thực ra "***Trời*** " đâu có cần con người bảo vệ danh dự "***Trời*** ," thế mà con người lại căm thù những kẻ nào không biết lễ bái "***Trời*** " theo đúng kiểu? Cũng vì vậy mà thế giới hiện nay đang lâm vào cái nạn mà người đời gọi là "nạn ***Trời*** giáng."

BA HOA *(rươm rướm nước mắt vì nhớ nhà – những người xỉn thường có điệu bộ lai láng như vậy):* Thế mới biết dân Nam Kỳ chúng tôi thiệt là hiền lành và chất phác. Chúng tôi gọi "***Trời*** " là "***ông Trời*** " vì mọi người đều coi "ông ***Trời*** " như ông nội hay ông ngoại của mình. Mỗi gia đình có một "ông ***Trời*** " riêng cho nhà mình, và bàn thờ "ông ***Trời*** " để ở ngay trong vườn của mỗi nhà. Không ai muốn uýnh lộn với ai về vấn đề "***Trời*** ". Dzái "ông ***Trời*** " kiểu nào cũng được, không dzái cũng ô-kê. Mọi người đều nghĩ rằng *"đèn nhà ai nhà ấy rạng, **Trời** nhà ai nhà ấy thờ."* Chẳng ai thèm khoe "ông ***Trời*** " nhà mình *"tiến bộ"* hơn hoặc có nhiều *"đạo đức cách mạng"* hơn "ông ***Trời*** " bên nhà ông hàng xóm.

PHẤT TRẦN HỌC SĨ *(nhân tiện lúc xỉn, bèn lấy giọng Bắc kỳ chua ngoa sửa lưng ông bạn Nam Kỳ):* Dân Bắc Kỳ chúng tôi không ưa cái lối *"thấy sang bắt quàng làm họ"* như vậy. Chúng tôi cho rằng "ông ***Trời*** " không có liên hệ gì đến con người. Ở ngoài Bắc chúng tôi, ai cũng biết "ông ***Trời***" là cháu con cóc vì tổ tiên đã dạy: *"Con cóc là cậu ông **Trời**, ai mà đánh nó ông **Trời** đánh cho."* Bây giờ ngồi nghĩ mới thấy cậu-cháu con cóc quả biết đùm bọc lấy nhau. Con Rồng, cháu Tiên cần phải noi gương con cóc thì mới khá được.

HENRI *(ấm ờ chửi sỏ "ông **Trời** Bắc Kỳ" vì khoái "ông **Trời** Nam Kỳ" hơn là "ông **Trời** Bắc Kỳ"):* *"Cóc ngồi đáy giếng"* thì biết cái gì? "Ông ***Trời*** Bắc Kỳ" lại còn thuộc hàng con-cháu con cóc thì chắc còn ngu dốt hơn con cóc. Ngoài ra, cháu còn nghe nói hình như con trai của con cóc lại chính là con nòng nọc. Nếu vậy thì "ông ***Trời*** Bắc Kỳ" là anh em "cùng cha khác mẹ" với con nòng nọc! Cháu không hiểu tại sao mấy người Bắc Kỳ lại đi thờ thứ sinh vật hèn kém như vậy?

PHẤT TRẦN HỌC SĨ *(là một tên Bắc Kỳ "chính cống bà lang Trọc" nên không muốn ai đụng đến lông chân "ông **Trời** Bắc Kỳ" của mình; chợt thấy ông già Ba Hoa ngồi cười tủm tỉm có vẻ về hùa với thằng con, hắn bèn nổi nóng, đập bàn mắng thằng con để dằn mặt thằng bố):* Thằng ranh con này hỗn láo! Tại sao mày dám đụng đến chân lông "ông ***Trời*** Bắc Kỳ" của chúng ông? Ông lại mang phất trần quất cho mày một trận bây giờ.

KAY HƯƠNG *(vội lấy giọng "ngây thơ cụ" cốt để "hòa hợp, hòa giải" theo đúng kiểu "Bắc-Nam-Trung cùng nhau ta kết đoàn"):* Thật là một chuyện họ hàng dây mơ rễ má làm cho những người ngây thơ như em không hiểu nổi! Tuy nhiên, một điều em thích thú nhất là người Bắc, người Nam, cũng như người Trung, đều công nhận *"nhất vợ nhì **Trời**."*

VÔ THƯỜNG ĐẢ TỰ *(may mắn không còn vợ để sợ trong lúc gần đất xa **Trời**, nhưng hắn vẫn ca tụng truyền thống "sợ vợ" như tất cả những người chồng tự trọng biết sống nhẫn nhục để được an thân):* Dân ta có một truyền thống oai hùng và bốn ngàn năm văn hiến, quả là có khác các dân tộc khác. Tụi Tây, tụi Mỹ chỉ biết nịnh vợ thôi, chứ chúng chưa thấu triệt được cái cao siêu trong truyền thống "sợ vợ." Dân tộc nào sợ "***Trời*** " hơn sợ vợ là một thứ dân tộc bán khai, lạc hậu, chưa leo được tới *"đỉnh cao trí tuệ của loài người." (Nói đến đây, hắn gắp miếng dồi chó bỏ tọt vào mồm, vừa nhai ngồm ngoàm vừa thở dài một cách rất ư là não nuột).* Ôi, tiếc thay! Một số người di tản sang đây đã không mang văn minh An-Nam ra giáo huấn dân bản xứ, lại còn học ngay được cái thói vũ phu để cư xử với vợ. Bà vợ nào cũng phải đau lòng khi nhìn thấy cảnh "mất gốc" này!

THẤT DANH KIÊU TỬ *(xưa nay rất ghét đạo Khổng vì rất mê đạo Lão):* Xếp "***Trời*** " vào hạng thứ nhì cũng còn khá đấy. Đám Khổng nho ngày xưa lại tưởng mình có bằng cấp cao hơn "***Trời,*** " bèn dở giọng sấc láo với "***Trời ,***" kêu "***Trời*** " là "***Con Tạo.***" "***Trời***" có phải là con sen, con nụ gì đâu mà dám kêu "***Trời*** " bằng "con." Những tên

hợm mình này lại còn được Mạnh Tử mớm thêm cho một câu tầm bậy nữa: *"Ý dân là ý **Trời**."* Vậy dân muốn cái gì thì "***Trời***" phải cung phụng ngay cái đó hay sao?

KAY HƯƠNG *(mang đĩa chả chó từ trong bếp đi ra, nghe thấy vậy bèn cười tươi như hoa dâm bụt):* Thế thì "***Trời***" cũng không khá hơn em!

VÔ THƯỜNG ĐẢ TỰ *(chưa nuốt xong miếng dồi chó đã vội mắng yêu người đẹp):* Cô em nói gì mà kỳ cục dzậy? Không sợ tội "tầy ***Trời***" hay sao?

KAY HƯƠNG *(vừa để đĩa chả chó lên bàn vừa trả lời theo đúng truyền thống cù nhầy):* Đâu có gì là kỳ cục? Này nhé, nếu dân muốn thứ gì thì "***Trời***" phải cung phụng dân thứ đó.Vậy nếu dân muốn ăn chả chó, thì "***Trời***" cũng phải mang ngay một đĩa chả chó ra cho dân nhậu. Như vậy theo ông Mạnh Tử nào đó thì "***Trời***" đâu có khác gì em?

HENRI *(cũng bắt đầu sỉn nên ăn nói sỗ sàng theo đúng truyền thống lính Lê-Dương):* Thưa bác Thất Danh Kiêu Tử, nếu dân muốn "cái ấy" thì "***Trời***" có chiều lòng dân không?

BA HOA *(thấy người con bắt đầu dở ngón mất dạy, bèn mắng):* Thằng này ăn nói thiệt là tầm bậy! Mày không biết là "ông ***Trời***" ngang hàng với ông nội nhà mày hay sao?

KAY HƯƠNG *(sợ tiệc rã đám và mất đám khách sộp):* Thôi xin bác Ba Hoa bớt giận. Thanh niên mới nhớn lên đều thuộc về loài "cường dương, khí phách" nên hay có tật "nói trước nghĩ sau." Xin bác bỏ qua đi cho.

PHẤT TRẦN HỌC SĨ *(ra vẻ một người biết rất nhiều về "Trời" và rất ghét những kẻ chỉ trích đạo Khổng):* Bác Thất Danh Kiêu Tử đã hiểu sai câu nói của ông Mạnh Tử. Câu *"Ý dân là ý **Trời**"* có nghĩa là dân thích cái gì thì "***Trời***" thích cái đó, chứ không phải là "***Trời***" làm tôi tớ cho dân. Ngu dốt như vậy mà dám bàn về đạo Khổng? Nói tầm bậy thì có ngày chết đòn với ông đấy nhé!

THẤT DANH KIÊU TỬ *(tức lắm vì hắn rất căm ghét những kẻ không biết gì về **Nhân Từ, Bác Ái** khi ngồi nhậu rượu. Tuy vậy, hắn không thèm trả lời. Để cho hả cơn giận hắn bèn cầm chai rượu lên **tu** ừng ực theo đúng lời cổ nhân đã dạy* "**tu** là cõi phúc, tình là dây oan"*).*

HENRI *(lắc đầu quầy quậy):* Không được! Không được! "***Trời***" không có quyền thích những cái gì mà dân thích! "***Trời***" chơi kiểu đó không đẹp. Hiện nay, cháu đang thích cô Marie Sến, nếu ***Trời*** cũng thích cô đó, thì cháu còn "sơ múi" gì nữa. Bị "***Trời***" cướp người yêu của mình thì lên ***Trời*** mà đòi à? Giả dụ có lên được tới ***Trời***, thử hỏi ai dám cướp người yêu của "***Trời***"?

KAY HƯƠNG *(đang sống cảnh "phòng không gối chiếc" nên hay mơ mộng hão huyền):* Anh Nhỏ quá lo xa! "***Trời***" đâu có thèm cướp người yêu của anh. Trái lại, "***Trời***" gặp được những người dễ thương như em thì "***Trời***" sẽ chiều ý em ngay. Câu *"Ý dân là ý **Trời**"* có nghĩa tương tự như câu ca dao: *"Em với **Trời** tuy hai là một, **Trời** với em tuy một là hai."* Em lại còn nghe có người nói rằng "***Trời***" nằm trong lòng mỗi người. Không biết có đúng không?

PHẤT TRẦN HỌC SĨ *(ra điều là người hiểu biết văn hóa):* Cũng may văn hóa nước ta càng ngày càng tiến bộ, nhờ vậy địa vị của "***Trời***" cũng được tâng bốc cao hơn, chứ "***Trời***" đâu có thèm nằm trong lòng ai. Vì biết uy thế của "***Trời***" nên dân ta mới thăng chức cho "***Trời*,**" và kêu "***Trời***" là "Đấng Ngọc Hoàng."

HENRI *("dương khí" lại nổi dậy đùng đùng, ánh mắt thèm thuồng như mấy ông Tây đang xem màn trình diễn cụp lạc ở khu Moulin Rouge):* Nghe đâu Ngọc Hoàng có "hộ khẩu" ở trên ***Trời***, và sống chung với một bầy tiên nữ mỹ miều. Quả là số đào hoa! Làm Ngọc Hoàng sướng thật!

PHẤT TRẦN HỌC SĨ *(lấy giọng mô phạm):* Mày không biết rõ tính nết Ngọc Hoàng thì nên ngồi nghe tao giảng. Thực ra, Ngọc Hoàng nghiêm lắm. Cô tiên nào không biết hầu hạ Ngọc Hoàng đến nơi đến chốn thì bị Ngọc Hoàng đầy xuống trần ngay lập tức. Có một cô tiên chỉ đánh bể có mỗi một cái ly rượu thôi, thế mà Ngọc Hoàng cũng nổi sùng, rồi tống cổ tiên đó xuống Việt Nam để phạt tội "nhanh nhẩu đoảng" làm đổ mất ly rượu thuốc bổ thận của Ngọc Hoàng.

BA HOA *(thở dài não nùng):* Bây giờ nghĩ lại, tôi mới thấy nước ta chẳng là cái gì cả, mà chỉ là một *"trung tâm hoàn lương"* cho các nàng tiên hư đốn mà thôi. Thế mới biết "Đảng ta" có lòng đại lượng hơn Ngọc Hoàng!

VÔ THƯỜNG ĐẢ TỰ *(rất ghét "Đảng ta" vì đã chót yêu "tự do kinh doanh," tuy chẳng có một xu dính túi để kinh doanh với ai):* Ơ hay! Cái nhà bác này chóng quên thật! Bác đã bị "Đảng ta" hành hạ trong trại cải tạo bao nhiêu ngày tháng mà chưa "đủ liều" hay sao mà còn ngồi đây khen *"Đảng ta có lòng đại lượng"*?

BA HOA *(xuýt nữa đánh rơi đôi đũa vì sợ bị "chụp mũ" trên báo chí):* Làm sao mà quên được

kinh nghiệm hãi hùng đó. Ý tôi muốn nói là những người hăng say chống cộng như tôi chỉ phải "học tập" có tám năm thôi thì được *"nhân dân khoan hồng."* Còn các cô tiên chỉ đánh bể một ly rượu, thế mà phải đi "cải tạo" cả đời ở dưới trần mới được coi là *"hoàn lương."* Có phải tôi sướng hơn tiên không?

HENRI *(không nghĩ đến cái quá khứ đau khổ của bố mình mà chỉ nghĩ đến các cô tiên xấu số):* Các cô tiên có tiếng là *"đẹp như tiên,"* thế mà bị hành hạ như vậy sao? Thiệt là phí của ***Trời*** ! Cũng tại cái ông Ngọc Hoàng độc ác, không biết nịnh đầm như mấy ông Tây.

PHẤT TRẦN HỌC SĨ *(thấy Ngọc Hoàng bị mang ra tố khổ, vội lên tiếng bênh vực "người vắng mặt"):* Thực ra Ngọc Hoàng chỉ khắt khe với đám tiên nữ thôi, chứ Ngọc Hoàng chưa từng trừng phạt một người nào cả. Cũng vì vậy, dân gian coi thường Ngọc Hoàng, chẳng ai thèm lễ bái Ngọc Hoàng. Có lợi lộc gì đâu mà phải lễ với bái cho tốn công tốn của. Tuy không được cúng lễ, nhưng Ngọc Hoàng vẫn tỉnh bơ, có lẽ vì quá bận bịu với bầy tiên nữ, nên không có thì giờ để lo chuyện hạ giới. Như ta đã thấy hàng năm Ngọc Hoàng chỉ liếc qua tờ báo cáo của Táo Quân, rồi thẩy sang một bên mà không thèm phê phán gì cả. Nhờ vậy, loài người được bình yên vô sự, rồi cứ theo đà đó tiếp tục làm bậy hết năm này qua năm khác mà không sợ gì cả!

THẤT DANH KIÊU TỬ *(cười khà khà sau khi tớp một ngụm rượu):* Thì còn phê phán "cái con khỉ khô" gì nữa! Ngọc Hoàng thừa biết rằng Táo Quân là một thứ công an khu vực thối nát, và ***Sớ Táo Quân*** chỉ là một tờ báo cáo láo. Trước khi bộ ba nhà Táo cưỡi con cá chép bay về ***Trời*** thì đã được chủ nhà "đấm mõm" một bữa tiệc "đại táo," thì làm sao còn có thể vạch lưng chủ nhà cho Ngọc Hoàng xem. Đã nghèo như cái rẻ rách, không có cả một cái quần che thân, mỗi năm được một bữa nhậu thì phải "tử thủ" bữa nhậu đó chứ. Chơi cái trò liêm chính thì cũng chẳng được ăn cái giải gì lại còn mất luôn bữa tiệc cuối năm. Nói cho cùng, có bao giờ Ngọc Hoàng tăng lương hay thăng chức cho Táo Quân đâu mà Táo Quân phải liêm chính?

KAY HƯƠNG *(có vẻ thông cảm với nhân loại):* Cũng may mà Táo Quân thích ăn hối lộ, nếu không thì những người tội lỗi có chạy lên ***Trời*** cũng không thoát được Ngọc Hoàng. Em hoan hô phong tục hối lộ. Em mở nhà hàng này thiệt là nhức đầu với mấy ông thanh tra vệ sinh vì các ổng không thích ăn của đút. Các ổng thường đến khám bếp của em để xem có chuột bọ chui dzô trong đó không; rồi thỉnh thoảng lại còn sờ bát đĩa của em để xem bát đĩa của em có sạch không, có còn dính mỡ không. Nay thanh tra, mai kiểm soát, làm em mệt cả người. Nếu các ổng "biết điều" như Táo Quân thì những người làm trong bếp cũng đỡ mệt, và em cũng đỡ mất tiền phạt vì tội em thiếu vệ sinh. Các ổng sạch sẽ lắm cưa! Không những thế, lại còn hù em rằng ở nước này người nào có ý định đút lót cán bộ Nhà Nước thì bị đi tù liền!

THẤT DANH KIÊU TỬ *(gật gù thán phục văn hóa dân ta):* Dân ta thừa biết rằng Nhà Nước không được đút lót thì Nhà Nước không còn sức lãnh đạo nhân dân, cũng như xe không có săng nhớt thì xe hết chạy. Dân ta đã tồn tại đến ngày hôm nay nhờ bản tính tinh nhanh và tài đút lót. Chỗ nào đút lót được là đút lót ngay, và đút lót một cách rất ư là chu đáo, đến nỗi Ngọc Hoàng cũng còn phải thua.

PHẤT TRẦN HỌC SĨ *(chưa bao giờ được đút lót, nên rất ghét những kẻ đút lót, và rất ghen với những kẻ được đút lót):* Đút lót là một hành động ngu xuẩn chứ không thể coi là một hành động tinh nhanh hay tài ba gì cả. Vì dân ta thích đút lót như vậy nên Táo Quân mới trở nên thối nát. Cũng như trường hợp những người "mặc áo gấm về làng." Chưa bước ra khỏi máy bay, đã nghĩ đến chuyện đút lót. Sau một thời gian được đút lót đều đặn như vậy, những tên có nhiệm vụ kiểm soát *vi-da* chỉ nghĩ đến việc kiểm soát ví da. Chẳng bao lâu chúng trở nên nghiền đồ đút lót. Cơn nghiền nổi lên mà không được đút lót đủ liều thì có ***"Trời"*** cũng không chịu nổi. Vì không chịu nổi mới dở trò hạch sách xì xằng. Thiệt là tội nghiệp cho những người "mặc áo gấm"!

VÔ THƯỜNG ĐẢ TỰ *(vừa đánh máy một bài chỉ trích nạn thối nát ở Việt Nam cho một tờ nguyệt san, bèn mang điều học mót của mình ra khoe):* Đút Lót là mẹ của Thối Nát. Thối Nát là cha của Đút Lót. Dân tộc nào chẳng may lọt vào mê hồn trận này thì khó mà thoát ra được. Vì thế có một thằng Tây ngu dốt thấy dân ta có phong tục đút lót Táo Quân bèn kết luận rằng văn hóa An-Nam ta là một thứ "văn hóa đút lót," và xã hội An-Nam ta là một thứ "xã hội thối nát." Bị thằng Tây "thối mồm" mạ lỵ thậm tệ dân ta như vậy, dân ta tức lắm, bèn rủ nhau đi đánh Tây. Tây thua chạy về Tây. Dân ta dành được ***Độc Lập***. Thế là dân ta được ***Tự Do*** tiếp tục truyền thống đút lót vợ chồng

Táo Quân, và vợ chồng Táo Quân tiếp tục vui vầy trong ***Hạnh Phúc*** và viết những báo cáo láo dâng lên cho Ngọc Hoàng.

HENRI *(nhớ lại lúc bị khám xét tỉ mỉ ở phi trường Mỹ chỉ vì hắn có tướng mạo Ả Rập):* Cũng may Táo Quân chỉ là thần giữ bếp ở Việt Nam. Nếu nước Mỹ thuê gia đình nhà Táo làm nhân viên an ninh bảo vệ phi trường thì còn gì là phi trường.

PHẤT TRẦN HỌC SĨ *(là người "đạo đức cùng mình" nên rất thích mang phất trần ra quất vào mông nhân loại):* Dân ta thấy Ngọc Hoàng "hiền như Bụt," không thưởng ai, mà cũng chẳng thèm phạt ai. Do đó, mọi người đều thất vọng vì ai cũng nghĩ rằng chết đi thì phải có thưởng hoặc có phạt thì mới sướng. Nếu không có thưởng-phạt phân minh thì chết làm gì cho uổng cái công chết. Vì vậy, con người đành phải sáng chế ngay ra một "ông ***Trời*** " khác, và ban cho "ông ***Trời*** " này quyền thưởng "người tốt" và phạt "người xấu." Từ đó toàn thể nhân loại phải sống trong cảnh lo sợ triền miên, không biết kiếp sau hay đời sau mình sẽ đi về đâu.

KAY HƯƠNG *(vênh mặt tự hào):* Nhiều người không biết mình là "người xấu" hay là "người tốt" nên mới lâm vào cảnh lo âu như vậy. Còn em, thì lại khác hẳn. Em biết chắc em là người "tốt" và sẽ được "***Trời*** " thưởng sau khi "bái-bai" cõi đời này. Không bao giờ em nghĩ rằng em là người "xấu" và sẽ bị "***Trời*** " phạt.

THẤT DANH KIÊU TỬ *(thở dài ra vẻ tội nghiệp cho người đời ngu tối):* Con người khi chết thì ai cũng tưởng mình là người "tốt." Rơi trong cơn mê sảng như vậy chỉ vì đám bạn bè lộng ngôn mà thôi.

KAY HƯƠNG *(vội vàng cãi):* Bạn bè em thật thà như đếm, có ai có tính khoác lác đâu?

THẤT DANH KIÊU TỬ *(tự cho mình là người "bất cần đời," và khinh rẻ chúng sinh ra mặt):* Thì để tôi nói cho cô em nghe. Này nhé, mỗi khi có một thằng "nằm xuống" thì ngay liền đó có một thằng "đứng lên" khen ngợi thằng "nằm xuống," làm cho thằng "nằm xuống" cứ tưởng thật, rồi nghĩ rằng mình là người tốt và sẽ được "***Trời*** " dẫn đi "ngao du vùng tiên cảnh." Có biết đâu là thằng "nằm xuống" đã được thằng "đứng lên" cho đi "tầu bay giấy" bay sang bên kia thế giới. Lúc chưa "nằm xuống" thì có đứa nào khen đứa nào đâu? Thực ra, thằng "đứng lên" khen thằng "nằm xuống" không phải vì quý hóa thằng "nằm xuống," nhưng vẫn phải khen vì hy vọng sau này khi đến lượt mình "nằm xuống" thì lại có thằng khác "đứng lên" khen ngợi mình. Đó là định luật "luân phiên nâng bi" trong xã hội loài người. Ta đừng nên nhầm lẫn định luật "luân phiên nâng bi" với định luật "luân hồi" mà có ngày sẽ bị mang tiếng là u mê nghiệp chướng.

KAY HƯƠNG *(lắc đầu quầy quậy):* Em chẳng muốn *"ngao du vùng tiên cảnh"* đâu. Nếu chẳng may em lọt vào vùng tiên cảnh, em sẽ thành một cô tiên, rồi ngày ngày phải hầu rượu cho Ngọc Hoàng thì đâu có gì là sướng. Ở hạ giới, em "chạy bàn" còn được tiền "típ," chứ "chạy bàn" cho Ngọc Hoàng chẳng được xu nào, rồi sớm muộn cũng bị đầy xuống hạ giới để lại tiếp tục "chạy bàn" cho nhân loại. Thế thì việc gì em phải cố ngoi lên ***Trời*** cho cực cái thân? Cũng vì vậy, em chẳng thờ ai cả, ngoài ông Thần Tài mà thôi. Em coi vị thần này là "ông ***Trời*** yêu dấu" của em.

BA HOA *(có người con bị bệnh thất nghiệp kinh niên, nên vội vàng hỏi):* Chị lễ bái ông Thần Tài ở đâu? Ổng có linh thiêng không? Tôi muốn đến cầu nguyện cho thằng con tôi.

KAY HƯƠNG *(gặp được một đồng đạo, vui vẻ trả lời):* Ở dưới phố Tầu có cái đền Thần Tài, nghe nói thiêng lắm. Tuần nào em cũng đến lễ bái và cầu khẩn. Nhờ Thần Tài phù hộ, nên tiền ùn ùn vào ... đền như nước chảy.

THẤT DANH KIÊU TỬ *(mỉm cười chua thát):* Nếu ai cũng cầu "***Trời*** " để có tiền và nếu "***Trời*** " chiều lòng tất cả mọi người ở trên thế gian này thì đồng tiền sẽ trở thành "tiền cụ Hồ," đếm mỏi tay không hết. Vậy, cầu "***Trời*** " để làm gì? Hơn nữa, nếu "***Trời*** " phải chiều lòng tất cả mọi người thì "***Trời*** " sẽ điên cái đầu. Người cầu nắng, kẻ cầu mưa, "***Trời*** " biết chiều ai đây? Thực ra, kẻ nào muốn "***Trời*** " làm theo ý mình tức là có ý định "cướp quyền ***Trời*** "; kẻ nào cúng lễ "***Trời*** " để được "***Trời*** " ban cho những điều may mắn trong công danh và sự nghiệp tức là có ý định "đút lót ***Trời*** ." "Cướp quyền ***Trời*** " hoặc "đút lót ***Trời*** " là những hành động khinh miệt "***Trời*** "!

THẤT DANH KIÊU TỬ *(vừa gặm miếng sườn chó, vừa lầu bầu kết luận):* Cũng may cho nhân loại, không ai cướp được quyền của "***Trời*** " cả. "***Trời*** " thương yêu nhân loại là ở chỗ đó! Quyền của "***Trời*** " mà rơi vào bàn tay lông lá của con người, thì ô hô! máu chảy thành sông, xương chất thành núi! *(Nói xong, hắn giận dữ quảng miếng xương chó xuống gầm bàn).*

Khổng-Có-Chi,
profnchi@hotmail.com

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Biết vọng không theo
Không bợt hai bên

Đối cảnh vô tâm
Hằng sống với lẽ thật

Là phương pháp tu do Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt sáng lập để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối Thế Kỷ 20, đầu Thế Kỷ 21.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang.

Xin liên lạc **Tâm An:** *(714) 891-6742*

9455 Bolsa # E, Westminster, CA 92683

hay **www.TrucLamThienVien.com**

Web Site: ThienTongVietNam.HuongSen.com

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim